

**HỎI ĐÁP LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH THÁI NGUYÊN
(1936 - 2016)**

LỜI GIỚI THIỆU

Thái Nguyên là một tỉnh giàu truyền thống lịch sử và cách mạng, cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa giữa vùng trung du miền núi phía Bắc với đồng bằng Bắc Bộ. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Thái Nguyên có 4 huyện (Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai) nằm trong vùng “Thủ đô Kháng chiến”, trong đó, Định Hóa là trung tâm. Từ năm 1956 đến năm 1975, Thái Nguyên là thủ phủ của Khu Tự trị Việt Bắc. Nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên có truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất và kiên cường, bất khuất, anh dũng trong đấu tranh chống ngoại xâm, cường quyền áp bức.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên phát huy truyền thống yêu nước, không ngừng phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, lập nhiều chiến công oanh liệt, được Đảng và Nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu cao quý.

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18-01-2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về “Tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng” và Đề án số 04-ĐA/TU, ngày 10-10-2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về “Tăng cường công tác nghiên cứu, biên soạn; tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống cách mạng, lịch sử đảng bộ địa phương cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020”, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên tổ chức biên

soạn, xuất bản, phát hành cuốn sách “Hỏi - đáp lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (1936 - 2016)”. Cuốn sách đưa ra những câu hỏi kèm nội dung trả lời một cách khái quát nhất về lịch sử truyền thống của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên trong quá trình dựng nước, giữ nước và lịch sử Đảng bộ tỉnh từ khi tổ chức Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh được thành lập tại La Bằng (Đại Từ) năm 1936 đến năm 2016. Từ đó, giúp bạn đọc hiểu thêm về vùng đất Thái Nguyên; tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, khơi dậy niềm tự hào về quê hương Thái Nguyên; cổ vũ động viên cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh tích cực lao động sản xuất, công tác và học tập để xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Quá trình nghiên cứu, biên soạn, mặc dù có nhiều cố gắng, song sẽ không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên mong nhận được những ý kiến góp ý của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh cùng bạn đọc cả nước để cuốn sách “Hỏi - đáp lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (1936 - 2016)” được hoàn chỉnh hơn trong lần tái bản sau.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

BAN BIÊN SOẠN

HỎI - ĐÁP LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1936 - 2016)

Câu 1: Sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 và những ảnh hưởng của sự kiện đó đối với phong trào cách mạng ở Thái Nguyên?

Từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX, do kết quả sự phát triển mạnh mẽ của các phong trào yêu nước và ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới, ở Việt Nam xuất hiện 3 tổ chức Cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Ba tổ chức đều tích cực đi sâu vận động công nhân và nông dân, nhưng lại hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng, thậm chí còn công kích nhau, gây tác động không tốt cho sự phát triển của phong trào cách mạng trong cả nước.

Trước tình hình đó, để thống nhất sự lãnh đạo phong trào cách mạng trong toàn quốc, đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất 3 tổ chức Cộng sản trong nước tại Hương Cảng, Trung Quốc từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930. Hội nghị nhất trí tán thành hợp nhất các tổ chức Cộng sản thành một Đảng, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10-1930, đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương).

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một sự kiện trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Đây là lần đầu tiên, một chính đảng cách mạng nhất, tiến bộ nhất, có khả năng đương đầu với mọi kẻ thù, lãnh đạo phong

trào giải phóng dân tộc Việt Nam được thành lập và bước lên vũ đài chính trị.

Trong thời kỳ này, tình hình ở Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn nên sự ra đời và hoạt động của Đảng chưa có tác động tức thời. Mặt khác, đội ngũ công nhân, nông cốt của phong trào cộng sản tại Thái Nguyên thời gian này bị xáo trộn nhiều do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới; nhiều hầm mỏ bị đóng cửa, hàng nghìn công nhân bị mất việc. Hai yếu tố trên đã làm chậm lại bước phát triển của phong trào công nhân và phong trào cộng sản ở Thái Nguyên vào đầu những năm 30 của thế kỷ XX.

Câu 2: Phong trào cách mạng Thái Nguyên những năm đầu sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930 - 1935)?

Ngay sau khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo quần chúng cách mạng cả nước bước vào cuộc đấu tranh mạnh mẽ chống ách áp bức tàn bạo của kẻ thù, mà đỉnh cao là phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh 1930 - 1931, làm chấn động cả nền móng của chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam; lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc vượt qua giai đoạn khủng bố ác liệt của kẻ thù (1932 - 1933) và ngày càng mở rộng ảnh hưởng của mình trong toàn quốc. Tất cả các sự kiện trọng đại nói trên có tác động sâu sắc và cổ vũ mạnh mẽ nhân dân.

Tại Thái Nguyên, thực dân Pháp tăng cường bộ máy đàn áp, khống chế nhân dân. Mật thám Pháp giăng khắp

nơi và hoạt động ráo riết, nhất là ở các khu mỏ, đồn điền. Điều đó khiến cho việc tuyên truyền giác ngộ quần chúng trong thời gian cuối năm 1929 đầu những năm 1930 gặp nhiều khó khăn, trở ngại.

Những năm 1932 - 1933, một số cơ sở đảng thuộc các tỉnh giáp ranh với Thái Nguyên mở rộng hoạt động sang các khu vực phía nam Thái Nguyên. Nhiều truyền đơn tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản đã được rải ở bến đò Hà Châu (Phú Bình). Năm 1932, hai đồng chí Vũ Hưng, Nguyễn Đình Chiêm, đảng viên ở Hà Nam chạy lên Định Hoá để tránh sự truy lùng của giặc Pháp; đồng thời, gây dựng một số cơ sở cách mạng tại đây. Cùng với đồng chí Vũ Hưng và Nguyễn Đình Chiêm, một số đảng viên của các cơ sở đảng ở các tỉnh khác đến Thái Nguyên hoạt động, nhưng do bị địch truy lùng, ngăn chặn ráo riết nên hoạt động gặp nhiều trở ngại, chưa bắt liên lạc được với Xứ ủy và Trung ương.

Năm 1934, Ban Lãnh đạo của Đảng ở ngoài nước (làm nhiệm vụ như một Ban Chấp hành Trung ương) được thành lập ở Trung Quốc bắt liên lạc và củng cố các cơ sở đảng ở trong nước; đồng thời, chỉ đạo Chi bộ Long Châu mở rộng phạm vi hoạt động để phát triển phong trào cách mạng trong các dân tộc thiểu số (Chi bộ Long Châu còn được gọi là Đặc ủy Cao - Lạng - Thái). Nhờ những hoạt động của Ban Lãnh đạo Đảng ở ngoài nước, nhiều cán bộ

được đào tạo, cơ sở đảng được hồi phục và phát triển, các đầu mối lãnh đạo của Đảng được thống nhất.

Ngày 27-3-1935, Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ nhất được khai mạc tại Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội đề ra Nghị quyết: khôi phục các tổ chức Đảng đã bị địch phá; nối lại liên lạc với đảng viên bị địch khủng bố, đưa họ trở lại hoạt động; ra sức xây dựng các cơ sở cách mạng và phát triển Đảng vào các xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, các trung tâm kinh tế, văn hoá, các trục giao thông trọng yếu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ nhất, chi bộ Đảng ở Long Châu (Trung Quốc) quyết định đưa cán bộ, đảng viên về nước hoạt động¹. Tỉnh Thái Nguyên là một trong những nơi có nhiều hầm mỏ, đồn điền, tập trung công nhân, nên được chi bộ hải ngoại của Đảng ở Long Châu chú ý gây dựng cơ sở, phát triển phong trào cách mạng.

Câu 3: Quá trình vận động thành lập các tổ chức Đảng Cộng sản đầu tiên ở Thái Nguyên diễn ra như thế nào?

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương (3-1935) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất (7-1936) Ban Chấp hành Trung ương

¹ Chi bộ Long Châu được hình thành từ những năm 1930 - 1931, đến năm 1932 đồng chí Lê Hồng Phong đến Long Châu hoạt động, kết nạp một số đồng chí vào Đảng và công nhận Chi bộ Long Châu do đồng chí Hoàng Đình Giông làm Bí thư.

Đảng (khóa I), Chi bộ hải ngoại của Đảng ở Long Châu (Trung Quốc) quyết định đưa cán bộ, đảng viên về nước hoạt động. Trong số đó, đồng chí Đặng Tùng được cử về Thái Nguyên - nơi có nhiều hầm mỏ, đồn điền, để gây dựng cơ sở cách mạng, cơ sở Đảng.

Nhận nhiệm vụ được phân công, sẵn có mối quan hệ quen biết từ trước, đồng chí Đặng Tùng bí mật tìm đường về xã La Bằng, huyện Đại Từ, đến nhà ông Đường Nhất Quý. Được sự giúp đỡ của anh em họ Đường, Đặng Tùng tích cực tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, gây dựng cơ sở cách mạng.

Trên cơ sở đó, cuối năm 1936, một số quần chúng tích cực (Đường Nhất Quý, Đường Văn Ngân, Nông Văn Ái, Hoàng Văn Nghiệp) được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Đây chính là tổ chức Đảng Cộng sản đầu tiên trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Đầu năm 1937, Đường Nhất Quý đưa Đặng Tùng sang Phú Thượng (Võ Nai). Vốn là người có trình độ văn hoá, có năng lực và kinh nghiệm vận động quần chúng, Đặng Tùng nhanh chóng chiếm được tình cảm của một số thanh niên ở Võ Nai, tích cực tuyên truyền đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ của Đảng cho họ. Chỉ sau một thời gian ngắn, 3 thanh niên xã Phú Thượng (Chu Văn Tấn, Nông Văn Cần và Lục Văn Đủ) được Đặng Tùng tuyên bố kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Một cơ sở Đảng Cộng sản thứ hai được thành lập ở tỉnh Thái Nguyên.

Câu 4: Cuộc đấu tranh của nhân dân Võ Nhai, Định Hóa chống bắt phu, làm đường năm 1938?

Đầu năm 1938, thực dân Pháp bắt nhân dân hai huyện Võ Nhai và Định Hóa phải bỏ công việc sản xuất đi làm đường Thái Nguyên - Lạng Sơn và mở con đường từ Chợ Chu (Định Hóa) sang Thành Cốc (Tuyên Quang). Dựa vào thế lực thực dân, bọn chủ thầu thực hiện chế độ cưỡng bức lao động và ăn chặn tiền công, khiến dân phu hết sức bất bình. Các đồng chí đảng viên và quần chúng trung kiên ở hai huyện vận động dân phu đồng loạt ký tên vào đơn phản đối bọn chủ thầu đánh đập dân phu, chống bắt phu ngày mùa và trừng trị bọn ăn chặn tiền công của dân phu,... Trong khi cử đại biểu mang đơn về Tòa sứ (Hà Nội), hàng trăm dân phu mang theo cuốc, xẻng, kéo về châu lỵ La Hiên gây áp lực. Trước quy mô và khí thế của cuộc đấu tranh, chính quyền thực dân phải nhượng bộ, kế hoạch làm đường phải hoãn lại, viên Tri châu Đèo Văn Long phải chuyển đi nơi khác.

Tại công trường Chợ Chu - Thành Cốc, dân phu tổ chức đưa yêu sách đòi tăng tiền công và cho mượn dụng cụ lao động. Cuộc đấu tranh bắt đầu từ đoàn dân phu Bộc Nhiêu rồi lan ra khắp công trường. Bị đàn áp, dân phu đồng loạt đứng lên đánh lại bọn cai, ký, chủ thầu, rồi bỏ việc kéo về dinh Tri châu đòi giải quyết yêu sách và bồi thường cho những dân phu bị đánh đập. Viên Tri châu phải chấp nhận giải quyết toàn bộ yêu sách do dân phu đưa ra.

Thắng lợi cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc Võ Nhai, Định Hoá trên công trường làm đường do tổ chức Đảng địa phương lãnh đạo có ý nghĩa to lớn. Một mặt làm thất bại kế hoạch làm đường quân sự của địch. Mặt khác, qua đấu tranh, cán bộ, đảng viên và quần chúng được rèn luyện về nhiều mặt, ý thức đoàn kết đấu tranh giữa các dân tộc được tăng cường. Thắng lợi này còn có sức cổ vũ, động viên nhân dân trong tỉnh, thúc đẩy họ vùng dậy đấu tranh.

Câu 5: Tóm tắt sự ra đời các tổ chức quần chúng trên địa bàn tỉnh trong phong trào đấu tranh đòi dân sinh - dân chủ (1936 - 1939)?

Hòa cùng với những cuộc đấu tranh sôi nổi, tranh thủ điều kiện thuận lợi của phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trong cả nước, các đảng viên trong tỉnh đẩy mạnh cuộc vận động quần chúng vào các tổ chức Hội Tương tế, Hội Ái hữu nhằm tập hợp nhân dân, xây dựng lực lượng cách mạng, phát triển nhiều nhóm mua và đọc sách báo công khai của Đảng, như báo Tin tức, Đòi nay... Nhờ đó, đường lối chủ trương của Đảng nhanh chóng phổ cập sâu rộng trong quần chúng. Hội Truyền bá Quốc ngữ hoạt động rộng rãi ở thị xã Thái Nguyên và nhiều huyện trong tỉnh, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân. Hoạt động tích cực của Hội Truyền bá Quốc ngữ làm phong phú thêm tính đa dạng của cuộc vận động dân chủ, nêu cao truyền thống hiếu học của nhân dân ta. Các tổ chức cơ sở đảng trong tỉnh phát động quần chúng

hưởng ứng phong trào Đông Dương đại hội, vận động lấy chữ ký đòi ân xá tù chính trị, ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp, ủng hộ nhân dân Tây Ban Nha đấu tranh chống phát xít, v.v...

Cuộc vận động dân chủ do tổ chức Đảng lãnh đạo giành được những thắng lợi bước đầu. Nhà cầm quyền Pháp buộc phải thực hiện một số cải cách trên lĩnh vực kinh tế - xã hội. Các chủ đồn điền, chủ mỏ Làng Cẩm, Phấn Mễ giảm bớt đánh đập công nhân, công bố giờ làm việc không quá 10 giờ/ngày; chức sắc các làng bớt hống hách, ức hiếp nhân dân, có nơi chúng làm ngơ không hối thúc nộp sưu, thuế gặt gao như trước, có nơi chúng mời người đứng đầu Hội Tương tế đứng ra hòa giải các vụ tranh chấp của bà con trong xóm làng, như ở Tràng Xá, Phú Thượng thuộc huyện Võ Nhai.

Câu 6: Đoàn Thanh niên Dân chủ của tỉnh được thành lập trong hoàn cảnh nào?

Mùa hè năm 1938, đồng chí Lê Xuân Thụ - cán bộ Xứ ủy Bắc Kỳ, được giao nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở, mở rộng phong trào cách mạng ở tỉnh Thái Nguyên; đánh thông con đường liên lạc của Đảng từ Hà Nội, qua Thái Nguyên, Lạng Sơn, ra nước ngoài.

Nhận thấy Võ Nhai là nơi có nhiều cơ sở quần chúng tốt, nhiều thanh niên trung kiên, tích cực hoạt động, đồng chí đã cùng với cơ sở Đảng Phú Thượng và Tràng Xá xúc tiến việc thành lập Đoàn Thanh niên Dân chủ ở

địa phương. Một số thanh niên hăng hái, nhanh nhẹn, tích cực, có tư tưởng tiến bộ, trong đó có Nông Văn Cún (Thái Long), được lựa chọn kết nạp vào tổ chức Đoàn Thanh niên Dân chủ. Đây là tổ chức Đoàn Thanh niên đầu tiên được thành lập ở tỉnh Thái Nguyên.

Đoàn Thanh niên Dân chủ ra đời ở Võ Nhai đánh dấu bước phát triển vượt bậc, mở ra thời kỳ mới trong phong trào thanh niên và công tác Đoàn của Thái Nguyên.

Câu 7: Bối cảnh và thời gian nổ ra cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn? Đóng góp của nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn?

Tháng 6-1940, nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng. Lợi dụng tình hình này, ngày 22-9-1940, quân Nhật từ Quảng Tây (Trung Quốc) vượt qua biên giới Việt - Trung, bao vây và tấn công quân Pháp ở Lạng Sơn. Một số lớn quân Pháp đầu hàng, số còn lại bỏ chạy về hướng Thái Nguyên theo đường Điềm He - Bình Gia - Bắc Sơn. Nhân dân hai bên đường đổ ra chặn đánh và tước vũ khí của tàn quân Pháp. Các tù nhân phá nhà tù chạy ra ngoài, trong số đó có 3 đảng viên cộng sản là Hoàng Đình Ruệ, Đường Văn Thức ở huyện Bắc Sơn và Nông Văn Cún (Thái Long) ở huyện Võ Nhai.

Nhận thấy thời cơ thuận lợi, 3 đồng chí họp bàn với Chi bộ Bắc Sơn phát động quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Ngay sau cuộc họp, đồng chí Nông Văn Cún về Võ Nhai vận động nhân dân ủng hộ Bắc Sơn.

Khoảng 20 giờ ngày 27-9-1940, hơn 600 quân khởi nghĩa, là người các dân tộc Tày, Dao, Nùng, Kinh tấn công đồn Mỏ Nhài (châu lỵ Bắc Sơn). Sau khi chiếm châu lỵ, Ban Chỉ huy khởi nghĩa tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch.

Hoảng sợ trước lực lượng cách mạng, Nhật và Pháp cấu kết với nhau tìm cách đối phó. Nhật trả tù binh và cho Pháp đem quân trở lại đóng các đồn bốt ở Lạng Sơn. Thực dân Pháp tập trung quân từ Bình Gia (Lạng Sơn) xuống, từ Võ Nhai (Thái Nguyên) lên đàn áp khốc liệt cuộc khởi nghĩa. Chúng ra sức bắt bớ, tàn sát nhân dân, đốt phá làng bản, chia rẽ đồng bào các dân tộc, cô lập quân khởi nghĩa,...

Vốn có mối quan hệ thân thuộc, gắn bó từ lâu đời, nhân dân Võ Nhai đã nhanh chóng quyên góp lương thực, thực phẩm, đồng thời cử 10 thanh niên trung kiên trong đội tự vệ của huyện lên cùng quân dân Bắc Sơn chiến đấu chống lại sự đàn áp, khủng bố của kẻ thù. Nhân dân các dân tộc huyện Phổ Yên thu nhặt sắt thép, lập lò rèn, bí mật sản xuất được 42 thanh kiếm và mã tấu gửi lên chi viện cho quân khởi nghĩa Bắc Sơn.

Khởi nghĩa Bắc Sơn diễn ra trong vòng một tháng thì bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu, nhưng có ý nghĩa lịch sử quan trọng. Khởi nghĩa Bắc Sơn mở đầu phong trào giải phóng của các dân tộc Đông Dương trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai, sau khi có nghị quyết

chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng. Tiếng súng cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng trong cả nước nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng.

Câu 8: Thành tích của Đội Du kích Bắc Sơn (sau đó phát triển thành Cứu quốc quân) trong việc bảo vệ, dẫn đường cho Đoàn cán bộ Trung ương Đảng, Xứ ủy Bắc Kỳ và Trung Kỳ dự Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (tháng 5-1941)?

Thực hiện chỉ thị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Hoàng Văn Thụ về nước cùng Trung ương khẩn trương chuẩn bị nội dung Hội nghị Trung ương lần thứ 8. Trung ương giao cho các đồng chí lãnh đạo khu căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai có nhiệm vụ bảo vệ và dẫn đường đưa đoàn cán bộ đi dự Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Pác Bó (Cao Bằng), từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941.

Nhận nhiệm vụ Trung ương giao, tổ chức Đảng Võ Nhai đã cử 1 đồng chí đảng viên hăng hái và có kinh nghiệm đi rừng dẫn đường, cùng một tổ Cứu quốc quân do đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy, bảo vệ đoàn cán bộ đi dự Hội nghị Trung ương lần thứ 8.

Sau 8 ngày lữ hành, vượt qua nhiều đồn bốt giặc trên chặng đường Bắc Sơn - Bình Gia - Thất Khê (Lạng Sơn), qua biên giới Việt - Trung đi Long Châu, qua Tĩnh Tây, Cốc Mã (Quảng Tây, Trung Quốc), đoàn cán bộ đã

vào địa phận huyện Hà Quảng (Cao Bằng), đến nơi họp an toàn. Đây là chiến công lớn đầu tiên của Cứu quốc quân, có sự góp sức của tổ chức Đảng Võ Nhai.

Sau khi kết thúc Hội nghị Trung ương 8, tháng 6-1941, các đại biểu theo đường cũ về xuôi, nhưng do nhiều nguyên nhân nên không giữ được bí mật. Vì vậy, ngay sau khi các đồng chí Trung ương về đến Lạng Sơn (16-6-1941), ngày 17-6, thực dân Pháp tập trung 4.000 quân từ Thái Nguyên lên bao vây căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, hòng lùng bắt các đồng chí Trung ương, phá tan căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai.

Nhờ mưu trí và dũng cảm, các cán bộ, đảng viên Võ Nhai được cử lên Bắc Sơn đón đồng chí Tổng Bí thư và 2 đồng chí Thường vụ Trung ương về Núi Lều xã Tràng Xá (Võ Nhai) an toàn vào cuối tháng 6-1941. Quân Pháp phát hiện đã bao vây, khùng bố Võ Nhai. Dù vậy, Cứu Quốc quân đã chiến đấu rất anh dũng, bảo vệ mở đường bí mật đưa các đồng chí Trung ương về xuôi an toàn vào hạ tuần tháng 8-1941.

Câu 9: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 ra đời ảnh hưởng như thế nào đến phong trào cách mạng của tỉnh Thái Nguyên?

Trước khi về xuôi, ngày 25-8-1941, tại Ván Bàng, xã Tràng Xá (Võ Nhai), đồng chí Hoàng Quốc Việt đã truyền đạt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Chương trình, Điều lệ Mặt trận Việt Minh cho cán bộ,

đảng viên, chiến sĩ Cứu quốc quân và tự vệ các xã lân cận. Cuối năm 1941, tại Tiên Thù (nay thuộc xã Tiên Phong) thị xã Phổ Yên, Ban Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ mở lớp học Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 cho cán bộ địa phương.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, cán bộ, đảng viên trong tỉnh tích cực tuyên truyền, vận động quần chúng. Các tổ chức Cứu quốc được xây dựng và phát triển ngày càng rộng khắp, tập hợp nhiều tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh tham gia. Từ năm 1943, nhiều nơi đã thành lập Ban Chấp hành Việt Minh tổng, Việt Minh làng, xã. Cùng với các tổ chức Cứu quốc, các đội tự vệ cũng được thành lập ở hầu khắp các địa phương trong tỉnh. Phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy thời cơ khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 là ánh sáng soi đường cho cách mạng cả nước nói chung và Thái Nguyên nói riêng phát triển, tiến tới giành chính quyền thắng lợi vào tháng 8 - 1945.

Câu 10: Tóm tắt 8 tháng (8-1941 đến 3-1942) hoạt động du kích của Cứu quốc quân ở Võ Nhai? Ý nghĩa của sự kiện này?

Sau Hội nghị Trung ương 8 (1941), Cứu quốc quân có nhiệm vụ đưa các đồng chí dự Trung ương Hội nghị về xuôi. Thực dân Pháp đã mở cuộc càn quét lớn nhằm tiêu

diệt Cứu quốc quân và trấn áp phong trào cách mạng ở Bắc Sơn - Võ Nhai. Trong tình thế bất lợi, một bộ phận rút về Võ Nhai, còn lại toàn đội rút lên biên giới Việt Trung.

Tháng 8-1941, địch chuyển cuộc càn quét xuống vùng Võ Nhai, Cứu quốc quân tập trung củng cố, xây dựng lại lực lượng. Ngày 15-9-1941, Trung đội Cứu quốc quân II được thành lập để duy trì tiếng súng đấu tranh mà Đảng giao phó. Cứu quốc quân II ra đời và đẩy mạnh hoạt động cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân.

Trước sự ra đời của Cứu quốc quân II, thực dân Pháp điên cuồng càn quét dồn dân vào các trại tập trung nhằm tuyệt đường nương tựa của Cứu quốc quân. Tuy vậy, bất chấp sự kìm kẹp, kiểm soát gắt gao của địch, nhân dân vẫn tìm cách giúp đỡ. Đối với bọn tay sai, phản động, Cứu quốc quân đã giáo dục, thuyết phục. Đối với một số tên đầu sỏ, ngoan cố thì cảnh cáo, trừng trị.

Cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân đã đẩy lùi, phá tan nhiều cuộc tiến công của địch ở Khuôn Kẹn, Khuôn Đã, Khuôn Xổm, Khuôn Ba. Đêm 31-12-1941, Cứu quốc quân tấn công quấy rối địch ở Tràng Xá, làm chúng mất ăn, mất ngủ...

Tháng 10-1941, Trung ương chỉ thị cho Cứu quốc quân giữ vững lực lượng vũ trang, cơ sở, mở rộng căn cứ ra ngoài vòng vây, đồng thời duy trì tiếng súng Bắc Sơn. Thực hiện chủ trương, Cứu quốc quân cử các tổ đi gây

dựng cơ sở, vượt vòng vây sang hướng Đại Từ, Định Hóa, Tuyên Quang, Bắc Giang, Lạng Sơn. Bộ phận Cứu quốc quân ở lại trong khu căn cứ chia thành từng tổ, kiên trì giác ngộ quần chúng, gây dựng chấp nối cơ sở, mở rộng phong trào, làm công tác địch vận.

Tháng 2-1942, thực dân Pháp khủng bố dã man khu căn cứ Võ Nhai. Để bảo toàn lực lượng và tránh tổn thất cho dân, Cứu quốc quân quyết định rút ra ngoài vòng vây của địch. Mất mục tiêu khủng bố về quân sự, cuối tháng 3-1942, thực dân Pháp rút bớt lực lượng khỏi khu vực Bắc Sơn - Võ Nhai.

Trong suốt 8 tháng phát động chiến tranh du kích và phá tác chiến trong những điều kiện khó khăn, gian khổ nhưng Cứu quốc quân vẫn tồn tại và phát triển. Đây là minh chứng cho thấy: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta có thể lập được căn cứ địa ở miền núi, có thể đánh du kích tiêu hao địch và giữ gìn lực lượng ta. Đến tháng 3-1942, lực lượng đã phát triển lên 70 người. Cứu quốc quân đã tiêu hao được sinh lực địch, thể hiện tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất, tự lực cánh sinh của lực lượng vũ trang cách mạng. Hoạt động của Cứu quốc quân thể hiện sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sức mạnh của quân và dân, tinh thần cách mạng của đồng bào các dân tộc miền núi, để lại nhiều bài học quý cho cách mạng.

Câu 11: Sự ra đời của của Trung đội Cứu quốc quân II?

Sau khi được truyền đạt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, bộ phận ở lại khu căn cứ của Cứu quốc quân I phân tán thành những nhóm nhỏ đi xuống cơ sở tuyên truyền, vận động quần chúng chuẩn bị bước vào cuộc đấu tranh với kẻ thù. Nhờ đó, nhiều cơ sở cách mạng được xây dựng và củng cố; quần chúng nhân dân vẫn một lòng hướng về cách mạng.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, ngày 15-9-1941, tại rừng Khuôn Mánh, làng Ngọc Mỹ, xã Tràng Xá, Trung đội Cứu quốc quân II được thành lập, với 47 cán bộ, chiến sĩ (có 3 nữ), bao gồm những đồng chí đã từng tham gia chiến đấu trong Trung đội Cứu quốc quân I và những chiến sĩ mới là những đội viên tự vệ đã trải qua đấu tranh chống địch khủng bố ở cơ sở. Tổ chức Đảng Võ Nhai đã cử hầu hết cán bộ, đảng viên của mình vào Cứu quốc quân.

Tại buổi lễ thành lập, thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã công nhận và giao nhiệm vụ cho Cứu quốc quân. Các đồng chí Chu Văn Tấn được giao nhiệm vụ làm Chỉ huy trưởng, Trần Văn Phấn làm Chỉ huy phó và Nguyễn Cao Đàm làm Chính trị chỉ đạo viên. Trung đội được chia thành 5 tiểu đội do các đồng chí: Hứa Đình Khánh, Lê Dục Tôn, Trừ Văn Thòang, Hà Văn Lợi và Chu Quốc Hưng làm tiểu đội trưởng.

Trong điều kiện địch khủng bố ác liệt, trước hết Đảng yêu cầu Cứu quốc quân đẩy mạnh hoạt động du kích, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, giữ vững căn cứ, bảo vệ lực lượng, bảo vệ cơ sở cách mạng, đồng thời duy trì “tiếng súng Bắc Sơn” để cổ vũ phong trào cách mạng của cả nước và thiết thực góp phần ủng hộ công cuộc chống phát xít của nhân dân thế giới mà Liên Xô là trụ cột. Đối với Võ Nhai, Cứu quốc quân II ra đời và đẩy mạnh hoạt động đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc trong huyện. Ngược lại, càng làm cho kẻ địch hết hoảng và lúng lúng điên cuồng.

Câu 12: Mặt trận Việt Minh cấp tổng đầu tiên của tỉnh được thành lập trong hoàn cảnh như thế nào?

Từ giữa năm 1942, phong trào cách mạng ở Phú Bình có bước phát triển mạnh mẽ. Các tờ báo Cứu quốc, Cờ giải phóng... được lưu truyền rộng rãi trong các hội viên Cứu quốc. Nhân dân trong huyện liên tiếp tổ chức đấu tranh chống địch bắt phu, thu thuế. Tại các xã: Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn,... các tổ chức Cứu quốc ngày càng tập hợp thêm nhiều tầng lớp nhân dân, tham gia. Thanh niên hăng hái gia nhập các đội tự vệ Cứu quốc. Từ một đội tự vệ Cứu quốc đầu tiên được thành lập cuối năm 1941 ở Kha Sơn Hạ, đến đầu năm 1943, tất cả các xã trên đều có đội tự vệ Cứu quốc; số đội viên tự vệ chiến đấu tăng lên hơn 50 người.

Tại các xã phía Nam và Đông Nam huyện Phú Bình, phong trào cách mạng phát triển rất nhanh chóng. Các tổ chức Cứu quốc vùng này lên đến vài trăm người. Các xã Hà Châu, Xuân Phương... mỗi xã có trên 20 hội viên Cứu quốc. Đặc biệt, ở Kha Sơn Hạ, hầu như nhà nào cũng có người tham gia đoàn thể Cứu quốc.

Trước sự phát triển rộng lớn của phong trào, để từng bước tiến tới thống nhất lực lượng cách mạng trong toàn huyện, đầu năm 1943, đồng chí Lương Văn Đài - Cán bộ Xứ ủy Bắc Kỳ trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng huyện Phú Bình, đã triệu tập Hội nghị Cán bộ các xã phía Nam huyện (họp tại chùa Mai Sơn). Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh tổng Phương Sơn, bao gồm các xã từ Phương Độ đến Kha Sơn Hạ. Đây là tổng đầu tiên của tỉnh thành lập Mặt trận Việt Minh.

Câu 13: An toàn khu II (ATK II) Trung ương ra đời như thế nào và gồm những địa bàn nào? Vai trò của ATK II Trung ương đối với phong trào cách mạng?

Dưới sự lãnh đạo của Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang, từ nửa cuối năm 1942 đến đầu năm 1943, phong trào cách mạng ở các xã phía Nam huyện Phú Bình, phía Đông huyện Phổ Yên và phía Tây huyện Hiệp Hòa (tỉnh Bắc Giang) có bước phát triển mạnh, Trung ương Đảng đã quyết định lựa chọn vùng tiếp giáp của ba huyện: Hiệp Hòa (Bắc Giang), Phú Bình, Phổ Yên (Thái Nguyên) để xây dựng khu vực an toàn, gọi tắt là ATK II. Điều kiện cần

thiết để thành lập ATK là: trong vùng đó có cơ sở cách mạng vững chắc, có tổ chức vũ trang mạnh, có những điều kiện thuận tiện cho giao thông liên lạc (bí mật), cho công tác bảo vệ và Phổ Yên, Phú Bình đã có đủ những điều kiện như vậy.

Việc xây dựng ATK nhằm tạo nên một chỗ đứng chân tương đối ổn định cho tổ chức cách mạng. Từ đây, các cơ quan của Trung ương Đảng, Xứ ủy Bắc Kỳ có được thông tin thông suốt, nhanh chóng với Căn cứ địa Việt Bắc. Trước hết là với 2 trung tâm Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai, sau là với ATK I và với phong trào cách mạng trong cả nước.

ATK II là nơi đón, đưa cán bộ từ các tỉnh miền xuôi lên Căn cứ địa Việt Bắc và ngược lại, bố trí nơi ăn, nghỉ và bảo vệ các đồng chí phụ trách phong trào các địa phương về báo cáo với Trung ương và Xứ ủy, đón tiếp các đồng chí bị đế quốc giam giữ trong các nhà lao trốn thoát về với Đảng, với dân...; nơi Trung ương, Xứ ủy mở nhiều lớp huấn luyện chính trị, quân sự cho cán bộ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.

Ban Cán sự ATK do đồng chí Ngô Thế Sơn, Ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ làm Trưởng ban (khi đồng chí Ngô Thế Sơn được Trung ương điều động đi nhận công tác khác, đồng chí Nguyễn Trọng Tĩnh thay). Trưởng ban Cán sự được giao phụ trách cả phong trào huyện Phú Bình. Tổ chức

Đảng Phú Bình, Phổ Yên đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Cán sự ATK II.

Từ ngày được chọn làm nơi xây dựng ATK II, hai huyện Phú Bình và Phổ Yên đã nỗ lực giữ gìn an toàn cho cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng cho đến ngày Cách mạng Tháng Tám thành công.

Câu 14: Trước khi Đảng bộ tỉnh ra đời (9-1945), phong trào cách mạng ở Thái Nguyên đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cơ quan nào?

Tại cuộc họp cán bộ ở Khuổi Kịch (Sơn Dương, Tuyên Quang), đã quyết định chia Chiến khu Hoàng Hoa Thám thành hai phân khu, lấy sông Cầu làm ranh giới, để việc chỉ đạo được kịp thời và sâu sát. Phân khu A, gọi là phân khu Quang Trung, gồm Đồng Hỷ, Võ Nhai (Thái Nguyên), Bắc Sơn, Bình Gia, Tràng Định, Thoát Lãng (Lạng Sơn) Bắc Yên Thế và Hữu Lũng (Bắc Giang), là địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân II. Phân khu B, gọi là phân khu Nguyễn Huệ, gồm Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương, thành phố Thái Nguyên (ngày nay), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá (Tuyên Quang) và Nam Chợ Đồn (Bắc Kạn) là địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân III. Đồng chí Chu Văn Tấn là Ủy viên Ủy ban Quân - Chính Bắc Kỳ được Trung ương chỉ định làm Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa Thám, trực tiếp phụ trách Phân khu B. Lãnh đạo phân khu A gồm các đồng chí Hà Châm, Chu Quốc Hưng và Trần Thị Vũ.

Như vậy, đến tháng 2-1944, tỉnh Thái Nguyên trừ hai huyện Phú Bình và Phổ Yên là ATK II của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Cán sự ATK II, còn lại phân khu A và phân khu B thuộc chiến khu Hoàng Hoa Thám do Trung ương trực tiếp chỉ đạo.

Câu 15: Tóm tắt hoạt động của Chi bộ Căng Bá Vân?

Đầu năm 1941 thực dân Pháp chọn Bá Vân (xã Bình Sơn thuộc thành phố Sông Công ngày nay) lập một trại giam để giam giữ những người chống đối, trong đó có những đảng viên cộng sản và tù thường phạm.

Tháng 6-1942, Chi bộ “Căng” được thành lập, gồm 10 đảng viên, do đồng chí Hoàng Văn Trình làm Bí thư. Chi bộ đề ra nguyên tắc: Chỉ đưa vào chi bộ những đảng viên trung kiên; chỉ cho sinh hoạt chi bộ những đảng viên đã qua thử thách, mỗi đảng viên chỉ được biết đến người thứ ba trong chi bộ... Ngay sau khi thành lập, Chi bộ “Căng” đề ra hai nhiệm vụ cấp bách, một là tìm mọi cách bắt liên lạc với Xứ ủy; hai là, lập một ban trật tự chung. Tháng 8-1942, Chi bộ Căng Bá Vân bắt được liên lạc với Xứ ủy Bắc Kỳ và được chỉ thị: Biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng để đào tạo cán bộ; vận động và xây dựng cơ sở cách mạng xung quanh Bá Vân, đưa phong trào ở đây phát triển lên. Đến cuối năm 1942, Chi bộ đã phát triển lên khoảng 30 đảng viên.

Tranh thủ điều kiện thuận lợi, Chi bộ nhà tù đấu tranh để anh em được hưởng chế độ tự quản, được mua và đọc

báo Đông - Pháp, đấu tranh từng bước tiến tới lập ban tự quản chung của “Căng” do người của cộng sản đảm nhiệm. Đây cũng là cơ hội thuận lợi để chi bộ “Căng” đưa đảng viên ra ngoài “Căng” gây dựng, phát triển phong trào cách mạng như chỉ thị của Xứ ủy.

Sự hoạt động của Chi bộ “Căng” đã tạo ra phong trào phát triển vững chắc, sâu rộng tạo điều kiện thuận lợi để Xứ ủy mở rộng giao thông bí mật từ ATK II và các tỉnh lân cận lên căn cứ Núi Hồng (Thái Nguyên, Tuyên Quang), Bắc Sơn (Lạng Sơn) - Võ Nhai (Thái Nguyên), Cao Bằng.

Như vậy, đến năm 1942 Thái Nguyên có thêm một vùng rộng lớn (bao gồm các xã ở vùng phía Tây của thành phố Thái Nguyên và phía Bắc của thành phố Sông Công ngày nay) có phong trào cách mạng phát triển đặt dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ do Chi bộ “Căng” gây dựng.

Câu 16: Sự kiện vượt ngục của các đồng chí đảng viên trong Căng Bá Vân ngày 22-8-1944?

Cuối tháng 6, đầu tháng 7-1944, thực hiện chỉ thị của Xứ ủy Bắc Kỳ, Chi bộ Căng Bá Vân tích cực chuẩn bị công tác tư tưởng và nhân sự để khi có thời cơ thì tổ chức cho một số đồng chí vượt ngục.

Ban Cán sự ATK II đã nhận được chỉ thị phối hợp chặt chẽ với các cán bộ Xứ ủy đang hoạt động ở vùng lân cận và cơ sở cách mạng các xã tiếp giáp Căng Bá Vân để sẵn sàng đón, bảo vệ và đưa các đồng chí vượt ngục về nơi an

toàn; đồng thời chuẩn bị mọi việc cần thiết để đối phó với sự khủng bố của kẻ thù.

Chi bộ Căng Bá Vân quyết định chọn 12 đồng chí sẽ vượt “Căng” vào khoảng giữa tháng 8-1944. Mọi công việc chuẩn bị cho các đồng chí vượt “Căng” được tiến hành khẩn trương và chu đáo, chỉ chờ chỉ thị của Xứ ủy và thời cơ thuận lợi. Giữa lúc đó, địch bắt giam 4 trong số 12 đồng chí dự kiến vượt “Căng”. Trước tình hình trên, Chi bộ vẫn quyết định giữ nguyên kế hoạch vượt “Căng”. Sáng ngày 22-8-1944, lợi dụng ngày phiên chợ, dưới sự bảo vệ đưa đường của các đội viên Liên đội Tự vệ Bá Vân, Bá Xuyên, 8 đồng chí đảng viên của Chi bộ Căng Bá Vân trà trộn với những người đi chợ tìm đến điểm hẹn tại Phố Cò. Chặng đường từ Phố Cò về ATK II do tự vệ Kha Sơn đảm nhiệm. 8 đảng viên, gồm các đồng chí: Trần Kiên, Hà Kế Tấn, Khoát Hồ, Phạm Bá Thoan, Hoàng Đức Viên (tức Hoàng Bắc Dũng), Nguyễn Danh Đích, Nông Văn Đô, Bùi Văn Hách đã vượt ngục thành công. Chiều tối ngày 22-8, viên giám thị “Căng” mới biết tin tù trốn. Lập tức y báo động toàn Căng, cho binh lính truy lùng, đồng thời mở một đợt khủng bố tù còn lại trong “Căng” và nhân dân vùng lân cận.

Ngay sau khi vượt khỏi “Căng” Bá Vân, 8 đồng chí được đưa về xã Kha Sơn (Phú Bình) thuộc ATK II an toàn.

Câu 17: Tóm tắt hoạt động của Chi bộ Nhà tù Chợ Chu?

Năm 1943, thực dân Pháp chuyển một số tù chính trị, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương hầu hết đã hết hạn tù từ nhà tù Sơn La, Hòa Bình, Hà Nội, Thái Nguyên về giam giữ ở nhà tù Chợ Chu (Định Hóa – Thái Nguyên). Tiếp tục phát huy kinh nghiệm hoạt động ở nhà tù Sơn La và các nhà tù khác, những đảng viên cộng sản ở nhà tù Chợ Chu lập một chi bộ Đảng để lãnh đạo các hoạt động của tù nhân. Chi ủy gồm các đồng chí: Song Hào (Bí thư), Tô Quang Đẩu, Trần Danh Tuyên, Lê Hiến Mai, Tạ Xuân Thu, Ngô Nhị Quý (Chi ủy viên). Để giúp cho sự lãnh đạo của Chi bộ và tạo điều kiện cho sự hoạt động trong nhà tù được thuận lợi, Chi ủy lập ra Ủy ban Nhà tù (một tổ chức tự quản) gồm các tiểu ban: Trật tự, Kinh tế, Văn hoá, Giáo dục, Cứu tế và tổ chức quần chúng cách mạng như Hội Lao tù Cứu quốc.

Trong nội dung sinh hoạt ở nhà tù, Chi bộ tổ chức lãnh đạo anh em học văn hoá, ngoại ngữ, nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, học tập chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng, bồi dưỡng cho nhau về phương pháp hoạt động bí mật, về xây dựng lực lượng cách mạng và khởi nghĩa giành chính quyền; cùng nhau trao đổi, bàn bạc rút ra những bài học kinh nghiệm thành công, chưa thành công của Xô Viết Nghệ Tĩnh, của các cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Bắc Sơn và các cuộc cách mạng nước ngoài như Công

xã Pari... Ngoài ra, còn làm công tác binh vận tổ chức luyện tập và học kỹ thuật quân sự cho anh em thông qua việc khai thác bọn lính đi canh tù, vận động giác ngộ quần chúng ở địa phương xung quanh nhà tù.

Cùng với những hoạt động đó, Ủy ban Nhà tù còn tổ chức cho anh em tù lao động làm vườn rau, tiểu thủ công nghệ, đan lát, may vá, để cải thiện đời sống vật chất. Thông qua tổ chức cứu tế trong đó có y tế góp phần chăm sóc giữ gìn sức khoẻ cho anh em ở trong tù. Bên cạnh việc tổ chức chăm lo đời sống vật chất, Ủy ban Nhà tù còn chú ý cải thiện về tinh thần như tổ chức sinh hoạt văn nghệ, ca kịch, làm báo tường, báo liếp và ra tờ báo bí mật “Thông Ngàn”, tổ chức ăn Tết... Đêm đến còn tổ chức diễn kịch, khán giả ngoài số anh em tù ra còn có đồn trưởng người Pháp, cai đội, lính, công chức, giáo viên và cả nhân dân trong vùng đến xem rất đông. Binh lính và nhân dân khâm phục “Tù cộng sản”, nhiều người có cảm tình với cách mạng, với Việt Minh.

Câu 18: Sự kiện vượt ngục của các đồng chí đảng viên trong nhà tù Chợ Chu tháng 10-1944?

Thông qua cơ sở và quần chúng cách mạng, cuối năm 1943, Chi bộ Nhà tù Chợ Chu đã bắt được liên lạc với Xứ ủy Bắc Kỳ.

Để đáp ứng yêu cầu cán bộ lãnh đạo phong trào cách mạng đang ngày càng mở rộng, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ, ngày 11-10-1944,

một tổ Cứu quốc quân hoạt động tại Định Hóa đã tổ chức cho 12 chiến sĩ cách mạng vượt khỏi nhà tù Chợ Chu. Theo kế hoạch đã định, 8 giờ sáng ngày 11-10, 12 đồng chí được Ban Tự quản của ta trong tù bố trí vào khu rừng thuộc xã Phúc Trinh lấy củi. Đến cửa rừng, các đồng chí nhanh chóng giấu xe bò, đến tập kết tại điểm hẹn Khuôn Lĩnh. Tại đây, cán bộ Cứu quốc quân và cơ sở của ta nhanh chóng đón, đưa thoát về hướng tây nam. Trải qua gần 10 ngày lượn rừng, leo núi, vượt suối, tránh sự truy đuổi của kẻ thù, các đồng chí đã về đến Khuổi Kịch (Sơn Dương - Tuyên Quang) an toàn, kịp thời đáp ứng yêu cầu chỉ đạo phong trào cách mạng trong vùng đang dâng cao.

Câu 19: Cuộc đấu tranh của nhân dân và Cứu Quốc quân Võ Nhai tháng 11-1944?

Liên tiếp 2 cuộc vượt ngục của các đảng viên ở Căng Bá Vân (tháng 8-1944) và Nhà tù Chợ Chu (tháng 10-1944), cùng những hoạt động mạnh mẽ của phong trào cách mạng trên địa bàn tỉnh làm cho thực dân Pháp đi đến nhận định: “Một cuộc nổi loạn ở Thái Nguyên bùng nổ”. Từ đó, chúng liên tiếp tổ chức các cuộc vây ráp khắp nơi trong tỉnh. Chiến dịch vây ráp của địch từ Phổ Yên, Phú Bình lên Đồng Hỷ và cuối cùng tập trung quyết liệt ở Võ Nhai.

Đứng trước các cuộc càn quét lan tràn của địch, các đồng chí lãnh đạo Phân Khu A, Chiến khu Hoàng Hoa Thám liên tiếp tổ chức nhiều cuộc họp tìm cách chống

địch khủng bố. Sau 20 ngày vũ trang chống địch khủng bố, phá cầu, đánh đồn, chặn viện, diệt mật thám và tay sai,... Cứu quốc quân đã giành nhiều thắng lợi. Hướng về Võ Nhai, Trung ương Đảng kêu gọi đồng bào toàn quốc “Hãy họp mít tinh, hoan hô tinh thần du kích. Hãy quyên tiền, gạo, lương khô, thuốc thang, quần áo cho chiến sĩ Thái Nguyên. Hãy tìm hết cách phản đối giặc Pháp đàn áp và giam giữ đồng bào Võ Nhai vô tội... Hãy kịp sắm vũ khí, học kinh nghiệm của du kích Thái Nguyên chờ lệnh nổi lên, diễn lại những trận đánh tài tình của du kích Thái Nguyên anh dũng”.

Tuy nhiên, từ đầu tháng 12-1944, địch tăng cường thêm quân lính, liên tiếp mở các cuộc tấn công, càn quét vào khu căn cứ. Các xã La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng, Liên Minh, Tràng Xá,... ngày đêm chìm trong tình trạng khủng bố dã man. Đời sống nhân dân vô cùng khổ cực, đói rét, bệnh tật tràn lan. Đường dây liên lạc với các nơi bị cắt đứt, Cứu quốc quân phải chiến đấu đơn độc trong vòng vây của địch. Tình thế vô cùng khó khăn.

Nhận được báo cáo của Ban Chỉ huy Chiến khu Hoàng Hoa Thám, đồng chí Tổng Bí thư của Đảng đã cử phái viên theo đường dây liên lạc đặc biệt lên Võ Nhai chỉ đạo rút lui cuộc đấu tranh vũ trang, chuyển sang đấu tranh chính trị chống địch khủng bố bằng những hình thức thông thường, đưa dân về làng cũ làm ăn, ổn định cuộc sống.

Tiếng súng đánh địch ở Võ Nhai có sức cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước và cách mạng không chỉ ở Võ Nhai mà lan rộng ra cả vùng Việt Bắc, cả nước; làm cho kẻ địch hoang mang lo sợ. Cuộc chiến đấu đã đào luyện cho cách mạng một đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh vững vàng; đóng góp nhiều bài học kinh nghiệm, bổ ích vào kho tàng lý luận cách mạng của Đảng ta.

Câu 20: Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra đời trong hoàn cảnh nào và đã tác động như thế nào đối với phong trào cách mạng ở Thái Nguyên?

Sang năm 1945, cục diện chiến tranh thế giới có những thay đổi quan trọng. Ở Việt Nam, mâu thuẫn giữa Nhật - Pháp gay gắt đến cực độ. Ngày 9-3-1945, Phát xít Nhật tiến hành đảo chính lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương.

Ngay trong đêm Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị mở rộng tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) để nhận định tình hình và đề ra chủ trương mới. Hội nghị đã phân tích nguyên nhân cuộc đảo chính, xác định rõ kẻ thù lúc này là Phát xít Nhật. Các hình thức tuyên truyền cổ động, đấu tranh đều phải chuyển hướng để gấp rút chuẩn bị võ trang khởi nghĩa. Khẩu hiệu chính, trước mắt là phá kho thóc của Nhật, Pháp để giải quyết nạn đói cho nhân dân... phát

động cao trào kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

Toàn bộ những quyết định sáng suốt được ghi rõ trong bản Chỉ thị lịch sử “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ngày 12-3-1945, của Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Chỉ thị đã trở thành kim chỉ nam cho mọi hành động của cán bộ và nhân dân cả nước nói chung, của Thái Nguyên nói riêng để tiến hành khởi nghĩa giành thắng lợi từ từng phần lên tổng khởi nghĩa.

Câu 21: Xã đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên giành được chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám (1945)?

Ngày 13-3-1945, đồng chí Lê Thanh Nghị, Xứ ủy Bắc Kỳ dự Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương (mở rộng) về và truyền đạt cho chi bộ Kha Sơn tinh thần Chỉ thị “Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Sau khi tiếp thu tinh thần Chỉ thị, ngay buổi chiều, Chi bộ Kha Sơn họp và quyết định: Diệt bọn Việt gian đầu sỏ, có tội ác để đẩy mạnh khí thế cách mạng của quần chúng, thu bằng, triện của chánh tổng, lý trưởng, lập chính quyền cách mạng, thu súng của tráng dõng trang bị cho tự vệ; mở rộng hoạt động của Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc ra ngoài phạm vi xã, thành lập thêm nhiều tiểu đội tự vệ, hậu thuẫn cho quần chúng phá kho thóc của Nhật đem chia cho dân để cứu đói; phân công cán bộ, đảng

viên đến các làng Kha Sơn Thượng, Mai Sơn, Bằng Cầu thống nhất hành động.

Đêm 13-3, Chi bộ họp lần cuối cùng đánh giá tình hình mọi mặt đề ra các giải pháp cụ thể xử lý tình hình trước khi hành động.

8 giờ sáng ngày 14-3-1945, từ Kha Sơn Hạ, mệnh lệnh khởi nghĩa được ban bố. Không khí cách mạng tràn ngập xóm làng. Tự vệ chiến đấu Kha Sơn Hạ truy lùng bọn tay sai đắc lực của giặc, trấn áp bọn phản động, làm nòng cốt, chỗ dựa cho quần chúng nổi dậy. Đến 12 giờ, lực lượng cách mạng đã hoàn toàn làm chủ, ngay sau đó một cuộc mít tinh quần chúng được tổ chức tại đình Kha Sơn Thượng, có gần một ngàn người tham gia. Tại cuộc mít tinh, đại diện Mặt trận Việt Minh xã tuyên bố xoá bỏ chính quyền tay sai, thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng xã. Đây là xã đầu tiên trong tỉnh giành được chính quyền và thành lập chính quyền cách mạng trong cao trào cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Câu 22: Huyện (châu) đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên giành được chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám (1945)?

Sau khi hất cẳng Pháp, phát xít Nhật giữ nguyên bộ máy tay sai cũ của Pháp để giúp chúng bóc lột và thống trị nhân dân ta. Một mặt chúng thực hành chính sách lừa gạt, một mặt tìm cách phá hoại, tiêu diệt phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Nhận được chỉ thị của Trung ương, lãnh đạo phân khu A đưa đơn vị Cứu quốc quân từ Đồng Vương (Yên Thế, Bắc Giang) hành quân cấp tốc trở lại Võ Nai. Với khí thế chiến thắng, ngày 13-3-1945, đơn vị về đến Đình Cả phối hợp ngay với tự vệ cơ sở đánh tan một tiểu đội địch, phá kho thóc và kho muối ở đây chia cho nhân dân. Tối 15-3 ta lại phá kho thóc ở đồn điền Boocdie (xã Phú Thượng) chia cho dân.

Trong khi hậu quả cuộc khủng bố tàn khốc của Pháp cuối năm 1944, lại thêm bị nạn đói đe dọa thì khẩu hiệu phá kho thóc, kho gạo đem chia cho nhân dân có ý nghĩa chính trị rất lớn, có sức cổ vũ, tập hợp đông đảo quần chúng tham gia khởi nghĩa giành chính quyền

Tối 17-3-1945, Cứu quốc quân chia làm hai bộ phận, một bộ phận cùng tự vệ bao vây đồn Đình Cả (lúc này trong đồn địch có một đại đội lính khố xanh), một bộ phận có lực lượng tự vệ và quần chúng hỗ trợ tiến đánh châu lỵ La Hiên. Tại đây quân địch có khoảng gần 100 tay súng gồm lính khố xanh, lính cơ và tráng đồng ở các tổng, xã trong châu và một số tên mật thám.

Đêm 20-3, lực lượng vũ trang cách mạng và quần chúng ào ào xông vào châu lỵ. Trước thế áp đảo, binh lính trong châu không dám chống cự, ta giải phóng hoàn toàn châu lỵ. Sáng 21-3, viên Tri châu đem toàn bộ vũ khí, sổ sách nộp cho quân cách mạng; ngay sau đó một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại châu lỵ nghe đại diện

cách mạng tuyên bố xoá bỏ bộ máy chính quyền địch, thành lập Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời châu. Đây là chính quyền cách mạng huyện (châu) được thành lập đầu tiên ở tỉnh Thái Nguyên.

Câu 23: Thời gian, địa điểm diễn ra Lễ hợp nhất các đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu Quốc quân và các tổ chức vũ trang cách mạng cả nước thành Việt Nam Giải phóng quân?

Ngày 15-5-1945, tại cánh đồng Nà Nhậu (trước cửa đình Làng Quặng, tổng Định Biên Thượng) châu Định Hóa đã diễn ra Lễ thống nhất các lực lượng vũ trang (thoát li) trong cả nước thành Việt Nam Giải phóng quân. Tham dự buổi Lễ có đại diện chính quyền, đoàn thể và nhân dân địa phương, các đơn vị Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, các đội Cứu quốc quân. Thay mặt Tổng bộ Việt Minh và Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã long trọng tuyên bố thống nhất các đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu quốc quân và các tổ chức vũ trang cách mạng trong cả nước thành Việt Nam Giải phóng quân. Lúc mới thành lập, Việt Nam Giải phóng quân có 13 đại đội chủ lực (thống nhất từ các đại đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, các trung đội Cứu quốc quân) và các đội vũ trang cách mạng tập trung ở các tỉnh, huyện. Bộ Chỉ huy đầu tiên của Việt Nam Giải phóng quân gồm các đồng chí:

Võ Nguyên Giáp (Chỉ huy trưởng), Chu Văn Tấn (Chính trị viên), Trần Đăng Ninh (Chỉ huy phó).

Câu 24: Khu Giải phóng được thành lập vào thời gian nào? Gồm những địa phương nào?

Sau khi được nghe đồng chí Võ Nguyên Giáp báo cáo tình hình chung và kết quả Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, Hồ Chí Minh có chỉ thị nhanh chóng lập một khu căn cứ cách mạng rộng lớn lấy tên là Khu Giải phóng.

Trên tinh thần đó, ngày 4-6-1945, Tổng bộ Việt Minh đã triệu tập Hội nghị cán bộ Việt Minh¹ tuyên bố chính thức thành lập Khu Giải phóng gồm 6 tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang do Ủy ban chỉ huy lâm thời "*phụ trách lãnh đạo toàn khu về các phương diện chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội*". Mười chính sách lớn của Việt Minh được đem thực hiện ngay trong Khu Giải phóng, nhằm xây dựng Khu Giải phóng vững mạnh về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá xã hội.

Việc thành lập và xây dựng Khu Giải phóng cũng như quá trình thực hiện Mười chính sách lớn của Việt Minh tại đây đã làm cho Khu Giải phóng chẳng những là căn cứ địa kháng Nhật mà còn là hình ảnh phôi thai của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời sau này.

¹ Lịch sử Việt Nam (Tập 9), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr 677.

Câu 25: Ảnh hưởng của Khu Giải phóng đến phong trào cách mạng tỉnh Thái Nguyên?

Dưới sự lãnh đạo của Khu Giải phóng, các tổ chức Đảng, Mặt trận Việt Minh các cấp ở tỉnh ta đã động viên nhân dân ra sức xây dựng Khu Giải phóng. Nhiều công tác lớn được tiến hành như bầu cử chính quyền cách mạng, phát động phong trào tăng gia sản xuất; thanh toán nạn mù chữ, xây dựng đời sống mới, thực hiện quyền bình đẳng nam nữ, bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc. Một số nơi có phong trào mạnh như Định Hoá, Võ Nhai, Đại Từ, Phú Bình... đã tiến hành chia lại đất công, vận động các chủ đất giảm tô, giảm tức, hoãn nợ cho nhân dân....

Những chính sách của Khu Giải phóng có giá trị to lớn cổ vũ mạnh mẽ quân và dân ta trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, góp phần tạo ra tiền đề cho cuộc nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

Câu 26: Khái quát quá trình khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 ở tỉnh Thái Nguyên?

Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, được sự hỗ trợ của các lực lượng vũ trang, các địa phương trong tỉnh lần lượt nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi: Ngày 21-3, La Hiên (châu lỵ Võ Nhai) được giải phóng, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời châu Võ Nhai ra đời; ngày 31-3, tại thị trấn Hùng Sơn (huyện Đại Từ), ta tổ chức cuộc mít tinh lớn, tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, thành lập chính quyền cách

mạng; ngày 18-4, tại bản Lác (xã An Lạc, nay là xã Kim Phụng), Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời châu Định Hóa được thành lập... Cho đến tháng 7-1945, phần lớn các huyện trong tỉnh đã giành được chính quyền.

Chiều 16-8, một đơn vị Quân Giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về Thái Nguyên. Chiều 19-8, toàn đơn vị đã có mặt tại làng Thịnh Đán (nay là phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên). Buổi tối cùng ngày, Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng đã triệu tập một cuộc họp chung với cán bộ lãnh đạo tỉnh để thống nhất lực lượng và thống nhất kế hoạch giải phóng thị xã Thái Nguyên.

Sáng 20-8, Quân Giải phóng tấn công quân Nhật tại thị xã Thái Nguyên. Buổi chiều cùng ngày, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại sân vận động thị xã. Đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc tuyên bố xóa bỏ chính quyền của phát xít Nhật và tay sai, thành lập Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên, do đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch. Sự kiện này đánh dấu thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tỉnh Thái Nguyên.

Bị quân và dân thị xã siết chặt vòng vây và tiến công chủ yếu bằng hỏa lực, quân Nhật không có lương ăn và thiếu nước uống nghiêm trọng. Ta vừa tiến công, vừa làm công tác binh vận.

Ngày 25-8-1945, Tổng khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi trong cả nước. Phái viên của Bộ Tư lệnh Nhật cùng phái

viên Bộ Tham mưu của ta ở Hà Nội lên Thái Nguyên để giải quyết, quân Nhật chịu chấp nhận các điều kiện, để vũ khí lại cho Quân Giải phóng, còn binh lính thì được ta phụ trách đưa về Hà Nội. Tỉnh Thái Nguyên đã hoàn toàn được giải phóng.

Câu 27: Ý nghĩa của thắng lợi cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám (1945) ở Thái Nguyên?

Cách mạng Tháng Tám ở Thái Nguyên là một bộ phận của cuộc Tổng khởi nghĩa do Đảng, Bác Hồ lãnh đạo. Thắng lợi này đã góp phần vào thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa trong cả nước, đồng thời làm phong phú thêm hình thái vận động trong Cách mạng Tháng Tám ở nước ta.

Mở ra thời kỳ mới trong lịch sử phát triển phong trào cách mạng tỉnh Thái Nguyên. Từ đây, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên bước vào thời kỳ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân được rèn luyện, trưởng thành, tạo điều kiện cho việc thành lập Đảng bộ tỉnh.

Câu 28: Tình hình và nhiệm vụ của tỉnh Thái Nguyên sau ngày Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công?

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Cách mạng lâm thời trịnh trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* chính thức

khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên cùng cả nước vừa mới được hưởng quyền tự do và độc lập thì lại phải bắt tay vào chống giặc ngoài, thù trong và nhiều khó khăn trở ngại cùng lúc.

Dưới danh nghĩa đại diện lực lượng Đồng minh vào làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, các thế lực đế quốc và phản động đã dồn dập kéo vào Việt Nam. Sau khi tràn qua một số tỉnh biên giới phía Bắc, khoảng 5.000 quân của Chính phủ Trung Hoa dân quốc (thường gọi tắt là quân Tưởng) trong Quân đoàn 93 thuộc Phương diện quân thứ nhất kéo vào địa phận tỉnh Thái Nguyên. Chúng chiếm đóng nhiều vị trí quan trọng trong thị xã Thái Nguyên và dọc đường số 3 từ thị xã đến cầu Đa Phúc. Nhân lúc tình hình có nhiều khó khăn, phức tạp, các thế lực phản cách mạng nổi dậy chống phá.

Bên cạnh sự hoạt động chống phá của kẻ thù, lúc này, tỉnh Thái Nguyên cũng đứng trước nhiều khó khăn lớn về kinh tế, văn hoá: Ruộng đất hầu hết nằm trong tay giai cấp địa chủ; lụt lớn xảy ra trong tháng 8-1945 và sau đó là hạn hán kéo dài; thương nghiệp ngừng trệ, hàng hóa trên thị trường khan hiếm; tài chính cạn kiệt; nạn đói đầu năm 1945 chưa được khắc phục thì nguy cơ một nạn đói mới lại xuất hiện; hơn 90% dân số trong tỉnh không biết chữ; các tệ nạn xã hội cùng với các phong tục, hủ tục tập quán lạc hậu tồn tại rất phổ biến...

Trong khi đó, chính quyền cách mạng mới được thành lập, chưa có nhiều kinh nghiệm quản lý xã hội. Lực lượng vũ trang cách mạng còn nhỏ bé, trang bị vũ khí rất thô sơ và thiếu thốn. Trước bối cảnh đó, công tác xây dựng đảng trở thành nhiệm vụ bức thiết hàng đầu.

Trong thời kỳ vận động giải phóng dân tộc (1939 - 1945), việc phát triển Đảng chưa mạnh. Sau ngày giành được chính quyền, tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh mới có 40 đồng chí. Mặt khác, do yêu cầu công tác, một số cán bộ, đảng viên có kinh nghiệm lại được cấp trên điều động đi nơi khác. Do vậy số lượng đảng viên của Thái Nguyên đã mỏng, lại càng mỏng hơn. Trước bối cảnh đó, công tác xây dựng đảng trở thành một nhiệm vụ bức thiết hàng đầu.

Câu 29: Bối cảnh và ý nghĩa lịch sử sự ra đời Ban Chấp hành (lâm thời) Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (tháng 9-1945)?

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, đầu tháng 9-1945, trong toàn tỉnh Thái Nguyên, tổng số đảng viên có khoảng 40 đồng chí. Hai huyện Định Hóa và Phú Lương chưa xây dựng được tổ chức cơ sở đảng. Huyện Võ Nhai tuy có tổ chức cơ sở đảng sớm, nhưng các đảng viên chủ yếu hoạt động trong các đơn vị Cứu quốc quân. Tổ chức Đảng chưa thành hệ thống thống nhất, lại chịu sự lãnh đạo trực tiếp từ những đầu mối cấp trên là Xứ ủy Bắc Kỳ, Ban lãnh đạo An toàn khu II và

Ban lãnh đạo Chiến khu Hoàng Hoa Thám. Toàn tỉnh mới có hai huyện là Phú Bình và Đồng Hỷ thành lập được ban cán sự đảng lâm thời.

Để từng bước khắc phục tình trạng trên, giữa tháng 9-1945, Hội nghị cán bộ Đảng toàn tỉnh được tổ chức tại Trường Xô (xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương). Hội nghị công bố Nghị quyết của Xứ ủy Bắc Kỳ (do đồng chí Trần Quốc Hoàn - Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy ký) chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, gồm các đồng chí:

1- Ngô Nhị Quý: Ban thư Tỉnh ủy.

2- Lê Trung Đình: Ủy viên Ban Thường vụ – Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh.

3- Hoàng Bá Sơn: Ủy viên Ban Thường vụ – Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh.

4- Hoàng Thế Thiện: Ủy viên, phụ trách công tác tuyên truyền và thanh niên.

5- Đào An Thái: Ủy viên, phụ trách huyện Võ Nhai.

6- Vũ Thị Bảo Ngọc: Ủy viên, phụ trách công tác phụ nữ.

7- Vũ Hưng: Ủy viên, phụ trách huyện Định Hóa.

8- Nguyễn Bá Cương: Ủy viên, phụ trách Nông hội.

Hội nghị còn thảo luận và thông qua một số chủ trương, biện pháp đối phó với quân Tưởng, về đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, thành lập các tổ chức cơ sở của Đảng ở những nơi xét thấy đủ điều kiện, tăng cường đảng viên cho các ngành trọng yếu của tỉnh. Hội nghị

Trường Xô có ý nghĩa quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng bộ Thái Nguyên. Đây là mốc đánh dấu sự thống nhất lãnh đạo của Đảng bộ trên địa bàn toàn tỉnh.

Câu 30: Chủ trương, biện pháp lãnh đạo của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên trong việc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng?

Ngay sau khi thành lập, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh mở hội nghị và quyết định: KIỆN TOÀN CÁC CƠ QUAN GIÚP VIỆC TỈNH ỦY, RA SỨC XÂY DỰNG HUYỆN ỦY; ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN VÀ THÀNH LẬP CÁC CHI BỘ CƠ SỞ. Đảng bộ Thái Nguyên tập trung lãnh đạo các cấp bộ Đảng chuyển vào hoạt động bí mật.

Từ cuối năm 1945 đầu năm 1946, cuộc vận động xây dựng Đảng bắt đầu được đẩy mạnh. Đến tháng 6-1946, ban cán sự đảng ở các huyện đều chính thức chuyển thành huyện ủy.

Từ giữa tháng 9-1945, Tỉnh ủy lâm thời mở hội nghị và đề ra chủ trương, biện pháp cấp bách nhằm giữ gìn trật tự, trị an, bảo vệ chính quyền cách mạng, tập trung lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện những nhiệm vụ chính trị trước mắt.

Tỉnh ủy Thái Nguyên chủ trương tịch thu toàn bộ đồn điền của thực dân Pháp giao cho Ban Dân sinh kinh tế tỉnh và thành lập Ban Quản trị đồn điền để trực tiếp quản lý, tổ chức sản xuất. Hằng năm, những đồn điền này cung cấp một khối lượng thóc khá lớn cho quỹ cứu tế và dự

trữ lương thực. Công tác tuyên truyền, vận động tham gia hưởng ứng chủ trương xây dựng “Quỹ Độc lập”, “Tuần lễ vàng” do Đảng và Nhà nước kêu gọi được tiến hành sâu rộng trong đồng bào các dân tộc. Nhờ đó, dù đời sống còn gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên nhiệt liệt hưởng ứng chủ trương của Đảng và Chính phủ.

Song song với nhiệm vụ diệt “giặc đói”, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập trung lãnh đạo phong trào thanh toán mù chữ do Nhà nước phát động từ ngày 8-9-1945. Đảng bộ phân công một số cán bộ có năng lực chuyên trách chỉ đạo cuộc vận động to lớn này. Nhiều cán bộ được phái xuống các thôn xóm, tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ.

Cuộc vận động đời sống mới nhằm giáo dục tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc, yêu lao động, yêu chính nghĩa, căm ghét bóc lột và xây dựng đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư được tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Những kết quả bước đầu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội không những có tác dụng cải thiện một bước đời sống của nhân dân, mà còn làm tăng thêm lòng tin yêu của nhân dân đối với chế độ mới. Uy tín, ảnh hưởng của Đảng, của chính quyền dân chủ nhân dân ngày càng được nâng cao và mở rộng trong đồng bào các dân tộc. Khối đoàn kết toàn dân được củng cố ngày càng vững chắc. Đó là những nhân tố rất thuận lợi giúp

cho Đảng bộ tổ chức và lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi cuộc đấu tranh chống âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực phản cách mạng.

Quán triệt chủ trương, sách lược của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Thái Nguyên kịp thời đề ra chỉ thị đối phó với quân Tưởng. Nhiều cán bộ có năng lực được cử xuống cơ sở, chủ yếu là thị xã và những nơi có quân Tưởng qua lại, giải thích cho đồng bào ta hiểu rõ và thực hiện chủ trương tạm thời hoà hoãn với quân Tưởng; đồng thời phổ biến kế sách đối phó nhằm tránh xung đột vũ trang không có lợi cho ta.

Để đề phòng âm mưu nham hiểm của quân Tưởng, từ tháng 9-1945, cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh và các đoàn thể quần chúng đã tạm thời chuyển ra khỏi thị xã.

Lực lượng công an tỉnh phối hợp cùng lực lượng vũ trang và nhân dân đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên mặt trận chống phản cách mạng... Với sự lãnh đạo khéo léo và kiên quyết của Đảng bộ, quân và dân Thái Nguyên từng bước đập tan âm mưu thâm hiểm của quân Tưởng, ngăn chặn những hành động chống phá của bè lũ tay sai phản cách mạng, bảo vệ vững chắc chính quyền dân chủ nhân dân. Từ giữa tháng 12-1945, đơn vị cuối cùng của quân Tưởng đã phải rời khỏi địa phận Thái Nguyên, rút về Hà Nội.

Câu 31: Nhân dân Thái Nguyên tham gia bầu cử Quốc hội khóa I và Hội đồng nhân dân hai cấp vào thời gian nào? Đại biểu Quốc hội khóa I của tỉnh Thái Nguyên gồm những ai?

Ngày 23-12-1945, với niềm phấn khởi, tự hào vì được sống trong độc lập tự do, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên hăng hái đi bỏ phiếu, bầu những đại biểu xứng đáng vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tỉnh Thái Nguyên có 3 đại biểu (ông Lê Trung Đình - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh, ông Đặng Đức Thái - đại biểu trí thức, ông Nguyễn Trung Thành - đại biểu dân tộc thiểu số) do Mặt trận Việt Minh giới thiệu đã trúng cử vào Quốc hội khóa đầu tiên của nước ta.

Sau cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp bộ Đảng, trong tháng 2-1946, nhân dân trong tỉnh nô nức tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Hội đồng nhân dân đã đập tan âm mưu chia rẽ, phá hoại và lật đổ của các thế lực phản cách mạng; đồng thời có tác dụng nâng cao lòng yêu nước, phát huy ý thức làm chủ trong mọi tầng lớp nhân dân. Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân từ xã đến tỉnh từng bước được củng cố và kiện toàn.

Câu 32: Ban Chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân được thành lập vào thời gian nào? Vai trò đối với phong trào cách mạng của tỉnh Thái Nguyên?

Sau khi Bộ Quốc phòng ra Thông tư (19-2-1947) quy định tổ chức và nhiệm vụ của dân quân, tự vệ, du kích, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương trong tỉnh được triển khai nhanh chóng.

Theo Thông tư ngày 19-2-1947 của Bộ Quốc phòng, ngày 15-4-1947, Ban Chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân được thành lập. Tại buổi lễ ra mắt tổ chức ở sân vận động thị xã, các đồng chí Ngô Nhị Quý - Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Lê Trung Đình - Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh đã đến dự và giao nhiệm vụ cho Ban Chỉ huy Tỉnh đội, Tỉnh ủy phân công đồng chí Lê Văn Lương - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, làm Tỉnh đội trưởng. Cùng với việc thành lập và từng bước kiện toàn Ban Chỉ huy Tỉnh đội, các cơ quan giúp việc Ban Chỉ huy cũng hình thành và đi vào hoạt động. Ngoài các cơ quan chuyên môn còn có một trung đội bảo vệ cơ quan Tỉnh đội bộ. Các ban chỉ huy huyện đội, xã đội bộ dân quân cũng được tổ chức.

Với sự ra đời của Tỉnh đội bộ dân quân, Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thái Nguyên đã có một cơ quan tham mưu phụ trách về công tác quân sự địa phương, trước mắt là củng cố, phát triển lực lượng

vũ trang, xây dựng kế hoạch tác chiến, sẵn sàng đập tan mọi mưu mô và hành động quân sự của địch.

Câu 33: Công tác phát triển đảng viên của tỉnh Thái Nguyên từ tháng 1-1946 đến tháng 3-1948?

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, từ tháng 11-1945, Đảng bộ Thái Nguyên tập trung lãnh đạo các cấp bộ Đảng chuyển vào hoạt động bí mật. Nhưng từ cuối năm 1945 đầu năm 1946, cuộc vận động xây dựng Đảng bắt đầu được đẩy mạnh. Những cán bộ và quần chúng trung kiên đã từng tham gia hoạt động trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập đều lần lượt đứng vào đội ngũ của Đảng.

Công tác phát triển đảng viên của tỉnh Thái Nguyên từ tháng 1-1946 đến tháng 3-1948 có thể chia làm 3 thời kỳ:

Thời kỳ thứ nhất: Từ tháng 1-1946 đến tháng 9-1946 phát triển rất chậm và ít, không có kế hoạch tuyên truyền, tuyên truyền quá dè dặt, điều kiện kết nạp chặt chẽ (từ 40 đảng viên lên 158).

Thời kỳ thứ hai: Từ tháng 9-1946 đến tháng 6-1947 phát triển rất mạnh nhưng thiếu sự kiểm soát (từ 158 đảng viên lên 1.728).

Thời kỳ thứ ba: Từ tháng 7-1947 đến tháng 3-1948, sau một thời gian “đóng cửa” để củng cố, các chi bộ e dè không dám giới thiệu đồng chí mới, một thời gian vì chiến sự, do vậy sao lãng phát triển và vẫn dè dặt trong

việc tuyên truyền phát triển. Trong thời kỳ này phát triển từ 1.728 đảng viên lên 2.636.

Câu 34: Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Thái Nguyên vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến ở và làm việc từ thời gian nào?

Ngày 20-5-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến ở và làm việc tại đồi Khau Tý, thôn Diềm Mặc (nay là xã Diềm Mặc).

Thời gian đầu, các đồng chí phục vụ mới dựng được hai căn nhà để Bác, các đồng chí Vũ Kỳ, Hoàng Hữu Kháng và nữ đồng chí Thường (cấp dưỡng phục vụ Bác) ở, làm việc. Các đồng chí khác ở tạm trong nhà đồng chí Ma Đình Tương (Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện Định Hóa).

Nơi ở và làm việc của Bác là một căn nhà sàn lợp lá gồm hai gian được dựng trên đồi Khau Tý. Từ nơi Bác ở có con đường mòn đi sang huyện Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang), xuống huyện Đại Từ (tỉnh Thái Nguyên), lên huyện Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn), ra huyện Phú Lương (tỉnh Thái Nguyên) và nhiều đường tắt đi lại kín đáo, thuận tiện.

Câu 35: Cuộc gặp của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Pôn Muýt (Paul Mus) - đặc phái viên của Cao ủy Bôlae (Bollaert) diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?

Ngày 12-5-1947, Pôn Muýt được Hồ Chủ tịch tiếp tại một địa điểm trong thị xã Thái Nguyên. Cuộc gặp này nhằm trao đổi về điều kiện ngừng bắn của 2 phía Việt

Nam và Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “Chúng tôi muốn hòa bình, nhưng không phải là hòa bình với bất cứ giá nào! Mà phải là hòa bình trong độc lập, tự do”.

Do dã tâm xâm lược và những yêu sách ngang ngược của thực dân Pháp đòi phía Việt Nam phải đầu hàng, cuộc gặp đã không mang lại kết quả. Đây cũng là lần tiếp xúc cuối cùng giữa Bác và đại diện của phía bên kia trong kháng chiến chống Pháp.

Câu 36: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” ở đâu? Vào thời gian nào? Ý nghĩa của tác phẩm?

Tháng 10-1947, tại Định Hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm: *Sửa đổi lối làm việc* với bút danh XYZ.

Mục đích của tác phẩm là: nâng cao trình độ lý luận, tư tưởng và tình cảm cách mạng, phẩm chất đạo đức, tác phong công tác của người cán bộ cách mạng, năng lực lãnh đạo nhằm đáp ứng các yêu cầu mới của cách mạng. Trong tác phẩm, Chủ tịch Hồ Chí Minh phê phán “chủ nghĩa cá nhân” vì đó là một thứ “vi trùng rất độc” nó sinh ra các khuyết điểm nghiêm trọng như bệnh tham lam, lười biếng, kiêu ngạo, ham địa vị, thiếu kỷ luật, óc hẹp hòi, óc địa phương, óc lãnh tụ, bệnh “hữu danh vô thực”, kéo bè, kéo cánh, bệnh cạnh thị không biết nhìn xa, trông rộng... Đồng thời, Hồ Chí Minh vạch ra nguyên nhân và phương hướng khắc phục.

Sửa đổi lối làm việc là tác phẩm quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác xây dựng Đảng. Đây là một tác phẩm có tính lý luận, tính chiến đấu và tính thực tiễn sâu sắc. Tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* đã bao quát những vấn đề rộng lớn trong toàn bộ các mối quan hệ và các nguyên tắc, phương pháp, lề lối, cách thức làm việc của Đảng, Nhà nước và của cán bộ, đảng viên mà trung tâm là mối quan hệ giữa người với người. Người cán bộ, đảng viên được coi như là khâu trung tâm của các mối quan hệ ấy. Đảng viên, cán bộ là những chiếc cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Mọi việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. *Sửa đổi lối làm việc* là khắc phục khuyết điểm, phát huy ưu điểm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, sửa đổi cách lãnh đạo của Đảng để xây dựng mối quan hệ tốt hơn giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân theo nguyên tắc dân làm chủ.

Câu 37: Thái Nguyên thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến như thế nào?

Cuối năm 1946, Ban Phá hoại tỉnh được thành lập. Đến đầu năm 1947, ban phá hoại của các huyện, xã cũng lần lượt ra đời và đi vào hoạt động.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, công tác phá hoại sẽ được tiến hành ở những vùng trọng điểm, như thị xã Thái Nguyên, các đầu mối giao thông; mặt đường, cầu, cống trên Quốc lộ 3. Để thực hiện công tác này, Đảng bộ

đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động trong các tầng lớp nhân dân.

Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo, công tác phá hoại diễn ra trong khí thế sôi nổi, quyết tâm và với niềm tin tất thắng. Tại thị xã Thái Nguyên, những ngôi nhà cao tầng, trụ sở cơ quan... bị phá sập. Trước nguy cơ đe dọa vận mệnh đất nước, nghe theo tiếng gọi của Đảng, đồng bào thị xã sớm nhận thức được sự hy sinh cần phải có. Khẩu hiệu "Tản cư là yêu nước" trở thành mục tiêu hành động của mỗi người dân lúc này. Nhân dân thị xã lần lượt rời khỏi những nếp nhà xinh xắn để giao lại cho con em mình phá hoại. Phá đến đâu, vật cản và chiến lũy được dựng lên đến đấy.

Đến giữa năm 1947, công tác phá hoại căn bản hoàn thành. Thị xã Thái Nguyên và một số vùng xung quanh các huyện lỵ chỉ còn trơ lại những đồng gạch vụn. Trên mặt Đường số 3 từ cầu Đa Phúc đến thị xã Thái Nguyên, lực lượng dân quân các huyện Phổ Yên, Đông Hỷ, Phú Bình đã đào chi chít các hố chữ chi. Ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn, phong trào toàn dân làm vườn không nhà trống diễn ra rất sôi nổi.

Câu 38: Trình bày khái quát chủ trương chuẩn bị kháng chiến của Đảng bộ tỉnh?

Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã bùng nổ trước tiên tại Hà Nội và sau đó lan nhanh khắp cả nước. Trên địa phận Thái Nguyên, từ ngày

toàn quốc kháng chiến bùng nổ đến những ngày đầu tháng 10-1947, chiến sự vẫn chưa lan tới. Tranh thủ thời gian hòa bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất trong công tác chuẩn bị kháng chiến là tiếp tục củng cố và phát triển lực lượng vũ trang. Tỉnh ủy chủ trương động viên sức người, sức của của nhân dân để củng cố lực lượng vũ trang địa phương. Ngày 15-4-1947, Ban Chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân được thành lập. Cùng với việc thành lập và từng bước kiện toàn Ban Chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân, các cơ quan giúp việc Ban Chỉ huy cũng hình thành và đi vào hoạt động. Ngoài các cơ quan chuyên môn còn có một trung đội bảo vệ cơ quan Tỉnh đội bộ. Các ban chỉ huy huyện đội, xã đội bộ dân quân cũng được tổ chức.

Trong năm đầu toàn quốc kháng chiến, Thái Nguyên được coi là hậu phương an toàn, cho nên đồng bào các tỉnh miền xuôi tản cư lên ngày càng đông. Việc tiếp nhận đồng bào tản cư, chăm lo ổn định đời sống và việc làm cho đồng bào là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên.

Song song với việc tổ chức tản cư, di cư và tiếp cư, chấp hành chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành công tác phá hoại

nhằm “triệt để làm cho địch đói, khát, què, điếc, mù, câm, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản”.

Cuối năm 1946, Trung ương quyết định chọn một số địa điểm nằm sâu trong vùng Việt Bắc, trung tâm là các huyện Định Hoá (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Kạn), Sơn Dương, Yên Sơn (Tuyên Quang), làm nơi xây dựng An toàn khu (ATK) của Trung ương. Nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của một địa bàn chiến lược được Đảng và Chính phủ chọn làm căn cứ kháng chiến của cả nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đoàn kết một lòng, sẵn sàng hy sinh hết thảy vì sự nghiệp giải phóng đất nước. Việc xây dựng và bảo vệ ATK Trung ương là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Câu 39: Hội Liên Việt tỉnh Thái Nguyên thành lập vào thời gian nào? Ý nghĩa?

Nửa sau năm 1946, Hội Liên Việt tỉnh Thái Nguyên được thành lập. Tham gia Ban lãnh đạo Hội Liên Việt gồm đại biểu trí thức, tư sản dân tộc, tiểu thương, viên chức... Tuy nhiên, trong những năm đầu, tổ chức Hội phát triển chậm. Đến năm 1948, cơ sở của Hội cũng chỉ mới được xây dựng ở một số nơi, chủ yếu là ở thị xã Thái Nguyên và huyện Phú Bình.

Tại thị xã Thái Nguyên, Hội Liên Việt đã kết nạp được 300 hội viên, bao gồm các nhân sĩ, viên chức, tiểu

thương... Dù còn có một số hạn chế trong các hình thức hoạt động, Hội Liên Việt có ảnh hưởng lớn đến các tầng lớp nhân dân, cổ vũ mọi tầng lớp xã hội hăng hái đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Ở Phú Bình, sau khi thành lập (cuối năm 1946), Hội Liên Việt được đông đảo mọi người yêu nước tham gia, nhất là giáo viên tiểu học, hương sư, viên chức và các nhà phú hào. Hội còn gây được ảnh hưởng trong nhà thờ.

Đây là một hình thức rộng rãi của Mặt trận dân tộc thống nhất trong thời kỳ mới. Hội có mục đích đoàn kết tất cả các đảng phái yêu nước và đồng bào yêu nước không đảng phái, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, xu hướng chính trị, chung tộc để làm cho nước Việt Nam được độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường. Sự ra đời và hoạt động của Hội Liên Việt góp phần cùng với Mặt trận Việt Minh tăng thêm sức mạnh đoàn kết toàn dân. Đây là nhân tố cơ bản có tính quyết định cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ mới, trước mắt là chống “giặc đói” và “giặc dốt”.

Câu 40: Tại sao Thái Nguyên được Trung ương chọn là một trong những địa phương để xây dựng ATK thời kỳ kháng chiến chống Pháp?

Trong điều kiện so sánh lực lượng giữa ta và địch hết sức chênh lệch, muốn đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi, không thể “đem toàn lực dốc vào một vài trận hòng phân thắng bại” mà phải có thời gian để chuyển hóa lực

lượng, tức phải kháng chiến lâu dài. Điều kiện cơ bản đó là bảo tồn và phát triển lực lượng kháng chiến, đồng thời phải xây dựng được những khu căn cứ vững chắc, an toàn, không chỉ có địa hình thuận lợi mà phải có cơ sở và phong trào quần chúng vững mạnh. Vì vậy, An toàn khu (viết tắt là ATK) của Trung ương trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược được xây dựng trên địa bàn một số huyện của tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang và Bắc Kạn.

Không phải ngẫu nhiên mà Thái Nguyên được chọn là một trong những nơi xây dựng ATK, chính từ lịch sử quá trình xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập, vị trí chiến lược quan trọng của Thái Nguyên đã được khẳng định là phen giậu của quốc gia, che chắn cho hướng phía bắc của kinh thành Thăng Long. Thái Nguyên có vị trí tiếp nối giữa châu thổ sông Hồng với miền núi phía Bắc; vừa ở vào vị trí trung tâm căn cứ địa. Từ đây có thể dễ dàng cơ động khắp miền trung du, xuôi về Hà Nội, sang Tây Bắc hay xuống các miền duyên hải đông bắc Bắc Bộ.

Địa thế dễ dàng thuận tiện cho ta di chuyển tránh địch, song lại gây khó khăn, hạn chế đến mức tối đa uy lực, vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại của kẻ thù...

ATK Thái Nguyên là nơi có điều kiện bảo đảm những sinh hoạt tối thiểu, có thể tăng gia sản xuất. Là một địa bàn tụ cư của nhiều dân tộc, tuy khác nhau về ngôn ngữ

và phong tục tập quán song lòng yêu nước lại “sẵn có truyền thống cách mạng vẻ vang”, có tinh thần và kinh nghiệm về công tác bí mật, bảo vệ cán bộ; có khả năng đánh địch để tự bảo vệ mình.

Trong điều kiện lịch sử mới của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, việc chọn địa điểm xây dựng ATK không phải việc ngẫu nhiên hay giải pháp tình thế mà là một quyết định đúng đắn, sáng suốt, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 41: Trong năm đầu toàn quốc kháng chiến, Thái Nguyên đã thực hiện chủ trương tản cư và di cư như thế nào?

Trong năm đầu toàn quốc kháng chiến, Thái Nguyên được coi là hậu phương an toàn, cho nên đồng bào các tỉnh miền xuôi tản cư lên ngày càng đông. Việc tiếp nhận, chăm lo ổn định đời sống và việc làm cho đồng bào tản cư là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên. Ủy ban Tản cư, tiếp cư của tỉnh và các huyện, xã nhanh chóng được thành lập, có sự tham gia của các ngành, các giới, chủ yếu là Mặt trận Việt Minh.

Các cấp ủy đảng, chính quyền và Mặt trận khẩn trương triển khai các biện pháp tiếp nhận đồng bào tản cư, phân chia khu vực định cư, ổn định cuộc sống. Đến tháng 2-1947, tỉnh Thái Nguyên đã tiếp đón 12.000 đồng bào từ

các tỉnh tản cư đến. Ủy ban Tản cư, tiếp cư của tỉnh đã san sẻ số tiền cứu tế gồm hàng triệu đồng cho đồng bào tản cư.

Với truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã chia sẻ với đồng bào tản cư từ bát gạo, củ sắn, bắp ngô, đến cày, cuốc, ruộng đồng, soi bãi..., giúp đồng bào sớm ổn định đời sống và tham gia kháng chiến. Đồng bào tản cư còn được đảng bộ và chính quyền địa phương giúp đỡ thành lập các trại sản xuất ở Phúc Xuân (Đồng Hỷ), Phúc Thuận (Phổ Yên). Sự quan tâm giúp đỡ tận tình của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đối với đồng bào tản cư đã làm cho đồng bào an tâm, phấn khởi, gắn bó với quê hương mới, coi đó là quê hương thứ hai của mình. Do đó, ngay sau khi ổn định nơi ăn, chốn ở, đồng bào tản cư tích cực tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc ở địa phương, hăng hái vận động con, em gia nhập bộ đội, dân quân, du kích.

Câu 42: Sự kiện nào ở Thái Nguyên đã ghi nhận sự ra đời của Ngày Thương binh Liệt sĩ 27-7?

Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến quyết liệt chống thực dân Pháp, nhiều đồng bào, chiến sĩ đã ngã xuống, hy sinh một phần xương máu trên các chiến trường. Với truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, Đảng, Chính phủ, Bác Hồ và nhân

dân ta đã dành tất cả tình thương yêu cho các chiến sĩ và đồng bào đã vì độc lập, tự do của Tổ quốc mà bị thương hoặc hy sinh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 20/SL ngày 16-2-1947 chính thức đặt chế độ “lương hưu thương tật” và “tiền tuất cho thân nhân tử sĩ”. Để chỉ đạo công tác này trong cả nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị chọn một ngày trong năm làm “Ngày Thương binh” để nhân dân ta có dịp tỏ lòng biết ơn, yêu mến thương binh. Đầu tháng 7-1947, Ban Vận động tổ chức Ngày Thương binh toàn quốc được thành lập, gồm khoảng 20 người đại diện các cơ quan, ban ngành Trung ương. Trong Hội nghị trù bị được tổ chức tại xã Phú Minh (Phú Thịnh, Đại Từ ngày nay), Ban Vận động quyết định lấy ngày 27-7-1947 làm Ngày Toàn dân giúp đỡ thương binh và gia đình liệt sĩ, gọi tắt là Ngày Thương binh liệt sĩ.

18 giờ, ngày 27-7-1947, một cuộc mít tinh với khoảng 300 người tham dự gồm đại diện Tổng bộ Việt Minh, Hội Phụ nữ Cứu quốc, Đoàn Thanh niên, Nha thông tin, Cục Chính trị Quân đội quốc gia Việt Nam và chính quyền địa phương. Tại cuộc mít tinh, các đại biểu đã nghe ông Lê Tất Đắc đại diện Cục Chính trị Quân đội quốc gia Việt Nam công bố Bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Ban Thường trực tổ chức Ngày Thương binh, liệt sĩ toàn quốc.

Câu 43: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ nhất được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Giữa lúc các hoạt động chuẩn bị kháng chiến đang diễn ra khẩn trương, Tỉnh ủy Thái Nguyên đã triệu tập Đại hội đại biểu toàn tỉnh lần thứ nhất, họp từ 10-8 đến 12-8-1947 tại đình An Mỹ (nay là xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ). Tham dự Đại hội có trên 100 đại biểu thay mặt cho hơn 1.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Lê Đức Thọ, đại diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ, gồm 11 đồng chí, do đồng chí Lê Trung Đình làm Bí thư. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 3 đồng chí: Lê Trung Đình, Ngô Nhị Quý và Lê Văn Lương. Với Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất, Tỉnh ủy Thái Nguyên được kiện toàn một bước, bảo đảm cho Đảng bộ có đủ khả năng lãnh đạo nhân dân các dân tộc chuẩn bị đối phó âm mưu và hành động mới của thực dân Pháp.

Câu 44: Đóng góp của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên trong chiến dịch Việt Bắc - Thu đông năm 1947?

Ngày 7-10-1947, giặc Pháp huy động khoảng 12.000 quân chia làm 3 hướng mở một cuộc tấn công lớn lên Việt Bắc - Căn cứ địa kháng chiến của cả nước - nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực

của ta, khóa chặt biên giới Việt Trung, ngăn chặn sự liên hệ giữa ta với quốc tế, phá hoại kinh tế và khủng bố nhân dân ta ở vùng Căn cứ địa kháng chiến, thúc đẩy thành lập chính quyền bù nhìn toàn quốc, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thái Nguyên đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban Chỉ huy Tỉnh đội tập trung củng cố, xây dựng “được 8 trung đội du kích tập trung thoát ly sản xuất, trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu”. Tỉnh ủy xác định nhiệm vụ của Đảng bộ lúc này là tập trung tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo công tác “phá hoại - tiêu thổ kháng chiến”, vận động nhân dân thực hiện “vườn không, nhà trống”, vận chuyển cơ quan, kho tàng, gấp rút chuẩn bị kháng chiến.

Về phía Pháp, sau hơn một tháng mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc không đạt được kết quả mong muốn, ngày 20-11-1947, chúng quyết định mở cuộc hành quân Xanh tuya nhằm bao vây, càn quét khu tứ giác Thái Nguyên - Tuyên Quang - Việt Trì - Phủ Lạng Thương, tiếp tục lùng bắt kỳ được cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt chủ lực Việt Minh, phá hoại “Căn cứ địa”. Hướng bao vây, càn quét chính của cuộc hành quân là Thái Nguyên, hai hướng khác là Sông Thương - Yên Thế và Chợ Mới - Tuyên Quang xuống đồng bằng. Tại Thái Nguyên, quân Pháp chiếm đóng 32 điểm, từ các điểm chiếm đóng, hằng ngày chúng tỏa ra càn quét xuống các vùng xung quanh.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Thái Nguyên đã bình tĩnh đương đầu với cuộc tấn công của địch. Ở nhiều nơi, du kích phục kích và tiêu diệt, chặn đứng các cuộc tấn công của chúng.

Tại Định Hóa, quân và dân địa phương cũng đã chiến đấu táo bạo chặn đánh địch, tiêu biểu như ở: Đồng Thịnh, Yên Thông, Bãi Cọ, Thẩm Rộc, Phú Đình, Lục Giã... Trận Lục Giã đánh bại mũi tấn công của địch vào xã Phú Đình là một thắng lợi rất quan trọng của quân và dân ta nói chung, quân và dân Thái Nguyên nói riêng vì nó trực tiếp bảo vệ tuyệt đối an toàn cho các cơ quan đầu não của Trung ương Đảng, Chính phủ, Quân đội và Bác Hồ. Sau khi càn quét vùng ATK Định Hóa, không phá được ATK của ta, lại bị ta chặn đánh liên tiếp, nên từ ngày 1 đến ngày 6-12, quân Pháp rút khỏi ATK Định Hóa.

Tại Võ Nhai, mặc dù bị địch áp đảo cả về quân số lẫn vũ khí trang bị, song quân và dân huyện Võ Nhai vẫn kiên cường chiến đấu hết đợt này đến đợt khác. Sau hơn một tuần tấn công, càn quét địa bàn Võ Nhai không thu được kết quả, đầu tháng 12-1947, quân Pháp rút dần về thị xã Thái Nguyên. Trên đường rút, chúng bị bộ đội chủ lực và dân quân, du kích chặn đánh liên tiếp nhiều trận ở Cúc Đường, Giai Kiết, Hích, Xuân Quang... (thuộc huyện Võ Nhai), Trại Táo, Chùa Hang, Đồng Bẩm... (thuộc huyện Đồng Hỷ). Ngày 9-12 toàn bộ quân Pháp từ huyện Võ Nhai đã qua huyện Đồng Hỷ rút về thị xã Thái Nguyên.

Tại Đại Từ, quân và dân cũng kiên quyết bảo vệ căn cứ địa kháng chiến, chặn đánh quân Pháp tại nhiều nơi: làng Ngò, xóm Cây Thị, cầu Hến, đèo Khế... Sau hơn nửa tháng tấn công, càn quét Thái Nguyên không thu được kết quả, giữa tháng 12-1947, quân Pháp tập trung về huyện Đại Từ và thị xã Thái Nguyên để rút về xuôi.

Ngày 20 và 21-12, toàn bộ quân Pháp ở Thái Nguyên theo hai đường, một đường theo sườn núi Tam Đảo rút về Phúc Yên, một đường theo Quốc lộ 3 qua cầu Đa Phúc rút về Hà Nội, tỉnh Thái Nguyên hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược Pháp.

Trong chiến dịch này, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã sát cánh cùng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân, du kích tổ chức 123 trận đánh lớn, nhỏ trên khắp các địa bàn, tiêu diệt gần 500 tên địch, làm bị thương hơn 100 tên khác, bắn rơi tại chỗ 1 máy bay, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, góp phần quan trọng vào chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 45: Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy Thái Nguyên được thành lập vào thời gian nào?

Đầu năm 1948, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị cán bộ mở rộng kiểm điểm tình hình, bàn và xây dựng kế hoạch, lãnh đạo các hoạt động trong tình hình mới. Hội nghị quyết định thành lập các Ban và Tiểu ban xây dựng Đảng

gồm Tuyên huấn, Tài chính, Tổ chức - Kiểm tra, Dân vận (trong Ban Dân vận có các tiểu ban: Phụ vận, Công vận, Thanh vận) và phân công các ủy viên phụ trách các ngành, các đơn vị.

Đến tháng 4-1948, các ban giúp việc Tỉnh ủy đã được kiện toàn gồm Tuyên huấn (3 cán bộ do 1 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban); Tổ chức - Kiểm tra (4 cán bộ do 1 đồng chí Tỉnh ủy viên làm Trưởng ban); Dân vận (gồm 3 cán bộ do 1 đồng chí Tỉnh ủy viên làm Trưởng ban); Kinh tế - Tài chính (5 cán bộ do 1 đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách Kinh tế và 1 đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách Tài chính). Cùng thời gian trên, Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh cũng quyết định thành lập Ty Kinh tế do các đồng chí Phạm Đình Giông và Đặng Đình Đông làm Trưởng ty và Phó ty.

Câu 46: Lễ thụ phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp được tổ chức ở đâu và vào thời gian nào?

Đồi Pụ Đồn hay còn được người dân gọi là “Đồi phong tướng”, nằm ở thôn Lục Rã (nay là xóm Tỉn Keo, xã Phú Đình), huyện Định Hóa. Nơi đây, chiều ngày 28-5-1948, trong phiên họp thường kỳ Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì, cùng Trưởng ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn và các thành viên Chính phủ đã làm Lễ thụ phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp - Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và Dân

quân tự vệ Việt Nam theo Sắc lệnh số 110/SL ngày 20-1-1948.

Đây là lần đầu tiên, một lễ phong quân hàm cấp tướng đã diễn ra trọng thể. Lần đầu tiên trong Quân đội quốc gia Việt Nam đã có cấp Đại tướng, Trung tướng, mỗi quân hàm trao cho một người và quân hàm cấp thiếu tướng trao cho một số đồng chí. Đây là dấu mốc quan trọng khẳng định sự trưởng thành và lớn mạnh của Quân đội quốc gia Việt Nam.

Câu 47: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ II được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Được tổ chức từ ngày 15 đến 22-6-1948, tại xã Yên Mỹ, huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên. 147 đại biểu chính thức, 26 đại biểu dự thỉnh, đại diện cho 2.849 đảng viên, sinh hoạt tại 145 chi bộ trong toàn Đảng bộ về dự Đại hội. Đồng chí Lê Đức Thọ, thay mặt Trung ương Đảng, đại diện đại diện Khu ủy Liên khu I, về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đánh giá kết quả 10 tháng lãnh đạo của Đảng bộ từ Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ I đến tháng 6-1948; khẳng định những thành tích và chỉ rõ những khuyết điểm cần khắc phục. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá II gồm 9 Ủy viên chính thức, 2 Ủy viên dự khuyết. Ngày 23-6, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá II bầu đồng chí Lê Thanh làm Bí thư; đồng chí Lê Trung Đình (Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành

chính tỉnh) được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Bí thư Đảng đoàn chính quyền.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ II *“Tuy sửa soạn gấp rút, nhưng về mặt tổ chức cũng khá chu đáo, đánh dấu một bước tiến của công tác tổ chức các hội nghị lớn...”*

Câu 48: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ III được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Liên khu ủy Liên khu I, ngày 2-7-1949, Thái Nguyên tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần III. Kiểm điểm công tác trong nhiệm kỳ thứ II, Đại hội khẳng định: Trong nhiệm kỳ vừa qua, nội bộ Tỉnh ủy đoàn kết, năng lực công tác đều, hầu hết các tỉnh ủy viên đã được huấn luyện, bồi dưỡng, có trách nhiệm cao luôn bám sát cơ sở nắm tình để chỉ đạo công tác. Đại hội đã vạch ra nhiều nội dung, biện pháp để sửa chữa khuyết điểm, đồng thời quyết định đưa dần việc học tập của cán bộ, đảng viên thành quy định thống nhất, chú trọng bồi dưỡng lý luận chính trị, tích cực nâng cao trình độ văn hoá...

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá III gồm 11 Ủy viên chính thức, 2 Ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ khoá III đã bầu đồng chí Lê Trung Đình làm Bí thư, đồng chí Vũ Thu làm Phó Bí thư; các đồng chí: Lê Hải An, Lê Vũ, Trần Lê Nhân làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Câu 49: Quân và dân Thái Nguyên đã đánh bại cuộc hành quân Phôcơ (Hải cầu) của thực dân Pháp như thế nào?

Trong Chiến dịch Biên giới (1950), sau khi ta đánh địch ở Đông Khê, tuyến phòng thủ của địch trên Đường số 4 bị cắt làm 2, quân Pháp ở Cao Bằng bị cô lập, rơi vào tình thế nguy khốn.

Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy Pháp quyết định mở cuộc “hành quân mang tên Têredơ (Thérese)” gồm 3 hướng. Ở hướng Thái Nguyên, chúng mở cuộc hành binh Phôcơ hy vọng sẽ kéo chủ lực của ta từ biên giới về Thái Nguyên, trấn an được dư luận, phá được kinh tế, chặn được cửa ngõ Căn cứ địa Việt Bắc, phá vỡ được sự chi viện, tiếp tế của ta cho chiến trường Biên giới.

Mở màn cuộc hành quân Phôcơ, ngày 29-9-1950 khoảng 3.000 quân địch, có máy bay yểm trợ bắt đầu tấn công, đánh chiếm thị xã Thái Nguyên.

Việc địch đánh lên thị xã Thái Nguyên nằm trong kế hoạch đề phòng của ta, nên ta đã chuẩn bị lực lượng để đối phó, quân địch liên tục bị quân và dân Thái Nguyên chặn đánh quyết liệt ở trên hướng sông Cầu, hướng Quốc lộ 3... Cùng với việc cho quân nhảy dù, đánh chiếm sân bay Đồng Bẩm (Đồng Hỷ), ngày 1-10, từ Phố Yên địch hành quân lên lần lượt đánh chiếm Lưu Xá, Gia Sàng, Âm Hồn; từ Phú Bình, địch theo đường đất đỏ lên thị xã Thái

Nguyên. Ngày 2-10, địch từ các hướng 1, 2, 3 và sân bay Đồng Bẩm cùng tấn công đánh chiếm thị xã Thái Nguyên.

Từ ngày 4-10, từ thị xã Thái Nguyên, địch mở rộng hành quân, càn quét ra các vùng xung quanh nơi chúng chiếm đóng. Đi đến đâu chúng cũng bị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích ta chặn đánh quyết liệt, bị nhiều tổn thất.

Thực hiện cuộc hành quân Phôcơ đánh lên Thái Nguyên không đạt được ý đồ dõ dòn cho đồng bọn ở mặt trận biên giới Cao - Lạng, lại bị tổn thất nặng, từ ngày 10 đến 12-10-1950 địch buộc phải rút lui về Hà Nội. Qua hơn 10 ngày trực tiếp chiến đấu chống lại cuộc hành quân Phôcơ của địch, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Thái Nguyên đã đánh trên 60 trận lớn, nhỏ, tiêu diệt gần 600 tên địch, làm bị thương hơn 350 tên khác, bắn rơi 1 máy bay, phá hủy 3 ca nô, bắn chết và bắt sống hơn 70 con lừa, ngựa, thu 160 súng các loại, phá tan ý đồ “đổi Cao Bằng lấy Thái Nguyên” của địch.

Chiến công đánh bại cuộc hành quân Phôcơ của quân và dân Thái Nguyên đã góp phần vào thắng lợi của Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950.

Câu 50: Chủ trương của Tỉnh ủy về việc thực hiện chính sách thuế nông nghiệp do Chính phủ ban hành?

Thi hành chính sách thuế nông nghiệp do Chính phủ ban hành ngày 1-5-1951, ngày 4-8-1951, Ban Thường

vụ Tỉnh ủy họp ra nghị quyết chỉ rõ “Lãnh đạo thi hành Chỉ thị về thuế nông nghiệp là công tác trọng tâm hiện nay của các cấp ủy đảng trong tỉnh. Các ngành quân, dân, chính, đảng đều phải tập trung vào thi hành Chỉ thị thuế Nông nghiệp”. Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết nghị:

1. Tất cả các cán bộ quân, dân, chính, đảng đều phải học tập và tuyên truyền chính sách thuế nông nghiệp cho nông dân.

2. Phát động chiến dịch thuế nông nghiệp.

3. Thành lập Ban Chỉ huy chiến dịch thuế nông nghiệp gồm các đồng chí: Hoàng Cừ (Bí thư Tỉnh ủy); Lê Vũ (Tỉnh đội trưởng), Nguyễn Thế Đạt (phụ trách nông dân); Trần Lê Nhân (phụ trách kinh tế - tài chính) do đồng chí Trần Lê Nhân làm Chỉ huy trưởng.

4. Đối với 2 cấp huyện và xã, huyện ủy chỉ huy các xã trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy chiến dịch thuế nông nghiệp. Cán bộ các ngành, các cấp ở tỉnh và huyện đều phải xuống huyện và xã làm công tác thuế nông nghiệp, trừ các đồng chí tối cần thiết mới ở lại cơ quan.

Câu 51: Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện với Hội nghị Dân Chính Đảng bàn về thực hiện chính sách Thuế Nông nghiệp do hai huyện ủy Định Hóa và Phú Lương tổ chức?

Trong hai ngày 26 và 27-11-1951, huyện ủy hai huyện Phú Lương, Định Hóa và đại biểu các ngành, đoàn thể và

chính quyền huyện và các xã trên địa bàn hai huyện đã tổ chức hội nghị để thảo luận về chính sách thuế nông nghiệp, tăng gia sản xuất, sửa chữa cầu, đường và huy động dân phục vụ chiến trường. Hồ Chủ tịch đã đến thăm và nói chuyện tại Hội nghị trên.

Người nhấn mạnh: Về thuế nông nghiệp phải lãnh đạo thực hiện tốt chính sách công bằng, hợp lý và giản tiện, Người kêu gọi phải “thi đua nộp mau, nộp đủ, nộp thóc tốt và nộp thóc khô”. Người còn nhắc nhở về vấn đề tăng gia sản xuất, về dân công, giao nhiệm vụ cho phụ nữ. Cuối cùng Người dạy: “Cán bộ phải đi sát nhân dân, chăm lo đến nhân dân. Các việc phải đưa ra bàn bạc với các cụ, dù việc khó khăn đến đâu cũng thành công, tuyệt đối không được dọa nạt dân, không được quan liêu mệnh lệnh”.

Tại Hội nghị trên, các đại biểu đã chia thành từng tổ nghiên cứu thảo luận, liên hệ đánh giá ưu, khuyết điểm, ra nghị quyết xác định quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt chính sách thuế nông nghiệp, tăng gia sản xuất và dân công.

Câu 52: Kết quả thực hiện chính sách giảm tô ở Thái Nguyên?

Là tỉnh nằm trong vùng tự do, lại là ATK trong Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, Thái Nguyên vinh dự được Trung ương Đảng và Chính phủ chọn làm nơi thí điểm thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng.

Cuối năm 1952, Trung ương chọn hai xã Đồng Bẩm và Dân Chủ (huyện Đồng Hỷ) làm nơi nghiên cứu thí điểm chính sách ruộng đất của Đảng và đã cử Đoàn cán bộ thực nghiệm chính sách ruộng đất xuống hai xã trực tiếp chỉ đạo phát động quần chúng nông dân đấu tranh với giai cấp địa chủ. Tuy nhiên, qua cuộc đấu tranh thí điểm trên, chỉ đạo của Đoàn cán bộ thực nghiệm chính sách ruộng đất của Trung ương đã có biểu hiện tả khuynh và phải rút kinh nghiệm.

Từ ngày 17 đến ngày 22-4-1953, Trung ương tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm thí điểm phát động quần chúng giảm tô ở hai xã Đồng Bẩm và Dân Chủ, thẳng thắn vạch ra những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện giảm tô. Sau hội nghị trên, Trung ương cử hai đoàn công tác về hai xã Đồng Bẩm và Dân Chủ uốn nắn, sửa chữa sai lầm, khuyết điểm.

Tiếp đó, Trung ương chọn thêm 4 bốn xã: Phúc Xuân (Đồng Hỷ), Hùng Sơn (Đại Từ), Đức Liên và Nhã Lộng (Phú Bình) cùng với hai xã Đồng Bẩm, Dân Chủ (Đồng Hỷ) đã làm thí điểm đợt trước, tiếp tục thực hiện thí điểm triệt để giảm tô.

Qua hơn 3 tháng thực hiện thí điểm triệt để giảm tô ở 6 xã, hơn 1.819 mẫu ruộng đất đã được giảm tô, 4.070 hộ gia đình nông dân đã được thoái tô với số thóc gần 406 tấn; 944 hộ gia đình nông dân với 3.645 khẩu đã được chia ruộng đất. Đoàn công tác ruộng đất

đã chỉnh đốn 6 chi bộ Đảng, khai trừ ra khỏi đảng 153 đảng viên, chỉ đạo các chi bộ Đảng bầu Ban Chỉ huy mới (trong các Ban Chỉ huy mới, số chi ủy viên bản, cố nông chiếm 53%, trung nông 44%, tiểu tư sản 3%). Các tổ chức chính quyền, đoàn thể cũng được củng cố lại. Nông dân phấn khởi gia nhập Nông hội, hăng hái thi đua lao động sản xuất và tích cực đóng góp sức người sức của cho kháng chiến.

Tuy nhiên, đợt thí điểm giảm tô ở 6 xã trên cũng bộc lộ các khuyết điểm. Một số cán bộ nóng vội, thiếu kiên nhẫn giáo dục quần chúng, dẫn đến bao biện làm thay hoặc mệnh lệnh đối với quần chúng.

Từ ngày 25-8 đến ngày 20-10-1953, dưới sự lãnh đạo của Đoàn ủy II, Liên khu ủy Việt Bắc trực tiếp chỉ đạo tỉnh Thái Nguyên tiến hành giảm tô tiếp ở 33 xã thuộc 4 huyện Phú Bình, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương.

Tiếp theo từ ngày 20-12-1953 đến ngày 25-1-1954, Thái Nguyên thực hiện giảm tô tiếp ở 32 xã.

Câu 53: Kết quả và ý nghĩa của cải cách ruộng đất đợt 1 ở Thái Nguyên?

Cuối năm 1952, Trung ương giao cho Thái Nguyên làm thí điểm điều tra nông thôn. Cuối tháng 12-1953, Trung ương Đảng quyết định chọn 6 xã Hùng Sơn, An Mỹ (nay là Mỹ Yên), Bình Thuận, Trần Phú (nay là Khôi Kỳ), Tân Thái, Độc Lập (nay là Tiên Hội), thuộc huyện Đại Từ làm thí điểm cải cách ruộng đất.

Cuộc thí điểm cải cách ruộng do một Đoàn ủy chỉ đạo, mỗi xã có một đội công tác phụ trách.

Sau 3 tháng tiến hành thí điểm cải cách ruộng đất, giai cấp địa chủ ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ đã hoàn toàn bị đánh đổ. Từ ngày 25-12-1953 đến ngày 30-3-1953, đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ đã kết thúc. Sau đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ, ngày 25-4-1954 khi chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ sắp kết thúc thắng lợi, tỉnh Thái Nguyên bắt đầu tiến hành cải cách ruộng đất đợt 1 ở 47 xã thuộc các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên.

Kết quả: hơn 24.000 mẫu ruộng và hơn 24.000 con trâu, bò, 798 ngôi nhà và trên 139 tấn thóc của địa chủ đã được tịch thu, trưng thu, trưng mua, chia cho 868 hộ nông dân nghèo; các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng đã được chấn chỉnh, uy thế chính trị và quyền làm chủ nông thôn của nông dân đã được xác lập.

Thắng lợi của cuộc vận động thực hiện giảm tô, đặc biệt là thắng lợi của cuộc cải cách ruộng đất đợt 1 ở Thái Nguyên đã nhanh chóng vang dội khắp nơi, góp phần cổ vũ các tầng lớp nông dân lao động cả nước hăng hái sản xuất, đóng góp nhiều sức người, sức của cho kháng chiến và cổ vũ cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang ở ngoài mặt trận hăng hái tiến lên tiêu diệt giặc.

Câu 54: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV được tổ chức trong tháng 4-1951 tại xóm Cây Lá, xã Bình Sơn, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Sông Công). Đại hội thông qua Nghị quyết: “Tập trung lãnh đạo khôi phục, phát triển kinh tế, xã hội, ổn định đời sống nhân dân, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, chi viện chiến trường, ra sức xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương đủ sức bảo vệ quê hương và bổ sung cho các đơn vị bộ đội chủ lực của Bộ Tư lệnh”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IV gồm 11 Ủy viên chính thức, 3 Ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 5 đồng chí. Đồng chí Hoàng Cừ - Ủy viên Khu ủy Liên khu Việt Bắc, được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy và các đồng chí Trần Hải Bằng, Nguyễn Đình Lim, Trần Lê Nhân, Lê Vũ được bầu làm Ủy viên.

Câu 55: Công tác sửa chữa, bảo vệ cầu, đường, giữ vững mạch máu giao thông ở Thái Nguyên từ năm 1951 đến 7-1954?

Sau chiến thắng Biên Giới 1950, trên thế chủ động, ta đã liên tiếp mở các chiến dịch, do đó nhu cầu đảm bảo giao thông, vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí, phương tiện chiến đấu cung cấp cho các chiến trường

ngày càng lớn. Để bảo đảm cho giao thông, vận tải, phục vụ các chiến dịch, ta đã phá hoại một số tuyến đường chính. Ngay sau khi chiến dịch Phôcơ kết thúc, giữa tháng 1-1950, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định huy động lực lượng dân công sửa chữa cầu, đường, đặc biệt sửa chữa Đường số 3 (đoạn phía Bắc thị xã Thái Nguyên) và Đường số 13A là hai tuyến giao thông có tính chất huyết mạch của Căn cứ địa Việt Bắc.

Đảm bảo giao thông, vận tải được Tỉnh ủy xác định là nhiệm vụ quân sự nặng nề và rất quan trọng. Ngày 1-4-1951, Tỉnh ủy đề ra chủ trương “Xúc tiến kế hoạch đảm bảo giao thông, đặc biệt phải chú trọng sửa chữa mặt đường, đảm bảo giao thông suốt trong mọi tình huống, đúng thời hạn đã định”.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ngoài việc chi viện hàng nghìn lao động cho các tỉnh bạn mở đường và vận chuyển hàng hoá ra mặt trận, nhân dân Thái Nguyên đã đóng góp 134.100 công phục vụ việc sửa chữa và mở rộng các tuyến đường ở địa phương.

Để bảo vệ các tuyến đường giao thông quan trọng, ngày 23-4-1953, Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Bảo vệ cầu, đường các cấp tỉnh, huyện, xã dọc các tuyến giao thông, làm nhiệm vụ tổ chức tuần tra, canh gác ở các trọng điểm giao thông, các nơi xung yếu.

Nhờ Đảng bộ tập trung lãnh đạo công tác giao thông - vận tải, nên năm 1953 Thái Nguyên đã hoàn thành xuất

sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông thời chiến. Để đảm bảo giao thông vận tải phục vụ Chiến dịch Tây Bắc và Chiến dịch Điện Biên Phủ, đầu năm 1954, Tỉnh ủy quyết định tập trung cán bộ các tổ chức Thanh niên, Nông hội và Ban Kiểm tra Tỉnh ủy xuống giúp các huyện huy động dân công lấp hố phá hoại, sửa chữa cầu, đường các tuyến Quốc lộ 1B và Tỉnh lộ 13A. Từ tháng 2 đến tháng 6-1954, ngoài việc huy động hai đợt, 9.559 dân công đi làm đường, phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ, Thái Nguyên còn thành lập 115 tổ bảo vệ, với trên 1.900 tổ viên làm nhiệm vụ bảo vệ những đoạn đường xung yếu trên các tuyến giao thông quan trọng; sửa chữa cầu, đường khi bị máy bay địch đánh phá, đảm bảo giao thông vận tải luôn kịp thời, thông suốt. Đảm bảo giao thông vận tải thời chiến đã trở thành một trong những đóng góp lớn nhất của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc và cán bộ chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm trường kỳ và anh dũng của dân tộc.

Câu 56: Đảng bộ tỉnh lãnh đạo công tác xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ở Thái Nguyên từ năm 1951 đến năm 1954?

Để đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc căn cứ địa, chi viện đắc lực cho các chiến trường đánh thắng, nhiệm vụ xây dựng củng cố và phát triển lực lượng vũ trang địa phương rộng khắp, vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu tại

chỗ và chi viện chiến trường đã được Đảng bộ xác định là một nhiệm vụ trọng tâm phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo.

Cuối năm 1950, lực lượng vũ trang Thái Nguyên gồm 1 đại đội bộ đội địa phương tỉnh và 7 đại đội bộ đội địa phương ở các huyện. Qua chiến đấu, trình độ tổ chức chỉ huy và chiến thuật, kỹ thuật của dân quân, du kích, bộ đội địa phương được nâng lên rõ rệt. Thực hiện chủ trương tinh binh, tinh cán, trong những năm 1951, 1952, cơ quan Tỉnh đội giảm từ 189 cán bộ, chiến sĩ xuống chỉ còn 45 người. Cơ quan huyện đội quân số từ 25 giảm xuống còn 15, trong đó chỉ có 3 đến 4 cán sự làm công tác dân quân.

Ở cơ quan Tỉnh đội và các huyện đội, công việc ứ đọng, nhiều vấn đề đặt ra không được giải quyết kịp thời, lực lượng dân quân, du kích số lượng giảm mạnh. Đầu năm 1953, Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định củng cố lực lượng dân du kích.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân, du kích, ngày 7-12-1953, Thường trực Tỉnh ủy chỉ thị cho các cấp ủy đảng phải khẩn trương đưa đảng viên vào dân quân, du kích, đưa cấp ủy viên vào các ban chỉ huy xã đội. Đầu năm 1954, Tỉnh ủy đề ra chủ trương “xây dựng lực lượng vũ trang địa phương phải đảm bảo bổ sung quân số cho bộ đội chủ lực đủ chỉ tiêu trên giao, kiện toàn đủ quân số bộ đội địa phương và dân quân, du kích, đào tạo đủ cán bộ tiểu đội cho bộ đội

địa phương và cán hộ xã đội, cán bộ chỉ huy dân quân du kích, chấn chỉnh lực lượng du kích ở các xã dọc tuyến đường giao thông quan trọng, các xã giáp ranh vùng tạm chiếm, những nơi hẻo lánh. Giáo dục, dìu dắt dân quân, du kích ở những nơi cải cách ruộng đất”. Ban Chỉ huy Tỉnh đội cử một số cán bộ đi xuống cơ sở xây dựng về chính trị và quân sự ở những nơi trọng điểm và tranh thủ “rèn cán, chỉnh quân” cho các đơn vị.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Chỉ huy Tỉnh đội tổ chức các lớp huấn luyện cán bộ chỉ huy xã đội, trung đội, đại đội dân quân, du kích, chỉ đạo các huyện bổ sung hoàn chỉnh phương án tác chiến, đề phòng địch tấn công: kiện toàn xong quân số các đại đội bộ đội địa phương huyện và Tiểu đoàn 68 bộ đội địa phương tỉnh.

Qua gần 7 năm kể từ chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947 đến ngày hoà bình lập lại (tháng 7-1954), Đảng bộ đã trực tiếp lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc.

Câu 57: Đóng góp của Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên trong Chiến dịch Điện Biên Phủ?

Với khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, quân và dân Thái Nguyên cùng với quân và dân cả nước đã tập trung mọi sức lực và của cải cho Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Từ năm 1952, tỉnh đã huy động được 22.400 dân công đi sửa chữa cầu đường và vận tải hàng hóa phục vụ các chiến dịch. Thực dân Pháp đã tập trung máy bay và bom đạn đánh phá ác liệt hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn Việt Bắc nói chung và Thái Nguyên nói riêng.

Khi Chiến dịch Điện Biên Phủ mở màn, ngoài đóng góp lương thực, thực phẩm nuôi cán bộ, bộ đội trong ATK Thái Nguyên, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã huy động được 671 tấn gạo; 28.752 kg thịt lợn và thịt trâu, bò; 10 tấn đỗ, lạc, vừng... cung cấp cho mặt trận Điện Biên Phủ. Ngoài việc huy động hàng nghìn dân công đi làm đường, sửa chữa cầu, đường phục vụ chiến dịch, Thái Nguyên còn huy động hàng nghìn dân công đi vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí lên Điện Biên Phủ...

Thái Nguyên cũng thực hiện thắng lợi cải cách ruộng đất đợt 1, góp phần cổ vũ nông dân cả nước hăng hái lao động, sản xuất góp sức cho tiền tuyến; cổ vũ cán bộ, chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ hăng hái tiêu diệt giặc.

Bên cạnh đó, công tác xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh cũng được Đảng bộ chú trọng...

Những đóng góp của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã góp phần cùng cả nước làm nên một chiến thắng vĩ đại ở Điện Biên Phủ.

Câu 58: ATK Định Hóa - Thái Nguyên (Di tích quốc gia đặc biệt) có vị trí, vai trò như thế nào trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp?

Với tầm nhìn chiến lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiên đoán được âm mưu, hành động của thực dân Pháp và Người đã quyết định trở lại Việt Bắc để xây dựng An toàn khu kháng chiến (sau này gọi tắt là ATK kháng chiến). Cùng với Tuyên Quang, Bắc Kạn, Thái Nguyên trở thành “Thủ đô gió ngàn” - Thủ đô của đất nước trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, trong đó Thái Nguyên giữ vị trí đặc biệt quan trọng, ATK Định Hóa là trung tâm của thủ đô kháng chiến. Từ ATK Định Hóa - Thái Nguyên, Trung ương Đảng, Bộ Tổng tư lệnh ra nhiều quyết sách quan trọng liên quan đến vận mệnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của cả dân tộc.

Tại ATK Định Hóa - Thái Nguyên, Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Tổng tư lệnh đã quyết định nhiều chủ trương chiến dịch lớn như: Chiến dịch phản công Việt Bắc, Chiến dịch Đông Bắc, Tây Bắc, các chiến dịch Biên giới, Trung du, Đường 18, Hà Nam Ninh, Chiến dịch Hòa Bình, Tây Bắc, Sầm Nưa. Đặc biệt Bộ Chính trị đã phê duyệt kế hoạch tác chiến, quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Được lựa chọn làm trung tâm căn cứ địa kháng chiến của cả nước là một vinh dự lớn đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên; đồng thời cũng là

trách nhiệm to lớn đối với dân tộc với đất nước. Trách nhiệm lớn nhất, quan trọng nhất là bảo vệ an toàn tuyệt đối Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Chính phủ, mặt trận, quân đội, bảo vệ các cơ quan, kho tàng, nhà máy, vì đây là những mục tiêu hàng đầu mà kẻ thù muốn tìm mọi cách phá hủy nhằm tiêu diệt lực lượng và phá hoại cuộc kháng chiến của chúng ta.

Trong suốt những năm kháng chiến, quân địch liên tiếp mở nhiều cuộc hành quân lớn cả trên bộ và trên không và đường thủy vào ATK Thái Nguyên. Với quyết tâm và trọng trách được giao, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên chung sức, chung lòng cùng các địa phương trong vùng chiến khu Việt Bắc và các đơn vị bộ đội chủ lực làm tròn trách nhiệm nặng nề trước lịch sử và dân tộc, là bảo vệ an toàn lãnh tụ và các cơ quan đầu não của ta trước các cuộc tiến công truy quét với quy mô lớn của kẻ thù, gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề. Cùng với nhiệm vụ bảo vệ an toàn tuyệt đối lãnh tụ và các cơ quan đầu não của ta, các địa phương trong tỉnh luôn thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng hậu phương vững chắc phục vụ kháng chiến.

ATK Định Hóa là một quần thể di tích lịch sử nổi tiếng của tỉnh Thái Nguyên với 130 điểm di tích. Năm 1981, Khu Di tích đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích quốc gia

(gồm 13 di tích thành phần). Với những giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học đặc biệt, ngày 10-5-2012, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng Di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Định Hóa (huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên) là Di tích quốc gia đặc biệt (Quyết định số 548/QĐ-TTg).

Câu 59: Cuộc đấu tranh chống lại âm mưu tuyên truyền, mê hoặc, thúc ép giáo dân Thái Nguyên di cư vào Nam của bọn phản động lợi dụng đạo Thiên chúa sau Hiệp định Giơnevơ 1954 diễn ra như thế nào?

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, trước khi rút khỏi miền Bắc, thực dân Pháp đã ra sức phá hoại các nhà máy, xí nghiệp, công trình giao thông và tiến hành cưỡng ép đồng bào theo đạo Thiên chúa di cư vào Nam. Tại Thái Nguyên, chúng cho những tên tay sai là thầy tu, cha cố phản động tuyên truyền mê hoặc quần chúng bằng những luận điệu mị dân như “Chúa đã vào Nam, không theo Chúa thì sẽ mất linh hồn”, “Chính phủ cộng sản cấm đạo”, “Đức mẹ hiện hình gọi con chiền vào Nam theo Chúa”... Trước các hành động của kẻ thù, nhiều giáo dân trong các xứ đạo ở Thái Nguyên hoang mang, dao động. Một số giáo dân nhẹ dạ, cả tin bỏ lại nhà cửa, ruộng vườn di cư vào Nam. Tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn tỉnh hết sức phức tạp.

Để ngăn chặn bọn phản động cưỡng ép giáo dân di cư vào Nam, từ cuối năm 1954, Tỉnh ủy đã lãnh đạo mở nhiều lớp tuyên truyền, bồi dưỡng, học tập chủ trương,

chính sách đoàn kết dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng, Chính phủ cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tỉnh Thái Nguyên đã tập trung 24 cán bộ, thành lập 8 đoàn công tác đưa xuống 12 xã của 4 huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Bình, Phổ Yên (những nơi có đông đồng bào công giáo đang bị kẻ xấu dụ dỗ, lôi kéo di cư vào Nam). Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh đã chỉ đạo lực lượng công an điều tra, vạch trần bộ mặt của những tên phản động, tay sai của địch, bắt và đưa ra xét xử, phạt tù một số tên cầm đầu. Trước những việc làm kịp thời, kiên quyết của các cấp bộ đảng và chính quyền trong tỉnh, đông đảo giáo dân đã nhận ra âm mưu thâm độc của kẻ thù, yên tâm làm ăn, sinh sống, từ bỏ ý định di cư vào Nam.

Câu 60: Cho biết nội dung “Phong trào thi đua phát triển sản xuất và thực hành tiết kiệm, cứu đói” do Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên phát động vào cuối năm 1954?

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954 về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương, miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Thái Nguyên cũng như các địa phương khác ở miền Bắc, kinh tế vốn đã lạc hậu bị chiến tranh tàn phá nên càng tiêu điều, xơ xác.

Để giải quyết những khó khăn về kinh tế, trước hết là khó khăn về lương thực, cuối năm 1954, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã lãnh đạo chính quyền các cấp trong tỉnh phát động “Phong trào thi đua phát triển sản xuất và thực hành tiết kiệm, cứu đói” với các nội dung: Khai hoang mở rộng

diện tích, sửa chữa các công trình thủy lợi, nạo vét kênh mương, làm thêm cọn nước, trong đó nhiệm vụ phục hồi hoạt động của hệ thống thủy lợi sông Máng được xác định là một nhiệm vụ quan trọng.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, sự nỗ lực phấn đấu, thi đua của nhân dân trong tỉnh, đến cuối năm 1954, hệ thống thủy lợi, nhất là công trình thủy lợi sông Máng đã được phục hồi. Nhân dân đã tích cực thực hiện tăng gia sản xuất, gieo trồng các cây lương thực ngăn ngừa để tăng sản lượng lương thực. Các chính sách tiết kiệm, không dùng lương thực để nấu rượu, làm quà bánh... được thực hiện hiệu quả. Công tác thu mua, phân phối, hỗ trợ lương thực cho những nơi khó khăn, mất mùa được kịp thời, nhờ đó nạn đói trên địa bàn tỉnh đã được đẩy lùi, năng suất, sản lượng lương thực được tăng lên rõ rệt.

Câu 61: Kết quả, ý nghĩa đợt 2 cải cách ruộng đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên?

Từ ngày 22-10-1954, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục lãnh đạo triển khai cải cách ruộng đất đợt 2 ở 22 xã thuộc các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình và Phổ Yên. Nhờ đã rút được kinh nghiệm qua đợt thí điểm và cải cách ruộng đất đợt 1 nên chỉ sau hơn 2 tháng tiến hành cải cách ruộng đất đợt 2 tại 22 xã, các đội cải cách ruộng đất đã quy 339 địa chủ, 305 phú nông; tịch thu, trưng thu, trưng mua 3.181 mẫu ruộng, 1.093 con trâu, bò, hơn 250 tấn lương

thực và nhiều nông cụ đem chia cho hơn 7.000 hộ nông dân nghèo.

Cùng với cải cách ruộng đất đợt 1, cải cách ruộng đất đợt 2 đã góp phần đánh đổ hoàn toàn giai cấp địa chủ phong kiến, thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất và phương thức bóc lột phong kiến ở nông thôn, biến mơ ước “người cày có ruộng” của nông dân trở thành hiện thực; sức sản xuất của nông dân được giải phóng, địa vị của giai cấp nông dân được nâng cao, góp phần củng cố khối liên minh công - nông để làm cơ sở cho đoàn kết dân tộc và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân.

Câu 62: Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo công tác xây dựng thí điểm các hợp tác xã nông nghiệp trong hai năm 1955 - 1956 như thế nào?

Xuất phát từ đặc điểm Thái Nguyên là một tỉnh miền núi, trung du với hơn 95% dân số là nông dân. Do tập quán sản xuất nhỏ lẻ từ ngàn đời đã ăn sâu trong tiềm thức, trở thành thói quen, nếp nghĩ của người nông dân Thái Nguyên, trong khi đó trình độ văn hóa, kiến thức, kinh nghiệm quản lý sản xuất nông nghiệp tập thể của đội ngũ cán bộ còn nhiều hạn chế nên cần phải có một hình mẫu để vừa học tập, vừa tổng kết rút kinh nghiệm.

Từ thực tế trên, năm 1955, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã lãnh đạo xây dựng thí điểm 3 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp là Cầu Thành, Sơn Tập, Xóm Gò (Hùng Sơn, Đại Từ). Đây là 3 hợp tác xã đầu tiên của huyện Đại Từ và cũng là những hợp tác xã đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên.

Năm 1956, Tỉnh ủy đã lãnh đạo thí điểm xây dựng thêm 2 hợp tác xã nữa ở xã Tiên Hội (huyện Đại Từ).

Những bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý lao động, điều hành sản xuất tại các hợp tác xã thí điểm trên địa bàn huyện Đại Từ đã để lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh Thái Nguyên trong những năm tiếp theo.

Câu 63: Cho biết mục đích thành lập, thời gian tồn tại và địa bàn của Khu Tự trị Việt Bắc?

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), do đặc điểm chiến tranh, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến từ Trung ương đến các địa phương, Đảng và Nhà nước đã chủ trương thành lập các khu, liên khu. Sau hòa bình lập lại, các khu và liên khu giải thể, riêng về mặt quân sự vẫn giữ lại tổ chức các quân khu. Tuy cuộc vận động thành lập Khu Tự trị Việt Bắc tiến hành giữa lúc nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đang ra sức tiến hành công cuộc cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 - 1957) và phần lớn cán bộ chủ chốt của tỉnh, huyện đi làm nhiệm vụ cải cách ruộng đất ở các tỉnh bạn từ tháng 8-1955, công việc bộn bề, cán bộ thiếu nhưng Tỉnh ủy Thái Nguyên vẫn tổ chức tốt các đợt học tập, tuyên truyền cho các đợt vận động. Tỉnh đã tập trung 1.567 cán bộ (có 50% cán bộ cấp xã), tổ chức thành các đội công tác xuống cơ sở tổ chức tốt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập, hiểu rõ chủ

trương, mục đích thành lập Khu Tự trị Việt Bắc là để có điều kiện thực hiện tốt hơn các vấn đề đoàn kết dân tộc, chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa cho nhân dân các dân tộc trong Khu Tự trị, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi. Sau một năm tuyên truyền và vận động, từ ngày 18 đến ngày 23-6-1956 (thời gian kéo dài là do một số huyện trong tỉnh bị lũ lụt nên không bầu cử đúng thời gian được), 52.449 cử tri trên tổng số 64.060 cử tri toàn tỉnh (thời gian này huyện Phú Bình cắt về tỉnh Bắc Giang, huyện Phổ Yên cắt về tỉnh Vĩnh Phúc) cùng cử tri 4 tỉnh trong Khu tham gia cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân Khu. Ngày 1-7-1956, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ban hành Sắc lệnh số 268-SL quy định thành lập Khu Tự trị Việt Bắc. Ngày 19-8-1956, Khu Tự trị Việt Bắc chính thức được thành lập bao gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang (trừ huyện Yên Bình), Thái Nguyên (trừ hai huyện Phổ Yên, Phú Bình) và huyện Hữu Lũng của tỉnh Bắc Giang (nhập vào tỉnh Lạng Sơn). Huyện Phổ Yên nhập vào tỉnh Vĩnh Phúc, đến 15-6-1957 lại trả về tỉnh Thái Nguyên (trừ xóm Thông, xã Thuận Thành nhập vào xã Hồng Kỳ, huyện Đa Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc). Huyện Phú Bình nhập vào tỉnh Bắc Giang, đến 15-6-1957 lại trả về tỉnh Thái Nguyên. Tỉnh Hà Giang sáp nhập vào Khu Tự trị Việt Bắc theo Sắc lệnh số 020-SL ngày 23-3-1959 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thủ phủ Khu Tự trị Việt Bắc là thị xã Thái Nguyên.

Việc thành lập Khu Tự trị Việt Bắc đã tạo cho nhân dân các tỉnh trong Khu Tự trị không khí hồ hởi, phấn khởi, hăng hái tăng gia sản xuất, xây dựng cuộc sống mới trong những năm đầu. Sau đó, việc triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước đến các tỉnh trong Khu thường bị chậm; công tác quản lý cán bộ cũng gặp nhiều vướng mắc giữa Khu và tỉnh. Tình hình đó ảnh hưởng không tốt đến chất lượng đội ngũ cán bộ và quá trình chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống nhân dân và điều đó đã đi ngược lại với mục tiêu ban đầu thành lập Khu Tự trị Việt Bắc. Để khắc phục hạn chế đó, ngày 3-11-1961, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 27-NQ/TW thu hẹp chức năng, quyền hạn của Khu Tự trị Việt Bắc từ cấp chỉ đạo xuống cấp đơn đốc, kiểm tra. Ngày 27-12-1975, Khu Tự trị Việt Bắc giải thể, đồng thời những quy định trong Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1959 về cấp khu tự trị cũng bị bãi bỏ theo quyết định của Quốc hội khóa V, kỳ họp thứ 2.

Câu 64: Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 - 1957) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã đạt được những thành tựu gì?

Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa I (từ 20 đến 26-3-1955) đã ra quyết nghị: *“Ra sức củng cố miền Bắc bằng cách đẩy mạnh và hoàn thành cải cách ruộng đất theo đúng kế hoạch, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa”*.

Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh đã được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Thái Nguyên tích cực hưởng ứng và triển khai trong tất cả các ngành.

Trong *nông nghiệp*, nông dân hăng hái khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, phục hóa, thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng, tăng thêm đàn trâu, bò, sắm thêm nông cụ. Các công trình thủy nông nhất là hệ thống thủy lợi sông Máng được phục hồi, nhiều đoạn đê điều bị địch phá trong kháng chiến được sửa chữa. Nhờ những cố gắng đó, đến cuối năm 1957 diện tích cấy lúa là 50.072 héc ta (tăng gần 4.000 héc ta so với 1955), tổng sản lượng lúa đạt 71.160 tấn, tổng sản lượng hoa màu các loại đạt hơn 20.000 tấn, nhờ đó không những đáp ứng đủ nhu cầu lương thực cho nhân dân trong tỉnh mà còn đóng góp cho Nhà nước 10.000 tấn lương thực. Về chăn nuôi gia súc, trong 2 năm (1955 - 1957), đàn trâu bò của tỉnh đạt 14.600 con, đàn lợn đạt 23.000 con, đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu sức kéo, thực phẩm của nhân dân địa phương, cung cấp một phần cho nhân dân một số tỉnh miền xuôi.

Trong *công nghiệp*, Đảng bộ và chính quyền tỉnh chú trọng khôi phục, phát triển các cơ sở công nghiệp nhất là các cơ sở cơ khí chế tạo nông cụ sản xuất và chế biến lâm sản. Tổng giá trị sản lượng công nghiệp tăng từ 3,04 triệu đồng năm 1955 lên 4,9 triệu đồng năm 1957, tỷ trọng so với nông nghiệp tăng 1,5%.

Các ngành *thủ công nghiệp, thương nghiệp*, nhanh chóng được khôi phục, đảm bảo cung cấp nhiều mặt hàng thiết yếu và giải quyết một phần việc làm cho nhân dân trong tỉnh.

Trong *giao thông vận tải*, đã khôi phục, sửa chữa hàng trăm kilômét đường bộ, đường sắt để phục vụ nhu cầu giao lưu kinh tế và đi lại của nhân dân.

Câu 65: Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960) đạt được những thành tựu và có những hạn chế gì?

Trong 3 năm (1958 - 1960), cũng như các địa phương khác ở miền Bắc, tỉnh Thái Nguyên đã lấy cải tạo xã hội chủ nghĩa làm trọng tâm: Cải tạo đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh với khâu chính là hợp tác hóa nông nghiệp.

Đến cuối năm 1960, toàn tỉnh đã xây dựng 951 hợp tác xã (trong đó có 63 hợp tác xã bậc cao), với 36.122 hộ xã viên (chiếm tỷ lệ 86,9% tổng số hộ nông dân toàn tỉnh).

Đối với thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ cũng được Đảng bộ lãnh đạo, vận động đưa vào các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp. Ở những nơi không đủ điều kiện thành lập hợp tác xã sẽ tiến hành xây dựng các tổ hợp tác sản xuất, tổ cung tiêu, hoặc được xen ghép vào các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Năm

1960, toàn tỉnh đã thu hút được 1.616 thợ thủ công, 1.714 tiểu thương đi vào làm ăn tập thể.

Đối với thành phần kinh tế công, thương nghiệp tư bản, tư doanh, xuất phát từ đặc điểm tỉnh Thái Nguyên chỉ có 42 hộ (27 hộ tư sản, 15 hộ tiểu chủ), thực hiện chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa của Đảng, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo tốt việc tổ chức cho các hộ học tập chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước, vận động được 100% số hộ tham gia sản xuất dưới hình thức công tư hợp doanh trong các xí nghiệp: Xay xát gạo Đại Từ, Bánh kẹo Thái Nguyên, In Thái Nguyên, Ô tô Thái Nguyên, May đo Tân Á...

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh cũng mắc phải một số hạn chế, sai lầm như đã đồng nhất giữa cải tạo và xóa bỏ tư hữu và các thành phần kinh tế cá thể; thực hiện sai các nguyên tắc xây dựng hợp tác xã là tự nguyện, công bằng, dân chủ, cùng có lợi... do đó chưa phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của xã viên trong sản xuất, kinh doanh.

Câu 66: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ V được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Từ ngày 1 đến ngày 5-2-1959, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ V đã được tổ chức tại thị xã Thái Nguyên.

Đại hội đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trên các mặt khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ IV và bàn nội dung, phương hướng, biện pháp lãnh đạo của Đảng bộ trong những năm tới.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V gồm 21 ủy viên chính thức, 4 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Phan Văn Tĩnh được bầu làm Bí thư, các đồng chí Lê Dục Tôn và Lê Đức Chính được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ V đánh dấu bước phát triển mới của tổ chức Đảng, đáp ứng được yêu cầu của tình hình thực tiễn và nguyện vọng của đông đảo nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Câu 67: Vì sao nhiệm kỳ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khóa IV lại kéo dài trong thời gian từ tháng 4-1951 đến tháng 2-1959?

Tháng 4-1951, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV đã được tổ chức và bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV. Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV đã tồn tại, kéo dài đến tháng 2-1959. Lý do chủ yếu dẫn đến tình trạng này là: Những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cuộc chiến diễn ra ngày càng ác liệt, nhu cầu chi viện sức người, sức của cho các chiến trường ngày càng nhiều nên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phải tập trung cao độ lãnh đạo nhân dân dồn sức đưa kháng chiến đi đến thắng lợi và thực hiện

nhiều chính sách lớn của Đảng và Nhà nước như chính sách thuế nông nghiệp (từ tháng 5-1951); thí điểm giảm tô và thực hiện giảm tô (1952 - 1954); thí điểm, thực hiện và sửa sai cải cách ruộng đất (1953 - 1957).

Đặc biệt, trong thời gian thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất, phần lớn cán bộ chủ chốt của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong tỉnh được điều động đi tham gia thực hiện giảm tô, cải cách ruộng đất và sửa sai cải cách ruộng đất ở các địa phương khác. Mặt khác, những sai lầm của cuộc vận động giảm tô, cải cách ruộng đất đã gây tác hại không nhỏ đến đời sống kinh tế, chính trị, tư tưởng của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ sửa sai cải cách ruộng đất, tình hình chính trị, xã hội mới dần ổn định mới có cơ sở và điều kiện để tổ chức Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V vào tháng 2-1959.

Câu 68: Từ tháng 12-1954 đến tháng 1-1964, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên được vinh dự đón Bác Hồ về thăm mấy lần và vào thời gian nào?

Từ tháng 12-1954 đến tháng 1-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có bảy lần về thăm hỏi, động viên nhân dân, chỉ đạo Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo nhân dân xây dựng cuộc sống mới.

- *Tháng 12-1954*, Bác Hồ đến thăm và nói chuyện với hơn 2.000 cán bộ tại Hội nghị tổng kết cải cách ruộng

đất đợt 2 của đoàn Thái Nguyên, Bắc Giang (tại Thái Nguyên).

- *Nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi, ngày 25-1-1955*, Bác Hồ đến thăm Công trường đập Thác Huống - đập này bị máy bay Pháp ném bom phá hỏng ngày 12-6-1952, nay đang được sửa chữa lại. Người chúc Tết và động viên anh em bộ đội, công nhân, cán bộ, dân công ở lại ăn Tết tại Công trường thật vui vẻ và tặng Công trường một số Huy hiệu để thưởng cho những người thi đua khá nhất.

- *Ngày 2-3-1958*, Bác Hồ về thăm tỉnh Thái Nguyên lần thứ ba. Người đã đến kè Lũ Yên, xã Yên Thịnh (nay thuộc xã Đào Xá, huyện Phú Bình) xem chiếc máy bơm tự động chạy bằng sức nước do Trung Quốc giúp ta mà Bộ Thủy lợi và Kiến trúc xây lắp và đang cho chạy thử ở đây và có bài nói chuyện với đồng bào. Sau đó, Bác Hồ đi thăm các hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Đại Từ. Bà con xã viên của 4 hợp tác xã nông nghiệp và nhiều đồng bào ở 2 xã Hùng Sơn, Độc Lập cùng một số cán bộ lãnh đạo của khu, của tỉnh và huyện Đại Từ đã tập trung ở Hợp tác xã Nông nghiệp Cầu Thành để chào đón Bác.

- *Ngày 4-6-1959*, Hội đồng Chính phủ ra quyết định thành lập Công trường Khu Gang thép Thái Nguyên. Quan tâm đến Thái Nguyên, đến Khu Gang thép, chỉ 4 ngày sau (ngày 8-6-1959), Bác Hồ về thăm Công trường lần thứ nhất và nói chuyện với cán bộ, công nhân Công trường.

- Ngày 13-3-1960, hơn 4 vạn đại biểu nhân dân các dân tộc trong tỉnh họp mít tinh đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của tỉnh Thái Nguyên và Huân chương Lao động hạng Hai của huyện Định Hóa do Nhà nước trao tặng. Niềm vui được nhân lên gấp bội khi được Bác Hồ về thăm và nói chuyện với cán bộ, đồng bào trong ngày vui đó.

- Ngày 31-12-1962, Bác Hồ về thăm Trường Thanh niên Lao động xã hội chủ nghĩa huyện Phú Lương và đồng bào xã Phủ Lý và có buổi nói chuyện ở đây. Sau đó, Bác Hồ thăm một số nơi trong khu vực nhà trường, thăm một gia đình đồng bào Dao vừa mới định cư, định canh, trực tiếp hỏi chuyện một số cán bộ và nhân dân.

- Ngày 31-12-1963, Bác Hồ về thăm đồng bào các dân tộc tỉnh Thái Nguyên. Sau đó, Người đến thăm và nói chuyện với cán bộ, giáo viên, học viên Trường Đảng tỉnh (nay là Trường Chính trị tỉnh) và xem Đoàn Ca múa nhân dân Khu Tự trị Việt Bắc biểu diễn, chụp ảnh lưu niệm với cán bộ, diễn viên của Đoàn. Ngày 1-1-1964, Bác đến thăm cán bộ, công nhân Khu Gang thép, Nhà máy điện Cao Ngạn. Hơn 45 nghìn đại biểu cán bộ, công nhân và nhân dân trong tỉnh vô cùng phấn khởi được Bác Hồ chúc mừng năm mới và nói chuyện tại sân vận động thành phố Thái Nguyên trong ngày đầu năm.

Câu 69: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Từ ngày 10 đến ngày 18-3-1961, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI đã được tổ chức tại thị xã Thái Nguyên.

Đại hội ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa của tỉnh trong Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965); đề ra nội dung, phương hướng, nhiệm vụ và những chỉ tiêu cơ bản, những biện pháp lớn của Kế hoạch 5 năm (1961 - 1965).

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI gồm 23 ủy viên chính thức, 6 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 9 đồng chí; bầu đồng chí Lê Đức Chính làm Bí thư và các đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn, Chu Quốc Hưng, Nguyễn Thế Đạt làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Câu 70: Chiến dịch đại vận động sản xuất Đông - Xuân 1960 - 1961 do Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên phát động vào thời gian nào? Cho biết mục tiêu, kết quả của Chiến dịch?

Thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), ngày 14-10-1960, Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên phát động nhân dân tiến hành chiến dịch đại vận động sản xuất Đông - Xuân 1960 - 1961.

Chiến dịch đại vận động “*Phát cao cờ hồng, quyết thắng Đông - Xuân, tiến quân toàn diện*” được phát động với mục tiêu phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, làm cơ sở cho việc phát triển công nghiệp. Ý thức đầy đủ ý nghĩa chính trị và kinh tế của Chiến dịch, Ủy ban Hành chính tỉnh đã kêu gọi nhân dân các dân tộc trong tỉnh dốc toàn lực phấn đấu để “cót đầy thóc, bờ đầy khoai, đồi cỏ xanh tươi, trâu bò béo khỏe, ao hồ đầy tôm cá để không ngừng nâng cao đời sống nhân dân”.

Hưởng ứng chiến dịch đại vận động sản xuất Đông - Xuân 1960 - 1961, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã nỗ lực phấn đấu, giành một vụ lúa Đông - Xuân thắng lợi. So với vụ lúa chiêm trước, diện tích lúa vụ chiêm này của huyện Phổ Yên tăng 192%, Đồng Hỷ tăng 106%, Định Hóa tăng 82%, Đại Từ tăng 50%. Sản lượng các loại hoa màu ngô, khoai lang, sắn đều tăng so với năm trước.

Câu 71: Khu công nghiệp luyện kim lớn nhất miền Bắc được xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 1959 - 1963 như thế nào? Nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã có đóng góp gì vào việc xây dựng Khu công nghiệp luyện kim đó?

Trong giai đoạn 1959 - 1963, thực hiện quyết định của Trung ương Đảng và Chính phủ, Khu Liên hợp Gang thép Thái Nguyên đã được xây dựng và đi vào hoạt động và đây đã trở thành một sự kiện lịch sử có ý nghĩa trọng

đại đối với đời sống kinh tế, chính trị - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 4-6-1959, Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra quyết định thành lập Công trường Khu Gang thép Thái Nguyên. Trên 1,5 vạn cán bộ và công nhân, trong đó có khoảng 90% là bộ đội chuyển ngành được điều động lên xây dựng Công trường. Tiếp đó, năm 1960 lần lượt trên 1.000 bộ đội chuyển ngành được tập trung học tập, chuẩn bị tiếp thu kỹ thuật luyện kim. Ngày 2-9-1960, Công trường khu Gang thép làm lễ khởi công bằng việc đổ bê tông móng lót lò cao số 1 - mở đầu một giai đoạn lịch sử của ngành luyện kim hiện đại Việt Nam. Ngày 29-11-1963, mẻ gang đầu tiên của lò cao số 1 đã ra lò, đánh dấu quá trình khắc phục khó khăn, dám nghĩ, dám làm với tinh thần tự lực cánh sinh rất cao của hơn 2,2 vạn cán bộ, công nhân toàn Công trường. Ngày 20-12-1963, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã cắt băng khánh thành lò cao số 1 - công trình đầu tiên của nền công nghiệp luyện kim hiện đại nước ta.

Trong giai đoạn 1959 - 1963, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã đóng góp hàng nghìn mét khối gỗ, hàng chục vạn cây tre, nứa, hàng triệu tàu lá cọ đáp ứng kịp thời nhu cầu nguyên vật liệu xây dựng Khu Gang thép. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh còn đóng góp nhiều ngày công để phá các quả đồi, san lấp gần 11 triệu mét khối đất đá, tạo mặt bằng cho các hạng mục công trình. Ngoài ra,

nhân dân trong tỉnh còn có những đóng quan trọng trong việc khôi phục các mỏ than cũ và xây dựng nhà máy điện Cao Ngạn, mỏ sắt Trại Cau, mỏ đá Núi Voi... để Khu Gang thép Thái Nguyên có thể đi vào sản xuất.

Câu 72: Những kết quả chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp, thương nghiệp của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)?

Về công nghiệp: Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã lãnh đạo xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương ở cả ba loại hình quốc doanh, công tư hợp doanh và thủ công nghiệp, trong đó coi trọng việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường công tác tổ chức và quản lý sản xuất đối với công nghiệp quốc doanh, đưa tỷ trọng công nghiệp quốc doanh ngày càng tăng để đóng vai trò chủ đạo trong sản xuất công nghiệp.

Năm 1959, Thái Nguyên bắt đầu xây dựng công nghiệp địa phương, đến năm 1965 đã có 32 xí nghiệp công nghiệp địa phương. Công nghiệp địa phương đã góp phần đắc lực phục vụ cho công nghiệp, chế biến nông sản phẩm, phục vụ cho xây dựng và phục vụ hàng tiêu dùng của nhân dân.

Về phục vụ nông nghiệp: Xưởng Cơ khí 3-2 được xây dựng năm 1959 và dần dần phát triển. Xưởng Phốt phát Núi Vãn xây dựng từ năm 1960 đến năm 1965, hằng năm đã sản xuất 3.000 tấn. Các xí nghiệp vôi hằng năm sản

xuất được 30.000 tấn. Than Khánh Hòa năm 1961 sản xuất trên 10.000 tấn than, năm 1962 lên 25.000 tấn và đến năm 1965 sản xuất được 45.000 tấn.

Về chế biến nông sản: Xưởng Đường Minh Lập xây dựng từ năm 1962 có công suất 300 tấn/năm.

Về xây dựng: Thái Nguyên có xưởng ngói và một số cơ sở làm gạch đã sản xuất 35 triệu viên gạch/năm.

Về phục vụ hàng tiêu dùng: Xây dựng xưởng Bột giấy Đại Từ, xưởng Gỗ Tháng Tám, Xí nghiệp Dược phẩm và 2 lò gốm. Ngoài ra còn có 4 công trường đá, cát, sỏi và 7 xí nghiệp công tư hợp doanh các ngành nghề khác.

Tổng số công nhân trong các xí nghiệp quốc doanh địa phương, công tư hợp doanh và các cơ sở thủ công nghiệp có tất cả 4.610 người, riêng xí nghiệp quốc doanh địa phương có 2.166 công nhân.

Về ngành điện, ngày 5-3-1962, đường dây điện cao thế 110KV Đông Anh - Thái Nguyên hoàn thành. Năm 1962 đã có 3 trạm thủy điện ở xã Phú Tiến, Linh Thông, Chợ Chu (Định Hóa) với công suất 11kw điện với 48 ngọn đèn và kéo máy ép mía, máy sát sắn và có 3 trạm thủy lực ở Dân Chủ, Cầu Thành, Tân Tiến dùng để ép mía và sát sắn. Ngày 26-12-1963, khánh thành Nhà máy Điện Thái Nguyên (nay là Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn).

Về thủ công nghiệp: Năm 1961, ngành thủ công nghiệp của Thái Nguyên mới bắt đầu được khuyến khích và giúp đỡ phát triển, đến năm 1965 đã tăng thêm hàng trăm mặt

hàng tiêu dùng mới cho nhân dân như đường mật, bánh kẹo, bàn ghế, tủ, đồ gốm, bột sắn, thủy tinh, ép dầu... Đồng thời thủ công nghiệp được phát triển xuống tận hợp tác xã nông nghiệp như nghề làm đường mật và hàng trăm lò gạch lò vôi của hợp tác xã.

Về thương nghiệp: Khối lượng hàng hóa và doanh số thương nghiệp trong giai đoạn 1961 - 1965 tăng lên rất nhanh chóng. Tổng giá trị thu mua hàng nông sản năm 1961 là 6.957.000 đồng, năm 1962 là 9.433.000 đồng, năm 1963 là 10.731.000 đồng, năm 1964 là 16.072.000 đồng và so với năm 1960 tăng lên 91,97% và bình quân hằng năm trong 4 năm (1961 - 1964) tăng 28,97%. Doanh số bán lẻ năm 1964 lên tới 42.593.000 đồng, tăng 42,5% so với năm 1960 và bình quân hằng năm tăng 9,2%, riêng thương nghiệp quốc doanh tăng 51,58% so với năm 1960.

Công tác lương thực, thực phẩm hằng năm đều tăng. Về lương thực năm 1961 mới mua được 14.473 tấn, năm 1964 mua tới 19.486 tấn, tăng bình quân hằng năm trong 4 năm là 1.623 tấn; tỷ lệ huy động bình quân hằng năm so với sản xuất là 17%.

Thu mua thực phẩm cũng tăng lên rõ rệt, năm 1961 thu mua được 700 tấn thịt lợn, năm 1962 gần 800 tấn, năm 1964 mua tới 1.480 tấn tăng gấp hơn 2 lần so với năm 1961.

Về chấp hành chính sách, việc tổ chức thu mua được cải tiến nhiều, kể cả những nơi xa xôi hẻo lánh đều có cửa hàng (148 cửa hàng hợp tác xã mua bán ở xã), đã kết hợp thu mua với giúp đỡ sản xuất, cung cấp hàng công nghiệp và phân bón, nông cụ cho nông dân tốt hơn trước.

Câu 73: Những kết quả chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)?

Bước vào thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), tỉnh Thái Nguyên đã tập trung phát triển nông nghiệp. Thông qua phong trào “Thi đua làm thủy lợi”, hàng chục công trình thủy nông như hồ Tân Hòa, Tân Kim (Phú Bình), các đập Bến Động (Phổ Yên), Hoàng Nông, Rừng Chùa (Đại Từ), Nà Kháo (Võ Nai), Ngàn Me (Đông Hỷ). Hệ thống mương máng được làm mới, tu sửa để dẫn nước vào đồng ruộng, chủ động nước tưới tiêu cho hàng ngàn héc ta ruộng đất. Các phong trào “Thi đua khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích gieo trồng”, thi đua làm phân bón ruộng, làm bèo hoa dâu, làm ruộng thí nghiệm... cũng được Đảng bộ tỉnh quan tâm lãnh đạo.

Diện tích gieo trồng và sản lượng tăng khá. Diện tích gieo trồng năm 1960 có 61.163 héc ta, năm 1964 tăng lên 74.839 héc ta (trong đó lúa là 58.021 héc ta, hoa màu 14.564 héc ta, cây công nghiệp là 2.254 héc ta). Sản lượng

lượng thực quy ra thóc năm 1960 là 99.994 tấn đã tăng lên 139.918 tấn năm 1964. Đời sống nhân dân trong tỉnh tiếp tục được cải thiện, tình trạng thiếu đói mùa giáp hạt ở vùng nông thôn tuy vẫn còn nhưng số lượng ít và mức độ không trầm trọng như giai đoạn trước.

Chăn nuôi gia súc có bước phát triển mới. Năm 1964 là năm phát triển chăn nuôi lợn nháy vọt, đạt 116.236 con vượt kế hoạch 22%, tăng 52,7% so với năm 1960, tăng 25,2% so với năm 1963, tốc độ tăng bình quân trong 4 năm (1961 - 1964) là 11,2%. Đàn trâu cũng tăng khá, năm 1960 có 57.899 con trâu, đến năm 1964 tăng lên 67.811 con. Ngoài ra, hằng năm nhân dân Thái Nguyên còn chăn nuôi được hàng trăm ngàn gia cầm các loại, thả và thu được hơn một ngàn tấn cá thối nên cơ bản đáp ứng được nhu cầu của cán bộ và nhân dân tỉnh địa phương.

Do sản xuất nông nghiệp phát triển nên đóng góp lương thực, thực phẩm của nhân dân Thái Nguyên cho Nhà nước tăng lên. Năm 1965, toàn tỉnh đã đóng góp 19.500 tấn lương thực quy ra thóc (trong đó có 19.117 tấn thóc), tăng 6.500 tấn so với năm 1961; bán cho Nhà nước 2.000 tấn thịt các loại, 70.000 quả trứng gà, vịt và hàng chục tấn nông, lâm sản, thực phẩm khác, góp phần tích cực vào nhiệm vụ cân đối lương thực, thực phẩm của Nhà nước.

Câu 74: Những kết quả chủ yếu trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)?

Bước vào thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), cùng với nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên luôn quan tâm lãnh đạo sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế. Từ năm 1960 đến năm 1964, tổng mức đầu tư kinh phí dành cho văn hóa, giáo dục, y tế tăng bình quân hằng năm là 16,1%, trong đó năm 1964 tăng 81,88% so với năm 1960.

Về văn hóa, từ năm 1962 tờ báo Đảng của tỉnh đã tăng kỳ, tăng số (5 ngày phát hành một kỳ 3.000 số) và đã phát hành đến các chi bộ Đảng, hợp tác xã để kịp thời phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, thông tin tình hình thời sự trong nước và quốc tế đến nhân dân. Các loại sách khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật, tranh, ảnh cũng được xuất bản hàng triệu bản mỗi năm.

Ngoài rạp chiếu bóng và sân khấu biểu diễn nghệ thuật ở trung tâm thành phố Thái Nguyên, tỉnh còn xây dựng 10 đội chiếu bóng lưu động, 1 đoàn văn công và 213 đội văn nghệ nghiệp dư ở các cơ sở. Các đoàn, đội nghệ thuật, điện ảnh hoạt động tích cực, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, đẩy lùi nhiều hủ tục; gần 400 thầy mo, thầy cúng được giáo dục đã tự nguyện bỏ

nghe; nạn tảo hôn và các hình thức ma chay, cưới xin lạc hậu đã được loại bỏ bớt.

Về giáo dục, các lớp bổ túc văn hóa cho cán bộ, công nhân, viên chức ở các cơ quan, xí nghiệp, công trường vẫn tiếp tục được duy trì. Hệ thống trường thanh niên xã hội chủ nghĩa, trường vừa học, vừa làm để tạo điều kiện cho đội ngũ thanh niên nhất là thanh niên nông thôn có thể tham gia học tập văn hóa, khoa học - kỹ thuật đã được hình thành ở nhiều huyện. Sau nhiều năm kiên trì phấn đấu, ngày 24-6-1961, Thái Nguyên đã đạt tỷ lệ xóa mù chữ là 92,51% và đã được Chính phủ công nhận là tỉnh hoàn thành nhiệm vụ thanh toán nạn mù chữ.

Giáo dục phổ thông phát triển nhanh và vững chắc. Năm học 1964 - 1965, toàn tỉnh có 156 trường cấp I, 40 trường cấp II, 6 trường cấp III với 53.741 học sinh, tăng hơn hai lần so với năm học 1959 - 1960, bình quân trong tỉnh, cứ 100 người dân có 13 học sinh phổ thông.

Về y tế, công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân, giữ gìn vệ sinh phòng bệnh luôn được các cấp bộ Đảng quan tâm. Phong trào dờn chuồng gia súc ra xa nhà, thực hiện ăn chín, uống sôi, tiêm chủng phòng bệnh đã phát triển sâu rộng. Ngân sách của tỉnh chi cho công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân tăng bình quân hằng năm 12% (năm 1964 tăng 58,9% so với năm 1960). Cả 7 huyện trong tỉnh đều đã xây dựng được bệnh xá, với 156 giường bệnh. Các xã và khu phố đã xây dựng được 152

trạm xá dân lập với 700 giường bệnh (tăng gấp 3 lần so với năm 1960). Toàn tỉnh đã có 5 bác sĩ, 64 y sĩ, 552 y tá và 285 nữ hộ sinh làm nhiệm vụ trực tiếp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, khám và chữa bệnh cho nhân dân. Công tác hướng dẫn sinh đẻ có kế hoạch và chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em có những chuyển biến tốt. Phương pháp kết hợp Đông - Tây y trong điều trị bệnh bước đầu thu được kết quả tốt, mở ra hướng điều trị mới, mang lại hiệu quả thiết thực.

Câu 75: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VII được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Từ ngày 29-5 đến ngày 2-6-1963, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VII được tổ chức tại thành phố Thái Nguyên.

Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VI. Báo cáo khẳng định những thành tích nổi bật của Đảng bộ sau 2 năm lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VI và chỉ ra những yếu kém mà Đảng bộ cần khẩn trương lãnh đạo khắc phục. Từ thực tế đó Đảng bộ đã đúc rút kinh nghiệm: "*Ở đâu xây dựng Đảng tốt thì ở nơi đó mọi công tác đều tốt, cho nên cần phải hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực công tác*".

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII gồm 31 ủy viên do đồng chí Lê Đức Chính làm Bí thư; các đồng chí Chu Quốc Hưng, Nguyễn Thế Đạt, Doanh Hằng làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Câu 76: Cho biết kết quả và những hạn chế trong công tác xây dựng đảng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 1961 - 1965?

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI và lần thứ VII, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân. Những chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách của Nhà nước ban hành đều được các cấp ủy đảng tổ chức cho đảng viên học tập, liên hệ thực tiễn, phát huy ưu, khuyết điểm để từ đó xác định phương hướng hành động. Nhờ đó, đại đa số cán bộ đảng viên của tỉnh đã nêu cao ý chí phấn đấu, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, nêu cao ý thức tổ chức, kỷ luật, luôn giữ được lối sống giản dị, trong sạch của người cách mạng, sẵn sàng phấn đấu và hoàn thành mọi nhiệm vụ được Đảng giao phó.

Để kiện toàn và góp phần nâng cao năng lực hoạt động của các cấp ủy đảng ở cơ sở, coi đó là mấu chốt để hoàn thành các nhiệm vụ công tác khác theo tinh thần Nghị quyết 35 của Trung ương, từ năm 1963, Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh đã đưa 101 cán bộ (có 68 cán bộ do Trung ương tăng cường) về giúp đỡ, chỉ đạo các xã kiện

toàn các tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng và sửa đổi lề lối làm việc. Nhờ đó, các chi bộ Đảng ngày càng chặt chẽ về nguyên tắc tổ chức, lề lối, phương thức làm việc ngày càng sâu sát thực tế và hiệu quả hơn. Số chi, đảng bộ đạt tiêu chuẩn “4 tốt” (lãnh đạo sản xuất tốt; lãnh đạo chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước tốt; lãnh đạo quan tâm đến đời sống quần chúng và làm tốt công tác vận động quần chúng tốt; lãnh đạo công tác củng cố và phát triển Đảng tốt) tăng từ 113 chi, đảng bộ (năm 1960) lên 190 chi, đảng bộ (năm 1964).

Công tác phát triển Đảng có nhiều cố gắng nhằm “tăng cường phát triển Đảng vào lớp trẻ và phụ nữ, coi trọng chất lượng, đảm bảo số lượng”. Từ năm 1961 đến năm 1964, tỉnh Thái Nguyên phát triển thêm được 4.405 đảng viên mới (trong đó năm 1964 phát triển được 1.406 đảng viên, gấp 2 lần năm 1961), đưa tổng số đảng viên cuối năm 1964 lên 13.862 đồng chí, sinh hoạt trong 104 đảng bộ, 877 chi bộ cơ sở. Trong số 13.862 đảng viên của Đảng bộ có 1.434 đảng viên nữ, 8.743 đảng viên ở khu vực nông thôn; đảng viên thuộc thành phần bản, cố, trung nông chiếm 90%.

Trong xây dựng Đảng, công tác kiểm tra Đảng của Đảng bộ được tập trung vào những địa phương, đơn vị có phong trào yếu, kịp thời ngăn chặn, xử lý những khuyết điểm, sai phạm; động viên những nhân tố điển hình, tích cực để thúc đẩy phong trào đi lên. Để giữ

nghiêm kỷ luật Đảng, công tác kiểm tra Đảng thường xuyên đi sát cơ sở, kịp thời phát hiện và xử lý kỷ luật các đảng viên có sai phạm. Năm 1963, Đảng bộ có 120 đảng viên bị thi hành kỷ luật. Sáu tháng đầu năm 1964, các cấp ủy Đảng trong Đảng bộ cũng quyết định kỷ luật 54 đảng viên (trong đó có 25 đảng viên phải khai trừ ra khỏi Đảng).

Đánh giá chung về công tác xây dựng đảng của Đảng bộ giai đoạn 1961 - 1965, thành tích nổi bật là đội ngũ đảng viên của Đảng bộ ngày càng đông đảo, nhận thức về Đảng, ý thức trách nhiệm của đảng viên được nâng cao, sinh hoạt Đảng đã dần đi vào nề nếp. Chi bộ Đảng đã trở thành hạt nhân lãnh đạo các hoạt động kinh tế, xã hội của địa phương, đơn vị.

Tuy nhiên, công tác xây dựng đảng của Đảng bộ cũng còn những mặt yếu, trong đó tư tưởng ngại khó, ngại khổ, hữu khuynh, trung bình chủ nghĩa là những khuyết điểm chủ yếu trong đội ngũ đảng viên của Đảng bộ. Một số nơi vẫn còn hiện tượng mất đoàn kết rất nghiêm trọng nên năm 1965, Đảng bộ vẫn còn tới 9,4% tổ chức Đảng và 9,08% đảng viên yếu, kém.

Công tác phát phát triển Đảng ở những vùng sâu, vùng xa chưa được lãnh đạo quan tâm đúng mức. Đến cuối năm 1964 vẫn còn 21 xóm chưa có đảng viên, cả năm 1964 trong 5 huyện vẫn còn 7 xã không phát triển được đảng viên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý xã hội, quản lý kinh tế và khoa học, kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ đảng viên còn nhiều hạn chế. Toàn Đảng bộ vẫn còn hơn 90% cán bộ lãnh đạo các cấp chưa được đào tạo cơ bản, mới chỉ được bồi dưỡng kiến thức quản lý các lớp ngắn hạn. Toàn tỉnh chỉ có 33 cán bộ có trình độ đại học, 763 cán bộ có trình độ trung học. Năm 1965, trong Đảng bộ còn 90 đảng viên mù chữ, 33 đảng viên mới biết đọc, biết viết, 9.736 đảng viên có trình độ văn hóa cấp I, 3.492 đảng viên có trình độ văn hóa cấp II. Trình độ văn hóa thấp của cán bộ đảng viên là trở ngại chính trong việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý cho đội ngũ cán bộ đảng viên ở địa phương.

Câu 77: Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và việc triển khai Chỉ thị số 18/CT-TN, ngày 30-7-1964 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc nhận rõ tình hình mới, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống mọi âm mưu của địch khiêu khích và phá hoại miền Bắc?

Trong lúc Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Thái Nguyên cùng với nhân dân các địa phương khác ở miền Bắc đang nỗ lực thi đua, phấn đấu thực hiện thắng lợi Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ cho máy bay ném bom phá hoại một số nơi ở miền Bắc và đến ngày 7-2-1965 chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân. Từ đó, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo

nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên khẩn trương chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Ngày 30-7-1964, Tỉnh ủy Thái Nguyên ra Chỉ thị số 18/CT-TN về việc nhận rõ tình hình mới, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống mọi âm mưu của địch khiêu khích và phá hoại miền Bắc. Chỉ thị nêu rõ *“Phải đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, phòng chống gián điệp, biệt kích và tổ chức bảo vệ chặt chẽ các cơ quan quốc phòng và các công trình xây dựng kinh tế của địa phương; các cơ quan, xí nghiệp phải tăng cường công tác phòng không nhân dân. Các cấp ủy đảng phải nắm vững lực lượng quân sự ở địa phương, phải củng cố và tăng cường các tổ chức công an, dân quân, tự vệ; giáo dục cho anh em tinh thần sẵn sàng chiến đấu và dũng cảm chiến đấu truy lùng, tiêu diệt bằng được bọn gián điệp, biệt kích khi chúng xâm nhập vào địa phương; lãnh đạo chặt chẽ kế hoạch phối hợp với công an và dân quân trong công tác bảo vệ trị an lúc bình thường cũng như khi có tình hình đột xuất xảy ra”*.

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy, cấp ủy chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh đã lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân. Các kho tàng, tài liệu quan trọng, chất nổ, chất cháy được nhanh chóng chuyển ra khỏi thành phố Thái Nguyên. Các đội phòng cháy, chữa cháy, cứu thương, các

tổ sẵn máy bay được thành lập. Mạng lưới thông tin liên lạc được xây dựng ở khắp nơi trong tỉnh. Các huyện đều tổ chức các trạm quan sát, theo dõi máy bay địch, thống nhất hiệu lệnh báo động dây chuyền, hiệu lệnh huy động lực lượng khi có gián điệp, biệt kích. Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các ngành chuyên môn tổ chức tốt các cuộc diễn tập phòng không nhân dân; tổ chức sơ tán người già, trẻ em và chuyển các chất cháy nổ ra khỏi phạm vi thành phố Thái Nguyên; huy động hàng chục vạn ngày công lao động xây dựng và mở rộng hệ thống hầm hào phòng tránh và công sự chiến đấu. Từ giữa tháng 5-1965, trước tình hình không quân Mỹ tăng cường hoạt động trinh sát trên không phận Thái Nguyên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương tháo dỡ 50% nhà ở của nhân dân trong thành phố Thái Nguyên và bán trước tiêu chuẩn lương thực, muối, dầu thắp sáng cho nhân dân từ 2 đến 3 tháng; đưa các mặt hàng thiết yếu về cho các huyện, xã quản lý; các cơ quan, ban, ngành của tỉnh từng bước chuyển hoạt động từ thời bình sang thời chiến...

Như vậy, nhờ có sự chuẩn bị tích cực theo tinh thần Chỉ thị số 18/CT-TN ngày 30-7-1964 của Tỉnh ủy Thái Nguyên nên quân và dân Thái bước vào cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ với tinh thần chủ động và giảm thiểu được thiệt hại về người và của do cuộc chiến tranh gây ra.

Câu 78: Hội nghị Tỉnh ủy Thái Nguyên và Tỉnh ủy Bắc Kạn bàn về việc hợp nhất hai tỉnh thành tỉnh Bắc Thái diễn ra vào thời gian nào, ở đâu và đã quyết định những vấn đề gì?

Thực hiện Nghị quyết số 111-NQ/TW ngày 10-4-1965 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 103-NQ/TVQH ngày 21-4-1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc hợp nhất Bắc Kạn, Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái, từ ngày 4 đến ngày 6-6-1965, tại thành phố Thái Nguyên, Tỉnh ủy Bắc Kạn và Tỉnh ủy Thái Nguyên đã họp Hội nghị để quyết định một số vấn đề hợp nhất.

Hội nghị đã nhất trí tán thành hợp nhất hai Tỉnh ủy lại làm một gọi là Tỉnh ủy Bắc Thái và bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí. Đồng chí Lê Hoàng (Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc, được Trung ương điều động tăng cường cho Bắc Thái) làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Việt Vinh (nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bắc Kạn) được bầu làm Phó Bí thư Thường trực; Doanh Hằng (nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên), Nguyễn Thế Đạt (nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên) được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Hội nghị chỉ rõ những lợi thế của tỉnh Bắc Thái khi sáp nhập và có những đánh giá ưu điểm, hạn chế về đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ tỉnh Bắc Thái.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình của Đảng bộ, Hội nghị đã quán triệt nhiệm vụ trước mắt của quân dân miền Bắc do Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (tháng 3-1965) đề ra là *“Tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa bằng không quân và hải quân của địch, chuẩn bị sẵn sàng để đánh địch trong trường hợp chúng đưa cuộc chiến tranh phá hoại hiện nay lên một trình độ ác liệt gấp bội...”*.

Hội nghị ra Nghị quyết về công tác tổ chức và công tác xây dựng đảng trong thời gian trước mắt với 4 nội dung chủ yếu là tiếp tục hoàn thành cuộc chỉnh huấn Mùa Xuân 1965 và học tập các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương; đẩy mạnh công tác xây dựng chi bộ, đảng bộ 4 tốt; tích cực phát triển đảng viên mới nhất là đảng viên vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đảng viên nữ; tiếp tục kiện toàn biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy lãnh đạo.

Câu 79: Kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Thái khóa I diễn ra vào thời gian nào? Cho biết nội dung của Kỳ họp?

Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Thái khóa I được bầu ngày 23-4-1965, gồm 128 đại biểu trong đó tỉnh Thái Nguyên có 75 đại biểu, tỉnh Bắc Kạn có 53 đại biểu.

Từ ngày 21 đến ngày 25-6-1965, tại Hội trường Khu Tự trị Việt Bắc, Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Thái khóa I họp kỳ thứ nhất với sự có mặt của 113 trên tổng số 128 đại biểu. Các đồng chí Ung Văn Khiêm (Bộ trưởng Bộ Nội vụ), Lê Hoàng (Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy), Nguyễn Văn Chi (Đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa - tỉnh kết nghĩa với tỉnh Bắc Thái) đã tham dự kỳ họp.

Phát biểu tại kỳ họp, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy nhấn mạnh: *“Phải nhanh chóng ổn định tư tưởng và tổ chức các ngành của Đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh, nhằm đảm bảo các hoạt động nhịp nhàng, liên tục, không để ảnh hưởng không tốt đến các mặt sản xuất và sẵn sàng chiến đấu của tỉnh”*.

Tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu đồng chí Doanh Hằng (Phó Bí thư Tỉnh ủy) giữ chức Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Phó Bí thư Tỉnh ủy) và các đồng chí Lý Ngọc Tuấn (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy), Triệu Văn Tịnh (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy), Hoàng Thượng giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái.

Câu 80: Trận đầu chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ để bảo vệ cầu Gia Bảy ngày 17-10-1965 của quân dân tỉnh Bắc Thái diễn ra như thế nào?

Cầu Gia Bảy bắc qua sông Cầu, nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B, có chiều dài khoảng 100 mét, được chia thành 3 nhịp

với lưu lượng lớn xe ô tô qua cầu mỗi ngày. Đây là cây cầu lớn nằm trên tuyến vận chuyển quan trọng, có ý nghĩa chiến lược cả về kinh tế và quân sự. Các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh và hàng hóa của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa viện trợ cho nước ta từ biên giới Việt - Trung theo Quốc lộ 1B qua cầu Gia Bảy về thành phố Thái Nguyên, xuôi theo Quốc lộ 3 về Hà Nội để chuyển tới các chiến trường. Trong thời kỳ chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, cầu Gia Bảy trở thành mục tiêu đánh phá chủ yếu của không quân Mỹ. Từ 9 giờ 55 phút đến 10 giờ 30 phút ngày 17-10-1965, đế quốc Mỹ huy động 29 lần chiếc máy bay, ném 116 quả bom phá xuống khu vực cầu Gia Bảy và bắn nhiều loạt tên lửa xuống trận địa pháo cao xạ của bộ đội Trung đoàn 210 ở xóm Xuân Quang (Gia Sàng), mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân vào địa bàn Thái Nguyên. Cầu Gia Bảy bị hỏng 2 mố, dầm chủ và dầm bên thượng lưu bị đứt 3 chỗ, dầm bên hạ lưu bị đứt 1 chỗ, giao thông hoàn toàn bị ngưng trệ.

Ngày đầu tiên trực tiếp đối mặt với máy bay và bom đạn Mỹ, quân và dân thành phố Thái Nguyên đã chiến đấu, phục vụ chiến đấu kiên cường, dũng cảm. Toàn bộ 32 cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ bị thương và hy sinh (có 15 đồng chí hy sinh, được Nhà nước công nhận liệt sĩ).

Câu 81: Hoàn cảnh lịch sử, nội dung Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái (mở rộng) diễn ra từ ngày 6 đến ngày 8-11-1965?

Ngày 17-10-1965, đế quốc Mỹ đã tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân vào địa bàn tỉnh Bắc Thái. Cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ diễn ra kiên cường, dũng cảm và thu được một số thắng lợi, song do tư tưởng chủ quan, mất cảnh giác của một số cán bộ nên tỉnh Bắc Thái đã phải trả giá bằng những tổn thất khá nặng nề về người và của.

Trước tình hình đó, từ ngày 6 đến ngày 8-11-1965, tại thành phố Thái Nguyên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị (mở rộng) để kiểm điểm, rút kinh nghiệm lãnh đạo công tác phòng không, sơ tán. Đồng chí Chu Văn Tấn (Bí thư Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc) và các đồng chí trong Ban Thường vụ Khu ủy đã đến dự, chỉ đạo Hội nghị.

Hội nghị đã nghiêm túc kiểm điểm và chỉ rõ: Nghị quyết 11 của Trung ương có ý nghĩa rất quan trọng, chỉ đạo các đảng bộ địa phương chuyển hướng lãnh đạo từ thời bình sang thời chiến, nhưng Tỉnh ủy mới chỉ phổ biến trong Ban Thường vụ, chưa tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc trong Tỉnh ủy cũng như trong toàn Đảng bộ và quần chúng. Các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Khu ủy và Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt Bắc cũng rất rõ ràng, cụ thể về nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không, sơ tán nhưng

Ban Thường vụ Tỉnh ủy không nghiên cứu nghiêm túc và tổ chức thực hiện chu đáo. Một số đồng chí chủ chốt trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy có tư tưởng chủ quan, coi thường địch, y lại vào vũ khí và lực lượng quân sự, thiếu khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không nhân dân nên gây cho cán bộ và nhân dân không khí chủ quan, mất cảnh giác nặng.

Mặt khác, do các cấp lãnh đạo từ Khu xuống tỉnh đều nhận định: Nếu đánh thành phố Thái Nguyên, máy bay Mỹ sẽ tập trung đánh phá Nhà máy điện Cao Ngạn và Khu Gang thép Thái Nguyên trước nên toàn bộ lực lượng pháo cao xạ của Trung đoàn phòng không 210 đều được bố trí để bảo vệ hai nơi đó. Lực lượng bảo vệ cầu Gia Bảy chỉ có Trung đội tự vệ tiểu khu Gia Bảy thuộc Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ và vũ khí chỉ có 1 khẩu súng máy thượng liên cộng với 14 khẩu súng trường nên không đủ khả năng chiến đấu bảo vệ cầu, dẫn đến tổn thất nặng nề.

Như vậy, nhờ có sự kiểm điểm sâu sắc về công tác phòng không sơ tán của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái (mở rộng) diễn ra từ ngày 6 đến ngày 8-11-1965 mà công tác phòng không, sơ tán được tăng cường để góp phần vào thắng lợi của quân dân tỉnh Bắc Thái trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ.

Câu 82: Ai là người 8 lần được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng “Huy hiệu Bác Hồ”?

“Huy hiệu Bác Hồ” là phần thưởng do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tặng cho những cá nhân là tấm gương làm việc tốt mà Người đọc được trên báo chí của miền Bắc vào những năm 1959 đến năm 1969. Phần thưởng này có ý nghĩa quan trọng trong công tác giáo dục, động viên mọi người dân Việt Nam. Đã có khoảng 5.000 người được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng “Huy hiệu Bác Hồ”. Trong khoảng thời gian từ năm 1966 đến năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã 8 lần tặng thưởng “Huy hiệu Bác Hồ” cho đồng chí Phạm Thanh Ngân, sinh ra tại xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã có thành tích 8 lần bắn rơi máy bay Mỹ.

Đồng chí Phạm Thanh Ngân sinh năm 1939 tại xã Lương Phú (huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên), nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Thượng tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Câu 83: Chiến công đặc biệt bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 trên bầu trời miền Bắc ngày 29-4-1966 của Trung đoàn phòng không 210?

Trung đoàn phòng không 210 có nhiệm vụ bảo vệ Khu công nghiệp Gang thép Thái Nguyên và Thủ phủ Khu Tự trị Việt Bắc; là một trong những đơn vị được trang bị sớm nhất pháo 100mm. Hồi 16 giờ ngày 28-4-

1966, Sở Chỉ huy Quân chủng Phòng không lệnh cho Trung đoàn 210 vào cấp 1. 14 giờ 23 phút ngày 29-4, các vọng quan sát cùng lúc báo cáo hàng chục máy bay địch đang bay ở vòng ngoài. Chỉ 3 phút sau, 2 vọng quan sát phát hiện tốp 80 đang vòng từ hướng Bắc về Đông Bắc. Trung đoàn trưởng dùng máy bộ đàm hạ lệnh cho từng đại đội hướng chính. Chỉ huy các trận địa vừa dứt tiếng “Rõ!” thì tốp đầu 2 chiếc F105 lợi dụng mù khô vượt qua dãy núi Linh Nham, xuống phía Nam, rồi đột ngột bay vòng lên hướng Khu Gang thép, ném bom ga Lưu Xá, ga Lập Tàu, xóm Tiến Thành (xã Quyết Thắng, huyện Đồng Hỷ) và bắn rốc két xuống Nhà máy điện Cao Ngạn. Các trận địa của Trung đoàn 210 đồng loạt nổ súng vào khu vực địch nâng độ cao bỏ nhào cắt bom. Các khẩu pháo cao xạ 100 ly của Đại đội 101 từ đồi Tiến Lập, xã Gia Sàng dưới sự chỉ huy của Đại đội phó Nguyễn Văn Hữu và Chính trị viên Nguyễn Quang Thịnh, tập trung hỏa lực bắn chiếc F-105 đi đầu nhưng không hiệu quả. Máy bay địch ném 4 quả bom vào khu vực trận địa Đại đội 104. Không nao núng tinh thần, đơn vị tiếp tục bắn tập trung vào chiếc thứ 2. Chiếc F-105 trúng đạn bốc cháy dữ dội, lao xuống cánh đồng làng Chùa, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương. Lúc đó 15 giờ 22 phút ngày 29-4-1966. Đây là chiếc máy bay thứ 1.000 bị bắn rơi trên bầu trời miền Bắc. Chiếc máy bay bị bắn rơi tại chỗ khiến cho quân địch hoảng loạn, tháo chạy khỏi vùng trời Thái Nguyên. Chiến công này đã được Chủ tịch

Hồ Chí Minh tặng Cờ thưởng luân lưu *Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì.

Câu 84: Trung đội dân quân nào của tỉnh Thái Nguyên đã lập được thành tích bắn rơi máy bay phản lực của Mỹ bằng súng bộ binh?

Ngày 1-8-1966, 6 cán bộ, chiến sĩ trực chiến phòng không thuộc Trung đội dân quân xã Hà Thượng (huyện Đại Từ) với 2 khẩu súng máy, 3 khẩu súng trường và 18 viên đạn súng bộ binh đã bắn rơi tại chỗ 1 máy bay phản lực RF4C của giặc Mỹ. Thành tích bắn rơi máy bay phản lực của Mỹ bằng súng bộ binh của Trung đội dân quân xã Hà Thượng đã khẳng định chủ trương của Tỉnh ủy về xây dựng trận địa phục kích, đón lõng, bắn máy bay địch bay thấp bằng súng bộ binh của lực lượng dân quân, tự vệ là đúng đắn và có hiệu quả.

Với thành tích đạt được, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Hà Thượng đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất.

Câu 85: Nội dung cơ bản và quá trình triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TU ngày 12-3-1967 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái về nhiệm vụ bảo vệ trật tự, trị an thời chiến?

Trong bối cảnh tình hình trật tự, trị an trên địa bàn tỉnh có nhiều diễn biến phức tạp, ngày 12-3-1967, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TU về nhiệm vụ bảo vệ trật tự, trị an thời chiến.

Chỉ thị nêu rõ phải kịp thời nắm vững tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn; phòng chống có hiệu quả các hoạt động gián điệp, biệt kích của đế quốc Mỹ và tay sai; đấu tranh chống các luận điệu phản động của địch; cải tạo những người trước kia là tề, ngụy, phi, những phần tử đã tham gia các tổ chức phản động cũ; đấu tranh chống phạm pháp hình sự và các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự nơi công cộng.

Để thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lãnh đạo Ty Công an đã triển khai tốt Chỉ thị của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường giữ gìn an ninh miền Bắc trong tình hình chiến tranh phá hoại; tổ chức điều tra, khám phá kịp thời nhiều vụ trọng án tại các xã Bình Sơn (Đông Hỷ), Kim Phụng (Định Hóa), Thượng Nung (Võ Nhai) và nhất là việc phá án, đập tan tổ chức phản động “Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam” ở một số huyện... Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt phong trào quần chúng bảo vệ trật tự, trị an thời chiến; tổ chức kiểm điểm, giáo dục 109 phần tử chính trị trước kia là tề, ngụy, phi hoặc tham gia các tổ chức phản động.

Câu 86: Năm 1967, Thường trực Tỉnh ủy Bắc Thái đã lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng Công an tỉnh thực hiện phá án, đập tan tổ chức phản động “Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam” như thế nào?

Từ ngày 5-4-1967, Thường trực Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng Công an tỉnh thực hiện phá án, đập tan

tổ chức phản động “Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam” ở huyện Định Hóa. Đây là một tổ chức phản động hình thành từ tháng 3-1963, đã mở rộng phạm vi hoạt động ra 19 xã ở huyện Định Hóa, 2 xã huyện Phú Lương, phát triển sang một số xã của huyện Đại Từ và hướng ra các huyện khác ở ngoài tỉnh. Đầu tháng 4-1967, tổ chức phản động này đã có lực lượng lên tới 94 tên và đã tổ chức may cờ (nền xanh, sao đỏ), bầu các chức danh chủ tịch hội, ban chấp hành chiến khu, tư lệnh, tham mưu trưởng quân đội. Chúng đã kích động nhân dân và các phần tử lưu manh, bất mãn ở 2 xã Quy Kỳ, Bảo Cường (Định Hóa) gây rối, phá hoại cuộc bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, đả kích lãnh tụ, cấm chông xuống ruộng hợp tác xã, đòi đất ông cha... Âm mưu của chúng là bí mật, nhanh chóng phát triển tổ chức và chuẩn bị mọi điều kiện để nổi dậy vũ trang cướp chính quyền từ cơ sở, lập chính phủ mới khi có thời cơ.

Được sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và sự giúp đỡ của nhân dân, ngày 9-4-1967, Công an tỉnh và Công an các huyện Định Hóa, Phú Lương, phối hợp với lực lượng dân quân, tự vệ trên địa bàn đã bắt gọn 9 tên cầm đầu và sau đó bắt thêm 7 tên. Tổ chức phản động “Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam” ở Định Hóa, Phú Lương bị xóa bỏ. Trật tự, trị an ở địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói chung và các huyện Định Hóa, Phú Lương nói riêng căn bản được giữ vững.

Sau khi đập tan tổ chức phản động “Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Đoàn cán bộ tăng cường xuống làm công tác tuyên truyền, vận động, xây dựng, củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và quần chúng nhân dân, lực lượng vũ trang ở huyện Định Hóa. Thông qua đó, các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng trong huyện được củng cố, kiện toàn, đảm bảo chất lượng tốt. Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ.

Câu 87: Trong những năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968), công tác đảm bảo giao thông thời chiến đã được Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh thực hiện như thế nào?

Trong những năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968), công tác đảm bảo giao thông thời chiến là một mặt trận chiến đấu, đồng thời là công tác trọng tâm của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh ra quyết định thành lập Ban Đảm bảo giao thông tỉnh do đồng chí Nguyễn Thế Đạt - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh làm Trưởng ban với nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ công tác đảm bảo giao thông được thông suốt trong mọi tình huống.

Để có lực lượng sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải trong tình huống bị máy bay địch đánh phá ác liệt, theo chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, tháng 12-1965, Tỉnh ủy đã lãnh đạo Ban Chỉ huy Tỉnh đội thành lập 1 đại đội và 2 trung đội bộ đội công binh làm nhiệm vụ cơ động đảm bảo giao thông vận tải ở các trọng điểm giao thông trên địa bàn tỉnh. Năm 1966, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Tỉnh Đoàn đã tổ chức thành lập Đội 91 thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước tập trung làm nhiệm vụ xung kích phục vụ chiến đấu và đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh.

Nhằm tăng cường hệ thống giao thông vận tải ở phía Bắc và Đông Bắc Thủ đô Hà Nội, theo sự thỏa thuận giữa Đảng và Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc, từ cuối năm 1965, trên địa bàn tỉnh, Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc đã cử các đơn vị C18, C19 thuộc Chi đội 4 (tương đương với sư đoàn) sang giúp ta nâng cấp mặt đường Quốc lộ 3 từ ngã ba Bờ Đậu (Phú Lương) lên cầu Ổ Gà (Chợ Mới); đơn vị C3 thuộc Chi đội 1 làm đường sắt tuyến Lưu Xá - Đa Phúc và làm hầm toa xe Lương Sơn dài 260 mét. Để phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho quân đội Trung Quốc hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc tế của mình, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập Ban Ngoại vụ; các huyện có quân đội Trung Quốc đến làm

đường cũng thành lập Tổ Ngoại vụ, cùng thời gian đó Ủy ban Hành chính tỉnh cũng ra quyết định thành lập Ban Ngoại vụ đường sắt. Thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, Ban Ngoại vụ, Tổ Ngoại vụ, Ban Ngoại vụ đường sắt đã làm tốt công tác chuẩn bị đón tiếp. Nhờ đó, đến cuối tháng 11-1965, gần 4.700 cán bộ, bộ đội Trung Quốc đã nhanh chóng ổn định nơi ăn, ở, kịp thời triển khai nhiệm vụ sửa chữa, nâng cấp và làm đường theo đúng thỏa thuận giữa Đảng và Chính phủ hai nước.

Để đảm bảo giao thông vận tải thời chiến kịp thời, thông suốt, từ tháng 10-1965 đến tháng 3-1968, cấp ủy đảng và chính quyền các cấp đã lãnh đạo, chỉ đạo làm được 153 ki lô mét đường ô tô, rải đá 171 ki lô mét, rải nhựa 40 ki lô mét mặt đường, làm 37 cầu và 12 bến phà mới. Tất cả các trọng điểm giao thông quan trọng trên hai tuyến đường vận tải chiến lược là Quốc lộ 3 và Quốc lộ 1B (cầu Gia Bấy, cầu Đa Phúc, các bến phà, bến ngầm, cầu treo...) đều có lực lượng thường trực đảm bảo giao thông kịp thời, thông suốt trong mọi tình huống.

Hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh ngày càng được củng cố, mở rộng. Cuối năm 1967, toàn tỉnh có 4.895 ki lô mét đường giao thông nông thôn, 2/3 số xã trong tỉnh có đường ô tô về tới trung tâm xã để đáp ứng kịp thời các yêu cầu đảm bảo giao thông thời chiến.

Câu 88: Kết quả lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong công tác tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên tham gia, xây dựng, phát triển kinh tế miền núi và vận động đồng bào vùng cao chuyển từ du canh, du cư sang định canh, định cư, giai đoạn 1962 - 1968?

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước chuyển một bộ phận dân cư ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ nơi đông người, ít ruộng lên xây dựng và phát triển kinh tế ở miền núi (nơi đất rộng người thưa), từ năm 1962 đến năm 1965, tỉnh Thái Nguyên đã đón gần 4 vạn đồng bào từ các tỉnh Hưng Yên, Thái Bình, Hà Đông, Hà Nam lên các huyện Võ Nhai, Đồng Hỷ, Định Hóa, Phú Lương, Đại Từ xây dựng cuộc sống mới. Bước đầu lên quê mới lập nghiệp, đồng bào khai hoang đã được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thái Nguyên tạo mọi điều kiện thuận lợi như giúp công sức làm nhà cửa, chia sẻ ruộng đất để nhanh chóng ổn định cuộc sống để bắt tay vào sản xuất. Ngoài ra, số đồng bào Mông, Dao... chuyên du canh, du cư, phát rừng làm rẫy cũng được hạn chế. Đảng bộ, chính quyền các cấp cũng đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách để chuyển đồng bào sang cuộc sống định canh, định cư.

Trong giai đoạn 1965 - 1968, việc lãnh đạo công tác tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên tham gia xây dựng và phát triển kinh tế miền núi cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Đến cuối năm 1967, toàn tỉnh đã tiếp nhận 7.119 hộ (40.270 nhân khẩu) từ các tỉnh Thái Bình, Hải Dương,

Hưng Yên, Hà Đông... lên khai hoang, xây dựng kinh tế miền núi. Có 3.941 hộ (21.753 nhân khẩu) được xen ghép vào các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở địa phương (chiếm 53,5% tổng số người lên khai hoang); 1.828 hộ (10.270 nhân khẩu) vào các hợp tác xã khai hoang độc lập trồng lúa và cây công nghiệp, chủ yếu là trồng chè. Các hợp tác xã nông nghiệp chuyên trồng cây công nghiệp của đồng bào khai hoang ở các huyện Đồng Hỷ, Định Hóa được cấp ủy và chính quyền cơ sở quan tâm, giúp đỡ, đời sống của nông dân được ổn định, một số hộ đã có sản phẩm bán cho Nhà nước.

Từ tháng 7-1965 đến tháng 3-1968, Đảng bộ đã lãnh đạo đồng bào vùng cao chuyển từ cuộc sống du canh, du cư sang định canh, định cư đạt kết quả tốt. Toàn tỉnh đã có 2.690 hộ với 14.315 nhân khẩu đồng bào vùng cao xuống núi định canh định cư (đạt tỷ lệ 87,7% tổng số hộ đồng bào vùng cao). Hợp tác xã Bản Cháo (huyện Phú Lương của đồng bào định canh, định cư làm tốt công tác khai thác, bảo vệ rừng và trở thành hợp tác xã tiên tiến của tỉnh.

Câu 89: Nội dung Thông tri 278-TT/BT ngày 15-10-1969 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái?

Trong khí thế thi đua học tập và làm theo Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 15-10-1969, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông tri số 278-TT/BT hướng dẫn thêm việc chuyển bước 2 đợt sinh hoạt chính trị nội bộ phát động trong toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh thực

hiện đợt sinh hoạt chính trị nội bộ học tập Điều văn và Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc tại Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Thủ đô Hà Nội.

Thông tri nhấn mạnh: *"...Trước hết, các cấp ủy đảng cần học tập thể, nghiên cứu, thảo luận kỹ Di chúc của Hồ Chủ tịch và tìm rõ nguyên nhân gì làm cho phong trào của địa phương, cơ quan hay đơn vị mình trì trệ, trên cơ sở đó mà đề ra hướng khắc phục cụ thể. Đặc biệt nơi nào nội bộ cấp ủy có vấn đề thiếu đoàn kết nhất trí, thì trước tiên cấp ủy nơi đó phải tiến hành phê bình, tự phê bình thẳng thắn trong cấp ủy để thanh toán cho tốt, có như thế mới thiết thực và mới có cơ sở bàn các biện pháp tích cực để chỉ đạo phong trào ở nơi đó tiến lên".*

Để việc học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh được sâu sắc và thiết thực Thông tri đã đề ra các nhiệm vụ là các ngành, các cấp cần tổ chức sơ kết ngay bước 1 và đợt thi đua do tỉnh phát động từ 15-9-1969 đến 20-11-1969. Qua đó rút kinh nghiệm mặt nào tốt thì biểu dương khen thưởng kịp thời, mặt nào yếu hoặc tồn tại thì lồng vào chương trình hành động bước 2 và bước 3 của tỉnh (tức là từ 20-10-1969) đến hết năm 1969 là bước học tập sâu sắc đợt sinh hoạt chính trị nội bộ nhằm nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Câu 90: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ nhất diễn ra vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Trong khí thế thi đua học tập và làm theo Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ ngày 21-5 đến ngày 3-6-1970, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ nhất được tổ chức tại thành phố Thái Nguyên với sự tham gia của 267 trên tổng số 295 đại biểu chính thức thay mặt cho 30.769 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Lê Văn Lương (Bí thư Trung ương Đảng), Chu Văn Tấn (Bí thư Khu ủy), Hoàng Bắc Dũng (Phó Bí thư Khu ủy) đã đến dự và chỉ đạo Đại hội.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh do đồng chí Lê Hoàng (Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy) trình bày tại Đại hội đã khẳng định những kết quả Đảng bộ đã đạt được trong 5 năm 1965 - 1970 và nghiêm khắc chỉ rõ những khuyết điểm, nhược điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ.

Đại hội ra Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trong những năm tới là *"tăng cường đoàn kết nhất trí, phấn đấu vươn lên nhanh hơn, mạnh hơn, tận dụng và phát huy tốt những khả năng, thuận lợi sẵn có, khắc phục khó khăn, nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, hăng hái tham gia xây dựng phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm để phát triển kinh tế toàn diện hơn, nhằm*

đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khóa I gồm 23 ủy viên chính thức, 4 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 7 đồng chí. Đồng chí Lê Hoàng được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Doanh Hằng (Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) được bầu làm Phó Bí thư, đồng chí Nguyễn Việt Vinh được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

Câu 91: Nghị quyết số 01-NQ/BT ngày 1-9-1970 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái xác định công tác “Kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh” như thế nào?

Ngày 1-9-1970, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ban hành Nghị quyết số 01-NQ/BT. Phần về “Kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh”, Nghị quyết chỉ rõ:

“... Sau khi Bác Hồ qua đời, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh đã biến đau thương thành hành động cách mạng cụ thể, tăng cường đoàn kết, nhất trí, gạt bỏ những tính toán cá nhân để quyết tâm thực hiện bằng được Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch. Nhiều đảng bộ cơ sở đã tiến hành phê bình và tự phê bình, tự phê bình nghiêm túc trong Đảng, trong quần chúng và thành thật sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm của cấp ủy cũng như từng đảng viên. Nhiều đảng viên đã xung phong gương mẫu, tích cực lao động sản xuất tập thể; những

hiện tượng quan liêu, thiếu dân chủ, hủ hóa, tham ô, nhập nhằng công tư lẫn lộn... của một số đảng viên đã bước đầu được khắc phục, nâng cao được uy tín và gây được sự hồ hởi, phấn khởi, tin tưởng trong quần chúng...”.

Để tăng cường sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng có thêm lực lượng kế tục sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghị quyết đã chỉ ra các nhiệm vụ cụ thể của đảng bộ cơ sở đó là: Phải tích cực bồi dưỡng cho đảng viên, trước hết là các bí thư chi bộ hiểu rõ thủ tục và biết cách làm công tác tuyên truyền phát triển Đảng và rèn luyện những quần chúng tiên tiến xuất hiện trong sản xuất, chiến đấu và công tác để kết nạp Đảng; phải đảm bảo chất lượng công tác kết nạp đảng để làm mẫu mực cho việc kết nạp đảng viên về sau; những người được kết nạp vào Đảng phải thực sự có giác ngộ chính trị cao, có động cơ đúng đắn, hiểu rõ mục đích, chính cương, điều lệ của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các tổ chức cơ sở đảng phải thẩm tra chặt chẽ, đảm bảo thủ tục và phải tổ chức cho quần chúng tham gia nhận xét, giới thiệu với Đảng. Phải phân công đảng viên theo dõi, bồi dưỡng cá biệt và giao việc thử thách đối với từng đối tượng.

Về phương hướng kết nạp đảng viên mới, Nghị quyết xác định: Phải tăng cường thành phần công nhân trực tiếp sản xuất, nhất là công nhân kỹ thuật. Ở nông thôn và trong các hợp tác xã thủ công nghiệp phải chú trọng các

xã viên ưu tú xuất thân từ nhân dân lao động, hăng hái sản xuất, chiến đấu, tích cực áp dụng các biện pháp khoa học, kỹ thuật mới, chấp hành tốt chính sách, có quan hệ mật thiết với quần chúng, được quần chúng tin yêu. Đồng thời, phải chú ý đến anh em trong các cơ quan và xí nghiệp quốc doanh, phải chú trọng đến anh em trí thức xã hội chủ nghĩa, cán bộ khoa học, kỹ thuật, giáo viên, y, bác sĩ. Phải chú ý phát triển đảng viên mới ở những cơ sở mỏng và vùng dân tộc ít người, lớp trẻ, nữ.

Câu 92: Tầm gương hy sinh của các đội viên Đại đội 915 thuộc Đội Thanh niên xung phong 91 tỉnh Bắc Thái ngày 24-12-1972?

Từ ngày 18-12-1972, đế quốc Mỹ mở cuộc tập kích bằng máy bay ném bom chiến lược B52 xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi khác, trong đó có thành phố Thái Nguyên. Vào thời gian này tại các ga Quán Triều và Lưu Xá còn tồn đọng 19.923 tấn lương thực và hàng quân sự. Yêu cầu cấp bách là phải nhanh chóng giải tỏa số hàng ấy. Công việc này được giao cho Đội Thanh niên xung phong 91 tỉnh Bắc Thái.

Sáng sớm ngày 24-12-1972, từ nơi đóng quân ở xóm Bến Đò, xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ, 66 cán bộ, đội viên Đại đội 915 do Đại đội trưởng Triệu Văn Việt phụ trách đã hành quân và có mặt tại ga Lưu Xá, dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Thế Cường, Đội phó Đội 91 làm

nhiệm vụ giải tỏa lương thực, hàng hoá chi viện cho chiến trường miền Nam.

Chập tối, số lương thực, hàng hoá quốc phòng tồn đọng ở ga Lưu Xá cơ bản đã được giải tỏa, cả đơn vị chưa kịp ăn cơm thì máy bay ném bom chiến lược B52 và các máy bay chiến thuật của giặc Mỹ lao vào đánh phá các khu vực trọng điểm thuộc vùng công nghiệp phía Nam thành phố Thái Nguyên. Cả đơn vị đã vào hết 2 hầm trú ẩn ở Khu tập thể Bệnh viện Gang thép (tại xóm Xuân Quang, xã Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên), nhưng bom rơi trúng hầm, cướp đi sinh mạng của 62 người đang làm nhiệm vụ, gồm đồng chí Đội phó Đội 91 Nguyễn Thế Cường, 59 cán bộ, đội viên Đại đội 915; 2 cán bộ thủ kho của Ty Lương thực; đồng thời làm 7 cán bộ, đội viên Đại đội 915 bị thương.

Biến đau thương thành hành động, số cán bộ, đội viên còn lại của Đại đội 915 tiếp tục cùng cán bộ, đội viên của Đội 91 nhanh chóng giải tỏa, vận chuyển hết số lương thực, hàng hóa quốc phòng còn tồn đọng ở các ga Quán Triều, Lưu Xá đến nơi an toàn.

Câu 93: Kết quả thực hiện Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 6-3-1970 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 26-10-1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng?

Từ năm 1970 đến năm 1975, Đảng bộ tỉnh đã tập trung chỉ đạo đưa 95% đảng viên, 100% tổ chức cơ sở

đảng thực hiện nhiều cuộc vận động xây dựng đảng theo chủ trương của Trung ương trong đó có cuộc vận động *Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh* (Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị) và cuộc vận động *Bảo vệ Đảng* (Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng).

Thực hiện Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 6-3-1970 của Bộ Chính trị, Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ nhất họp vào tháng 5-1970 đã quyết định tiến hành cuộc vận động *"Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh"* và Cuộc vận động Bảo vệ Đảng. Cuộc vận động đã tác động mạnh tới tư tưởng, tình cảm cách mạng của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh. Qua thực tiễn đấu tranh, các cấp bộ đảng đã chú trọng giáo dục cho cán bộ, đảng viên về đường lối chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, kiến thức khoa học, kỹ thuật, quản lý kinh tế và phẩm chất đạo đức. Vì vậy, trong điều kiện có nhiều diễn biến mới, phức tạp và khó khăn trước mắt nhưng đại đa số cán bộ, đảng viên vẫn vững vàng, kiên định lập trường chống Mỹ, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tinh thần trách nhiệm của đảng viên được nâng lên, những thiếu sót về chấp hành chính sách, kỷ luật lao động, lối sống cách mạng dần được khắc phục.

Trong 4 đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh (từ tháng 5-1970 đến tháng 5-1971), chỉ tính riêng những

đảng bộ huyện, thành, khối cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn Thái Nguyên đã kết nạp được 370 đảng viên mới; trong đó công nhân trực tiếp sản xuất chiếm 36%, xã viên hợp tác xã nông nghiệp chiếm 25%, đoàn viên thanh niên chiếm 88%, nữ chiếm 41% và dân tộc ít người là 31%. Hầu hết những người được kết nạp đều trải qua rèn luyện thử thách trong phong trào quần chúng và được quần chúng tham gia xét chọn. Có thể coi đây là đợt kết nạp đảng viên mới có chất lượng, đúng nguyên tắc thủ tục, là mẫu mực cho công tác phát triển Đảng.

Việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên cũng được Đảng bộ tỉnh Bắc Thái thực hiện một cách triệt để. Trong hai năm 1970 - 1971, Đảng bộ đã thi hành kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng hoặc lưu Đảng 450 đảng viên, hơn 30 đảng viên bị cách chức. Cũng trong dịp này, hơn 25.000 đảng viên (trong tổng số 30.000 đảng viên) được tổ chức học 4 bài chính trị cơ bản về đường lối của Đảng, hơn 1.000 đảng viên mới được bồi dưỡng, giáo dục về chính trị. Các việc làm trên đã góp phần nâng cao chất lượng đảng viên; củng cố tổ chức Đảng; phát hiện, biểu dương người tốt việc tốt, nâng cao ý thức giác ngộ và kỷ luật Đảng.

Đánh giá kết quả thực hiện hai cuộc vận động nói trên, Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa I trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ II (họp tháng 11-1976) đã khẳng định: *"Qua việc thực hiện Nghị quyết*

195 và Chỉ thị 192, Đảng bộ tỉnh đã bước đầu nâng cao nhận thức trong đảng viên và quần chúng về tiêu chuẩn, nhiệm vụ đảng viên, tăng cường ý thức xây dựng Đảng... Nhờ đó, trong bom đạn ác liệt của cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, các mặt sản xuất, đời sống, văn hóa xã hội ở Thái Nguyên tiếp tục được giữ vững, có mặt phát triển, đáp ứng kịp thời mọi yêu cầu của tiền tuyến...”.

Câu 94: Kết quả tuyển quân trên địa bàn tỉnh Bắc Thái trong giai đoạn 1965 - 1975?

1. Từ tháng 7-1965 đến tháng 3-1968

Công tác tuyển quân chi viện cho chiến trường tuy phải tiến hành trong điều kiện cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ diễn ra hết sức ác liệt nhưng vẫn đạt kết quả tốt. Trong 3 năm (1965 - 1967), trên địa bàn tỉnh đã tuyển được 10.590 người vào bộ đội, hoàn thành vượt mức kế hoạch 0,9% chỉ tiêu giao. Ngoài ra, năm 1967, tỉnh còn hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân, xây dựng, huấn luyện một tiểu đoàn bộ binh chiến đấu (Tiểu đoàn 68) trực tiếp bổ sung cho chiến trường miền Nam.

2. Từ tháng 4-1968 đến tháng 12-1972

Năm 1968, công tác tuyển quân đứng trước nhiều khó khăn: Chỉ tiêu tuyển quân của tỉnh rất cao, bằng 91% chỉ tiêu tuyển quân 3 năm trước cộng lại trong khi lực lượng dự bị của tỉnh và các huyện đã dần cạn kiệt; tiêu chuẩn tuyển quân cao hơn những năm trước. Tuy nhiên, với quyết tâm cao và bằng nhiều biện pháp chỉ đạo tích cực

của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tỉnh Bắc Thái vẫn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu giao.

Năm 1969, toàn tỉnh tuyển được 1.615 người vào bộ đội (trong đó huyện Phổ Yên giao quân vượt chỉ tiêu 11,37%, thành phố Thái Nguyên và các cơ quan, xí nghiệp, trường học đều vượt chỉ tiêu trên 5%; các huyện Đồng Hỷ, Đại Từ đạt 100%).

Sang năm 1972, các huyện, thành phố Thái Nguyên, cơ quan, đơn vị được giao chỉ tiêu tuyển quân gấp 1,81 lần năm 1971. Đây là năm tỉnh được giao chỉ tiêu tuyển quân lớn thứ hai (sau năm 1968) và tỉnh đã hoàn thành xuất sắc 4 đợt tuyển quân, giao vượt chỉ tiêu quân số 2,42%, trong đó thành phố Thái Nguyên là đơn vị dẫn đầu, vượt chỉ tiêu cả năm 36%.

3. Từ tháng 1-1973 đến tháng 5-1975

Trong đợt 1 tuyển quân năm 1973, Đảng bộ hai huyện Đại Từ, Phú Bình đã tập trung lãnh đạo, tuyển được gần 40 tân binh để giao cho Quân khu Việt Bắc và các quân, binh chủng. Với quyết tâm cao trong đợt 2 tuyển quân, Đảng bộ đã lãnh đạo, động viên được 2.353 thanh niên vào bộ đội, vượt chỉ tiêu trên giao 0,07%. Thành phố Thái Nguyên giao quân vượt chỉ tiêu 1,4%; các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ đều giao quân vượt mức kế hoạch chỉ tiêu giao.

Kết thúc công tác tuyển quân năm 1974, các huyện và thành phố Thái Nguyên đã động viên được 1.775 người

vào bộ đội (có 126 nữ), vượt chỉ tiêu trên giao 1,5%. Trong đó, việc giao quân trên chỉ tiêu được giao của thành phố Thái Nguyên là 330/290 (vượt 13,8%), huyện Đại Từ 324/300 (vượt 8%), Định Hóa là 233/215 (vượt 7,9%), Phú Lương là 238/232 (vượt 2,6%).

Bước sang năm 1975, yêu cầu dồn sức chi viện cho chiến trường miền Nam được đặt ra cấp bách hơn bao giờ hết, thực hiện chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc với tinh thần “Miền Nam gọi miền Bắc trả lời”, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo thực hiện thắng lợi 3 đợt tuyển quân. Toàn tỉnh đã tuyển được 4.103 người vào bộ đội, đảm bảo chất lượng tốt, giao quân gọn, đúng thời hạn và vượt chỉ tiêu trên giao là 1,8%. Thành phố Thái Nguyên tiếp tục là đơn vị dẫn đầu tỉnh về công tác tuyển quân (vượt 39%), tiếp đó là huyện Đại Từ (vượt 11%).

Như vậy, trong giai đoạn 1965 - 1975, đảng bộ các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị, trường học, nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh đã huy động được hàng vạn người vào bộ đội, góp phần cùng quân và dân cả nước làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Câu 95: Những đóng góp nổi bật của Thái Nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)?

Trải qua 21 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), 48.278 người con ưu tú

của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã gia nhập lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó có hàng vạn người đã tham gia chiến đấu trên các chiến trường miền Nam, Lào, Cam-pu-chia.

Phát huy truyền thống quê hương cách mạng, con em các dân tộc của tỉnh Thái Nguyên luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ; 7.792 người đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc được công nhận là liệt sĩ, 7.800 người đã để lại phần xương máu của mình tại chiến trường được công nhận là thương binh.

Trong hai lần chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, giặc Mỹ đã huy động gần 4.000 lượt máy bay, trong đó có 69 lượt máy bay ném bom chiến lược B52, đánh phá trên 1.900 trận, ném xuống địa bàn gần 15.000 quả bom, gây cho nhân dân Thái Nguyên nhiều tổn thất. Nhưng với ý chí kiên cường, với quyết tâm đánh Mỹ, phối hợp chặt chẽ với bộ đội phòng không, không quân, nhân dân Thái Nguyên đã trực tiếp chiến đấu khoảng 400 trận, bắn rơi 61 máy bay Mỹ, trong đó có 2 máy bay ném bom chiến lược B52, tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái.

Trong mọi hoàn cảnh, Thái Nguyên luôn đảm bảo giữ vững sự ổn định về an ninh chính trị, trật tự xã hội; kỷ luật lao động, kỷ luật chiến đấu và các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước vẫn được thực thi; kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển để đảm bảo phục vụ sản xuất, chiến đấu, ổn định đời sống nhân dân, chi viện cho

chiến trường miền Nam và làm nghĩa vụ quốc tế với nước bạn Lào, Cam-pu-chia.

Nhờ có những cống hiến to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, quân và dân tỉnh Thái Nguyên đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Sao vàng, 1 Huân chương Độc lập, 2 Huân chương Chiến công; 8 đơn vị và 7 cá nhân được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang và 3 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Câu 96: Cho biết nội dung Chỉ thị số 18 ngày 8-3-1976 của Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái về đẩy mạnh sản xuất, thực hành triệt để tiết kiệm, tăng cường quản lý chặt chẽ việc cung cấp và sử dụng lương thực, thực phẩm Nhà nước?

Quán triệt các chủ trương của Bộ Chính trị và Hội đồng Chính phủ về đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tăng cường quản lý, sử dụng tiết kiệm lương thực, thực phẩm, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, ngày 8-3-1976, Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái đã ban hành Chỉ thị số 18 về đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, tăng cường quản lý chặt chẽ việc cung cấp và sử dụng lương thực, thực phẩm Nhà nước.

Chỉ thị yêu cầu các huyện, thành bằng mọi biện pháp đẩy mạnh sản xuất, thâm canh lúa và hoa màu vụ đông - xuân 1975 - 1976, chuẩn bị điều kiện thật tốt cho sản xuất vụ mùa năm 1976; đẩy mạnh sản xuất rau, màu ngắn ngày để

chống đói trong kỳ giáp hạt và làm tốt nghĩa vụ lương thực với Nhà nước. Các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, đơn vị quân đội tận dụng triệt để diện tích đất của đơn vị mình và khu vực lân cận để sản xuất rau, màu đảm bảo trong năm 1976, bình quân mỗi người tự túc tối thiểu 3 ki lô gam màu quy gạo.

Chỉ thị cũng yêu cầu Ủy ban Kế hoạch tỉnh cùng các ngành hữu quan rà soát số người sử dụng lương thực do Nhà nước cung cấp, để đảm bảo cung cấp đúng đối tượng, đúng chỉ tiêu, mang lại hiệu quả thiết thực; yêu cầu các ngành, các địa phương chỉ đạo bảo quản tốt lương thực, kiên quyết khắc phục tình trạng lãng phí, hư hao, thất thoát, tham ô lương thực của Nhà nước và của tập thể.

Câu 97: Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Thái đã đóng góp xây dựng công trình thủy lợi Hồ Núi Cốc như thế nào? Ý nghĩa của công trình đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh?

Hồ Núi Cốc nguyên là một đoạn của sông Công, một trong các chi lưu của sông Cầu bị ngăn lại ở khu vực ngọn núi đất có tên là núi Cốc. Đập Núi Cốc được khởi công xây dựng đầu năm 1972 nhưng do đế quốc Mỹ gây ra cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai nên công trình bị đình hoãn đến đầu năm 1973 mới tái khởi động. Hồ Núi Cốc là một công trình thủy lợi lớn ở miền Bắc, là công trình lớn nhất trên địa bàn tỉnh và là một trong những công trình trọng điểm của Nhà nước. Sau khi các

đơn vị thi công của Trung ương hoàn thành xây dựng đập chính và các đập phụ; được phân công đảm nhiệm thi công hệ thống mương máng (cấp I, II, III) dài 250 ki lô mét, với tổng kinh phí 14 triệu đồng, liên tiếp trong 3 năm (1977 - 1979), với ba chiến dịch lớn, tỉnh Bắc Thái đã huy động hàng triệu ngày công, lúc cao điểm có tới 18.000 người lao động trên công trường. Công trình đập Núi Cốc hoàn thành phần đầu mối vào năm 1979 và hoàn thành toàn bộ vào năm 1982.

Công trình thủy lợi Hồ Núi Cốc hoàn thành đã cung cấp nước phục vụ cho sản xuất công nghiệp Khu Gang thép Thái Nguyên, nước tưới cho 12.000 héc ta lúa hai vụ thuộc nhiều huyện, thành trong tỉnh và việc phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, góp phần chống lũ lụt, tạo điều kiện thúc đẩy nền nông nghiệp Thái Nguyên phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra, công trình Hồ Núi Cốc còn cung cấp nước sinh hoạt, phục vụ đời sống nhân dân, tạo nên một vùng sinh thái có phong cảnh đẹp, khí hậu trong lành, có khả năng phát triển du lịch và khai thác hải sản với trung bình khoảng 600 - 800 tấn mỗi năm.

Câu 98: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ II được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Để góp ý kiến vào các văn kiện chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, từ ngày 11 đến ngày 18-11-

1976, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ II (vòng 1) được tổ chức với sự tham gia của 500 đại biểu chính thức, 23 đại biểu dự khuyết thay mặt cho gần 4 vạn đảng viên trong Đảng bộ. Đồng chí Xuân Thủy - Bí thư Trung ương Đảng tới dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã thảo luận và tham gia nhiều ý kiến và Báo cáo Chính trị và Dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) của Ban Chấp hành Trung ương dự kiến trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Đại hội bầu 21 đại biểu đi dự Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Tiếp theo đại hội đảng bộ các địa phương, từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã được tổ chức tại Hà Nội. Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới, từ ngày 16 đến ngày 24-4-1977, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ II (vòng 2) được tổ chức.

Đại hội đánh giá những thành tích, ưu điểm và những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (1970), đồng thời phân tích đặc điểm, tình hình, nêu rõ thuận lợi và khó khăn của địa phương trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình, vận dụng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980), Đại hội đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong Kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II gồm 35 ủy viên chính thức, 4 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí; đồng chí Vũ Ngọc Linh được bầu làm Bí thư, đồng chí Doanh Hằng làm Phó Bí thư, đồng chí Nguyễn Duy An làm Ủy viên Thường trực Tỉnh ủy.

Câu 99: Đảng bộ tỉnh Bắc Thái đã triển khai thực hiện Nghị quyết ngày 7-1-1978 của Bộ Chính trị về việc xuất bản sách “Hồ Chí Minh toàn tập” mới và Thông tri ngày 3-8-1978 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc sưu tầm các tác phẩm của Hồ Chủ tịch còn phân tán ở các nơi, do các cơ quan, cá nhân cất giữ như thế nào?

Thực hiện Nghị quyết ngày 7-1-1978 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc xuất bản sách “Hồ Chí Minh toàn tập” mới (thay thế Tuyển tập xuất bản năm 1960), và Thông tri ngày 3-8-1978 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc sưu tầm các tác phẩm của Hồ Chủ tịch còn phân tán ở các nơi, do các cơ quan, cá nhân cất giữ, ngày 3-10-1978, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ban hành thông tri yêu

cầu các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền, các đoàn thể quần chúng và các cơ quan, xí nghiệp, trường học (kể cả các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương) làm tốt các nội dung liên quan đến công tác sưu tầm và thống kê tài liệu; trách nhiệm và thời gian thực hiện. Thông tri nhấn mạnh: *“Việc sưu tầm các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một công tác quan trọng, làm tốt công tác này không những góp phần củng cố toàn Đảng, toàn dân, toàn quân chuẩn bị việc xuất bản Hồ Chí Minh toàn tập, mà còn tạo điều kiện để tỉnh ta đẩy mạnh công tác tuyên huấn, bảo tàng, lưu niệm và xây dựng lịch sử Đảng bộ...”*.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác sưu tầm những tài liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh được các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, nhà máy, xí nghiệp và các cá nhân thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Trên cơ sở kết quả sưu tầm tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh cả trước và sau Thông tri ngày 3-10-1978 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, liên tiếp trong hai năm 1978 - 1979, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh đã biên soạn và xuất bản hai tập sách “Bác Hồ với Bắc Thái”. Hai tập sách tập hợp những bài viết, bài nói chuyện, một số bài báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh động viên, giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh; những nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thư quyết tâm, hồi ký... của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể, của cán bộ và nhân dân trong tỉnh thể hiện lòng nhớ ơn Bác, làm theo Bác,

quyết tâm đẩy mạnh phong trào cách mạng ở địa phương, thi đua giành những thành tựu ngày càng to lớn hơn.

Câu 100: Trong thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980), tỉnh Bắc Thái đã đạt được những thành tựu và có những khó khăn yếu kém gì?

Thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980), tỉnh Bắc Thái đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Trong *nông nghiệp*, nhờ tăng cường biện pháp các biện pháp khai hoang, tăng vụ, chú trọng phát triển các công trình thủy lợi nên diện tích gieo trồng được mở rộng từ 65.000 héc ta (năm 1977), lên 72.000 héc ta (năm 1979), trong đó diện tích lúa tăng gần 5.000 héc ta. Các giải pháp kỹ thuật cải tạo đồng ruộng, chọn lọc giống, chăm bón lúa và cây trồng được tăng cường, góp phần đưa tổng sản lượng lương thực tăng bình quân trong 3 năm (1977 - 1979) là 1,7%. Ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng phát triển khá ổn định góp phần giải quyết nhu cầu về thực phẩm cho nhân dân địa phương.

Trong *lâm nghiệp*, có những chuyển biến tích cực. Trong 3 năm (1977 - 1979), toàn tỉnh trồng được 3.000 héc ta rừng. Việc giao đất, giao rừng cũng được chú trọng hơn và trong thời gian trên toàn tỉnh cũng đã vận động được hơn 3.000 hộ đồng bào vùng cao định canh, định cư, khai phá được 80 héc ta đất canh tác, đời sống đồng bào nhiều nơi bước đầu ổn định.

Trong *công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản*, có những bước tiến mới. Từ năm 1977 đến năm 1979, giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương tăng bình quân hằng năm là 6,6% (riêng tiểu thủ công nghiệp tăng 11%). Lực lượng xây dựng cơ bản tăng nhanh, trình độ kỹ thuật được nâng cao, đã đảm đương được phần lớn những công trình xây dựng của tỉnh, với tổng giá trị trong 3 năm đạt 71 triệu đồng. Ngành giao thông vận tải đã vận chuyển được gần 1 triệu tấn hàng hóa phục vụ các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

Lĩnh vực *tài chính, ngân hàng* cũng có nhiều cố gắng, góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển, lưu thông hàng hóa góp phần giảm bớt khó khăn trong đời sống nhân dân.

Trong *văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao*, có nhiều hoạt động thiết thực, đạt kết quả cao, góp phần quan trọng vào việc nâng cao đời sống tinh thần, động viên phong trào thi đua của quần chúng và xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Trong *giáo dục*, số học sinh phổ thông các cấp tăng bình quân 5% mỗi năm. Học viên bổ túc văn hóa duy trì ở mức 20.000 người (cả học tập trung và tại chức).

Mạng lưới *y tế*, được củng cố, phát triển đến hầu hết các xã. Công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch được

chú trọng hơn. Nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân và kế hoạch hóa gia đình cơ bản phát triển tốt.

Bên cạnh những thành tích đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 1976 - 1980 vẫn hết sức khó khăn. Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp còn nhiều yếu kém. Các mục tiêu lớn về sản xuất, thu mua, xuất khẩu các mặt hàng nông nghiệp do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đề ra đều không đạt được, kinh tế tỉnh còn mất cân đối, kinh tế quốc doanh và tập thể trong sản xuất ở nhiều nơi còn thua lỗ, không phát huy được tác dụng. Sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân, năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn; xã hội còn nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực...

Câu 101: Kết quả phong trào thi đua xây dựng “Ao cá Bác Hồ” trong các đơn vị nuôi cá quốc doanh, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Thái năm 1979?

Ngày 11-1-1979, tỉnh Bắc Thái đã phát động phong trào thi đua xây dựng “Ao cá Bác Hồ” trong các đơn vị nuôi cá quốc doanh, các hợp tác xã nông nghiệp với tinh thần “... Muốn được tỉnh công nhận đủ tiêu chuẩn thi đua, cơ sở nuôi cá phải cải tạo ao cũ để có nước đúng tiêu chuẩn thành phần như ao cá nhà Bác Hồ. Cá đem về phải nuôi nhanh lớn, thu hoạch đạt 5 tấn/héc ta/năm. Cá thu hoạch phải hoàn thành chỉ tiêu bán cho Nhà nước và

phân phối công bằng trong nội bộ hợp tác xã. Ao cá phải có người chuyên trách trông coi, bảo vệ cho cá ăn đúng, đủ định lượng. Nơi được phép xây dựng Ao cá Bác Hồ phải lập ra ban chỉ đạo, có các cơ quan, các ngành: Ủy ban nhân dân, Mặt trận, Thanh niên, Phụ nữ, Nông nghiệp, Công an và Thủy sản. Ban chỉ đạo phải tổ chức giáo dục cho toàn dân, kể cả các em nhỏ, thấy rõ vinh dự, cũng như mục đích, ý nghĩa mà tích cực góp phần xây dựng, bảo vệ Ao cá Bác Hồ”.

Hưởng ứng phong trào thi đua nói trên, nhiều nơi đã khẩn trương tu sửa, mở rộng đúng quy trình, tiêu chuẩn “Ao cá Bác Hồ”. Với tấm lòng tôn kính Bác, mọi cán bộ, đảng viên, đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, công nhân viên nông trường quốc doanh, thầy cô giáo, học sinh một số trường cấp I, cấp II, cấp III, xã viên hợp tác xã nông nghiệp... đã nỗ lực đào, đắp, tu sửa ao cá trước ngày 26-1-1979. Bốn cơ sở đầu tiên của tỉnh được công nhận đủ tiêu chuẩn có nước thả cá như ao cá nhà Bác Hồ và được phép về Hà Nội đón nhận cá giống của ao cá nhà Bác Hồ về nuôi đúng dịp Ngày Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1979). Bốn cơ sở đó là: Trại giống Cù Vân huyện Đại Từ, Hợp tác xã nông nghiệp toàn xã Túc Duyên thành phố Thái Nguyên, Hợp tác xã nông nghiệp toàn xã Nhã Lộ huyện Phú Bình, Nông trường chăn nuôi huyện Phú Lương. Ao cá một số cơ sở khác tiếp tục được xem xét nhận cá giống vào dịp Ngày sinh

của Bác (19-5-1979) và Kỷ niệm 10 năm thực hiện “*Di chúc Bác Hồ*” (3-9-1979).

Câu 102: Cho biết những đóng góp của quân dân tỉnh Bắc Thái trong cuộc chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ phía Bắc của Tổ quốc năm 1979?

Từ giữa năm 1978, tình hình biên giới phía Bắc rất phức tạp do các hành động gây hấn của Trung Quốc. Góp sức cùng lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu, chỉ trong hơn 20 ngày (từ ngày 17 đến ngày 30-9-1978), nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã hoàn thành việc sản xuất một triệu chông tre, 4.350 bàn chông và quả chông dứa bằng sắt để chi viện cho hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn xây dựng phòng tuyến bảo vệ tuyến biên giới.

Ngày 17-2-1979, Trung Quốc huy động một lực lượng lớn gồm 32 sư đoàn bộ binh, mở cuộc tấn công nước ta trên toàn tuyến biên giới từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu). Quân và dân ta, trực tiếp là quân, dân 6 tỉnh biên giới phía Bắc đứng lên chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Liên tiếp trong 10 ngày cuối tháng 2-1979 và nửa đầu tháng 3-1979, lực lượng vũ trang Bắc Thái đã chi viện cho hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn 8 tiểu đoàn chiến đấu (4 tiểu đoàn bộ đội địa phương và 4 tiểu đoàn dân quân, tự vệ), trong đó có 5 tiểu đoàn trực tiếp tham gia chiến đấu. Vấp phải cuộc chiến đấu ngoan cường vì độc lập tự do của nhân dân ta và sự phản đối mạnh mẽ

của dư luận quốc tế, từ ngày 5-3-1979, Trung Quốc phải rút quân về nước.

Sát cánh cùng lực lượng vũ trang chiến đấu, từ ngày 10-3 đến 24-4-1979, Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh đã lãnh đạo thành lập 11 trung đoàn dân quân, tự vệ với 21.364 cán bộ, chiến sĩ tham gia xây dựng công trình phòng thủ biên giới phía Bắc với gần nửa triệu mét chiến hào, 10.000 hố bắn, 1.000 hầm chiến đấu, 15 trận địa phòng ngự cấp trung đoàn, 2 trận địa phòng ngự cấp tiểu đoàn trên dọc tuyến Quốc lộ 1B và Quốc lộ 3.

Để kịp thời động viên cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang của tỉnh chiến đấu tại mặt trận Biên giới, ngay từ tháng 3-1979, phong trào quyên góp lương thực, thực phẩm ủng hộ bộ đội được phát động trong toàn tỉnh và đã quyên góp được hàng trăm tấn gạo, hàng trăm ngàn đồng gửi cho bộ đội. Tỉnh ủy cũng kịp thời lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, địa phương đón tiếp, giúp đỡ, ủng hộ lương thực, thực phẩm đảm bảo đời sống cho hơn 25.000 đồng bào từ hai tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng về sơ tán tại Thái Nguyên.

Sự đóng góp của nhân dân Bắc Thái đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của một tỉnh hậu phương trực tiếp đối với các tỉnh biên giới phía Bắc trong cuộc chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc.

Câu 103: Cuộc vận động ủng hộ Cao Bằng khắc phục hậu quả chiến tranh đã được Tỉnh ủy phát động và chỉ đạo triển khai thực hiện như thế nào?

Với tất cả tình cảm, nghĩa vụ và trách nhiệm của một tỉnh hậu phương, cuối năm 1979, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái đã chủ trương mở *Cuộc vận động ủng hộ Cao Bằng* khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định đời sống. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, sau hơn một tháng phát động, cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Bắc Thái đã khai thác, sản xuất, vận chuyển và xây dựng hoàn chỉnh 1.000 mét vuông nhà cho cơ quan tỉnh Cao Bằng sử dụng; ủng hộ gần 10.000 bộ quần áo, cùng nhiều bát, đĩa, nồi, chảo, chiếu; 200 tấn thóc, đỗ tương, khoai lang giống; 434 con trâu, bò; 47 con lợn; hàng ngàn cuốn, xẻng, hàng chục tấn phân hóa học cùng nhiều vật tư khác để ủng hộ, giúp đỡ đồng bào tỉnh Cao Bằng khôi phục sản xuất, ổn định đời sống.

Câu 104: Kết quả đạt được của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 72-CT/TW, ngày 8-5-1979 của Ban Bí thư?

Chỉ thị số 72-CT/TW ngày 8-5-1979 của Ban Bí thư về “Kiểm điểm tư cách đảng viên theo nội dung tự phê ra quần chúng” và Thông tri số 91-TT/TW ngày 20-6-1979 hướng dẫn việc tiến hành đợt tự phê bình và phê bình theo Chỉ thị 72 là lần đầu tiên từ ngày miền Nam hoàn toàn giải

phóng, thống nhất đất nước mới có cuộc vận động chính đốn Đảng sâu rộng như vậy. Tháng 7-1979, Hội nghị Tỉnh ủy (mở rộng) được tổ chức để quán triệt Chỉ thị 72 và đánh giá một cách toàn diện đội ngũ đảng viên, chất lượng tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ và công tác phát triển Đảng trong những năm qua. Hội nghị quyết định mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ, tập trung mọi cố gắng củng cố tổ chức đảng, thu hẹp diện yếu kém, nâng cao chất lượng đảng viên, kiên quyết đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng.

Ngay sau Hội nghị, Ban Thường vụ quyết định điều động hơn 80 cán bộ (trong đó có 2 ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và 2 Tỉnh ủy viên) tăng cường cho cấp huyện và cấp xã, thành lập nhiều tổ công tác phối hợp với tổ công tác của huyện xuống những cơ sở yếu kém khôi phục phong trào.

Cuối năm 1980, sau hơn một năm triển khai thực hiện Chỉ thị 72, công tác xây dựng đảng có những chuyển biến tích cực. Nhiều tổ chức cơ sở đảng đã phát huy được vai trò hạt nhân trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Một số đảng bộ, chi bộ yếu kém có những chuyển biến tốt. Số đảng viên trung bình, yếu, kém có những tiến bộ đáng kể, toàn Đảng bộ đã có 88,5% số đảng viên đủ điều kiện nhận Thẻ đảng viên. Năm 1979, Đảng bộ đã kết nạp được 878 đảng viên mới (gấp 1,5 lần số kết nạp trong 2 năm 1977 - 1978), trong đó 40% là

công nhân, 68,7% là đoàn viên thanh niên, 31% là nữ, 20% thuộc thành phần dân tộc ít người, 70% có trình độ văn hóa tốt nghiệp cấp III.

Trong hai năm 1979 - 1980, Đảng bộ đã sàng lọc, xử lý, kỷ luật hơn 1.700 đảng viên, trong đó khai trừ và đưa ra khỏi Đảng 881 người không còn đủ tư cách, làm cho Đảng thêm trong sạch, vững mạnh. Đến cuối năm 1980, toàn tỉnh chỉ còn 30 đảng bộ xã yếu kém (trước đó là 70), 43 cơ sở đảng được công nhận là đảng bộ vững mạnh.

Câu 105: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ III được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Từ ngày 30-6 đến ngày 5-7-1980, tại thành phố Thái Nguyên, Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ III.

Sau sáu ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, trên cơ sở đánh giá ưu, khuyết điểm của nhiệm kỳ thứ II, xuất phát từ đặc điểm của tình hình địa phương và yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới, Đại hội đề ra nhiệm vụ, phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong ba năm 1980 - 1982.

Quán triệt nghị quyết của Trung ương và xuất phát từ tình hình thực tế địa phương, Đại hội chỉ rõ: *"Phải thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư*

tướng văn hóa); trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa, lấy xây dựng là trọng tâm, công nghiệp gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp, kinh tế Trung ương gắn chặt với kinh tế địa phương, kinh tế gắn với quốc phòng...".

Do lực lượng sản xuất chưa phát triển, khó khăn khách quan còn nhiều, sản xuất vẫn đang ở trong tình trạng nhỏ lẻ, sản phẩm xã hội quá ít, trong khi đó yêu cầu ổn định đời sống nhân dân, yêu cầu xây dựng công nghiệp, củng cố quốc phòng lại rất lớn, Đại hội đề ra nhiệm vụ cụ thể và các giải pháp chủ yếu cho phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp là: *"Đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp, phát triển toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nhằm tăng nhanh tốc độ phát triển lương thực, thực phẩm để ổn định đời sống nhân dân, làm cơ sở cho phát triển các loại cây công nghiệp, nghề rừng, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, tạo nguồn hàng xuất khẩu"*.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 41 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết, bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí. Đồng chí Vũ Ngọc Linh được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Thế Đạt làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Doanh Hằng làm Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Câu 106: Kết quả thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IV “về việc phát thẻ đảng viên” trong giai đoạn 1979 - 1982?

Ngày 26-11-1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IV đã ban hành Chỉ thị số 83-CT/TW “về việc phát thẻ đảng viên”. Đây là lần đầu tiên, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định tổ chức phát thẻ đảng viên cho các đảng viên chính thức của Đảng. Việc phát thẻ đảng viên là công việc quan trọng, có ý nghĩa giáo dục chính trị sâu sắc góp phần nâng cao ý thức Đảng, tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ, thúc đẩy thực hiện cuộc vận động “xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh”, đưa công tác quản lý đảng viên vào nền nếp, ngăn ngừa kẻ địch, phần tử xấu xâm nhập vào Đảng.

Thực hiện Chỉ thị 83, Tỉnh ủy đã chỉ đạo tất cả các đảng bộ trực thuộc tổ chức học tập, quán triệt nội dung, yêu cầu của việc phát thẻ đảng viên. Trong quá trình triển khai bình xét, xếp loại đảng viên và tổ chức phát thẻ đảng, các cấp ủy trong toàn Đảng bộ luôn chú trọng lãnh đạo công tác tư tưởng và công tác tổ chức, giáo dục đảng viên hiểu rõ vinh dự và trách nhiệm, quyết tâm làm tròn nhiệm vụ được giao, khắc phục tư tưởng chủ quan, thỏa mãn, ngăn ngừa những biểu hiện tiêu cực, thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình trong Đảng và vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng, phê bình nhận xét

cán bộ, đảng viên... Nhờ đó, kết quả công tác phát thẻ đảng đạt chất lượng tốt. Từ năm 1980 đến năm 1982, toàn Đảng bộ đã tiến hành 12 đợt phát thẻ đảng viên ở 97,6% số cơ sở đảng, cho 88,5% số đảng viên chính thức, 7,8% số đảng viên dự bị.

Câu 107: Kết quả nổi bật của tỉnh Bắc Thái trong việc thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam?

Ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp.

Khoán sản phẩm đến nhóm người lao động là hình thức quản lý mới, quản lý và trả công lao động có gắn với trách nhiệm và quyền lợi của người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp. Với phương thức khoán này, người nông dân đã bước đầu được tự chủ trên đồng ruộng. Do tính chất ưu việt của phương thức quản lý mới, Chỉ thị 100 của Ban Bí thư được đông đảo nhân dân, nhất là bà con xã viên các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Thái đón nhận một cách hồ hởi. Năm 1982, đã có 400/480 hợp tác xã nông nghiệp thực hiện hình thức khoán mới, điển hình là thành phố Thái Nguyên (100%), huyện Phổ Yên (98%), huyện Phú Bình (97%).

Khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100 có tác dụng thúc đẩy thâm canh, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, góp phần tăng nhanh năng suất, sản lượng lương thực.

So với năm 1980, sản lượng lương thực năm 1981 của Hợp tác xã Trung Thành (Phổ Yên) tăng 146 tấn, Hợp tác xã Bến Đò (Đồng Hỷ) tăng 76 tấn. Hợp tác xã Yên Lãng (Đại Từ) có năng suất bình quân 3 năm 1978 - 1980 đạt 20,8 tạ/héc ta/vụ đã tăng lên 23,7 tạ/héc ta/vụ. Năm 1982, tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh đạt 142.938 tấn, tăng 28.156 tấn so với năm 1981 và vượt chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra.

Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, tỉnh Bắc Thái cũng đã tiến hành điều chỉnh quy mô hợp tác xã cho phù hợp với năng lực và trình độ quản lý của cán bộ ở từng địa phương. Thông qua khoán sản phẩm người lao động đã phát huy được quyền làm chủ thực sự, thúc đẩy sản xuất trong các hợp tác xã nông - lâm nghiệp.

Bên cạnh những mặt tích cực, khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100 của Ban Bí thư cũng chỉ có tác dụng trong một thời gian và sau đó dần bộc lộ những hạn chế. Trước đòi hỏi của cuộc sống, Đảng bộ tỉnh Bắc Thái đã chủ động chuyển sang khoán gọn theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 5-4-1988 của Bộ Chính trị về “Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp” (hay còn gọi là “Khoán 10”).

Câu 108: Kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Thái, giai đoạn 1981 - 1985?

Tháng 8-1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 92 về Cuộc vận động xây dựng lực lượng công

an trong sạch, vững mạnh và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tiếp đó, ngày 2-12-1980, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 31 về nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 07, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái ra Chỉ thị số 11 xác định nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch quốc tế trong những năm 1981 - 1985 luôn được duy trì bằng việc kết hợp phong trào đấu tranh của quần chúng với các hoạt động của lực lượng công an, quân đội, tòa án, thanh tra...

Thực hiện Nghị quyết số 03 của Bộ Chính trị (khóa V), Chỉ thị số 128 của Hội đồng Bộ trưởng, từ năm 1983, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được gắn theo chủ trương lấy đơn vị xã, phường làm địa bàn thực hiện, gắn công tác củng cố cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể với việc củng cố các vùng xung yếu, địa bàn trọng điểm. Vì vậy, trong những năm 1981 - 1985, an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh luôn được giữ vững, những hiện tượng tiêu cực trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội tuy có diễn biến phức tạp nhưng từng bước đã được ngăn chặn.

Câu 109: Tỉnh ủy Bắc Thái đã lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh giai đoạn 1983 - 1985 như thế nào?

Từ sau đại hội Đảng các cấp (trong năm 1982), tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh đã có chuyển biến trên nhiều mặt, nhất là nhiệm vụ lãnh đạo sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, tình trạng trì trệ, yếu kém ở một số đơn vị vẫn chưa được khắc phục, trong đó có một số cơ sở yếu kém kéo dài nhiều năm, gây trở ngại lớn đến sự phấn đấu vươn lên của toàn Đảng bộ.

Trước tình hình đó, để thực hiện mục tiêu xây dựng đảng theo tinh thần chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, ngày 19-12-1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 06 về việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Thực hiện Chỉ thị số 06 của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều tra, nghiên cứu nắm tình hình, tiến hành phân loại chi bộ, đảng bộ. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, chú trọng củng cố những nơi yếu kém, phấn đấu trong hai năm (1984 - 1985) xóa bỏ cơ sở đảng yếu kém.

Từ tổng kết kinh nghiệm của năm 1984, ngày 1-2-1985, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục ban hành Nghị quyết số 15, xác định công tác xây dựng đảng trong sạch

vững mạnh, củng cố những cơ sở yếu kém là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của công tác xây dựng đảng năm 1985. Ngay từ đầu năm, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc đã tổ chức quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tiến hành rà soát lại tổ chức cơ sở đảng, đánh giá, xác định những mặt yếu kém của từng cơ sở để có kế hoạch chỉ đạo, đồng thời phát động phong trào thi đua đăng ký phấn đấu trở thành chi bộ, đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Thực hiện mục tiêu xóa cơ sở yếu kém, với khẩu hiệu “*Năm 1985 là năm củng cố để tạo ra chuyển biến mạnh mẽ từ cơ sở*”, các cấp ủy Đảng đã tập trung lãnh đạo sát sao với nhiều biện pháp tích cực, sát với thực tế từng nơi. Thông qua các phong trào thi đua lao động sản xuất, đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của địa phương, đơn vị, tình hình tổ chức Đảng ở cơ sở đã có những chuyển biến tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Đến hết năm 1985, toàn Đảng bộ không còn cơ sở đảng yếu kém và đã có 122 cơ sở đảng được Tỉnh ủy công nhận đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh.

Câu 110: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ IV được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Từ ngày 6 đến ngày 12-1-1982, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ IV (vòng 1) được tổ chức với sự

tham gia của 381 đại biểu chính thức, 15 đại biểu dự khuyết. Thông qua việc thảo luận, đóng góp ý kiến vào văn kiện của Trung ương, các đại biểu vừa nâng cao nhận thức về quan điểm, đường lối chính sách của Đảng vừa tạo được sự nhất trí cao giữa Trung ương với địa phương trong quá trình triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội sau này. Đại hội đã bầu 22 đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng.

Từ ngày 21 đến ngày 25-2-1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ IV (vòng 2) được tổ chức. Tham dự Đại hội có 365 đại biểu thay mặt cho hơn 41.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Hoàng Tùng, Bí thư Trung ương Đảng tham dự và chỉ đạo Đại hội.

Thay mặt Đoàn chủ tịch, đồng chí Vũ Ngọc Linh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy trình bày Báo cáo chính trị. Báo cáo đã khẳng định những thành tựu và chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trong nhiệm kỳ III của Đảng bộ tỉnh.

Đại hội xác định nhiệm vụ trọng tâm 3 năm (1983 - 1985) là: Ổn định sản xuất và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, tạo thêm tiền đề để tiến lên mạnh mẽ, vững chắc trong những năm sau; giữ vững trật tự an ninh và an toàn xã hội, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu; từng bước xây dựng tỉnh nhà thành một tỉnh

công - nông - lâm nghiệp phát triển, thành một trong những tỉnh giàu có phần vinh nhất nước ta.

Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể trong 3 năm (1983 - 1985) của tỉnh bao gồm 4 nội dung chủ yếu:

- Ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là cán bộ, công nhân viên chức và lực lượng vũ trang.

- Thực hiện xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật tập trung, có trọng điểm, đầu tư theo chiều sâu để tăng nhanh năng lực sản xuất, hiệu quả kinh tế.

- Tăng cường củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đập tan âm mưu phá hoại nhiều mặt của địch. Ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ hiện tượng tiêu cực trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV gồm 41 ủy viên chính thức, 4 ủy viên dự khuyết. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành khóa IV đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí; bầu đồng chí Vũ Ngọc Linh giữ chức Bí thư, đồng chí Nguyễn Thế Đạt giữ chức Phó Bí thư Trưởng trực Tỉnh ủy.

Câu 111: Tỉnh ủy Bắc Thái đã tiến hành công tác chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V như thế nào?

Ngay từ cuối năm 1985, đầu năm 1986, Tỉnh ủy Bắc Thái đã tập trung chỉ đạo hai đợt sinh hoạt chính trị quan trọng trong Đảng bộ. Một là, đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình từ cấp ủy đến từng đảng viên ở cơ sở. Hai là, tiến hành đại hội đảng các cấp từ chi bộ đến đảng bộ trực thuộc.

Đợt sinh hoạt phê bình và tự phê bình tập trung vào ba nội dung chính: Phẩm chất, phong cách lãnh đạo và chính sách cán bộ. Với tinh thần đấu tranh thẳng thắn, trung thực, nhìn thẳng vào thiếu sót, khuyết điểm, có thái độ phê bình và tiếp thu đúng mức, cầu thị. Đợt sinh hoạt phê bình và tự phê bình đã đạt được kết quả bước đầu, góp phần nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ và giúp cho Tỉnh ủy rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm, nắm chắc được chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên để phục vụ cho công tác nhân sự đại hội đảng các cấp sắp tới.

Thực hiện Chỉ thị 80-CT/TW ngày 11-3-1986 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiến hành đại hội đảng các cấp. Tháng 5-1986, Hội nghị Tỉnh ủy (mở rộng) đã quyết định trọng tâm công tác Đảng 6 tháng cuối năm 1986 của Đảng bộ là tổ chức tốt đại hội đảng từ chi bộ trở lên. Tỉnh ủy chọn Đảng bộ huyện Đại Từ tổ chức đại hội điểm. Đảng bộ các huyện, thị, thành khác chọn 28 đảng bộ cơ sở làm thí điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung trong

toàn Đảng bộ. Nội dung đại hội đảng các cấp lần này ngoài việc tổng kết nhiệm kỳ cũ, đề ra phương hướng, nhiệm vụ và bầu cấp ủy mới, còn thảo luận, tham gia góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, giới thiệu nhân sự vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V. Đến cuối tháng 9-1986, tất cả 782 đảng bộ cơ sở trong 23 đảng bộ trực thuộc đã tổ chức thành công đại hội.

Đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã sôi nổi đóng góp ý kiến vào Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V. Chỉ tính riêng trong đại hội đảng các cấp đã có 67.520 ý kiến tham gia góp ý cho văn kiện của Trung ương và của tỉnh. Đợt sinh hoạt chính trị thảo luận, góp ý cho văn kiện Đại hội VI của Đảng đã khơi dậy không khí dân chủ trong đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V.

Câu 112: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Từ ngày 21 đến 25-10-1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V đã được tổ chức tại thành phố Thái Nguyên. Dự Đại hội có 350 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 42.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí

Lê Quang Đạo, Bí thư Trung ương Đảng về tham dự và chỉ đạo Đại hội.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và thực hiện đổi mới tư duy, nhất là tư duy về kinh tế, đồng chí Vũ Ngọc Linh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy trình bày Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, khẳng định những thành tựu đã đạt được và nêu rõ những khuyết điểm, yếu kém trên từng lĩnh vực công tác của Đảng bộ trong nhiệm kỳ trước.

Vận dụng những quan điểm đổi mới được trình bày trong dự thảo văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra mục tiêu phấn đấu của Đảng bộ trong 5 năm (1986 - 1990). Báo cáo chính trị cũng đặt nhiệm vụ nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ, đặc biệt coi trọng công tác củng cố tổ chức cơ sở đảng, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử cơ hội, thoái hóa, biến chất, làm cho Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh hoàn thành nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong những năm tới.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V gồm 58 ủy viên. Ngày 25-10-1986, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp phiên thứ nhất, bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 ủy viên. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Bí thư; các đồng chí Nguyễn Ngô Hai, Đặng Quốc Tiến làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Câu 113: Hội nghị bàn về một số chủ trương, biện pháp thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI từ ngày 15 đến ngày 17-7-1987 của Tỉnh ủy Bắc Thái đã quyết định những vấn đề gì?

Tháng 4-1987, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ hai bàn về những giải pháp cấp bách về lưu thông, phân phối, đưa ra mục tiêu thực hiện “*Bốn giảm*” (Giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn trong đời sống nhân dân). Hội nghị cũng đề ra chủ trương thực hiện chính sách thu mua nông sản của nông dân theo giá thỏa thuận. Đây là một điểm đột phá quan trọng về việc bỏ chính sách hai giá, thực hiện một giá thu mua nông sản.

Từ ngày 15 đến ngày 17-7-1987, Tỉnh ủy họp bàn *Một số chủ trương, biện pháp thực hiện Nghị quyết Trung ương 2* và quyết định 3 nội dung lớn:

1. Một số chính sách về phân phối lưu thông, bao gồm: Chính sách cung ứng vật tư cho sản xuất; chính sách về tiêu thụ sản phẩm, chính sách và biện pháp giải quyết vấn đề tiền lương và đời sống cán bộ công nhân viên chức; chính sách và biện pháp tăng thu, giảm bội chi ngân sách.

2. Đổi mới một bước về cơ chế quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh: Thực hiện xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên, đổi mới việc giao chỉ tiêu kế hoạch. Đối với sản xuất nông nghiệp (kể cả tập thể và cá thể), chỉ giao các loại thuế là chỉ tiêu pháp lệnh; việc huy động hàng hóa theo

phương thức thỏa thuận trên cơ sở hợp đồng kinh tế. Đối với sản xuất công nghiệp, xí nghiệp nào được Nhà nước cung ứng vật tư thì giao 3 chỉ tiêu: Giá trị sản lượng hàng hóa; số lượng và chất lượng sản phẩm (ứng với vật tư được nhận), các khoản nộp ngân sách. Các đơn vị không được Nhà nước cung ứng vật tư, chỉ giao 1 chỉ tiêu nộp ngân sách.

3. Tổ chức chỉ đạo thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất từ trên xuống dưới. Sắp xếp lại hệ thống tổ chức quản lý Nhà nước từ tỉnh xuống huyện, thành, thị, bố trí lại cán bộ theo yêu cầu của đổi mới. Trên cơ sở phổ biến, quán triệt đến tất cả cán bộ, đảng viên trong tỉnh sẽ tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 từ tháng 8-1987.

Câu 114: Cho biết nội dung Kế hoạch số 74/KH-BT, ngày 23-10-1987 của Tỉnh ủy Bắc Thái triển khai thực hiện Nghị quyết số 04 của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Trong giai đoạn 1987 - 1989, cuộc vận động đã đạt được kết quả gì?

Ngày 23-10-1987, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 74/KH-BT triển khai thực hiện Nghị quyết số 04 của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Kế hoạch đặt ra hai yêu cầu của cuộc vận động: Trước hết cấp ủy các cấp và đảng

viên trong toàn Đảng bộ phải coi cuộc vận động này là cuộc đấu tranh gay go và rất phức tạp nhằm xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt đối với việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V. Do đó, thực hiện cuộc vận động này không chỉ là trách nhiệm của các tổ chức Đảng, mà còn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh xuống cơ sở. Hai là, cuộc vận động xây dựng Đảng được tiến hành trong tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh có những diễn biến phức tạp, phải kết hợp đúng đắn giữa “xây” và “chống”, “chống” để phục vụ “xây” và lấy “xây” làm mục đích của cuộc vận động.

Thực hiện Kế hoạch số 74 của Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng đã triển khai rộng rãi việc phổ biến Nghị quyết số 04 của Bộ Chính trị gắn với việc học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, các nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy về phân phối lưu thông, về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng Đảng, an ninh quốc phòng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động gồm 7 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Ngô Hai - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Cuộc vận động gắn với việc tổ chức đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở. Đây là kỳ đại hội vào giai đoạn khởi đầu sự nghiệp đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Do đó, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp

ủy phải thực hiện đầy đủ quy trình tiến hành đại hội như yêu cầu tại Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 17-5-1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đảm bảo dân chủ, công khai, không áp đặt, gò ép, thăm dò tín nhiệm nhiều lần cả trong và ngoài Đảng. Đến tháng 6-1989, toàn Đảng bộ có 23 đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và 800 chi, đảng bộ cơ sở (tỷ lệ 100%) đã hoàn thành tổ chức đại hội.

Trong các năm 1987 - 1989, toàn Đảng bộ đã xử lý, kỷ luật 17 tổ chức cơ sở đảng (khiển trách 12, cảnh cáo 5) về những sai lầm vi phạm chính sách, vi phạm nguyên tắc sinh hoạt Đảng, vi phạm quyền làm chủ của quần chúng; thi hành kỷ luật 1.323 đảng viên, trong đó có 20 đảng viên thuộc diện Tỉnh ủy quản lý.

Trong quá trình thực hiện cuộc vận động, các cấp, các ngành đã tổ chức tốt khâu tiếp dân, thực hiện công khai và mở rộng dân chủ trong tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, các đoàn thể quần chúng. Những đảng viên, cán bộ có khuyết điểm đã tích cực sửa chữa để lấy lại niềm tin của nhân dân. Cũng trong 3 năm tiến hành cuộc vận động, Đảng bộ đã kết nạp được 2.939 đảng viên mới.

Câu 115: Kết quả 2 năm (1988 - 1989) Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lãnh đạo thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 5-4-1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp?

Ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (gọi tắt là Khoán 10) trong đó có quy định hộ gia đình được

thừa nhận là đơn vị kinh tế tự chủ, nông dân được trao quyền sử dụng đất và mức khoán lâu dài. Vận dụng Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 05 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra nhiều chính sách đổi mới cơ chế quản lý, trong đó có chủ trương thực hiện chính sách một giá, thương mại hóa vật tư, người nông dân chỉ còn nghĩa vụ nộp thuế và các quỹ cho hợp tác xã, được tự do lưu thông sản phẩm của mình sau khi đã làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và hợp tác xã.

Được sự ủy nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 22-8-1989, Ban Kinh tế Tỉnh ủy đã tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 05 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Theo báo cáo của Ban Kinh tế Tỉnh ủy, đến vụ Đông - Xuân 1988 - 1989, toàn tỉnh đã có 83,5% số hợp tác xã thực hiện khoán gọn theo tinh thần Nghị quyết số 10, trong đó thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Định Hóa đạt tỷ lệ 100%.

Thực hiện Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị, bộ máy quản lý trong các hợp tác xã (tính từ đội phó sản xuất trở lên) được tinh giản, nhờ đó số thóc mỗi năm xã viên phải đóng góp chi trả cho cán bộ trong bộ máy quản lý hợp tác xã đã giảm hàng ngàn tấn. Lợi ích người lao động được nâng lên từ 50 - 55% sản phẩm làm ra (Khoán 10 quy định từ 26 đến 30%), chưa kể phần vượt khoán. Đối với

hộ nông dân tự túc được giống và sức kéo thì quyền lợi được hưởng đạt từ 70 đến 80%. Như vậy, lợi ích của người nhận khoán tăng từ 1,5 đến 3 lần so với trước.

Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 05 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã góp phần giải phóng năng lực sản xuất nông nghiệp của tỉnh ở mọi thành phần kinh tế nhất là kinh tế gia đình. Tính đến tháng 7-1989, kinh tế gia đình ở tỉnh đã đóng góp 99,3% sản lượng thịt lợn, 90% sản lượng rau, 80% sản lượng lạc, 60% sản lượng chè, 100% sản lượng sắn và chiếm từ 63 đến 70% tổng thu nhập của hộ nông dân. Phát triển kinh tế hộ gia đình còn góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, giảm tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn trên địa bàn tỉnh còn 27% (năm 1989).

Câu 116: Tỉnh ủy Bắc Thái đã lãnh đạo thực hiện “Ba chương trình kinh tế” trong những năm 1987 - 1990 như thế nào?

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, trong giai đoạn 1987 - 1990, Tỉnh ủy Bắc Thái đã tập trung sức người, sức của thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của *Ba chương trình kinh tế về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*.

Giai đoạn 1987 - 1990, Tỉnh ủy chủ trương giải quyết vấn đề lương thực trên địa bàn tỉnh bằng nhiều nguồn như: Đẩy mạnh sản xuất lương thực không chỉ trong các

đơn vị sản xuất nông nghiệp mà ở tất cả các cơ quan, đơn vị có điều kiện, có chính sách cho phép các cơ quan, đơn vị và cơ sở sản xuất công nghiệp được mở rộng quyền tự trao đổi sản phẩm của mình để lấy lương thực. Kết quả là đến năm 1989, lần đầu tiên tỉnh đạt 194.873 tấn lương thực, trong đó riêng thóc là 173.859 tấn, tăng 17.929 tấn so với năm 1986 (hơn 12%), bình quân 240 ki lô gam lương thực/người/năm và đó là năm đầu tiên tỉnh giải quyết được vấn đề lương thực ở cả hai khu vực sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Cùng với sản xuất lương thực, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường chỉ đạo, lãnh đạo các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát huy năng lực hiện có, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu xã hội. Riêng với các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, từ tháng 8-1988, tỉnh đã cho chuyển mạnh phương thức gia công sang bán nguyên liệu, mua thành phẩm; cho phép các hợp tác xã được huy động vốn, kể cả vốn của xã viên để phát triển sản xuất, lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Ngoài nguồn vốn vật tư theo kế hoạch, các xí nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp được phép tự tìm kiếm vật tư cho sản xuất; chấn chỉnh lại tổ chức cung ứng vật tư, bỏ những đơn vị trung gian không cần thiết, đảm bảo cung ứng vật tư từ 75 đến 85% nhu cầu cho mỗi cơ sở sản xuất. Nhờ đó, các đơn vị sản xuất hàng tiêu dùng đã được tháo gỡ khó khăn để phát triển sản xuất.

Thực hiện chương trình xuất khẩu, giai đoạn 1987 - 1990, các mặt hàng thêu, ren, mây tre đan đã được khôi phục, đồng thời có thêm những mặt hàng xuất khẩu mới như gang tay, quần áo bảo hộ lao động... nên đã góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu, tạo ra nguồn thu nhập cao cho người lao động và làm giàu cho tỉnh.

Câu 117: Nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội trong năm 1990 được đề ra tại Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (tháng 2-1990)?

Tháng 2-1990, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái họp Hội nghị lần thứ 14 để bàn về phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1990. Hội nghị thông qua nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội của Đảng bộ trong năm 1990:

- Tiếp tục phát triển nông nghiệp toàn diện, mục tiêu số một là sản xuất lương thực, thực phẩm. Phấn đấu năm 1990, sản xuất lương thực tại chỗ đạt mức bình quân đầu người 260 ki lô gam, xóa dần tình trạng thiếu đói giáp hạt trong nông dân. Gắn kinh tế đời sống với kinh tế gia đình, thực sự làm cho đời sống và chế biến nông sản, lâm sản trở thành một trong những mũi nhọn kinh tế của tỉnh. Gắn sản xuất với thị trường...

- Về sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, khắc phục tình trạng tự bung ra không có định hướng của năm trước, tập trung vào ngành mũi nhọn là chế biến công nghiệp chè, cọ, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng

và khai thác, chế biến khoáng sản. Tất cả các cơ sở sản xuất chuyển hẳn sang chế độ hạch toán, kinh doanh; những đơn vị làm ăn thua lỗ kéo dài kiên quyết cho chuyển sang hình thức tập thể hoặc đấu thầu, thu hồi vốn cho ngân sách.

- Về xây dựng cơ bản, quản lý chặt chẽ và sử dụng có hợp lý, hiệu quả nguồn vốn phục vụ phát triển Ba chương trình kinh tế của tỉnh. Đầu tư hợp lý, trọng điểm một số công trình phục vụ đời sống dân sinh ở thành phố Thái Nguyên và trong các lĩnh vực y tế, giáo dục ở vùng sâu, vùng cao.

- Sắp xếp lại hệ thống thương nghiệp và dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nữa phát triển sản xuất và đời sống. Kiên quyết chuyển hướng kinh doanh hoặc chuyển hình thức sở hữu những đơn vị kinh doanh mặt hàng không thiết yếu bị thua lỗ kéo dài. Khắc phục ngay tình trạng tư nhân đội lốt "quốc doanh" để trốn thuế, tất cả hàng hóa ở cửa hàng phải niêm yết giá.

- Dành ngân sách đầu tư thích đáng cho hoạt động y tế, giáo dục, văn hóa, cho các đối tượng chính sách, vùng sâu, miền núi, vùng cao, khắc phục nhận thức xóa bao cấp tràn lan, phân định rõ giữa hoạt động có tính chất chính sách xã hội với hoạt động hạch toán kinh doanh của các đơn vị quốc doanh.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự xã hội. Xây dựng quốc phòng toàn dân,

hướng mọi hoạt động quốc phòng, an ninh về cơ sở, gắn hoạt động quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế. Duy trì thường xuyên việc truy quét bọn tội phạm hình sự, trừng trị nghiêm minh, kịp thời bọn tội phạm về an ninh, trật tự xã hội, tội phạm kinh tế. Kiên quyết giữ vững an ninh chính trị và lập lại kỷ cương, an toàn xã hội.

Câu 118: Kết quả thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 21-2-1990 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái “Về việc mở đợt sinh hoạt chính trị nâng cao năng lực lãnh đạo và rèn luyện phẩm chất đảng viên”?

Ngày 21-2-1990, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ra Chỉ thị số 28-CT/TU “Về việc mở đợt sinh hoạt chính trị nâng cao năng lực lãnh đạo và rèn luyện phẩm chất đảng viên”, nhằm đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết số 04 của Bộ Chính trị. Chỉ thị nhấn mạnh: “Thông qua đợt sinh hoạt chính trị để đẩy mạnh công tác tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng, tổ chức quần chúng góp ý kiến xây dựng Đảng, kiểm tra đảng viên ở ba nội dung: Chấp hành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng; chấp hành kỷ luật Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tư cách đảng viên”.

Đợt sinh hoạt chính trị theo tinh thần Chỉ thị 28 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã diễn ra sâu rộng và mang lại nhiều kết quả. Tính đến ngày 30-7-1990, đã có 50% số đảng viên trong Đảng bộ qua kiểm tra 4 nội dung trên. Kết quả kiểm tra có 85,77% số đảng viên kiểm tra được

xác nhận chấp hành tốt, 10,84% chấp hành chưa tốt và 3,83% vi phạm. Đến cuối năm 1990, kết thúc đợt kiểm tra, Đảng bộ đã xử lý kỷ luật 501 đảng viên, trong đó khiển trách 49, cảnh cáo 63, cách chức 29, khai trừ khỏi Đảng 77 và đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác 292 người.

Câu 119: Nội dung Chỉ thị số 31/CT-TU, ngày 27-7-1990 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái?

Thực hiện Quyết định số 240-HĐBT ngày 26-6-1990 của Hội đồng Bộ trưởng về đấu tranh chống tham nhũng, ngày 27-7-1990, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái đã ban hành Chỉ thị số 31/CT-TU về việc thực hiện Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng về đấu tranh chống tham nhũng.

Chỉ thị nêu rõ: “Tất cả các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện, xí nghiệp... kể cả Trung ương và địa phương đóng trên địa bàn tỉnh phải nghiêm túc thực hiện Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng”.

Chỉ thị xác định: Việc thực hiện Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng phải gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 04 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 28 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, với việc rà soát đội ngũ cán bộ đảng viên và phải coi đây là việc làm thường xuyên của mọi cấp, mọi ngành, mọi đơn vị.

Câu 120: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Từ ngày 25 đến ngày 27-4-1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI (vòng 1) được tổ chức tại thành phố Thái Nguyên với sự có mặt của 321 đại biểu để thảo luận đóng góp ý kiến vào 5 văn kiện chuẩn bị trình Đại hội toàn quốc lần thứ VII và bầu đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc của Đảng.

Với tinh thần trách nhiệm cao, sau ba ngày làm việc, các đại biểu đã tham gia đóng góp hơn 1.000 ý kiến vào các bản dự thảo văn kiện chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng và bầu 23 đại biểu chính thức, 2 đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

Sau Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991), ngày 26-9-1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI (vòng 2) được tổ chức tại thành phố Thái Nguyên. Tham dự Đại hội có 321 đại biểu thay mặt cho hơn 5 vạn đảng viên trong Đảng bộ. Đồng chí Nguyễn Khánh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ tham dự và chỉ đạo Đại hội.

Từ thực tế đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, Đại hội đã đề ra mục tiêu tổng quát cho 5 năm tới là: *“Ổn định và phát triển kinh tế - xã*

hội, hình thành về cơ bản cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần nhằm cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững ổn định về chính trị; xây dựng Đảng có bản lĩnh, phẩm chất, trí tuệ và sức chiến đấu cao, phát huy hiệu lực quản lý Nhà nước và đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới”.

Để thực hiện được mục tiêu trên, Đại hội đề ra 5 nhiệm vụ cụ thể:

- Ổn định và phát triển sản xuất, phấn đấu hình thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp - dịch vụ; hình thành cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện từng địa bàn huyện, thị, thành.

- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội bao gồm đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về dân số và lao động; về khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo...

- Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ chế theo hướng củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc. Nâng cao năng lực, sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang. Phát động quần chúng tiến công liên tục các loại tội phạm, lấy xây dựng và phòng ngừa là chính, xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn, xã, phường

vững mạnh. Tiếp tục xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh.

- Chính đốn và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và vai trò của các đoàn thể nhân dân. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động làm trong sạch Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên trên cả 3 mặt: bồi dưỡng nâng cao năng lực, phẩm chất đảng viên, đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng và kết nạp đảng viên mới...

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VI gồm 45 đồng chí. Tại phiên họp thứ nhất ngày 29-9-1991, Ban Chấp hành đã bầu 11 đồng chí vào Ban Thường vụ. Đồng chí Nguyễn Ngô Hai được bầu làm Bí thư; các đồng chí Đặng Quốc Tiến và Mai Phúc Toàn được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Câu 121: Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (khóa VI) họp từ ngày 10 đến ngày 13-8-1992 đã quyết định những vấn đề gì?

Từ ngày 10 đến ngày 13-8-1992, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (khóa VI) đã họp để quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 (tháng 6-1992) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng và bàn kế hoạch thực hiện chỉnh đốn Đảng trong Đảng bộ.

Hội nghị cho rằng: Trong những năm qua, Đảng bộ tỉnh đã tiến hành nhiều cuộc vận động xây dựng Đảng và

đã thu được kết quả đáng trân trọng. Tuy nhiên, trong một vài năm gần đây tình hình chính trị trong nước và trên thế giới có những diễn biến phức tạp. Đất nước cũng như tỉnh ta vẫn chưa ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân còn khó khăn; tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội, đặc biệt là ở thành phố Thái Nguyên có những nhân tố dễ gây mất ổn định. Liên Xô tan rã, chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ đã tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Một số không nhỏ đảng viên phân tâm, dần phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu, tính tiền phong gương mẫu, ý thức tổ chức kỷ luật kém, kèn cựa địa vị, suy thoái về phẩm chất đạo đức, gây mất đoàn kết nội bộ...

Hội nghị đề ra *Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 3* trong toàn Đảng bộ, bao gồm rất nhiều nội dung. Riêng nội dung đổi mới chỉnh đốn Đảng, Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy phải quán triệt thật sâu sắc phương châm: *Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt*; cải tiến chế độ sinh hoạt đảng bộ, chi bộ thiết thực, có chất lượng nhằm khắc phục tình trạng thiếu nền nếp, hiệu quả thấp như hiện nay. Nội dung sinh hoạt Đảng phải đảm bảo *tính chất lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu*. Thông qua sinh hoạt chi bộ mà bồi dưỡng, nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ và năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng cho cán bộ, đảng

viên niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Bác Hồ đã lựa chọn.

Câu 122: Tỉnh ủy Bắc Thái đã lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về Cuộc vận động “Đổi mới và chỉnh đốn Đảng” như thế nào?

Từ ngày 10 đến 13-8-1992, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã họp Hội nghị lần thứ 3 để quán triệt tinh thần của Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về Cuộc vận động “Đổi mới và chỉnh đốn Đảng” và đề ra Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 3.

Tháng 8-1992, Tỉnh ủy tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 trong cán bộ chủ chốt và sau đó tổ chức quán triệt đến đảng viên và đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định lấy Đảng bộ huyện Phú Lương làm thí điểm Cuộc vận động “Đổi mới và chỉnh đốn Đảng”. Các đảng bộ trực thuộc cũng chọn từ 3 đến 5 tổ chức cơ sở đảng chỉ đạo thí điểm trước khi mở ra diện rộng.

Từ tháng 8-1992, bước 1 Cuộc vận động “Đổi mới và chỉnh đốn Đảng” trong Đảng bộ tỉnh bắt đầu triển khai thực hiện. Cuộc vận động gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở mỗi cơ sở đảng, trong đó lấy việc hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra để đánh giá kết quả. Thông qua Cuộc vận động, trình độ chính trị của mỗi cán bộ, đảng viên

trong Đảng bộ được nâng lên, sự thống nhất trong Đảng và trong nhân dân được củng cố một bước, tính chủ động, năng động sáng tạo ngày càng được phát huy. Tuy nhiên, số cơ sở đảng yếu kém so với năm trước không giảm, chiếm 30% so với tổng số cơ sở đảng toàn tỉnh. Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và kỷ luật Đảng ở một số cơ sở trong Đảng bộ không nghiêm. Công tác kiểm tra Đảng không được tiến hành thường xuyên ở tất cả các cấp. Việc phân loại đảng viên theo quy định không được tiến hành hoặc phân loại không sát.

Ngày 11-9-1993, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập hội nghị, thành phần gồm các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, bí thư các đảng bộ trực thuộc, các đồng chí lãnh đạo 3 ban xây dựng đảng tỉnh và huyện nhằm kiểm điểm, đánh giá kết quả bước 1 thực hiện Cuộc vận động “Đổi mới và chỉnh đốn Đảng” theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII). Trên cơ sở rút kinh nghiệm ở bước 1, từ tháng 6-1993, Cuộc vận động chuyển sang bước 2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục tập trung chỉ đạo điểm ở Đảng bộ huyện Phú Lương và đến hết tháng 8-1993, tất cả 46 cơ sở của Đảng bộ huyện Phú Lương đã triển khai sang bước 2. Kết quả phân loại 12 cơ sở (trong tổng số 46 cơ sở) cho thấy: Tổng số đảng viên là 1.334 đồng chí, có 1.229 đồng chí dự phân loại; trong đó đảng viên loại I chiếm 45,05%, loại II là 42,9%, loại III là 8,9% và loại IV là 2,98%.

Đến giữa tháng 10-1993, bước 2 Cuộc vận động “Đổi mới và chỉnh đốn Đảng” được tiến hành ở 11 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy gồm 4 đảng bộ công nghiệp trung ương, 4 trường đại học, Đảng bộ các cơ quan tỉnh, Đảng bộ Quân sự tỉnh và Đảng bộ Công an tỉnh. Tổng số đảng viên của 11 đảng bộ trực thuộc có 6.812 đồng chí, chiếm 13,7% tổng số đảng viên toàn Đảng bộ tỉnh, có 123 tổ chức cơ sở đảng (bằng 16% tổng số cơ sở đảng trong tỉnh) và 495 chi bộ dưới cơ sở.

Câu 123: Cho biết nội dung Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (khóa VI) họp từ ngày 28 đến ngày 30-3-1994?

Từ ngày 28 đến ngày 30-3-1994, Đảng bộ tỉnh đã tiến hành Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ với sự tham gia của 228 đại biểu. Đồng chí Vũ Oanh, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tham dự và chỉ đạo Hội nghị.

Báo cáo chính trị trình trước Hội nghị nêu bật những thành tựu to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đạt được kể từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986). Khẳng định những thành tích, ưu điểm, Hội nghị giữa nhiệm kỳ cũng chỉ ra những yếu kém phải ra sức khắc phục trong thời gian tới.

Hội nghị đã đề ra những nhiệm vụ chủ yếu, trọng tâm trước mắt là “*Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của GDP từ 8,5% trở lên,*

chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cấp hạ tầng cơ sở, phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới chỉnh đốn Đảng”. Hội nghị thông qua một số chỉ tiêu cụ thể: Sản lượng lương thực quy thóc đến năm 1995 đạt 28 vạn tấn; trồng rừng đạt 6.400 héc ta; giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 1995 tăng 25% so với năm 1994; vốn xây dựng cơ bản tập trung năm 1995 tăng 15% so với năm 1994...

Hội nghị bầu bổ sung 4 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI.

Câu 124: Nội dung Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10 (từ ngày 15 đến ngày 16-12-1994)?

Từ ngày 15 đến 16-12-1994, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10 được triệu tập. Hội nghị xác định nhiệm vụ trọng tâm trong năm 1995 là: Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 (họp tháng 7-1994) về phát triển công nghiệp đến năm 2000 và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 08-NQ/HNTW, ngày 23-1-1995 của Hội nghị Trung ương 8 (khóa VII) về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính, động viên toàn Đảng, toàn dân trong tỉnh phấn đấu thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1995 đạt kết quả cao nhất.

Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy nhấn mạnh: *“Nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ là tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Đảng bộ giữa nhiệm kỳ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn. Trước hết là thực hiện chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, gắn việc phát triển công nghiệp với việc phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và các ngành dịch vụ để xây dựng cơ cấu kinh tế mới, chuyển từ nông lâm - công nghiệp - dịch vụ sang cơ cấu công - nông, lâm nghiệp - dịch vụ vào cuối giai đoạn 1996 - 2000”.*

Tỉnh ủy đề ra một số nhiệm vụ phát triển kinh tế và 4 chuyên đề chính sẽ bàn và tập trung chỉ đạo thực hiện trong năm 1995:

- Cải cách một bước nền hành chính Nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7.
- Hoàn thiện quy định, chính sách về phân công, phân cấp quản lý một cách toàn diện.
- Xây dựng, quản lý và sử dụng một số hạ tầng chủ yếu về giao thông, thủy lợi, mạng lưới điện, cơ sở trường, trạm...
- Tổ chức tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 về văn hóa - văn nghệ; chuẩn bị mọi mặt cho đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh; kết nạp đảng viên mới vào dịp kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập Đảng.

Câu 125: Trong năm 1995, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cải cách một bước nền hành chính nhà nước như thế nào?

Từ ngày 16 đến ngày 23-1-1995, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) đã được tổ chức tại Hà Nội. Hội nghị đã thảo luận và ra Nghị quyết về việc: *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Cải cách một bước nền hành chính nhà nước.*

Tháng 4-1995, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức Hội nghị lần thứ 11, đề ra kế hoạch thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII). Hội nghị nhấn mạnh: Phải làm cho tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh quán triệt quan điểm của Đảng về chuyên chính vô sản, về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở đó, Hội nghị xác định nhiệm vụ trọng tâm trước mắt để cải cách hành chính ở tỉnh là giải quyết tốt những đơn thư khiếu nại, khiếu tố, góp ý của nhân dân, khắc phục tình trạng gửi thư vòng vo chậm được xem xét giải quyết; chấn chỉnh và lập lại trật tự kỷ cương xã hội; đổi mới nâng cao chất lượng các cuộc hội nghị, hội thảo, đảm bảo tính hiệu quả và thực hành tiết kiệm; tích cực chuẩn bị để thực hiện một bước hoàn thiện tổ chức viên chức Nhà nước.

Thực hiện kế hoạch của Tỉnh ủy, ngày 11-5-1995, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra *Chương trình công tác triển khai kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương*.

Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cải cách thủ tục hành chính, điều chỉnh tổ chức và mối quan hệ trong bộ máy hành chính; xây dựng, đào tạo đội ngũ công chức và cán bộ chính quyền cơ sở. Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính được thành lập. Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, tích cực của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, cải cách hành chính đã đạt được kết quả bước đầu: Các ngành, các cấp trong tỉnh đã xây dựng được quy chế làm việc, những văn bản có liên quan đến hoạt động của các ngành, các cấp được rà soát lại, loại bỏ các văn bản không còn phù hợp, bổ sung, hoàn chỉnh các văn bản pháp quy vẫn còn giá trị thực hiện; trật tự kỷ cương xã hội, trước hết là quản lý đô thị và trật tự an toàn giao thông bước đầu được chấn chỉnh. Lịch tiếp dân được thông báo công khai nhiều lần trên các phương tiện thông tin đại chúng; nội quy, quy chế tiếp dân được hầu hết các ngành, các cấp thực hiện nghiêm túc.

Để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, tỉnh Bắc Thái đã mở nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm quản lý cho 1.644 cán bộ xã, phường giữ chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân và mở 5 lớp bồi dưỡng cao cấp và trung

cấp về quản lý Nhà nước cho cán bộ chủ chốt các ngành ở tỉnh, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp huyện.

Câu 126: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VII được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Ngày 5-5-1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VII được tổ chức tại thành phố Thái Nguyên. Dự Đại hội có 321 đại biểu thay mặt cho hơn 50.000 đảng viên của Đảng bộ.

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, Đại hội khẳng định: Trong 5 năm (1991 - 1995), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh kiên trì với sự nghiệp đổi mới, tạo nên sự chuyển biến toàn diện trên tất cả các mặt kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, củng cố xây dựng hệ thống chính trị. Hầu hết các mục tiêu, chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra đã hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Đại hội cũng nêu rõ: Tốc độ tăng trưởng kinh tế giữa các vùng không đồng đều và chưa vững chắc. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng nhưng còn chậm. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể chưa khai thác được các lợi thế, một số lĩnh vực chưa giữ được vai trò chủ đạo. Vấn đề xã hội còn tồn tại rất đáng quan tâm, đời sống của đồng bào vùng cao, vùng sâu còn khó khăn. Quản lý vốn ngân sách còn khuyết điểm, đầu tư còn dàn trải, hiệu quả

thấp. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng chưa cao...

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm (1996 - 2000): Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm từ 9 - 10%; sản lượng lương thực đến năm 2000 đạt 30 vạn tấn; mỗi năm trồng mới 4.000 héc ta rừng; giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm từ 20% trở lên; giá trị hàng xuất khẩu địa phương đầu năm 2000 đạt 13 - 15 triệu USD; ngân sách đạt tỷ lệ huy động 15% GDP. Phấn đấu đến năm 2000 tự cân đối được thu chi thường xuyên trên địa bàn; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2000 đạt từ 450 đến 500 USD; giảm tỷ suất sinh hằng năm 0,08% trở lên để đến năm 2000 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở dưới mức 1,8%.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VII gồm 47 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Ngô Hai được tái cử giữ chức Bí thư, các đồng chí Đặng Quốc Tiến, Mai Phúc Toàn được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí; 18 đồng chí được bầu đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

Câu 127: Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái họp ngày 20-11-1996 đã quyết định vấn đề gì?

Ngày 6-11-1996, tại Kỳ họp lần thứ 10, Quốc hội khóa IX Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra nghị quyết

chia tách và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Tỉnh Bắc Thái được chia thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Tỉnh Thái Nguyên có 9 đơn vị hành chính gồm thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và 7 huyện là Định Hoá, Đại Từ, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình, Phổ Yên. Ngày 15-11-1996, Thủ tướng Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Chỉ thị số 857/TTg về chỉ đạo tổ chức thực hiện việc chia điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh.

Ngày 20-11-1996, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã họp để quán triệt nghị quyết của Quốc hội, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc chia tách và điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh. Hội nghị xác định rõ nhiệm vụ là phải làm tốt công tác tư tưởng để cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nhận thức rõ yêu cầu khách quan, những lợi ích lâu dài cũng như những khó khăn ban đầu của việc chia tách tỉnh. Trong quá trình tiến hành chia tách tỉnh, phải đảm bảo các mặt kinh tế - xã hội phát triển bình thường, đẩy mạnh sản xuất, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc trong từng tỉnh. Hội nghị nhấn mạnh phải tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết hơn 30 năm hợp nhất tỉnh, tăng cường đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau trong thời gian chia tỉnh cũng như sau này để hai tỉnh cùng phát triển, kiên quyết khắc phục mọi tư tưởng, hành động mang tính cục bộ,

bản vị, hẹp hòi, địa phương chủ nghĩa. Hội nghị đề ra yêu cầu chia tách tỉnh là Đoàn kết - Tiết kiệm - Phát triển.

Câu 128: Cho biết nội dung Quyết định số 131-QĐNS/TW ngày 22-12-1996 của Bộ Chính trị?

Ngày 6-11-1996, tại Kỳ họp lần thứ 10, Quốc hội khóa IX nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Tỉnh Bắc Thái được chia thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, có địa giới hành chính như trước khi hợp nhất (7-1965).

Ngày 22-12-1996, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 131-QĐNS/TW về việc kết thúc hoạt động của Đảng bộ và Tỉnh ủy Bắc Thái, đồng thời thành lập Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên và chỉ định Ban Chấp hành lâm thời gồm 35 ủy viên, do đồng chí Nguyễn Ngô Hai làm Bí thư. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lâm thời gồm 11 đồng chí. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 1-1-1997.

Câu 129: Từ khi tái lập (năm 1997) đến nay, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã trải qua mấy kỳ đại hội? Thời gian diễn ra các kỳ đại hội đó?

Từ khi tỉnh Thái Nguyên được tái lập, Đảng bộ tỉnh đã tổ chức 5 kỳ đại hội, cụ thể như sau:

- Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV:

Được tổ chức từ ngày 11 đến ngày 14-11-1997 tại thành phố Thái Nguyên. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 47 Ủy viên. Ban Chấp hành Đảng bộ

tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 12 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Ngô Hai được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

- Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI:

Được tổ chức từ ngày 3 đến ngày 5-1-2001 tại thành phố Thái Nguyên. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 47 Ủy viên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Hồ Đức Việt được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

- Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII:

Được tổ chức từ ngày 15 đến ngày 17-12-2005 tại thành phố Thái Nguyên. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 49 Ủy viên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Bắc Sơn được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

- Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII:

Được tổ chức từ ngày 21 đến ngày 23-10-2010 tại thành phố Thái Nguyên. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 55 Ủy viên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí. Đồng chí Phạm Xuân Đương được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

- Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX:

Được tổ chức từ ngày 26 đến ngày 28-10-2015 tại thành phố Thái Nguyên. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 53 Ủy viên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 16 đồng chí. Đồng chí Trần Quốc Tỏ được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Câu 130: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV được tổ chức tại thành phố Thái Nguyên từ ngày 11 đến ngày 14-11-1997. Tham dự Đại hội có 250 đại biểu thay mặt cho gần 45.000 đảng viên sinh hoạt tại 19 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

Trên cơ sở đánh giá đúng những ưu, khuyết điểm, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2000 và nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội giai đoạn 1997 - 2000.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 47 Ủy viên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã bầu ra Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 12 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Ngô Hai được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Câu 131: Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của tỉnh Thái Nguyên đến năm 2000 do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV đề ra?

Mục tiêu tổng quát: “Tập trung mọi nguồn lực, tranh thủ thời cơ, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tạo sự phát triển về kinh tế - xã hội với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, xây dựng tỉnh Thái Nguyên giàu đẹp với cơ cấu kinh tế: công - nông, lâm nghiệp - dịch vụ; cải thiện đời sống vật chất, tinh thần

của nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh để cùng với cả nước tiến vào thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000”.

Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu đến năm 2000:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 9 - 10%/năm, trong đó ngành công nghiệp - xây dựng cơ bản tăng 14 - 15%, ngành nông lâm nghiệp tăng 3,5 - 4%, ngành dịch vụ tăng 14 - 15%.

- Sản lượng lương thực quy thóc đạt bình quân 270.000 tấn/năm, phấn đấu đạt giá trị sản xuất hằng năm trên 1ha canh tác là: 12 triệu đồng trở lên trên đất ruộng, 20 triệu đồng với đất vườn đồi đã được đầu tư thâm canh. Trồng rừng mới và cây ăn quả mỗi năm 4.000ha.

- Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn đạt tốc độ tăng bình quân hằng năm từ 15% trở lên.

- Xuất khẩu trên địa bàn đạt 27 triệu USD, trong đó xuất khẩu địa phương đạt 13 - 14 triệu USD.

- Về ngân sách: Phấn đấu đến năm 2000 về cơ bản bảo đảm tự cân đối nhu cầu chi thường xuyên của địa phương.

- Đến năm 2000 tổng sản phẩm (GDP) bình quân đầu người tăng 1,5 lần so với năm 1996.

- Giảm tỷ suất sinh thô hằng năm 0,8 phần nghìn.

Câu 132: Các nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1997 - 2000 được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV thông qua?

Một là: Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế để đạt cơ cấu công - nông - lâm nghiệp - dịch vụ vào trước năm 2000

Tập trung phát triển nông - lâm nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phần đầu giá trị sản xuất tiểu - thủ công nghiệp địa phương tăng bình quân hằng năm từ 15% trở lên; tỷ trọng công nghiệp trong GDP từ 35,1% (năm 1997) lên 37% (năm 2000).

Phần đầu đến năm 2000 sử dụng 75% lao động ở nông thôn; sản lượng lương thực bình quân đạt 270.000 tấn; nâng tỷ lệ che phủ của rừng từ 33% lên 40%... ; 80% số xã có điện lưới quốc gia và 80% số hộ nông thôn có điện; các xã có đường ô tô thông suốt; xuất khẩu địa phương từ 13 - 14 triệu USD.

Hai là: Phát triển văn hóa xã hội và khoa học công nghệ

Phần đầu đến năm 2000: huy động các cháu ra nhà trẻ đạt 15,7%, mẫu giáo đạt 42% (riêng mẫu giáo 5 tuổi đạt

95%); phổ cập giáo dục tiểu học theo chuẩn quốc gia 100% xã, phường bảo đảm chất lượng đúng độ tuổi. Huy động trẻ trong độ tuổi đi học trung học cơ sở đạt 82%, phổ cập trung học cơ sở đạt trên 40% xã, phường. Nâng số học sinh trung học phổ thông lên 36% so với độ tuổi. Tỷ lệ người lao động được đào tạo nghề đạt 25%, tỷ lệ sinh viên trên dân số của tỉnh lên 1,36%. Phần đầu có 20 - 30% giáo viên đạt trên chuẩn đào tạo.

Hạ tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 30%. củng cố vững chắc hệ thống y tế cơ sở, 100% số xã có bác sĩ, y sĩ sản, nhi hoặc nữ hộ sinh, có quây dược. Giảm tỷ suất sinh thô hằng năm 0,8 phần nghìn để tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của tỉnh xuống dưới 1,8% vào năm 2000.

100% số dân nghe được đài phát thanh, 85% số dân xem được truyền hình vào năm 2000.

Ba là: Nhiệm vụ quốc phòng và an ninh

Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn Đảng, toàn dân và các lực lượng vũ trang về âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước trong việc xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Bốn là: Xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Trọng tâm của công tác xây dựng đảng là công tác xây dựng tổ chức đảng, rèn luyện đảng viên và xây dựng đội ngũ cán bộ; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng chính quyền các cấp trong sạch vững mạnh theo tinh thần Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 3 (khoá VII).

Phần đấu giữ mức mỗi năm kết nạp từ 1.000 đảng viên mới trở lên.

Câu 133: Những thành tựu kinh tế xã hội chủ yếu trong năm đầu tiên tái lập tỉnh Thái Nguyên?

Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 8,5%. Thu nhập bình quân đầu người (GDP) tăng 12% so với 1996. Đời sống nhân dân ổn định và có bước cải thiện. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và vận động quần chúng có chuyển biến tích cực.

Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn, tổng sản lượng lương thực quy thóc cả năm đạt 272,5 ngàn tấn, tăng 2,3% so kế hoạch và 6,5% so với cùng kỳ. Diện tích chè trồng mới 800ha, đạt 100% kế hoạch, đưa diện tích chè của tỉnh lên 9.760ha. Đàn gia súc phát triển bình thường và tăng trưởng khá so với cùng kỳ: đàn trâu tăng 1,2%, đàn bò tăng 6,8%; đàn lợn tăng 3,6%.

Tổng mức hàng hóa và dịch vụ bán ra trên thị trường tăng 9,1% so với năm 1996. Tổng kim ngạch xuất nhập

khẩu trên địa bàn đạt 22,5 triệu USD, tăng 3,7% so với 1996, trong đó địa phương xuất khẩu 11,3 triệu USD bằng 102,7% kế hoạch và tăng 5,6% so cùng kỳ.

Thu ngân sách nhà nước đạt gần 197 tỷ đồng, tăng 6,7% mức kế hoạch do Bộ Tài chính giao và vượt mức 2,5% kế hoạch phấn đấu của tỉnh.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo, thực hiện các chính sách xã hội, công tác y tế và dân số kế hoạch hóa gia đình, hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao có nhiều khởi sắc. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Tiến hành đại hội Đảng từ cấp cơ sở đến tỉnh theo quy định của Điều lệ và chỉ thị của Bộ Chính trị; tỷ lệ đại biểu và đảng viên dự đại hội đạt trên 90%, không khí đại hội sôi nổi, phấn khởi, phát huy dân chủ, củng cố đoàn kết trong Đảng. Trong năm 1997 kết nạp được trên 1.500 đảng viên; tỷ lệ đảng viên mới là giáo viên, cán bộ khoa học kỹ thuật, tuổi trẻ, là nữ tăng đáng kể.

Ban Chấp hành lâm thời đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Tỉnh ủy Bắc Thái về chia tách tỉnh, làm tốt việc phân công cán bộ, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và những điều kiện đơn vị hành chính mới. Công tác chia tách tỉnh thực hiện đúng phương châm “đoàn kết - tiết kiệm - phát triển”. Việc lãnh đạo tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa

X trên địa bàn bảo đảm đúng luật, an toàn, tiết kiệm theo đúng yêu cầu của Trung ương.

Câu 134: Chủ trương, biện pháp, kết quả, bài học kinh nghiệm của công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh giai đoạn 1996 - 2001?

Chủ trương và biện pháp để chỉ đạo các cấp ủy đảng đẩy mạnh công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh:

1. Tập trung xây dựng nhiệm vụ chính trị đúng đắn và phù hợp, làm cơ sở cho công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh.

2. Tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng. Đây là giải pháp rất quan trọng nhằm nâng cao bản chất giai cấp công nhân, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

3. Chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

Kết quả nổi bật của công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng tỉnh Thái Nguyên trong sạch vững mạnh giai đoạn 1996 - 2001 là:

Hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng đã có nhiều chuyển biến, tiến bộ. Vai trò hạt nhân lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở được khẳng định rõ hơn. Công tác chính trị - tư tưởng của các tổ chức cơ sở đảng được

tăng cường. Công tác tổ chức, phương thức lãnh đạo và phương pháp công tác, có những chuyển biến, tiến bộ.

Sau Đại hội nhiệm kỳ 2001 - 2005 đã đổi mới 34,25% cấp ủy viên theo hướng trẻ hoá và nâng cao chất lượng.

Thông qua việc xây dựng cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, công tác phát triển đảng cũng có nhiều tiến bộ. Số cơ sở có kết nạp đảng viên mới ngày một tăng: Năm 2000 có 66,2%, năm 2001 có 73,3%. Kết nạp được 12.027 đảng viên mới, bình quân mỗi năm kết nạp 2.011 đảng viên; riêng năm 2001 kết nạp được 2.657 đảng viên, vượt 47,6% so với chỉ tiêu kết nạp đảng hằng năm mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đã đề ra. Công tác kiểm tra được tăng cường đã góp phần ngăn chặn sự sa sút của một số tổ chức cơ sở đảng, sự giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, ý thức tổ chức kỷ luật của một số đảng viên.

Trung bình hằng năm trong toàn Đảng bộ tỉnh có 99,11% số tổ chức cơ sở đảng dự phân tích chất lượng; 70,63% đạt trong sạch vững mạnh; 27,67% đạt loại khá; còn 1,7% số tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Trung bình hằng năm có 90,66% đảng viên dự phân loại; đảng viên đạt loại I: 87,12%, loại II: 11,95%; loại III: 0,93%. Có 14.000 lượt chi bộ đạt trong sạch vững mạnh; 214 tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh 5 năm liền trở lên; 52 tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn

trong sạch vững mạnh tiêu biểu, xuất sắc được Tỉnh ủy khen thưởng.

Bài học kinh nghiệm

1. Ở những cơ sở đạt tiêu chuẩn cơ sở đảng trong sạch vững mạnh nhiều năm, cán bộ, đảng viên được học tập, quán triệt sâu sắc, nắm vững quan điểm đường lối, chỉ thị nghị quyết của Đảng; cấp ủy năng động, sáng tạo trong xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Để xây dựng được chi bộ, đảng bộ cơ sở trong sạch vững mạnh, phải xây dựng đồng bộ tập thể cấp ủy, tổ chức chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong sạch vững mạnh. Đồng thời, bí thư cấp ủy có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm cao, gương mẫu, có tín nhiệm.

3. Đoàn kết là nhân tố quyết định thành công trong xây dựng cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Để đảm bảo sự đoàn kết thống nhất, cấp ủy cơ sở phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; cấp ủy, chính quyền, đoàn thể đều xây dựng và hoạt động theo quy chế.

4. Trong xây dựng cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, phải xây dựng điển hình tiên tiến để từ điển hình ra diện. Cấp ủy cấp trên cơ sở thường xuyên theo dõi, kịp thời giúp đỡ cơ sở giải quyết những vướng mắc.

Câu 135: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2001 - 2005 được tổ chức tại thành phố Thái Nguyên từ ngày 3 đến ngày 5-1-2001. Có 300 đại biểu, đại diện cho gần 50 nghìn đảng viên của toàn Đảng bộ tỉnh đã về dự Đại hội. Đồng chí Nông Đức Mạnh, Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội đã đến dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội đã nghiêm túc đánh giá những thành tựu và hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 1997 - 2000, đồng thời đề ra nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội giai đoạn 2000 - 2005.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 47 ủy viên. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Trung ương Đảng tiếp tục được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Hứa Đức Nhị, Lương Đức Tính làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Câu 136: Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu của tỉnh Thái Nguyên đến năm 2005 được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI quyết định?

Mục tiêu tổng quát: Phát huy cao độ mọi nguồn lực để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống nhân dân, củng cố vững chắc quốc

phòng - an ninh; tăng cường đoàn kết, giữ vững kỷ cương, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân hằng năm đạt ít nhất 7%, trong đó nông, lâm nghiệp 3,5 - 4%; công nghiệp, xây dựng: 9 - 9,5%; dịch vụ: 7 - 8%.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tăng 8%/năm.

- Thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước 10%.

- Sản lượng lương thực có hạt đến năm 2005 đạt trên 315 ngàn tấn. Chè trồng mới 3.000ha (trồng mới 2.000ha, trồng lại 1.000ha), trồng mới cây ăn quả hằng năm 1.000ha, trồng rừng mới hằng năm 2.000ha.

- Cơ cấu kinh tế của tỉnh đến 2005 là công nghiệp - dịch vụ - nông lâm nghiệp với tỷ trọng trong GDP như sau: Công nghiệp, xây dựng: 34 - 35%; dịch vụ: 33 - 34%, nông lâm nghiệp: 31 - 32%.

- Phần đầu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Thay thế toàn bộ các phòng học tạm bằng phòng học kiên cố và bán kiên cố.

- Hằng năm giải quyết thêm việc làm cho 10.000 lao động.

- Không còn hộ đói; hộ nghèo đến năm 2005 còn dưới 14% (theo chuẩn mới).

- Giảm tỷ lệ sinh bình quân hằng năm: 0,4 phần ngàn.

Câu 137: Định hướng, chủ trương và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh CNH, HĐH tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2001 - 2005?

1. Xây dựng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với nhu cầu thị trường và tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Đưa nhanh tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất

- Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn: Hướng chính là tăng năng suất, tăng chất lượng, tăng hiệu quả cây trồng, vật nuôi; chuyển đổi cơ cấu cây con, mùa vụ ... Ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, tăng cao giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích đất sử dụng, trên một đơn vị sản phẩm.

Phát huy thế mạnh về đất đồi rừng để phát triển mạnh cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm gắn với bảo quản, chế biến, tiêu thụ. Phần đầu đến 2005 đạt năng suất chè bình quân khoảng 80 tạ búp tươi, giá trị sản xuất chè trên 1ha đạt trên 30 triệu đồng một năm. Xây dựng các vùng cây ăn quả tập trung ở Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên, Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ, hằng năm trồng mới 1.000ha cây ăn quả.

Bảo vệ và phát triển rừng, mỗi năm trồng mới 2.000ha rừng, nâng độ che phủ của rừng lên khoảng 45% vào năm 2005.

Phát triển chăn nuôi, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông lâm thủy sản để có cơ cấu trồng trọt, chăn nuôi cân đối.

Phát triển mạnh ngành nghề và kết cấu hạ tầng ở nông thôn. Phần đầu đến năm 2005 mức thu nhập bình quân của nông dân tăng khoảng 1,5 lần so với hiện nay.

- *Về công nghiệp*: củng cố và sắp xếp lại các cơ sở công nghiệp hiện có. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế trong tỉnh, trong nước và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp. Ưu tiên kêu gọi đầu tư phát triển các ngành: công nghiệp vật liệu xây dựng; khai thác và chế biến khoáng sản; công nghiệp bảo quản và chế biến nông lâm sản (chè, trái cây, gỗ, thực phẩm...); nhiệt điện và thủy điện nhỏ; cơ khí phục vụ nông lâm nghiệp và công nghiệp chế biến; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có thị trường và sử dụng nhiều lao động.

- *Phát triển thương mại và dịch vụ*: Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để nhiều thành phần kinh tế tham gia kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật. Nghiên cứu hình thành và từng bước phát triển thị trường bất động sản, thị trường vốn, thị trường công nghệ sinh học.

Coi trọng phát triển du lịch, trước hết là du lịch sinh thái và văn hoá - lịch sử. Liên kết với các tỉnh, thành phố bạn để hình thành các tuyến, các chương trình du lịch.

2. Phát triển mạnh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Huy động rộng rãi các nguồn vốn, các nguồn lực để nâng cấp hạ tầng cơ sở hiện có; thực hiện các chương

trình xây dựng mới kết cấu hạ tầng (trước hết là điện, giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, chợ, cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa - thể thao) làm nền tảng để phát triển kinh tế-xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa... Phần đầu đến năm 2003 tất cả các xã, phường trong tỉnh đều có điện lưới quốc gia; 80% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch vào năm 2005.

3. Phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ

Đa dạng hóa các loại hình trường lớp, khuyến khích mở trường dân lập, tư thục; phân luồng hợp lý số học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông; mở trường năng khiếu văn hoá - thể thao; xây dựng và hoàn thiện hệ thống giáo dục thường xuyên...

Về phát triển khoa học và công nghệ, *hướng ưu tiên là chuyển giao và ứng dụng* thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất và đời sống. Đến 2005 hoàn thành phổ cập trung học cơ sở; xã nào cũng có bác sĩ, kỹ sư nông nghiệp.

4. Cụ thể hoá, vận dụng sáng tạo và thực hiện đồng bộ, nhất quán các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước

Tiếp tục thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Cải thiện mạnh môi trường đầu tư để huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tiếp tục kiện toàn hệ

thống tổ chức, thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đổi mới về tài chính, tiền tệ, tín dụng.

Câu 138: Mục tiêu chiến lược tỉnh Thái Nguyên cần đạt được vào năm 2010 được xác định tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI?

1. Cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển của tỉnh, GDP tăng gấp đôi năm 2000. Nguồn lực con người, năng lực khoa học công nghệ, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tiềm lực kinh tế, quốc phòng được tăng cường. Ngân sách nhà nước trên địa bàn vừa đáp ứng đủ nhu cầu chi thường xuyên, vừa có phần tăng chi cho đầu tư phát triển.

2. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN được định hình về cơ bản. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch mạnh, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP tăng cao, tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 55%.

3. Đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân các dân tộc được cải thiện rõ rệt, cơ bản không còn hộ nghèo.

Câu 139: Những kinh nghiệm chung về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới?

1. Phải quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng và vận dụng sáng tạo, sát đúng với thực tế địa phương trong quá trình phát triển. Kiên trì nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc, nhất là về những chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà

nước; tìm tòi, sáng tạo trong thực tiễn để có những chủ trương, biện pháp cụ thể phù hợp với địa phương; thực hiện nhất quán đường lối đổi mới của Đảng, không quay lại với tư duy cũ, cách làm cũ, với cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp không còn phù hợp.

2. Để đổi mới thành công phải phát huy mạnh mẽ các nguồn lực, phối hợp đồng bộ các lực lượng và định hướng đúng những lĩnh vực cần ưu tiên nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội. Trong từng thời gian cần xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, hướng ưu tiên đầu tư và những khâu đột phá để tập trung lực lượng làm chuyển biến tình hình. Cần huy động rộng rãi các nguồn lực, tranh thủ tốt sự hỗ trợ của Trung ương, kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ, phát huy đầy đủ sức mạnh của các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế.

3. Phải thường xuyên chăm lo củng cố hệ thống chính trị, tăng cường đoàn kết, mở rộng dân chủ, giữ vững kỷ cương, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh. Đây là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 140: Để đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng bộ máy Nhà nước trong sạch vững mạnh, Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã xác định những yêu cầu gì cần tập trung thực hiện?

1. Kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền các cấp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII). Rà soát

lại chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, cơ chế hoạt động và quy chế làm việc của các cơ quan Nhà nước. Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn. Thực hiện mạnh hơn việc phân cấp; định rõ trách nhiệm và quyền hạn của từng công chức, từng tổ chức; khắc phục tình trạng chồng chéo về nhiệm vụ và tổ chức, chậm trễ trong công việc, đùn đẩy trách nhiệm giữa các cá nhân, tổ chức. Củng cố và kiện toàn chính quyền cấp xã, phường, thị trấn. Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp. Mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp với dân.

Nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp có đạo đức trong sáng, công tâm, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm sát. Tập trung giải quyết các đơn thư khiếu nại tố cáo, không để tồn đọng kéo dài; đưa công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân vào nền nếp.

2. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cả về thể chế và tổ chức thực hiện. Loại bỏ những quy định và thủ tục bất hợp lý mang nặng tính quan liêu bao cấp, kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, gây phiền hà cho nhân dân và doanh nghiệp. Thực hiện thí điểm cơ chế “một cửa” để rút kinh nghiệm, từ đó áp dụng rộng rãi ra các ngành, các cấp.

3. Nâng cao năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, công chức. Đẩy mạnh đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng.

Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng; chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở. Thực hiện tốt các quy chế về cán bộ, công chức, các quy trình công tác cán bộ, chế độ bổ nhiệm công chức có thời hạn, chế độ luân chuyển cán bộ công chức, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn, sát với thực tiễn, với nhân dân. Thực hiện tốt chủ trương tinh giản biên chế.

Tăng cường giáo dục và kiểm tra việc cán bộ, công chức thi hành công vụ. Quản lý tốt tiền và tài sản công, thực hiện công khai tài chính ở cơ sở và các cấp chính quyền. Kiên quyết chống tệ cửa quyền, nhũng nhiễu, lãng phí, đặc quyền, đặc lợi. Xử lý nghiêm theo kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước những người tham nhũng, vô trách nhiệm.

Câu 141: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI đã xác định những nội dung nào cần tập trung để thực hiện nhiệm vụ then chốt là xây dựng chính đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng?

1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng của các cấp ủy Đảng; tạo sự chuyển biến về nhận

thức và hành động của toàn Đảng bộ về chất lượng hoàn thành nhiệm vụ, về đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ, đảng viên

Bồi dưỡng nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội, gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Mở rộng phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

Kiên quyết đấu tranh chống sự suy thoái về đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng. Tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên; kiểm tra việc thực hiện Pháp lệnh cán bộ công chức, các quy định về những điều đảng viên và công chức không được làm; xử lý nghiêm những người sai phạm.

2. Xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức, phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất, mở rộng dân chủ, giữ vững kỷ cương, kỷ luật Đảng

Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt Đảng. Phát huy dân chủ, khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của cán bộ, đảng viên, chống mọi biểu hiện vi phạm quyền dân chủ hoặc dân chủ hình thức; đồng thời chống lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng, vi phạm kỷ luật Đảng và kỷ cương, pháp luật của Nhà nước.

Chú trọng củng cố, chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng, đảm bảo vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị ở địa phương, đơn vị. Giữ vững nền nếp sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong nội bộ đảng, định kỳ tổ chức cho nhân dân góp ý phê bình cán bộ, đảng viên. Cải tiến sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; đổi mới việc phân loại, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên cho đúng thực chất; đảm bảo hằng năm có trên 70% cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh...

Thực hiện tốt công tác phát triển đảng, đảm bảo tiêu chuẩn và chất lượng. Phấn đấu trung bình hằng năm toàn Đảng bộ kết nạp được ít nhất 1.800 đảng viên mới.

3. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, trước hết là cán bộ cốt cán của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và các doanh nghiệp

Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, thực hiện việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch; đảm bảo sự đồng bộ và kế thừa liên tục trong đội ngũ cán bộ ở các ngành, các cấp. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ....

4. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng bằng các biện pháp nâng cao chất lượng chuẩn bị và ban hành các quyết định, các chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và xây dựng Đảng; thực hiện tốt hơn công tác tổ chức cán bộ,

công tác kiểm tra và đề cao sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên

Kiện toàn các cơ quan chuyên môn của các cấp ủy đảng. Phát huy đầy đủ hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền. Tôn trọng và phát huy tính chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân... Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng; đổi mới và kết hợp tốt giữa kiểm tra của Đảng, thanh tra của chính quyền và giám sát của hội đồng nhân dân các cấp. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, mở rộng và thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở.

Câu 142: Nội dung Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 31-12-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên?

Để thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28-8-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; nhằm đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ các cấp, lịch sử ngành, đoàn thể trong tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 31-12-2002 về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ các cấp, lịch sử các ngành trong tỉnh.

Chỉ thị yêu cầu các cấp ủy đảng và toàn thể đảng viên trong Đảng bộ cần nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử ngành, đoàn thể: để cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh hiểu và

tự hào về truyền thống, thành tích của đảng bộ, của ngành, đoàn thể mình, góp phần quan trọng vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành ở địa phương, đơn vị trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng, lịch sử ngành phải bảo đảm tính đảng, tính khoa học, đúc rút được những bài học kinh nghiệm phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ giáo dục truyền thống, cho công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị.

Câu 143: Những nội dung cơ bản của việc xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức theo Chỉ thị số 42-CT/TU, ngày 1-6-2005 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên?

Việc xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức, phải căn cứ vào các nội dung cơ bản sau đây:

1. Những nội dung cần “xây”

- Ý thức trách nhiệm cá nhân, ý thức tổ chức kỷ luật, tính tự giác trong học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, đạo đức cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư.

- Tác phong quần chúng, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái.

- Công khai hoá và thực hiện đúng các chế độ, chính sách.

2. Những nội dung cần “chống”

- Thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, nhũng nhieuu.

- Tham nhũng, lãng phí, xa hoa.

- Chủ nghĩa cá nhân; cơ hội, cục bộ, bè phái coi thường kỷ cương, pháp luật; tham gia đánh bạc, hoạt động mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội khác.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, lãnh đạo các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội có trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng và ban hành tiêu chuẩn đạo đức, lối sống của cán bộ công chức, viên chức ở cơ quan, đơn vị mình cụ thể, rõ ràng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm và tính chất công việc của cán bộ, công chức, viên chức ở cơ quan, đơn vị. Từng cán bộ, công chức, viên chức căn cứ vào tiêu chuẩn đạo đức, lối sống của cơ quan, đơn vị mình, làm bản cam kết thực hiện. Hằng tháng trong sinh hoạt cơ quan, đơn vị phải được kiểm điểm rút kinh nghiệm kịp thời những hạn chế, yếu kém, biểu dương, khuyến khích những mặt tốt, mặt tích cực.

Câu 144: Kết quả việc thực hiện Chỉ thị 44-CT/TW, ngày 12-10-2004 của Ban Bí thư Trung ương về “Kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người” của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên?

Tính từ năm 2001 đến ngày 19-5-2006 (kết thúc đợt thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TW), toàn Đảng bộ tỉnh kết

nạp được 15.124 đảng viên mới. Trong thời gian thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TW từ ngày 12-10-2004 đến 19-5-2006 kết nạp được 5.039 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên toàn tỉnh lên 60.664 đảng viên.

Chất lượng đảng viên mới kết nạp: tỷ lệ đảng viên nữ là 50,68%; dân tộc ít người là 19,34%; trong các tôn giáo là 0,47%; đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh là 55,64%; là công nhân lao động trong các thành phần kinh tế 13,39%; nông dân 29,11%; trong các lực lượng vũ trang 2,42%; là học sinh, sinh viên 10%.

- *Về tuổi đời :* Từ 18 đến 30 tuổi là 53,42%; từ 31 đến 40 là 28,02%; từ 41 đến 50 tuổi là 17,76%; từ 51 tuổi trở lên là 0,79%.

- *Về trình độ học vấn phổ thông:* Tiểu học 0,25%, Trung học cơ sở 20,75%, Trung học phổ thông 78,98%.

- *Về trình độ chuyên môn:* Công nhân kỹ thuật, nghiệp vụ 7%, Trung học chuyên nghiệp 19,42%, Cao đẳng 9,30%, Đại học 31,71%, Thạc sĩ 1,78%, Tiến sĩ 0,08%.

- *Số tổ chức cơ sở (TCCS) đảng có kết nạp đảng viên là:*

+ Từ 12-10-2004 đến 31-12-2004 có 481/706 = 68,19%.

+ Năm 2005 có 438/717 = 61,08%.

+ Từ 1-1-2006 đến 19-5-2006 có 346/718 = 48,18%.

- *Số TCCS đảng không còn quần chúng là: 22/718 = 3,06%.*

Đảng bộ Đại học Thái Nguyên có số đảng viên mới kết nạp chiếm tỷ lệ 28% so với tổng số đảng viên toàn Đảng bộ tỉnh.

Các đảng bộ huyện, thành, thị và tương đương đã gắn công tác kết nạp đảng viên mới với việc khắc phục số thôn, bản, đơn vị trường học, doanh nghiệp chưa có chi bộ, chưa có đảng viên, thành lập mới được 70 chi bộ trong đảng bộ cơ sở; nâng cấp 9 chi bộ cơ sở. Số TCCS đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh (TSVM) ngày càng tăng; số thôn, xóm, bản, đơn vị trường học chưa có đảng viên (thôn, bản... “trắng”) đã được giảm dần. Thể hiện qua các năm như sau :

+ Năm 2002 số TCCS đảng đạt TSVM là 72,20%; số thôn bản trắng là 40.

+ Năm 2003 số TCCS đảng đạt TSVM là 79,97%; số thôn bản trắng là 35.

+ Năm 2004 số TCCS đảng đạt TSVM là 85,20%; số thôn bản trắng là 29.

+ Năm 2005 số TCCS đảng đạt TSVM là 87,97%; số thôn bản trắng là 19.

Đến 19-5-2006 toàn tỉnh còn 18 thôn, xóm, chưa có đảng viên (Đảng bộ huyện Đại Từ: 7, Đồng Hỷ: 3, Phú Bình: 3, Võ Nhai: 4, Định Hoá: 1). Tổng số đơn vị trường học thuộc khối trung học cơ sở, tiểu học, mẫu giáo có 627 trường, trong đó chưa có chi bộ, phải sinh hoạt ghép là 75;

chưa có đảng viên là 1 (trường mẫu giáo thuộc Đảng bộ thị xã Sông Công, do có 1 đảng viên vừa chuyển công tác).

Câu 145: Nội dung lãnh đạo và kết quả công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh giai đoạn 2001 - 2005 của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên?

Nội dung lãnh đạo xây dựng tổ chức cơ sở (TCCS) đảng trong sạch vững mạnh (TSVM):

1. Xây dựng nhiệm vụ chính trị đúng đắn, chương trình hành động phù hợp, làm cơ sở cho công tác xây dựng TCCS đảng TSVM

Tập trung chỉ đạo thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19-11-2001 Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về “tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng ngăn chặn đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí”. Các chủ trương của Trung ương về công tác xây dựng đảng được Tỉnh ủy cụ thể hoá thành các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện.

2. Tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chính sách của Đảng

3. Chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCS đảng

Các cấp ủy đảng chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo đặc biệt là đổi mới phương pháp và quy trình ra nghị quyết, chỉ thị; đổi mới về nội dung lãnh đạo, phong cách công tác. Phân biệt rõ chức năng lãnh đạo của tổ chức đảng với chức năng quản lý của chính quyền.

Kết quả lãnh đạo xây dựng TCCS đảng TSVM:

Trung bình hằng năm trong toàn tỉnh có 99,22% số TCCS đảng dự phân loại chất lượng, trong đó 82,02% số TCCS đảng đạt tiêu chuẩn TSVM; 16,69% số TCCS đảng hoàn thành nhiệm vụ; 1,27% số TCCS đảng yếu kém (so với tổng số TCCS đảng dự phân loại). Bình quân hằng năm có 92,06% đảng viên dự phân loại trong đó: đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 71,8%; đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ bằng 27,25%; đảng viên vi phạm tư cách chưa hoàn thành nhiệm vụ chiếm 0,89% tổng số đảng viên dự phân loại.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở được chú ý kiện toàn cả về số và chất lượng. Đại hội nhiệm kỳ 2005 - 2010 đã đổi mới 37,28% cấp ủy viên. Cấp ủy viên là nữ 17,75%; tuổi trẻ dưới 35 đạt 12,4%; trình độ đại học, cao đẳng đạt 46,47%; trên đại học 2,6%.

Số đảng viên mới được kết nạp trong 5 năm là 13.884, bình quân mỗi năm kết nạp 2.776 đảng viên mới, vượt 38% so với chỉ tiêu Đại hội XVI đề ra.

Hoạt động của các TCCS đảng có nhiều chuyển biến tiến bộ: Công tác giáo dục chính trị tư tưởng; tổ chức, phương

thức lãnh đạo của TCCS đảng có nhiều tiến bộ. Công tác kiểm tra được các cấp ủy quan tâm... Kết quả: 210 TCCS đảng đạt danh hiệu TSVM liên tục 10 năm (1996 - 2005); 30 TCCS đảng TSVM tiêu biểu xuất sắc, 42 TCCS đảng TSVM tiêu biểu, 62 đảng viên có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng TCCS đảng TSVM được Tỉnh ủy xét tặng cờ, bằng khen.

Câu 146: Kết quả chủ yếu của công tác tổ chức và cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII), Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII)?

Để thực hiện 3 Nghị quyết (Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) về “Một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng”; Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) về “Chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”; Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) về “Một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách Nhà nước”), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành các quy định, quy chế cụ thể về phân cấp quản lý tổ chức - cán bộ, về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ; quy định về đối tượng, chế độ bảo vệ sức khoẻ cán bộ; quy định về việc cán bộ đi công tác nước ngoài, quy định về kê khai tài sản.

Từ 1996 đến 2001, có 14.000 lượt chi bộ đạt trong sạch vững mạnh; 214 tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh 5 năm liền trở lên.

Trong 6 năm (1996 - 2001) đã kết nạp 12.027 đảng viên mới, bình quân mỗi năm kết nạp 2.000 đảng viên, riêng năm 2001 kết nạp 2.657 đảng viên, vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh khoá XVI đã đề ra.

Cơ quan tham mưu của cấp ủy Đảng ở cấp tỉnh từ 10 đơn vị được tổ chức lại còn 7 đơn vị (giải thể 3 Ban: Nội chính, Kinh tế, Bảo vệ chính trị nội bộ). Ở cấp huyện còn 6 đơn vị: Tổ chức, Kiểm tra, Tuyên giáo, Dân vận, Văn phòng và Trung tâm bồi dưỡng chính trị. Hầu hết các đảng bộ trực thuộc tỉnh còn lại đều có 2 cơ quan tham mưu là Ủy ban Kiểm tra và Ban xây dựng đảng (Văn phòng đảng ủy).

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) và Nghị quyết 16 của Chính phủ, Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã xây dựng Đề án “Rà soát, sắp xếp tổ chức, tinh giản biên chế” theo hướng tinh gọn, đảm bảo sự điều hành tập trung, thống nhất, có hiệu quả từ cấp tỉnh đến các địa phương, cơ sở. Sau khi triển khai thực hiện Đề án, cấp tỉnh giảm được 8 phòng trực thuộc sở (122 xuống 114 phòng); cấp huyện giảm được 10 phòng trực thuộc Ủy ban nhân dân (92 phòng xuống còn 82 phòng). Tổng số biên chế giảm được 7,5%, trong đó khối đảng, đoàn thể giảm 14%.

Tính đến cuối năm 1999 đã có 23/45 ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và các huyện, thành, thị xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ. Tính chung trong toàn tỉnh, bình quân mỗi nhiệm kỳ có sự đổi mới từ 30 - 40% cấp ủy

viên, trong đó cấp cơ sở: 34,25%, cấp huyện: 30,63%, đảng bộ trực thuộc tỉnh: 40,38%, cấp tỉnh: 40,4%.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã có nhiều cố gắng; từ năm 1997 đến 2001 toàn tỉnh đã cử 18.684 người đi đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị từ chương trình sơ cấp đến cử nhân chính trị, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, nghiệp vụ công tác Đảng, đoàn thể... Chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành trong tỉnh ngày càng được nâng lên (73,6% cán bộ lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có trình độ lý luận chính trị cao cấp và cử nhân; 94,8% có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên).

Công tác điều động, luân chuyển cán bộ đã thực hiện khá tốt theo quy trình, quy chế nghiêm túc, có hiệu quả. Từ 1997 đến đầu năm 2002 đã điều động, luân chuyển 2/3 số cán bộ với 116 lượt cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý (trong đó Trung ương về tỉnh 1 đồng chí, tỉnh lên các ngành ở Trung ương 11, các ngành Trung ương về tỉnh 8, khối đảng, đoàn thể sang quản lý nhà nước và ngược lại 39, tỉnh về huyện 7, huyện lên tỉnh 23, trưởng phòng lên phó ban, ngành tỉnh 27 đồng chí). Luân chuyển cán bộ theo Kết luận 544 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá XV) với mục đích, đối tượng, phương pháp tiến hành và chính sách cụ thể, hợp lý là một bước “đột phá” trong việc sắp xếp, điều chỉnh cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, đã tạo ra bước chuyển tích cực mới trong công tác cán bộ.

Câu 147: Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện ba Nghị quyết của Trung ương về công tác tổ chức và cán bộ (Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) về “Một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng”; Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) về “Chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”; Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) về “Một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách Nhà nước”) trên địa bàn tỉnh?

1. Trong công tác tổ chức, vấn đề trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu là vấn đề cán bộ, nhất là người đứng đầu và đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Phải thực hiện một cách dân chủ, khoa học, khách quan, công tâm, đúng nguyên tắc, đúng quy trình cả 8 nội dung của công tác quản lý cán bộ (nêu trong Quy định 49 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ). Thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo sự kế thừa và phát triển liên tục, trong sạch, thạo việc, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân.

2. Chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý giữa các địa phương, các ngành, các cấp theo một quy trình và cách làm chặt chẽ, đồng thời có chế độ, chính sách thích hợp; chủ trương cán bộ đứng đầu (qua bầu cử) từ cấp huyện trở lên không giữ một chức vụ quá hai nhiệm kỳ ở cùng một đơn vị, địa phương; thực hiện chế độ bổ nhiệm có thời hạn là những chủ trương đúng đắn,

có tác dụng tốt, cần thực hiện nghiêm chỉnh, tạo thành nền nếp thường xuyên.

3. Phải thể chế hoá, cụ thể hoá nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, vai trò và phương thức lãnh đạo của đảng, chế độ tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách; phương châm Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ... thành những quy chế, quy định, quy trình rõ ràng và thực hiện nghiêm những quy chế, quy định, quy trình đó.

4. Phải coi nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn liền với cải cách hành chính và đổi mới phương thức hoạt động theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của các cấp ủy Đảng, của mọi thành viên trong hệ thống chính trị ở tất cả các cấp.

Câu 148: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII được tổ chức tại thành phố Thái Nguyên từ ngày 15 đến ngày 17-12-2005. Tham dự Đại hội có 300 đại biểu chính thức, đại diện cho trên 58 nghìn đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đến dự và chỉ đạo Đại hội có Đại tướng Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và đại diện một số ban, ngành Trung ương.

Đại hội đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, quyết định phương hướng nhiệm vụ và những giải pháp cho nhiệm kỳ tới, nhằm

phát huy sức mạnh của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, huy động tối đa các nguồn lực của toàn xã hội, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống nhân dân, củng cố vững chắc quốc phòng - an ninh, xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 49 đồng chí Ủy viên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã bầu ra Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Bắc Sơn được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Câu 149: Kết quả nổi bật sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2001 - 2005?

1. Kinh tế phát triển với tốc độ khá nhanh

Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm sau cao hơn năm trước, bình quân hằng năm đạt 9,05%, vượt 2% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong tổng GDP của tỉnh. So với năm 2000, năm 2005 tỷ trọng công nghiệp, xây dựng tăng từ 30,37% lên 38,34%; dịch vụ tăng từ 35,94% lên 36,23%; nông, lâm nghiệp từ 33,68% xuống còn 25,43%.

Sản xuất công nghiệp đã thoát ra khỏi tình trạng trì trệ và có bước phát triển khá. Đã cơ bản hoàn thành sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng gấp 2,4 lần so với năm 2000, với mức tăng bình quân hằng năm 19,05%.

Tốc độ tăng bình quân hằng năm khu vực dịch vụ đạt 9,4%. Thu ngân sách tăng 2,8 lần so với đầu nhiệm kỳ và tăng bình quân mỗi năm trên 20%, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVI đề ra. Tỷ trọng chi đầu tư trong tổng chi ngân sách tăng từ 29,85% năm 2001 lên 34,51% năm 2005. Hoạt động du lịch có nhiều chuyển biến, đã định hình được các loại sản phẩm, các điểm du lịch đặc thù...

Tăng trưởng trong nông, lâm nghiệp bình quân gần 4,5%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVI đề ra. Sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt 337 kg/người/năm. Trong 5 năm đã trồng thêm được gần 4.000ha, nâng diện tích chè của tỉnh lên trên 16.000ha, trong đó có 1.500ha chè giống mới. Sản lượng chè búp tươi tăng từ 66,4 nghìn tấn năm 2000 lên trên 100 nghìn tấn năm 2005, bình quân mỗi năm tăng 8,55%. Bình quân mỗi năm trồng mới trên 2.000ha rừng tập trung và hàng triệu cây phân tán, nâng độ che phủ của rừng từ 39% năm 2000 lên 45% năm 2005....

2. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư phát triển

Tập trung triển khai thực hiện 7 chương trình, 10 đề án và 14 công trình trọng điểm; bình quân mỗi năm đã huy động được trên 1.600 tỷ đồng cho đầu tư phát triển.

Triển khai xây dựng kiên cố được 46 chợ và 11 trung tâm cụm xã; 955km kênh mương nội đồng, nâng tổng chiều dài kênh mương được kiên cố lên 1.254km. Tỷ lệ hộ nông thôn, miền núi được dùng nước sạch theo chương trình mục tiêu quốc gia đạt 66%. Đến cuối năm

2003 đã hoàn thành mục tiêu đưa điện lưới quốc gia về tất cả các xã.

3. Văn hoá, xã hội được quan tâm đầu tư, từng bước phù hợp với phát triển kinh tế

Đến cuối năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 5% (theo chuẩn cũ), theo chuẩn mới còn 26,85%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm xuống còn 26%; toàn tỉnh có 62% gia đình được công nhận gia đình văn hóa, 42% xóm, phố được công nhận xóm phố văn hoá. Bình quân mỗi năm trên 1,2 vạn lao động có việc làm mới.

Trong 5 năm đã xây dựng được 1.569 phòng học, trong đó đã xoá xong phòng học tạm cho 36 xã đặc biệt khó khăn.

4. Quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững

Triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về quốc phòng - an ninh, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 8 (khoá IX) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có tiến bộ mới

Hàng năm có trên 75% số cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, số cơ sở yếu kém dưới 1,5%. Bình quân mỗi năm có trên 2.600 quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, gấp 1,4 lần so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVI đề ra. Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của

Ban Bí thư về công tác đổi thẻ đảng viên, toàn Đảng bộ đã tổ chức tốt 5 đợt đổi và phát thẻ cho 54.050 đồng chí, đạt 98,7% tổng số đảng viên.

Câu 150: Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 được thông qua tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2005 - 2010?

Phần đầu đến trước năm 2020, Thái Nguyên trở thành tỉnh công nghiệp, xứng đáng là một trong những trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của vùng trung du miền núi phía Bắc.

Đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người phần đầu cao hơn bình quân cả nước, dự báo đạt khoảng 3.300 USD/người/năm, tăng gấp gần 9 lần so với năm 2005 và tăng gấp 4 lần so với năm 2010, thu ngân sách đủ đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên và có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

Về cơ bản, nền kinh tế của tỉnh phát triển và hội nhập với kinh tế trong nước, khu vực và thế giới.

Chất lượng cuộc sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh được nâng cao. Phần đầu để mọi người trong độ tuổi lao động đều có việc làm; hạn chế đến mức thấp nhất tốc độ phân hoá giàu, nghèo.

Câu 151: Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2006 - 2010?

Mục tiêu tổng quát:

Huy động tối đa mọi nguồn lực, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo sự phát triển nhanh và

bền vững, phấn đấu đến năm 2010 đưa tỉnh ta thoát khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao một bước rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo tiền đề quan trọng để Thái Nguyên trở thành tỉnh công nghiệp trước năm 2020.

Các chỉ tiêu chủ yếu:

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) phấn đấu bình quân hằng năm tăng 12 - 13%. Trong đó công nghiệp, xây dựng tăng 16,5%; dịch vụ tăng 13%; nông, lâm nghiệp tăng 5,5%.

2. Phấn đấu đạt cơ cấu kinh tế: công nghiệp - dịch vụ - nông, lâm nghiệp, với tỷ trọng trong GDP là công nghiệp: 45%; dịch vụ: 38,5%; nông, lâm nghiệp: 16,5%.

3. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hằng năm trên 22%.

4. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hằng năm từ 6,5 - 7%.

5. Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tăng bình quân hằng năm: 15%.

6. Thu ngân sách bình quân hằng năm tăng 18%.

7. Phấn đấu từng bước phổ cập bậc trung học; đến năm 2010 toàn tỉnh có 50% số trường đạt chuẩn quốc gia.

8. Hằng năm giải quyết việc làm mới cho 15.000 lao động.

9. Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm 2,5%.

10. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2010 đạt 12,61 triệu đồng/năm, tương đương 800USD.

11. Giảm tỷ lệ sinh bình quân hằng năm: 0,15 phần ngàn.

12. Về xây dựng Đảng: hằng năm có trên 80% cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh; mỗi năm kết nạp từ 3.000 đảng viên trở lên.

Câu 152: Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2005 - 2010?

1. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển mạnh kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phấn đấu đến năm 2010 tỷ trọng công nghiệp chiếm 45%; dịch vụ 38,5%; nông, lâm nghiệp 16,5%; sản lượng thép cán trên địa bàn tỉnh đạt 1 triệu tấn, xi măng đạt 2 triệu tấn/năm...; giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn bình quân hằng năm tăng trên 22%; giá trị xuất khẩu bình quân tăng 15%/năm.

Phấn đấu sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân hằng năm 4%; giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân hằng năm từ 6,5 - 7%; độ che phủ của rừng đến năm 2010 đạt 50%.

Phát triển mạnh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại. Đến năm 2010 cơ bản các hộ nông thôn trong tỉnh được sử dụng điện. Cung cấp đủ nước sạch cho dân cư đô thị và 90% dân cư nông thôn. Giải quyết một bước vấn đề nước thải và chất thải đô thị.

2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực

Đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo. Đây mạnh xã hội hoá giáo dục coi đây là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển giáo dục... Xây dựng thêm một số trường trung học phổ thông, trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề ở các huyện, thành phố, thị xã; kết hợp chương trình kiên cố hoá trường lớp với phong trào xây dựng trường chuẩn quốc gia...

Nâng cao trình độ khoa học và công nghệ. Đầu tư nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý tài nguyên - môi trường. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm kiểm chế và tiến tới giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

3. Phát triển văn hóa - xã hội

Phát triển văn hoá, thông tin, thể dục thể thao. Phần đầu đến năm 2010 có trên 75% gia đình đạt chuẩn văn hoá, 50% số làng bản, phố văn hoá, 90% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn cơ quan văn hoá; 100% số hộ xem được truyền hình và nghe được đài phát thanh; mỗi xã có 1 cán bộ chuyên trách về văn hoá - thông tin.

Thực hiện tốt công tác dân số, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo và chính sách xã hội. Phần đầu giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,15‰; đến năm 2010 giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn dưới 20%.

Phần đầu mỗi năm có thêm 15.000 lao động có việc làm mới và đến năm 2010 có 40% lao động qua đào tạo; giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm 2,5%.

Phát triển y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Phần đầu đến năm 2010 có 85% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; quy hoạch phát triển mạng lưới y tế trên địa bàn tỉnh, phần đầu nâng cấp thành trung tâm y tế vùng Đông Bắc.

4. Tăng cường quốc phòng an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội

5. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

6. Xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, đẩy mạnh cải cách hành chính

Thực hiện cải cách hành chính sâu rộng và đồng bộ hơn trên cả 4 nội dung: thể chế và thủ tục hành chính, bộ máy hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức và tài chính công. Đi sâu cải cách thể chế, đơn giản hoá thủ tục hành chính, thực hiện tốt cơ chế một cửa.

7. Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng các cấp

Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; phần đầu hàng năm có trên 80% cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, trung bình mỗi năm toàn Đảng bộ kết nạp được trên 3.000 đảng viên.

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ; đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đồng bộ với đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị.

8. Đổi mới công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện nghị quyết

Lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm có tính đột phá để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện

Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết: Khẩn trương cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII thành các chương trình, đề án và chương trình hành động cụ thể.

Câu 153: Kết quả nổi bật của công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, nhiệm kỳ 2005 - 2010?

Toàn Đảng bộ tỉnh đã kiểm tra 3.465 lượt tổ chức đảng và 4.330 đảng viên theo Điều 30 Điều lệ Đảng, qua kiểm tra đã phát hiện 22 tổ chức đảng có vi phạm, phải thi hành kỷ luật 2 tổ chức đảng; kết luận 72 đảng viên có vi phạm, phải thi hành kỷ luật đối với 21 đảng viên; kiến nghị thu hồi vào ngân sách nhà nước 210 triệu đồng.

Ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra 584 đảng viên, tăng 17 trường hợp so với nhiệm kỳ trước. Số cấp ủy viên các cấp được kiểm tra là 211 trường hợp, chiếm 36,13% trong tổng số đảng viên được kiểm tra. Qua kiểm tra, kết luận 310 đảng viên có vi phạm, chiếm 53,08% so với tổng số đảng viên được kiểm tra. Cấp ủy viên các cấp có vi phạm là 74 trường hợp, chiếm 23,87% so với số có vi phạm. Vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật là 170 trường hợp, chiếm 54,84% so với số đảng viên có vi

phạm và chiếm 29,11% trong tổng số đảng viên được kiểm tra.

Tổng số tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm được kiểm tra là 195 tổ chức, tăng 77 tổ chức được kiểm tra so với nhiệm kỳ trước. Qua kiểm tra, đã kết luận số tổ chức đảng có vi phạm là 35 tổ chức, chiếm 17,95% so với số được kiểm tra; vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật là 6 tổ chức, chiếm 17,14% so với số vi phạm.

Trong nhiệm kỳ, số đảng viên bị tố cáo phải giải quyết là 372 trường hợp, giảm 241 trường hợp so với nhiệm kỳ trước. Số cấp ủy viên các cấp bị tố cáo là 132 trường hợp, chiếm 35,48% so với số đảng viên bị tố cáo phải giải quyết, trong đó: Tỉnh ủy viên là 3 trường hợp, Huyện ủy viên và tương đương 24 trường hợp, đảng ủy viên là 65 trường hợp, còn lại là chi ủy viên. Trong số đảng viên bị tố cáo, đã giải quyết xong 360 trường hợp, đạt tỷ lệ 96,77% so với số phải giải quyết.

Qua việc giải quyết đơn, UBKT các cấp đã kết luận: Tố cáo đúng và đúng một phần là 156 trường hợp, chiếm 43,33%; tố cáo sai là 163 trường hợp, chiếm 45,28%; chưa có cơ sở kết luận là 41 trường hợp, chiếm 11,39%.

Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng

Số tổ chức đảng bị tố cáo phải giải quyết là 30 tổ chức; qua giải quyết, đã kết luận 5 tổ chức có vi phạm; 1 tổ chức tổ chức đảng vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật.

Trong nhiệm kỳ, số đơn khiếu nại về kỷ luật Đảng là 36 trường hợp, giảm 22 đơn so với nhiệm kỳ trước. UBKT các cấp đã trực tiếp giải quyết hoặc tham mưu cho

cấp ủy giải quyết xong 32 đơn, đạt 88,89%. Qua giải quyết đã: chuẩn y 24 trường hợp; giảm hình thức kỷ luật 7 trường hợp; xoá bỏ kỷ luật 1 trường hợp.

Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra việc thi hành kỷ luật Đảng là 396 tổ chức, tăng 141 tổ chức so với nhiệm kỳ trước. Qua kiểm tra đã kết luận 385 tổ chức đảng làm tốt và 11 tổ chức đảng làm chưa tốt việc thi hành kỷ luật trong Đảng.

Tổng số đảng viên được giám sát là 10.427 đảng viên, trong đó: UBKT Tỉnh ủy giám sát 9 đảng viên; Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, UBKT huyện ủy và tương đương giám sát được 2.167 đảng viên; các ban trực thuộc huyện ủy và tương đương giám sát 181 đảng viên; cấp ủy và UBKT Đảng ủy cơ sở giám sát được 6.951 đảng viên. Qua giám sát, kết luận số đảng viên có khuyết điểm, vi phạm là 50 trường hợp; phải chuyển sang kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm là 16 trường hợp.

Tổng số tổ chức đảng được giám sát là 1.698 tổ chức, trong đó: Tỉnh ủy giám sát 18 tổ chức; UBKT Tỉnh ủy và tương đương giám sát 18 tổ chức; huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy giám sát 171 tổ chức; còn lại là các ban trực thuộc huyện ủy và tương đương, cấp ủy và UBKT cấp cơ sở tiến hành giám sát. Qua giám sát, kết luận số tổ chức đảng có khuyết điểm, vi phạm là 39 tổ chức; phải chuyển sang kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm là 2 tổ chức.

Tổng số đảng viên bị thi hành kỷ luật Đảng trong nhiệm kỳ là 704 trường hợp (chiếm khoảng 1% so với

tổng số đảng viên trong đảng bộ), giảm 11 trường hợp so với nhiệm kỳ trước (715 trường hợp).

Các hình thức kỷ luật được áp dụng: Khiển trách 334 trường hợp; Cảnh cáo 237 trường hợp; Cách chức 43 trường hợp; Khai trừ 90 trường hợp.

Trong đó cấp ủy viên các cấp là 222 trường hợp, chiếm 31,53% so với số bị thi hành kỷ luật. Số đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức xoá tên, cho rút là 289 trường hợp.

Số tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật là 38 tổ chức, tăng 21 tổ chức so với nhiệm kỳ trước, trong đó có 5 đảng ủy cơ sở và ban thường vụ cơ sở, 33 chi ủy, chi bộ bị thi hành kỷ luật (khiển trách 35, cảnh cáo 3).

Câu 154: Kể tên các chương trình, đề án của tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2006 - 2010?

Trong giai đoạn 2006 - 2010, tỉnh Thái Nguyên tổ chức thực hiện 5 chương trình, 16 đề án, 16 dự án, công trình trọng điểm, gồm:

5 chương trình:

1. Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông, lâm nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2006 - 2010 .
2. Chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010.
3. Chương trình phát triển dịch vụ thương mại - du lịch tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010 .
4. Chương trình giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010.

5. Chương trình phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010.

16 đề án:

1. Đề án phát triển chè tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010

2. Đề án tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn ma túy ở Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010.

3. Đề án quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010.

4. Đề án phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010.

5. Đề án cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Thái Nguyên.

6. Đề án tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

7. Đề án tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010.

8. Đề án tiếp tục đổi mới, tăng cường công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

9. Đề án phát triển giáo dục - đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010.

10. Đề án xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010.

11. Đề án phổ cập bậc trung học.

12. Đề án xây dựng y tế Thái Nguyên trở thành trung tâm y tế khu vực các tỉnh vùng Đông Bắc giai đoạn 2006 - 2010.

13. Đề án xoá nhà tạm, nhà dột nát hộ nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010.

14. Đề án nâng cấp hệ thống sản xuất giống nông, lâm nghiệp, thủy sản ngành Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2006 - 2010

15. Đề án đẩy mạnh đầu tư phục hồi bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến thuộc ATK Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010.

16. Đề án phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010.

Câu 155: Kể tên các dự án trọng điểm của tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2006 - 2010?

16 dự án trọng điểm giai đoạn 2006 - 2010 gồm:

1. Cải tạo mở rộng sản xuất, kinh doanh Công ty Gang thép Thái Nguyên giai đoạn II.

2. Dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 37 (đoạn Đình Trám Bắc Giang đi Phố Hương Thái Nguyên).

3. Dự án Nhà máy xi măng Thái Nguyên.

4. Dự án Khu Công nghiệp Sông Công.

5. Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên.

6. Dự án Quốc lộ 3 mới đoạn Hà Nội - Thái Nguyên (giai đoạn 1)

7. Dự án đường tránh thành phố Thái Nguyên (Km60+000 - Km 82+100)

8. Dự án Trung tâm Thương mại.

9. Dự án Trung tâm Văn hoá vùng Việt Bắc.

10. Dự án Nhà hát ca múa dân gian Việt Bắc.

11. Dự án khai thác và chế biến quặng đa kim Núi Pháo.

12. Dự án đường quy hoạch (Nối đường Minh Cầu với đường Cách mạng Tháng Tám) và khu dân cư số 5 phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên.

13. Dự án đường Quang Trung và dự án xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê.

14. Dự án đường tỉnh 254.

15. Dự án năng lượng nông thôn II tỉnh Thái Nguyên.

16. Kè chống lũ, bảo vệ và chỉnh trang bờ sông Cầu - Khu vực thành phố Thái Nguyên và một số công trình thủy lợi.

Câu 156: Kết quả Năm du lịch quốc gia 2007 với chủ đề “Về Thủ đô gió ngàn - Chiến khu Việt Bắc”?

Ngày 26-7-2006, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên ban hành Chỉ thị số 08-CT/TU về tổ chức Năm Du lịch Quốc gia, Thái Nguyên 2007. Các nội dung, chương trình của năm Du lịch gồm: Lễ công bố Năm Du lịch quốc gia 2007; Lễ Kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ về ATK Định Hoá lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; tổ chức cầu truyền hình trực tiếp nhân dịp kỷ niệm 60 năm Ngày thương binh, liệt sĩ; Lễ hội Văn hoá trà, Hội Lồng Tồng ATK Định Hoá, Hội chợ Xuân Đông Bắc, Liên hoan tiếng hát đô thị...

Các cơ quan thông tin đại chúng và ngành Văn hoá thông tin đã tập trung tuyên truyền quảng bá, giới thiệu hình ảnh đất và người Thái Nguyên với bạn bè trong nước và quốc tế; giáo dục truyền thống yêu nước cách

mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh; đồng thời góp phần thu hút đầu tư cho phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Năm Du lịch quốc gia đã tạo thời cơ thuận lợi cho các hoạt động du lịch lữ hành, kinh doanh khách sạn có bước phát triển. Năm 2007, lượng khách đến tham quan, du lịch tại tỉnh tăng cao, ước đạt 1.020.000 lượt, bằng 120% kế hoạch, tăng 51,3% so với cùng kỳ; ngành khách sạn, nhà hàng và du lịch ước đạt 420 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2006. Đồng thời, bước đầu đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý và kinh doanh dịch vụ du lịch theo hướng chuyên nghiệp, tạo điều kiện để tiếp tục nâng cao chất lượng và phát triển ngành du lịch dịch vụ trong những năm tiếp theo.

Năm Du lịch quốc gia 2007 được tổ chức thành công tốt đẹp với tinh thần tiết kiệm, trang trọng, mang đậm bản sắc vùng Việt Bắc, gây ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách và tạo không khí tung bừng, phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân. Nêu cao tinh thần và ý nghĩa giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 157: Mục tiêu và một số giải pháp chủ yếu xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh giai đoạn 2006 - 2010?

Mục tiêu: “Tăng cường công tác xây dựng chính đồn Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng các cấp”; “Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp ủy Đảng. Đặc biệt coi trọng, củng cố nâng cao chất

lượng hoạt động của chi bộ... Phát huy vai trò chi bộ là hạt nhân chính trị ở cơ sở, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân". "Phấn đấu hằng năm có trên 80% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, mỗi năm kết nạp từ 3.000 đảng viên trở lên".

Các đảng bộ huyện, thành phố, thị xã tập trung lãnh đạo, thực hiện tốt các chỉ tiêu cụ thể sau:

- Phấn đấu đến năm 2008 không còn xóm không có đảng viên, đến cuối năm 2010 cơ bản các xóm, tổ dân phố có chi bộ.

- Hằng năm có từ 85% trở lên số đảng bộ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh. Trong đó có từ 25% - 30% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh tiêu biểu; không còn đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn yếu kém. Có trên 80% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó từ 15% - 20% đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Mỗi năm các đảng bộ xã, phường, thị trấn kết nạp 2.000 đảng viên mới trở lên.

Một số giải pháp chủ yếu

1. Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu con đường đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động, nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống cho mỗi cán bộ đảng viên.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; chú trọng củng

cố tổ chức cơ sở đảng đảm bảo vai trò là hạt nhân chính trị lãnh đạo toàn diện các hoạt động ở địa phương đơn vị. Giữ vững nền nếp sinh hoạt chi bộ, nâng cao chất lượng trong tự phê bình, phê bình; thực hiện tốt việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên, thường xuyên kiểm tra và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở, làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng. Bố trí sử dụng cán bộ theo quy hoạch đảm bảo tính kế thừa liên tục. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, dân tộc ít người, cán bộ các xã vùng sâu, vùng xa, những địa bàn trọng yếu, nơi có nhiều khó khăn.

4. Khắc phục sự suy thoái về đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ đảng viên. Đấu tranh chống tham nhũng lãng phí, thực hành tiết kiệm. Giải quyết những vụ việc nổi cộm, bức xúc ở cơ sở. Bảo vệ, biểu dương những người dũng cảm đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Gắn việc thực hiện quy chế dân chủ với cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng. Cấp ủy các cấp phải coi việc lãnh đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở là một trong những nhiệm vụ quan trọng để xây dựng chi bộ, đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh.

6. Đổi mới nâng cao chất lượng ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết, điều hành hoạt động của cấp ủy theo quy chế, chương trình kế hoạch. Coi trọng công tác kiểm tra thực hiện nghị quyết; cụ thể hoá tiêu chuẩn trong phân tích, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng

và đảng viên cho phù hợp với nhiệm vụ chính trị và đặc điểm tình hình của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng.

7. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà đại hội Đảng các cấp đề ra. coi trọng xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến. Tổ chức sơ, tổng kết kịp thời, xây dựng các biện pháp làm tăng số tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; thu hẹp và xoá sổ cơ sở đảng yếu kém.

Câu 158: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII được tổ chức tại thành phố Thái Nguyên từ ngày 21 đến ngày 23-10-2010. Tham dự Đại hội có 348 đại biểu thay mặt gần 70.000 đảng viên của toàn Đảng bộ. Đồng chí Nông Đức Mạnh - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng dự và chỉ đạo Đại hội.

Cùng với việc thảo luận Báo cáo chính trị của Đại hội, quyết định các mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, Đại hội đã bầu 55 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ, bầu 19 đại biểu chính thức 1 đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ gồm 15 đồng chí. Đồng chí Phạm Xuân Dương được bầu làm Bí thư, các đồng chí Nguyễn Văn Kim, Dương Ngọc Long được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Câu 159: Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2010 - 2015?

Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển kinh tế nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo tiền đề vững chắc để Thái Nguyên trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại trước năm 2020 và là một trong những trung tâm kinh tế, văn hoá, y tế, đào tạo của cả nước.

Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2010 - 2015:

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân hằng năm từ 12 - 13%. Trong đó, công nghiệp - xây dựng tăng 16,5%; dịch vụ tăng 13,5%; nông, lâm nghiệp tăng 4,5%.

2. Cơ cấu kinh tế đến năm 2015 đạt: công nghiệp - xây dựng 46,5%; dịch vụ 38,5%; nông, lâm nghiệp 15%.

3. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hằng năm 20% trở lên.

4. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hằng năm 6% trở lên.

5. Giá trị xuất khẩu tăng bình quân hằng năm 20%.

6. Thu ngân sách nhà nước bình quân hằng năm tăng 20% trở lên (*không bao gồm thu cấp quyền sử dụng đất*).

7. GDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 45 triệu đồng (*tương đương 2.100 USD*).

8. Giải quyết việc làm mới bình quân hằng năm cho 15.000 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55% vào năm 2015.

9. Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm 2% trở lên (theo chuẩn mới).

10. Đến năm 2015 có 20% xã đạt tiêu chí “nông thôn mới”.

11. Phần đầu đến năm 2015 có 70% số trường đạt chuẩn quốc gia (trong đó: mầm non 65%, tiểu học 100%, trung học cơ sở 50%, trung học phổ thông 20%).

12. Phần đầu đến năm 2015 có 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống còn dưới 14%; giảm tỷ suất sinh thô hàng năm 0,1‰.

13. Ổn định độ che phủ rừng trên 50%; tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95%.

14. Kết nạp đảng viên hàng năm tăng trên 4% so với tổng số đảng viên.

15. Số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh hàng năm đạt trên 80%.

16. Tỷ lệ đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm đạt trên 80%.

Câu 160: Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2011 - 2015?

6 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được Đại hội XVIII xác định gồm :

1. *Phát triển kinh tế nhanh và bền vững*

Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Phần đầu thu ngân sách Nhà

nước tăng bình quân hàng năm 20% trở lên; đến năm 2015 thu ngân sách của tỉnh tăng 2,5 lần so với 2010 và cơ bản đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ và hội nhập kinh tế quốc tế. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả 5 chương trình; 16 đề án; 45 công trình, dự án, quy hoạch trọng điểm. Phần đầu giá trị sản xuất công nghiệp hàng năm tăng 20% trở lên; giá trị xuất khẩu bình quân hàng năm tăng 20%; tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội trên địa bàn tỉnh tăng bình quân hàng năm 25%; giá trị sản xuất các ngành dịch vụ bình quân hàng năm tăng 16%; doanh thu toàn ngành du lịch tăng bình quân hàng năm 25%. Phần đầu đến năm 2015 có 20% số xã đạt tiêu chí “Nông thôn mới”; giá trị sản xuất đạt trên 85 triệu đồng/ha đất nông nghiệp trồng trọt; giá trị sản xuất ngành chăn nuôi chiếm trên 37% trong giá trị sản xuất nông nghiệp.

2. *Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển đô thị theo hướng hiện đại*

Tiếp tục đầu tư, chỉnh trang xây dựng thành phố Thái Nguyên hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại I để xứng tầm là trung tâm đô thị của vùng trung du miền núi Bắc Bộ; xây dựng thị xã Sông Công theo các tiêu chí của đô thị loại III; xây dựng huyện Phổ Yên trở thành thị xã công nghiệp vào năm 2015. Phần đầu đến 2015 tỷ lệ đô thị hoá đạt 35%...

Tạo điều kiện thuận lợi, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, cải tạo nâng cấp Quốc lộ 3.

3. Phát triển văn hoá - xã hội

Đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo.

Thực hiện tốt các chính sách xã hội. Phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%; bình quân hàng năm giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2% trở lên (theo chuẩn mới).

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Phấn đấu đến năm 2015, đạt tỷ lệ 7 bác sĩ/1 vạn dân; 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 14%.

Phát triển văn hoá, thể dục thể thao, thông tin truyền. Xây dựng Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm văn hoá - thể thao vùng trung du miền núi Bắc Bộ. Phấn đấu đến năm 2015 có 85% gia đình văn hóa, 60% làng bản văn hóa, 85% cơ quan văn hóa.

Đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ.

Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường.

4. Tăng cường quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội

5. Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng

Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Quan tâm công tác phát triển đảng viên, phấn đấu mỗi năm toàn Đảng bộ kết nạp được từ 4% đảng viên trở lên so với tổng số đảng viên toàn tỉnh.

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác cán bộ.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.

Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác dân vận.

6. Xây dựng chính quyền các cấp trong sạch vững mạnh; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Câu 161: Mục tiêu tổng quát và một số chỉ tiêu cụ thể về công tác cán bộ trong Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 22-11-2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh?

1. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức từ tỉnh đến cơ sở có số lượng và cơ cấu hợp lý, có tính kế thừa và phát triển; có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức và năng lực công tác tốt đảm bảo tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020) đáp ứng yêu cầu xây dựng Thái Nguyên cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp trước năm 2020.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

100% cán bộ, công chức được đánh giá định kỳ hàng năm; đánh giá trước khi giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch, điều động, luân chuyển, khen thưởng,

kỷ luật theo phân cấp cán bộ. Hằng năm có trên 90% cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

100% các cơ quan, đơn vị xây dựng được tiêu chuẩn cán bộ theo từng chức danh cán bộ để thực hiện đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo tiêu chuẩn chức danh.

Phấn đấu đến đầu nhiệm kỳ đại hội 2015 - 2020, cơ cấu cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số trong đội ngũ cấp ủy viên các cấp đảm bảo tỷ lệ Trung ương quy định. Độ tuổi bình quân của cấp ủy viên các cấp thấp hơn tuổi bình quân nhiệm kỳ 2010 - 2015.

Phấn đấu đến năm 2015, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đạt các tiêu chí sau:

- Cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: 100% có trình độ chuyên môn đại học trở lên, trong đó thạc sĩ, tiến sĩ đạt trên 25%; 90% có trình độ cao cấp lý luận chính trị trở lên; 80% được bồi dưỡng cập nhật kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước...; 80% sử dụng thành thạo tin học văn phòng; trên 10% có trình độ ngoại ngữ, tiếng dân tộc sử dụng được trong công việc.

- Cán bộ diện ban thường vụ cấp huyện quản lý (không tính ở cấp xã): 95% có trình độ chuyên môn đại học trở lên, 10% có trình độ thạc sĩ; 90% có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên; 80% được bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước...; 70% sử dụng thành thạo tin học văn phòng.

- Cán bộ cấp xã: 80% cán bộ giữ các chức danh bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch HĐND, chủ tịch, phó chủ tịch UBND, trưởng các ngành, đoàn thể cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, trong đó 25% có trình độ cao đẳng, đại học; 85% cán bộ giữ các chức danh trên có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên. Trên 50% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước; 40% sử dụng được tin học văn phòng.

Phấn đấu đến năm 2020, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đạt các tiêu chí sau:

- Cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: 100% có trình độ chuyên môn đại học trở lên, trong đó thạc sĩ, tiến sĩ đạt trên 35%; 100% có trình độ cao cấp lý luận chính trị trở lên; 100% được bồi dưỡng cập nhật kiến thức thường xuyên; 100% sử dụng thành thạo tin học văn phòng; 30% có trình độ ngoại ngữ, tiếng dân tộc sử dụng được trong công việc.

- Cán bộ diện ban thường vụ cấp huyện quản lý (không tính ở cấp xã): 100% có trình độ chuyên môn đại học trở lên (trên 15% có trình độ thạc sĩ); 100% có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên; 100% được bồi dưỡng kiến thức thường xuyên; trên 90% sử dụng thành thạo tin học văn phòng.

- Cán bộ cấp xã: 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị theo quy định, riêng 4 chức danh cán bộ chủ chốt cấp xã (gồm bí thư, phó bí thư, chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND) phải có

trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng thường xuyên; trên 70% sử dụng được tin học văn phòng.

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015 các huyện, thành, thị đều có cán bộ của tỉnh luân chuyển; mỗi huyện, thành, thị có trên 20% (riêng thành phố Thái Nguyên có trên 40%) số xã, phường, thị trấn có cán bộ cấp huyện luân chuyển về làm cán bộ chủ chốt cấp xã và ngược lại.

Câu 162: Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến 2020?

1. Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức; bổ sung, hoàn thiện quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2. Mở rộng và phát huy dân chủ trong xây dựng đội ngũ cán bộ; hoàn chỉnh quy trình bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử theo đúng các quy định mới của Trung ương. Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng cán bộ.

3. Chú trọng công tác đánh giá cán bộ đảm bảo công tâm, khách quan, đúng thực chất làm cơ sở thực hiện các khâu tiếp theo trong công tác cán bộ.

4. Tập trung nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ nhằm chủ động tạo nguồn cán bộ cho cả nhu cầu trước mắt và lâu dài.

5. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, coi đây là giải pháp đột phá để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của tỉnh.

6. Thường xuyên làm tốt công tác củng cố, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ; tăng cường công tác luân chuyển cán bộ trong quy hoạch để đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ.

7. Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện chính sách cán bộ, xây dựng cơ chế hỗ trợ đặc thù để bồi dưỡng, thu hút người tài, người có trình độ cao.

8. Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ trực tiếp tham mưu làm công tác tổ chức cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Câu 163: Đề án số 11-ĐA/TU, ngày 24-9-2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề cập nội dung gì?

Ngày 24-9-2012, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Đề án 11-ĐA/TU về việc đào tạo 80 thạc sĩ, 20 tiến sĩ theo tinh thần Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 22-11-2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác cán bộ giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đề án xác định chỉ tiêu hằng năm, tiến hành chọn cử người đi học thạc sĩ và tiến sĩ, phấn đấu đến năm 2020, tuyển chọn, đào tạo được 80 thạc sĩ, 20 tiến sĩ ở những ngành, lĩnh vực tỉnh đang thiếu. Đề án xác định đối tượng, tiêu chuẩn tuyển chọn; chỉ rõ những nhóm ngành ưu tiên đào tạo trong năm 2012 - 2013 và những cơ sở đào tạo cần ưu tiên lựa chọn; quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của học viên; hồ sơ, thủ tục xét tham gia Đề án;

hướng xử lý khi có vi phạm và những giải pháp tổ chức thực hiện Đề án.

Câu 164: Kết quả sau 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh?

Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 14-5-2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, căn cứ vào kế hoạch, hướng dẫn của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Để cụ thể hoá các nội dung của Chỉ thị số 03 vào điều kiện thực tế của địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xây dựng và ban hành Đề án số 09-ĐA/TU, ngày 26-9-2011 về *“Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015”*.

Trên cơ sở hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương, hằng năm, tỉnh Thái Nguyên đã chủ động xây dựng nội dung nghiên cứu, học tập sát hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Cùng với việc triển khai học tập đầy đủ các nội dung chuyên đề theo hướng dẫn của Trung ương, năm 2013 tỉnh Thái Nguyên còn bổ sung thêm nội dung *“Học tập, thấm nhuần lời căn dặn của Bác đối với cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc tỉnh Thái Nguyên khi Người về thăm Thái Nguyên ngày 1-1-1964”*.

Sau khi được học tập các nội dung của chuyên đề hằng năm, mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đã có sự liên hệ bản thân, xây dựng *“Kế hoạch học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* và đề ra phương hướng phấn đấu, làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo chủ đề của năm; nội dung đăng ký làm theo gắn với công việc, nhiệm vụ cụ thể của mỗi cá nhân và nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Kế hoạch phấn đấu làm theo được thông qua chi bộ, cơ quan để theo dõi, giúp đỡ và có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện hằng tháng và cuối năm.

100% các cơ quan, đơn vị đều tiến hành bổ sung, xây dựng và tổ chức thực hiện chuẩn mực đạo đức theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; một số ngành đã chỉ đạo xây dựng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp riêng của ngành. Việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên được các cấp ủy chỉ đạo gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Quy định 101-QĐ/TW về trách nhiệm nêu gương và Quy định 47-QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm.

Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã trở thành một nội dung sinh hoạt thường xuyên của các tổ chức đảng, cơ quan, đoàn thể. Các cấp ủy đảng, chính quyền đã đưa kết quả việc học tập và làm theo Bác vào làm tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hằng năm.

Việc tuyên truyền học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được gắn với kỷ niệm các ngày lễ lớn;

thực hiện thông qua chương trình giảng dạy cho học sinh, sinh viên, cán bộ, đảng viên và giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Năm 2014, tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức thành công Hội thi báo cáo viên giỏi truyền đạt tư tưởng tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh. Qua đó đã góp phần tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân về tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Giải thưởng sáng tác, quảng bá các tác phẩm, văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*" được tổ chức hằng năm. Từ năm 2012 đến năm 2015, đã có 103 tác phẩm được trao giải cấp tỉnh, 5 tác phẩm đoạt giải Trung ương. Thông qua việc tổ chức Giải thưởng nhằm tuyên truyền, cổ vũ, khẳng định mục đích, ý nghĩa, tác dụng to lớn của việc tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay; đề cao vai trò, trách nhiệm, tình cảm của cán bộ, đảng viên, nhân dân, đội ngũ văn nghệ sĩ, nhà báo; phát hiện, nhân rộng những nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Câu 165: Kết quả nổi bật sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015?

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát,

kip thời của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và sự nỗ lực phấn đấu rất cao của Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Kinh tế phát triển và đạt tốc độ tăng trưởng khá, bình quân hằng năm đạt trên 13%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, giảm tỷ trọng nông - lâm nghiệp - thủy sản. Công nghiệp có bước phát triển vượt bậc; giá trị sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 70,8%/năm. Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề được quan tâm phát triển. Dịch vụ phát triển cả về quy mô và loại hình. Thu ngân sách hằng năm tăng khá. Nông, lâm nghiệp, thủy sản ổn định và phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi. Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai tích cực. Thu hút đầu tư đạt kết quả quan trọng. Công tác quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển đô thị được tăng cường.

Các lĩnh vực văn hoá - xã hội, giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân và khoa học - công nghệ tiếp tục đổi mới, phát triển. An sinh xã hội được đảm bảo, đời sống của nhân dân được cải thiện; GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 46,4 triệu đồng, gấp 2,6 lần so với năm 2010. Các chính sách xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai đồng bộ, đạt kết quả thiết thực. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Công tác xây dựng đảng được tập trung làm tốt trên các mặt: chính trị, tư tưởng, tổ chức, kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng. Công tác xây dựng hệ thống chính trị được coi trọng và có nhiều chuyển biến tích cực. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động. Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI) “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*” được triển khai thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đúng yêu cầu, được cán bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm, hưởng ứng tích cực. Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được đẩy mạnh, tạo sức lan toả trong xã hội.

Câu 166: Kết quả nổi bật sau 5 năm thực hiện Đề án số 07-ĐA/TU ngày 17-8-2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII) về “*Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên giai đoạn 2011 - 2015*”?

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu cụ thể của Đề án

1. Số tổ chức cơ sở (TCCS) Đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh (TSVM) năm 2011 đạt 80,87%, năm 2012 đạt 79,86%, năm 2013 đạt 82,97% và năm 2014 (năm 2014 Trung ương có hướng dẫn điều chỉnh giảm về tỷ lệ đạt tiêu chuẩn TSVM) đạt 79% trên tổng số TCCS Đảng được đánh giá, cơ bản đạt mục tiêu đề án đặt ra (80% mỗi năm).

Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên năm 2011, đạt 88,04%, năm 2012 đạt 88,56%, năm 2013 đạt

89,25% và năm 2014 đạt 86,2%, trên tổng số đảng viên được đánh giá, vượt mục tiêu đề án đặt ra (đạt trên 80%).

2. Tổng số đảng viên mới kết nạp năm 2011 là 3.015 đồng chí, bằng 4,1% trên tổng số đảng viên của tỉnh, vượt 10,2% kế hoạch năm; năm 2012 kết nạp 3.384 đảng viên mới, bằng 4,6% trên tổng số đảng viên của tỉnh, vượt 15,02% kế hoạch năm; năm 2013 kết nạp 3.523 đảng viên mới, bằng 4,49% trên tổng số đảng viên của tỉnh, vượt 15,5% kế hoạch năm; năm 2014 kết nạp 3.543 đảng viên mới, bằng 4,37% trên tổng số đảng viên của tỉnh, vượt 10,1% kế hoạch năm; năm 2015 kết nạp gần 4.000 đảng viên mới bằng 4,75% trên tổng số đảng viên của tỉnh (vượt mục tiêu Đề án đặt ra).

3. Toàn tỉnh còn 199/3.031 số xóm, tổ dân phố chưa có chi bộ còn phải sinh hoạt ghép (giảm được 135 xóm, tổ dân phố so với thời điểm ban hành Đề án). Số xóm, tổ dân phố chưa có đảng viên còn 1 tổ dân phố số 7 thuộc Đảng bộ phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên (giảm 1 xóm, tổ dân phố so với thời điểm ban hành Đề án). Như vậy đã đảm bảo chỉ tiêu thực hiện Đề án.

4. Cơ cấu, chất lượng cấp ủy cơ sở và cấp huyện, tương đương

- Đối với cấp cơ sở: Chất lượng cấp ủy cơ sở nhiệm kỳ 2015 - 2020 cao hơn nhiệm kỳ trước (2010 - 2015), cụ thể: Về trình độ chuyên môn: 95,32% cấp ủy viên có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (*nhiệm kỳ trước là 85,01%*), trong đó đại học là 59,13%, trên đại

học là 12,82%; về trình độ lý luận chính trị: 80,89% cấp ủy viên có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên (nhiệm kỳ trước là 72,44%), trong đó 15,69% có trình độ cử nhân, cao cấp lý luận chính trị. Số cấp ủy viên là nữ đạt 24,85% (tăng 2,69%); số cấp ủy viên trẻ tuổi (dưới 35 tuổi) đạt 14,80%; số cấp ủy viên người dân tộc thiểu số đạt 22,58% (tăng 0,4%).

- Đối với cấp huyện, tương đương: Chất lượng cấp ủy cao hơn nhiệm kỳ trước (2010 - 2015), cụ thể: Về trình độ chuyên môn: 98,25% có trình độ từ đại học trở lên (nhiệm kỳ trước 96,19%); về trình độ lý luận chính trị: 74,43% có trình độ cử nhân, cao cấp lý luận chính trị trở lên (nhiệm kỳ trước là 67,88%), trình độ trung cấp chiếm 23,29%; số cấp ủy viên dưới 35 tuổi đạt tỷ lệ 7,5% (nhiệm kỳ trước là 5,99%); số cấp ủy viên là nữ đạt tỷ lệ 17,27% (nhiệm kỳ trước là 13,79%); số cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số đạt tỷ lệ 17,97%.

5. Trong nhiệm kỳ (tính đến 30-6-2015) cấp ủy các cấp đã điều động, luân chuyển 131 lượt cán bộ. Riêng đối với cấp huyện có 101 cán bộ được điều động và luân chuyển về làm cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn và ngược lại; mỗi huyện, thành, thị có trên 20% số xã, phường, thị trấn có cán bộ cấp huyện, thành, thị luân chuyển về cơ sở, đạt mục tiêu đề án.

Câu 167: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX được tổ chức tại thành phố Thái Nguyên từ ngày 26-10 đến ngày 28-10-2015. Tham dự Đại hội có 343 đại biểu chính thức, thay mặt cho trên 84 ngàn đảng viên của toàn Đảng bộ. Đồng chí Tô Huy Rứa - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương thay mặt cho Bộ Chính trị dự và chỉ đạo Đại hội.

Với chủ đề: *"Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ, đoàn kết, sáng tạo; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng tỉnh Thái Nguyên phát triển nhanh, bền vững"*, Đại hội đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015, bàn và quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015 - 2020; thông qua Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII; thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020 gồm 53 đồng chí...

Ban Chấp hành đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 16 đồng chí; bầu đồng chí Trần Quốc Tỏ giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, bầu đồng chí Bùi Xuân Hòa và đồng chí Vũ Hồng Bắc giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Câu 168: Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2015 - 2020 được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX thông qua?

Mục tiêu tổng quát: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ, đoàn kết, sáng tạo; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát triển kinh tế nhanh và bền vững, xây dựng Thái Nguyên sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, trung tâm vùng trung du và miền núi phía Bắc về phát triển công nghiệp, dịch vụ, y tế và giáo dục - đào tạo.

Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2015 - 2020:

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 10%/năm.
2. Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: Công nghiệp và xây dựng 53%, Dịch vụ 36%, Nông - lâm - thủy sản 11%.
3. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 15%/năm.
4. Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 4%/năm.
5. Giá trị xuất khẩu trên địa bàn tăng bình quân 9%/năm; trong đó, xuất khẩu địa phương tăng 20%/năm trở lên.
6. Thu ngân sách nhà nước trong cân đối (*không bao gồm thu cấp quyền sử dụng đất*) tăng bình quân 16%/năm.
7. Đến năm 2020, GRDP bình quân đầu người đạt 86 triệu đồng.
8. Đến năm 2020, có từ 70% trở lên số xã trong tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

9. Củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục các bậc học; phấn đấu đến năm 2020 có 80% số trường đạt chuẩn quốc gia; 8% học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường dân tộc nội trú.

10. Đến năm 2020, có 90% trở lên gia đình văn hóa; 70% tổ dân phố văn hoá; 65% làng, xóm văn hóa; 90% trở lên cơ quan đạt chuẩn văn hóa.

11. Đến năm 2020 có 80% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (*theo tiêu chí mới*); giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 10%.

12. Hằng năm tạo việc làm tăng thêm cho 15.000 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 70%.

13. Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm từ 2% trở lên (*theo chuẩn mới*).

14. Đến năm 2020, ổn định tỷ lệ độ che phủ rừng trên địa bàn đạt trên 50%; có 95% người dân ở nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

15. Hằng năm, kết nạp đảng viên tăng 3,5% so với tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ; trên 80% số tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 50% đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh; trên 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Câu 169: Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020?

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX xác định 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, gồm:

1. *Phát triển kinh tế nhanh và bền vững*

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu trên, cần vận dụng linh hoạt, hiệu quả các cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội. Phấn đấu tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 128.000 tỷ đồng.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong các lĩnh vực (công nghiệp; thương mại, dịch vụ, du lịch; nông, lâm nghiệp, thủy sản); thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới; tăng cường công tác quản lý tài chính, ngân hàng và hoạt động tín dụng. Phấn đấu đến năm 2020 tinh tự cân đối thu, chi ngân sách...

2. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị theo hướng hiện đại, từng bước đồng bộ

Nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị. Quy hoạch, phát triển và sử dụng có hiệu quả Khu kinh tế Nam Thái Nguyên (gồm: thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên và huyện Phú Bình) trở thành vùng động lực cho phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh. Tiếp tục thu hút các nguồn vốn để đầu tư hạ tầng thiết yếu và mở rộng không gian công cộng tại các đô thị; thực hiện có hiệu quả dự án “Chương trình Đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Thái Nguyên” và Dự án “Đô thị 2 bờ Sông Cầu”.

3. Phát triển văn hoá - xã hội

Đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng dạy và học, đẩy mạnh xã hội hóa. Triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe

nhân dân; thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Phát triển văn hoá, thể dục thể thao, thông tin tuyên truyền; khoa học và công nghệ. Tăng cường hợp tác với Đại học Thái Nguyên trong chuyển giao nghiên cứu và ứng dụng khoa học. Phấn đấu xây dựng Thái Nguyên trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học vùng trung du miền núi Bắc Bộ.

4. Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh

Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu “Diễn biến hòa bình” và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn phát sinh trong nội bộ nhân dân. Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án về phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội...

5. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Tăng cường xây dựng đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác cán bộ. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp. Tăng cường công tác dân vận, phát huy dân chủ; tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Câu 170: Nội dung chính Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 8-8-2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về xây

dựng thị xã Phổ Yên trở thành đô thị loại III vào năm 2020”?

Ngày 8-8-2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU “về xây dựng thị xã Phổ Yên trở thành đô thị loại III vào năm 2020”. Nghị quyết đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển thị xã Phổ Yên, giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

1. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tập trung các nguồn lực để hoàn thiện các tiêu chí xây dựng thị xã Phổ Yên thành đô thị loại III vào năm 2020. Trong đó, thực hiện có hiệu quả các nhóm tiêu chí đã được thị xã xác định như: vị trí chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội; quy mô dân số và mật độ dân số; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp; trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị.

2. Tập trung thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để thu hút nguồn lực đầu tư tại các khu công nghiệp; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ; quan tâm công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn; quản lý tốt vấn đề môi trường tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.

3. Phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến, đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, công nghệ cao, xanh và sạch; có định hướng hỗ trợ phát triển các mô hình kinh tế tập thể trong chế biến nông sản, phát triển các làng nghề truyền

thống... để hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, cung cấp cho các khu công nghiệp. Quan tâm đầu tư xây dựng nông thôn mới, nâng cao chất lượng đời sống người dân nông thôn.

4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ công chức và hiện đại hóa nền hành chính. Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tạo sự chuyển biến rõ rệt trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

5. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân trên địa bàn. Nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế hiện đại, đẩy mạnh xã hội hóa công tác khám chữa bệnh. Quan tâm lãnh đạo công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm, nhất là đối với lao động nông thôn, vùng triển khai các dự án đầu tư; thực hiện tốt chủ trương phát triển nhà ở cho công nhân, người lao động có thu nhập thấp; các chế độ chính sách đối với người có công, vấn đề an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững.

6. Tăng cường công tác quốc phòng quân sự địa phương và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ tại các khu công nghiệp, nơi có đông công nhân làm việc và sinh hoạt, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; quản lý tốt vấn đề tạm trú, tạm

vắng; thực hiện nghiêm công tác tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo.

7. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; đổi mới công tác cán bộ; nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tư tưởng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; công tác dân vận; cải cách hành chính trong các cơ quan Đảng. Tập trung xây dựng chính quyền các cấp trong sạch vững mạnh; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu tại các cơ quan, đơn vị.

Câu 171: Nội dung Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 15-1-2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về việc đầu tư xây dựng Khu du lịch Hồ Núi Cốc?

Với mục tiêu xây dựng Khu du lịch Hồ Núi Cốc thành Khu du lịch Quốc gia, hướng tới đề nghị UNESCO công nhận là di sản văn hóa, thiên nhiên thế giới trước năm 2025, Nghị quyết khẳng định trách nhiệm chung của Đảng bộ và hệ thống chính trị trong tỉnh đối với việc thực hiện Dự án nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020 và những năm tiếp theo.

Nghị quyết giao Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, hoàn thiện trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết

(tại kỳ họp chuyên đề quý I-2016) và hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nghị quyết yêu cầu làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của dự án, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện.

Câu 172: Nội dung Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 2-8-2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về định hướng xây dựng và phát triển thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020?

Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 2-8-2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về định hướng xây dựng và phát triển thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020 đề ra mục tiêu và một số nhiệm vụ, giải pháp như sau

1. Mục tiêu: *“Tăng cường xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; tiếp tục đổi mới toàn diện; giữ vững quốc phòng, an ninh; huy động mọi nguồn lực, xây dựng thành phố Thái Nguyên phát triển nhanh và bền vững từng bước văn minh, hiện đại”.*

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh phát triển và tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững; huy động nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển; khai thác lợi thế, tiềm năng của địa phương, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ, thương mại, đưa dịch vụ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phấn đấu đến năm 2020 tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm trên

50% trong cơ cấu kinh tế. Phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường; ưu tiên thu hút các dự án đầu tư phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, sản phẩm công nghệ cao, chế biến sâu. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; phấn đấu hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong năm 2016.

Chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên đến năm 2035. Tập trung hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại 1 chưa đạt chuẩn theo quy định; mở rộng không gian đô thị; quan tâm làm tốt công tác quản lý trật tự, mỹ quan đô thị gắn với chỉnh trang đô thị và bảo vệ môi trường; tạo chuyển biến rõ nét trong xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, xác định đây là khâu đột phá để thực hiện mục tiêu xây dựng Thành phố phát triển nhanh và bền vững từng bước văn minh, hiện đại. Ưu tiên bố trí ngân sách và đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực để đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị như: Khu đô thị phía Tây Thành phố; Dự án xây dựng cấp bách hệ thống chống lũ lụt sông Cầu kết hợp hoàn thiện hạ tầng đô thị hai bên bờ sông Cầu; Nghĩa trang An Lạc viên INDEVCO Thái Nguyên và Nhà tang lễ cấp Thành phố; cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số

công trình khu vực phía Nam Thành phố; Dự án xây dựng Cầu Bến Tượng, đường Việt Bắc; hệ thống vỉa hè và cây xanh đô thị; hạ tầng khu dân cư; cải tạo Hồ Xương Rồng 2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Thái Nguyên”.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xác định cải cách thủ tục hành chính và xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao là nhiệm vụ trọng tâm; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng nền hành chính hiện đại, chính quyền điện tử đáp ứng yêu cầu của nhân dân.

Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị, có năng lực, tận tụy phục vụ nhân dân; đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của tổ chức và công dân theo quy định.

Thực hiện tốt các chính sách xã hội, chăm lo phát triển nguồn nhân lực đi đôi với giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội. Tiếp tục phát triển các lĩnh vực văn hoá; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, nếp sống văn hoá, văn minh đô thị trong các tầng lớp nhân dân. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ. Quan tâm phát triển sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm,

hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống tội phạm, nâng cao tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm.

Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Kiên quyết đấu tranh với các loại tội phạm, đẩy lùi tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy là nhiệm vụ cấp bách để xây dựng và phát triển văn hóa, văn minh đô thị và con người thành phố Thái Nguyên đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Tăng cường xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ trên các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng... Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội theo hướng sâu sát, phù hợp với thực tế ở cơ sở. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và chức năng giám sát, phản biện xã hội.

Câu 173: Kết quả phát triển kinh tế xã hội năm 2016 và so với 20 năm trước, khi tái lập tỉnh Thái Nguyên (1997)?

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) ước đạt 15,2%, vượt 3,2% so với kế hoạch (*năm 1997 đạt 8,5%*).

2. Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 477.485 tỷ đồng, tăng 26,7% so với năm trước và vượt 9% so với kế hoạch.

3. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản ước đạt 5,3%, vượt kế hoạch (*kế hoạch là 5%*); giá trị trên 1ha đất trồng trọt đạt 88,1 triệu đồng, vượt kế hoạch (*kế hoạch là 88 triệu đồng*).

Sản lượng lương thực có hạt đạt 469,4 nghìn tấn, tăng 196,9 nghìn tấn so với năm 1997.

Tổng diện tích chè toàn tỉnh đạt 21.342ha (tăng 11.582ha so với năm 1997), trong đó, diện tích chè trồng mới và trồng lại đạt 1.229ha, tăng 3,4%, bằng 122,9% kế hoạch. Năng suất chè bình quân ước đạt 111,74 tạ/ha, tăng 0,7%; sản lượng chè búp tươi đạt 210 nghìn tấn, tăng 3,7%, bằng 104,9% kế hoạch.

4. Giá trị xuất khẩu trên địa bàn ước đạt 19,1 tỷ USD, tăng 19,7% so với năm trước và bằng 90,9% so với kế hoạch. Giá trị nhập khẩu đạt 11,8 tỷ USD, tăng 3,3% so với năm trước.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn năm 1997 đạt 22,5 triệu USD, tăng 3,7% so với 1996.

5. Thu ngân sách trong cân đối đạt trên 9.600 tỷ đồng (*kế hoạch là 6.500 tỷ đồng*, gấp gần 49 lần so với năm 1997 (197 tỷ đồng)).

6. Thu nhập bình quân đầu người (GRDP) đạt 52 triệu đồng, vượt kế hoạch (*kế hoạch là 51 triệu đồng*).

7. Giảm tỷ suất sinh thô bình quân trong năm đạt 0,5‰, vượt kế hoạch đề ra (kế hoạch là 0,1‰); số lao động được tạo việc làm mới tăng thêm cho 15.000 lao động, đạt kế hoạch; giảm tỷ lệ hộ nghèo trong năm 2%, bằng kế hoạch; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60,1%, vượt 0,1% so với kế hoạch; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa là 85%, bằng kế hoạch.

8. Tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 87%, bằng kế hoạch; tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 50%, bằng kế hoạch.

9. Có 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới; nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh lên 56 xã, đạt 31,11% tổng số xã.

10. Kết nạp 3.733 đảng viên, nâng tổng số đảng viên của toàn Đảng bộ lên 86.561 đồng chí (năm 1997 kết nạp 1.500 đảng viên).

Câu 174: Tỉnh Thái Nguyên có bao nhiêu đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động và bao nhiêu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động được Nhà nước phong tặng, truy tặng?

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động và Bà mẹ Việt Nam anh hùng là những danh hiệu cao quý của Đảng và Nhà nước ta dành tặng những tập thể, cá nhân có những cống hiến, hy sinh và thành tích đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Với những cố gắng, nỗ lực và cống hiến của mình, nhiều đơn vị, cá nhân của tỉnh Thái Nguyên đã được Nhà nước phong tặng, truy tặng các danh hiệu Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động và Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Cụ thể:

- 83 đơn vị được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

- 551 Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

- 16 cá nhân được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

- 7 đơn vị được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động.

- 7 cá nhân được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Câu 175: Kể tên các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy từ khi thành lập Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đến nay?

1. Đồng chí Ngô Nhị Quý, Bí thư Tỉnh ủy lâm thời (9-1945 đến tháng 7-1947).

2. Đồng chí Lê Trung Đình, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ tháng 8 đến tháng 10-1947 và từ năm 1950 đến tháng 4-1951).

3. Đồng chí Lê Hoàng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ tháng 10-1947 đến tháng 4-1948) và Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái (từ tháng 7-1965 đến tháng 4-1972).

4. Đồng chí Lê Thanh, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ tháng 6-1948 đến 1949)

5. Đồng chí Hoàng Cừ, Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên (từ tháng 4-1951 đến tháng 2-1953).

6. Đồng chí Nguyễn Tâm, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (năm 1953).

7. Đồng chí Lê Dục Tôn, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (1954 - 1959).

8. Đồng chí Phan Văn Tĩnh, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ tháng 2-1959 đến tháng 2-1961).

9. Đồng chí Lê Đức Chính, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ tháng 3-1961 đến tháng 6-1965).

10. Đồng chí Hoàng Bắc Dũng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái (từ tháng 5-1972 đến năm 1976).

11. Đồng chí Vũ Ngọc Linh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái (1976 - 1986).

12. Đồng chí Nông Đức Mạnh, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI), Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái (từ tháng 10-1986 đến tháng 10-1989).

13. Đồng chí Nguyễn Ngô Hai, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái (từ tháng 10-1989 đến tháng 12-1996); Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ tháng 1-1997 đến tháng 11-1999).

14. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ tháng 11-1999 đến tháng 9-2002).

15. Đồng chí Lương Đức Tính, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ tháng 10-2002 đến tháng 12-2005).

16. Đồng chí Nguyễn Bắc Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ tháng 12-2005 đến tháng 9-2007).

17. Đồng chí Nguyễn Văn Vượng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ tháng 9-2007 đến tháng 10-2010).

18. Đồng chí Phạm Xuân Đương, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ tháng 10-2010 đến tháng 2-2013).

19. Đồng chí Nguyễn Đình Phách, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ tháng 2-2013 đến tháng 10-2015).

20. Đồng chí Trần Quốc Tỏ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ tháng 10-2015 đến nay).

PHỤ LỤC

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI, LỊCH SỬ, VĂN HÓA, CON NGƯỜI THÁI NGUYÊN

Câu 1: Tên gọi “Thái Nguyên” ra đời và những biến đổi về địa giới hành chính tỉnh Thái Nguyên qua các thời kỳ lịch sử như thế nào?

Thái Nguyên là vùng đất cổ, có truyền thống lịch sử gắn bó cùng với cả nước trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Trong tiến trình lịch sử dân tộc, địa dư, địa danh vùng đất Thái Nguyên có nhiều thay đổi.

Thời các vua Hùng dựng nước, Thái Nguyên thuộc bộ Vũ Định - một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đời Thục phán An Dương Vương với nước Âu Lạc, các bộ thời Hùng Vương vẫn được giữ nguyên.

Thời thuộc nhà Triệu (208 - 111 trước Công nguyên), Thái Nguyên thuộc về nước Nam Việt. Thời thuộc nhà Hán, Thái Nguyên thuộc huyện Long Biên, quận Giao Chỉ.

Thời nhà Tiền Lý (544 - 602), trải nền độc lập qua 3 đời vua: Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, Hậu Lý Nam Đế, Thái Nguyên thuộc về nước Vạn Xuân.

Thời thuộc Đường (thế kỷ VII - X), phần đất phía Nam Thái Nguyên thuộc huyện Bình Đạo, phần đất phía Đông Bắc Thái Nguyên thuộc châu Lung, phần đất phía Tây Bắc Thái Nguyên thuộc huyện Vũ Bình.

Thời nhà Lý, Thái Nguyên gồm đất châu Tây Nông (Tư Nông, sau đổi là Phú Bình), châu Vạn Nhai (sau đổi là Vũ Nhai), châu Định Biên (sau là Tuyên Hóa, Định Hóa) thuộc phủ Phú Lương của nhà nước Đại Việt.

Thời nhà Trần, Thái Nguyên thuộc về lộ Như Nguyệt Giang. Năm 1395, đổi các lộ, phủ thành trấn; lộ Như Nguyệt Giang đổi thành trấn Thái Nguyên, gồm các huyện: Phú Lương, Tư Nông, Vũ Lễ, Động Hỷ, Tuyên Hóa, Đại Từ, Yên Định, Lộng Thạch, Vĩnh Thông, Cẩm Hóa và châu Thái Nguyên.

Thời thuộc Minh (1407 - 1427), năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407) trấn Thái Nguyên đổi thành châu Thái Nguyên; năm Vĩnh Lạc thứ 8 (1410) châu Thái Nguyên được nâng lên thành phủ Thái Nguyên; năm 1426, phủ Thái Nguyên đổi thành Thái Nguyên Thừa Chính ty, gồm 3 phủ: Thái Nguyên, Phú Bình, Thông Hóa.

Năm 1428, sau khi giặc Minh bị quét khỏi bờ cõi, nhà Lê thành lập, Lê Thái Tổ chia đất nước thành 5 đạo (Âu Đạo, Đông Đạo, Bắc Đạo, Nam Đạo và Hải Tây Đạo); Thái Nguyên thuộc Bắc Đạo. Dưới đạo là trấn, lộ rồi đến phủ, huyện, châu và cuối cùng là xã. Năm Quang Thuận thứ 7 (1466), Lê Thánh Tông định lại bản đồ cả nước, từ 5 đạo được chia nhỏ thành 12 đạo thừa tuyên, Thái Nguyên là một trong 12 đạo thừa tuyên ấy. Năm 1467, nhà Lê đổi Thái Nguyên thành Ninh Sóc thừa tuyên, gồm ba phủ: Phú Bình, Thông Hóa, Cao Bằng. Năm Hồng Đức thứ 21 (1490), Ninh Sóc thừa tuyên đổi thành xứ thừa tuyên (xứ) Thái Nguyên. Năm 1533, xứ Thái Nguyên được đổi thành trấn Thái Nguyên.

Năm Vĩnh Trị thứ 2 (1679), phủ Cao Bằng tách khỏi trấn Thái Nguyên để đặt riêng làm trấn Cao Bằng. Từ đó, trấn Thái Nguyên còn hai phủ Phú Bình và Thông Hóa,

bao gồm phần đất tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn và một phần tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay.

Thời nhà Nguyễn, năm Minh Mạng thứ 12 (1831), trấn Thái Nguyên đổi thành tỉnh Thái Nguyên. Năm 1900, phủ Thông Hóa tách khỏi tỉnh Thái Nguyên để thành lập tỉnh Bắc Kạn; tỉnh Thái Nguyên còn lại phủ Phú Bình và phủ Tòng Hóa.

Từ tháng 11-1949, tỉnh Thái Nguyên nằm trong Liên Khu Việt Bắc. Từ tháng 7-1956 đến tháng 12-1975, Thái Nguyên là tỉnh nằm trong Khu Tự trị Việt Bắc; thị xã (từ năm 1962 là thành phố) Thái Nguyên là Thủ phủ của Khu Tự trị Việt Bắc. Ngày 21-4-1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Nghị quyết số 103 sáp nhập hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Cạn thành tỉnh Bắc Thái. Tỉnh Bắc Thái đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mới từ ngày 1-7-1965. Ngày 6-11-1996, Quốc hội (khóa IX) nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết chia tách và điều chỉnh một số tỉnh trong cả nước; tỉnh Bắc Thái chia tách thành hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Hai tỉnh hoạt động theo đơn vị hành chính mới từ ngày 1-1-1997.

Hiện nay, tỉnh Thái Nguyên có tổng diện tích đất tự nhiên là 3.526,6km², với 9 đơn vị hành chính, gồm 2 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện (trong đó có 4 huyện miền núi và 1 huyện vùng cao); 180 xã, phường, thị trấn, dân số trên 1,2 triệu người, với nhiều dân tộc cùng sinh sống, trong đó 9 dân tộc có dân số trên 1.000 người (Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán Chay, Mông, Hoa và Mường).

Câu 2: Khái quát vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của tỉnh Thái Nguyên?

Thái Nguyên là tỉnh thuộc vùng trung du miền núi Bắc Bộ, có tổng diện tích đất tự nhiên là 3.526,6km², phía bắc giáp tỉnh Bắc Kạn, phía nam giáp Thủ đô Hà Nội, phía đông giáp tỉnh Lạng Sơn, phía đông nam giáp tỉnh Bắc Giang, phía tây giáp tỉnh Tuyên Quang, phía tây nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa hình Thái Nguyên chủ yếu là đồi núi thấp chạy theo hướng bắc - nam. Bao quanh phía tây nam và phía bắc là những dãy núi Tam Đảo, Ngân Sơn, Bắc Sơn¹. Thái Nguyên được phân hoá thành 3 vùng địa hình rõ rệt: vùng núi phía tây và tây bắc, gồm Đại Từ, Định Hoá và các xã tây Phú Lương; vùng núi phía đông, có địa hình phức tạp, hiểm trở, nhiều núi đá vôi, được phân bố ở Đồng Hỷ, Võ Nhai; vùng có địa hình thấp dưới 100m là vùng đồi trung du, xen với đồng bằng phù sa sông Cầu, sông Công, gồm nam Phú Lương, tây Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên, Phú Bình, thị xã Phổ Yên, thành phố Sông Công.

Tọa độ không gian của Thái Nguyên được xác định: nằm trong hệ tọa độ địa lý từ 21^o19' đến 22^o03' vĩ độ bắc và 105^o29' đến 106^o15' kinh độ đông, từ bắc đến nam dài 43 phút vĩ độ (80km), từ tây sang đông rộng 46 phút kinh độ (85km). Trong đó: điểm cực bắc ở vĩ độ 22^o03'

¹ Phía tây nam có dãy Tam Đảo với đỉnh cao nhất 1.591 m, các vách núi dựng đứng và kéo dài theo hướng tây bắc - đông nam. Dãy Ngân Sơn bắt đầu từ Bắc Kạn chạy theo hướng đông bắc - tây nam đến Võ Nhai. Dãy núi Bắc Sơn chạy theo hướng tây bắc - đông nam.

thuộc xã Linh Thông, huyện Định Hoá; điểm cực nam ở vĩ độ 21^o19' thuộc xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên; điểm cực tây ở kinh độ 105^o28' thuộc xã Yên Lãng, huyện Đại Từ; điểm cực đông ở kinh độ 106^o14' thuộc xã Phương Giao, huyện Võ Nhai.

Thái Nguyên nằm trong vùng sinh khoáng đông bắc Việt Nam, thuộc vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương. Đất Thái Nguyên chủ yếu thuộc loại Feralit, đất đá vôi và đất ruộng, thích hợp cho việc phát triển cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Trong lòng đất có nhiều khoáng sản quý và phong phú về chủng loại nên có lợi thế lớn trong việc phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng, luyện kim. Khoáng sản Thái Nguyên có thể chia thành 4 nhóm¹, phân bố tập trung vào các vùng như: Đại Từ, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương, Định Hoá. Hiện nay, Thái Nguyên được đánh giá là tỉnh có trữ lượng than lớn thứ hai trong cả nước (khoảng 90 triệu tấn); đồng thời, có mỏ Núi Pháo với trữ lượng Vonfram khoảng 21 triệu tấn, trữ lượng Flo khoảng 19 triệu tấn, trữ lượng đáng kể Bitmut, đồng, vàng và một số kim loại khác.

Do nằm trong vùng khí hậu cận nhiệt đới ẩm kết hợp với hoàn cảnh địa lý cụ thể nên khí hậu Thái Nguyên có đặc trưng nóng ẩm, mưa mùa, mùa đông lạnh và rất thất thường trong năm; lượng mưa trung bình khoảng trên 1.800mm/năm. Thái Nguyên có mạng lưới sông ngòi dày

¹ Nhóm nguyên liệu cháy, nhóm khoáng sản kim loại, nhóm khoáng sản phi kim loại, khoáng sản vật liệu xây dựng.

đặc (chủ yếu nằm trong lưu vực sông Cầu, chiếm khoảng 90% diện tích của tỉnh; phần còn lại ở phía đông tỉnh thuộc lưu vực sông Rong, chảy vào hệ thống sông Thương); nguồn nước tự nhiên dồi dào, phân bố đều khắp, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

Thảm thực vật Thái Nguyên phân hoá phong phú, đa dạng. Trước đây, rừng Thái Nguyên gắn liền với những cánh rừng đại ngàn, có nhiều loại gỗ quý thuộc hàng tứ thiết (đinh, lim, sến, táu,...), các loài thú quý hiếm (hổ, báo, gấu, hươu, nai,...), các loại dược liệu, thực phẩm (mật ong, mộc nhĩ, nấm hương). Những năm gần đây, trữ lượng rừng đã bị giảm sút nhiều; thảm rừng bị thu hẹp kéo theo sự nghèo nàn của động vật. Vì vậy, khai thác hợp lý và nhân nhanh vốn rừng là nhiệm vụ quan trọng của tỉnh Thái Nguyên. Đến nay, rừng của Thái Nguyên từng bước xanh tốt trở lại; đồng thời, có thêm một số loại nông sản nổi tiếng như gạo bao thai (huyện Định Hoá), gạo nếp Vải (huyện Phú Lương), gạo nếp Thầu Dầu (huyện Phú Bình). Đặc biệt, Thái Nguyên có nghề trồng, sản xuất chè búp nổi tiếng từ lâu, được nhân dân trong nước và quốc tế ưa thích, sử dụng.

Nhìn chung, điều kiện tự nhiên của Thái Nguyên có nhiều mặt thuận lợi mà nhiều tỉnh miền núi phía Bắc không có, giúp cho Thái Nguyên có đầy đủ tiềm năng phát triển, không chỉ hiện nay mà cả trong tương lai.

Câu 3: Những lễ hội văn hóa đặc sắc của tỉnh Thái Nguyên?

Lễ hội là không gian văn hóa mà ở đó mỗi con người được bình đẳng để thể hiện lòng thành và ước vọng những điều tốt đẹp cho mai sau. Một số lễ hội xuân tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên:

1. Lễ hội lồng tồng ATK Định Hóa

Lễ hội lồng tồng là một lễ hội dân gian truyền thống của đồng bào dân tộc Tày, được tổ chức mỗi độ xuân về, cầu mong một năm mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu, bản làng yên vui. Xưa kia, hầu như bản Tày nào cũng mở hội lồng tồng. Do nhiều nguyên nhân, lễ hội lồng tồng bị gián đoạn 3 - 4 thập kỷ. Những năm gần đây, lễ hội này lại dần được khôi phục ở một số bản của đồng bào Tày vùng Định Hoá.

Lễ hội lồng tồng ATK Định Hóa là lễ hội lịch sử cách mạng, vừa mang tính chất dân gian truyền thống, vừa bổ sung một số yếu tố văn hoá mới, được tổ chức hằng năm vào ngày 10-1 âm lịch tại Khu Lễ hội đỉnh đèo De thuộc xóm Đèo De, xã Phú Đình, huyện Định Hoá.

Lễ hội có quy mô cấp vùng, do Ủy ban nhân dân huyện Định Hoá chủ trì tổ chức; có sự phối hợp của các ngành liên quan của tỉnh. Ngoài các nghi thức tín ngưỡng dân gian mang ý nghĩa phồn thực theo quan niệm truyền thống của đồng bào các dân tộc địa phương, lễ hội còn là nơi diễn ra nghi thức dâng hương tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Phần lễ diễn ra trang trọng, gồm 3 lễ chính. Thứ nhất là lễ dâng hương, tưởng nhớ công đức Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thứ hai là lễ cầu mưa, cầu mùa tổ chức theo

truyền thống dân gian. Thứ ba là khai mạc Lễ hội lồng tồng ATK Định Hoá của lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa.

Phần hội diễn ra tại sân tổ chức lễ hội ATK Định Hoá, thường kéo dài suốt 2 - 3 ngày, với nhiều cuộc thi, nhiều trò chơi diễn ra liên tục, thu hút hàng ngàn người tham gia và thưởng thức.

2. Lễ hội Đuối

Lễ hội Đuối có từ xa xưa, được tổ chức vào ngày 6-1 Âm lịch hằng năm tại đền Đuối, thuộc xã Động Đạt, huyện Phú Lương để tưởng nhớ công ơn của người anh hùng dân tộc Dương Tự Minh và cầu xin ông ban cho dân làng một năm mới tốt lành, mùa màng tốt tươi, mọi người mạnh khỏe, no ấm.

Ngày chính lễ, nhân dân địa phương, khách hành hương từ khắp các huyện, thành trong và ngoài tỉnh nườm nượp kéo về. Đoàn rước lễ vật của thôn Đuối, của các thôn bản trong xã và các đoàn tế lễ của nhiều địa phương trong tỉnh tề tựu trong khuôn viên đền. Sau phần khai mạc lễ hội, một hồi chuông gióng lên vang vọng vách đá núi Đuối. Ngoài xôi, gà, lợn quay, thủ lợn là cỗ mặn, những thiếu nữ Tày làng Đuối còn rước những mâm cỗ chay gồm 6 thứ bánh dân làng tự làm từ lúa gạo làng trồng, gồm: bánh bìa, bánh vôi, chè lam, bánh khảo, bánh rán, bánh bồng và hương hoa, phẩm oản dâng lên cúng tế. Lễ cúng tế do chủ tế và các vị lão làng thực hiện ngay trong gian chính điện đền Trung. Các

vị chức sắc của tỉnh, của huyện, của xã thấp hương trên các bàn thờ trong đền Trung, đền Thượng và đền Hạ.

Phần hội thường kéo dài từ tối ngày 5 Tết đến ngày 7 Tết Nguyên đán, có nhiều trò chơi dân gian. Một số những hoạt động mới được tổ chức, cũng dần trở thành một phần làm nên lễ hội Đền Đuối, như: giới thiệu văn hoá Trà Phú Lương, tổ chức biểu diễn nghệ thuật (ca múa, chèo), thi bắn súng hơi, cờ người...

3. Lễ hội Núi Văn - Núi Võ

Lễ hội Núi Văn - Núi Võ có từ lâu đời, được tổ chức vào ngày 4-1 Âm lịch hằng năm, xưa kia tại đền thờ Lưu Nhân Chú dưới chân núi Văn bên đất Ký Phú, nay tại đền thờ Lưu Nhân Chú mới xây dựng quy mô lớn dưới chân núi Võ, thuộc xã Văn Yên, huyện Đại Từ. Lễ hội nhằm tưởng nhớ công lao to lớn của cha con Lưu Nhân Chú đối với quê hương, đất nước; đồng thời cũng là dịp ôn lại truyền thống anh hùng trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước, xây dựng quê hương đất nước của nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ.

Phần lễ, có đại diện lãnh đạo tỉnh, huyện, xã, dòng họ Lưu (hậu duệ của Lưu Nhân Chú), nhân dân xã Văn Yên, Ký Phú và vùng phụ cận; đọc diễn văn nêu bật thân thế, sự nghiệp, những đóng góp to lớn của cha con người anh hùng dân tộc Lưu Nhân Chú đối với cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược, đối với sự nghiệp xây dựng vương triều Lê thuở ban đầu và phát động nhân dân Đại Từ phát huy truyền thống, xây dựng quê hương giàu đẹp.

Sau đó, mọi người vào thắp hương trước bàn thờ nơi chính điện.

Phần hội có nhiều trò chơi kéo co, đánh vật, chọi gà, cờ tướng, đấu bóng chuyền diễn ra ở sân đền và các đám đất xung quanh đền.

4. Lễ hội chùa Hang (huyện Đồng Hỷ)

Lễ hội chùa Hang (huyện Đồng Hỷ) có từ xa xưa, được mở vào ngày 18 đến hết ngày 20-1 Âm lịch hằng năm tại chùa Hang thuộc thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ.

Phần lễ, là các nghi thức lễ Phật cổ truyền. Vào ngày chính lễ, nhà sư trụ trì cùng các Phật tử làm lễ tắm Phật. Sau đó, tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được đặt lên một kiệu rước về dự lễ khai mạc lễ hội tại sân chùa. Sau lễ khai mạc và biểu diễn nghệ thuật chào mừng lễ hội, kiệu rước tượng Đức Phật và tượng Bác Hồ về nhà thờ tổ.

Phần hội có các trò chơi tung còn, đánh đu, múa kỳ lân - sư tử, kéo co, đấu cờ tướng, biểu diễn võ thuật, vật, ném bóng vào chậu, ném vòng cổ chai, thi bắn súng hơi, đấu bóng chuyền...

Câu 4: Thương hiệu “Chè Thái Nguyên” và những vùng chè nổi tiếng của Thái Nguyên?

Thái Nguyên nằm trong vùng chè lâu đời của Việt Nam, là địa phương có diện tích chè lớn thứ hai trong cả nước (22.993ha, trong đó, diện tích chè cho sản phẩm là 19.907ha), sau tỉnh Lâm Đồng. Với hương vị đặc trưng, chè Thái Nguyên đã trở thành một thương hiệu nổi tiếng và được tôn vinh là “Đệ nhất danh Trà” của đất

nước, thực sự trở thành một sản phẩm mang tính đặc thù của quê hương.

Hiện nay, nhãn hiệu tập thể “Chè Thái Nguyên” đã được bảo hộ tại Việt Nam. Đây là một sự khẳng định đối với uy tín, chất lượng, danh tiếng và giá trị của chè Thái Nguyên; đồng thời là điều kiện rất thuận lợi để thu hút sự quan tâm đặc biệt của thị trường, đưa sản phẩm chè ra thế giới, góp phần nâng cao vị thế “Đệ nhất danh Trà”. Những năm gần đây, sản phẩm chè Thái Nguyên đã có mặt trên toàn quốc và một số quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, như: Mỹ, Trung Quốc, Đài Loan, Nga, Anh, Nhật Bản, Ấn Độ, Pakistan, Srilanca, Afghanistan...

Để nâng cao giá trị và năng lực cạnh tranh của sản phẩm chè Thái Nguyên và tạo hiệu ứng mạnh mẽ để nâng tầm thương hiệu “Chè Thái Nguyên” trên thị trường thế giới, tỉnh Thái Nguyên đã chú trọng tổ chức các hoạt động giới thiệu, quảng bá sản phẩm chè Thái Nguyên ra thị trường trong nước và quốc tế. Các năm 2011, 2013 và 2015, tỉnh đã tổ chức thành công Festival Trà. Năm 2013, sản phẩm chè Thái Nguyên được công nhận kỷ lục Việt Nam “Thái Nguyên - Thương hiệu chè danh tiếng được nhiều người biết đến nhất” và kỷ lục châu Á “Sản phẩm chè Thái Nguyên thuộc Top các đặc sản quà tặng có giá trị của châu Á”. Đặc biệt, năm 2017, 2 sản phẩm chè đặc sản của Hợp tác xã chè La Bằng (Đại Từ) và Hợp tác xã chè Tuyết Hương (Đồng Hỷ) được lựa chọn làm quà tặng các đại biểu tham dự Diễn đàn APEC tổ chức tại nước ta... Các hoạt động này góp phần tạo dựng hình ảnh, danh

tiếng và phát triển chè Thái Nguyên trở thành một đặc sản, một thương hiệu nổi tiếng của người Việt Nam.

Cây chè gắn bó mật thiết với cuộc sống của người dân Thái Nguyên, ngoài việc đem lại giá trị kinh tế to lớn cây chè còn mang những nét văn hóa truyền thống và tiềm năng phát triển du lịch cho người dân địa phương. Những vùng chè nổi tiếng ở Thái Nguyên hiện nay có thể kể đến: Tân Cương, Trại Cài, La Bằng... Mỗi vùng chè lại có các sản phẩm chè mang nét đặc trưng riêng, góp phần tạo nên thương hiệu chè Thái Nguyên nổi tiếng xa gần.

Vùng chè Tân Cương (TP Thái Nguyên): Là một trong những vùng chè nổi tiếng ở Thái Nguyên, được mệnh danh là cái nôi của chè Thái.

Vùng chè Tân Cương nằm ở phía Tây Nam của thành phố Thái Nguyên là vùng đất trung du mang đặc trưng tiểu khí hậu ôn hòa, thổ nhưỡng phù hợp cho cây chè phát triển. Những đồi chè nơi đây được tưới mát bởi nước của dòng Sông Công thấm qua các mạch ngầm và vào mùa hè nắng gắt lại được che chắn bởi dãy núi Tam Đảo cạnh đó. Qua kiểm tra với hàng trăm kết quả thí nghiệm về đất, nước, khí hậu, các nhà khoa học đã khẳng định: lượng bức xạ nhiệt ở Tân Cương thấp hơn so với các vùng chè khác, là một trong các yếu tố quyết định tạo cho chè Tân Cương có chất lượng đặc biệt. Đồng thời, nhờ kỹ thuật chế biến rất riêng, đạt tới trình độ điêu luyện của những người làm chè đã làm cho chè Tân Cương có một hương thơm và vị ngon rất đặc trưng mà không đâu có được.

Vùng chè Trại Cài - Minh Lập (huyện Đồng Hỷ): Là một trong những vùng chè nổi tiếng ở Thái Nguyên từ lâu bởi hương vị thơm ngon đặc biệt. Vùng chè nằm ở khu vực phía Tây huyện Đồng Hỷ. Các hội thi chè do tỉnh Thái Nguyên tổ chức hằng năm với sự tham gia của hàng trăm nghệ nhân trà đã chấp cánh cho danh trà Trại Cài - Minh Lập được vang xa khắp toàn quốc. Hiện nay, toàn xã Minh Lập có trên 460ha chè canh tác, chủ yếu giống chè trung du. Sản lượng chè búp tươi đạt khoảng 4.200 tấn chè búp tươi/năm.

Vùng chè La Bằng - Đại Từ: Là một vùng chè khá lâu đời với diện tích tuy không lớn như vùng chè Tân Cương hay Trại Cài nhưng chè La Bằng cho năng suất cao và chất lượng tốt. Theo đánh giá của các nhà chuyên môn và những người sành chè thì chất lượng chè ở đây cũng ngang với các vùng chè nổi tiếng ở Thái Nguyên khác. Với diện tích trồng chè trên 220ha, năng suất bình quân 100 tạ/ha, cây chè đã tạo việc làm ổn định và là nguồn thu nhập chính cho hơn 700 hộ dân với gần 2.100 lao động của xã La Bằng. Tại các hội thi, lễ hội văn hoá Trà do tỉnh Thái Nguyên tổ chức, chè La Bằng đã đạt 2 giải Nhất, 2 Cúp Vàng, 1 Cúp Bạc về chất lượng. Thương hiệu Chè La Bằng rất nổi tiếng trong và ngoài nước.

Vùng chè Tức Tranh, Vô Tranh, Phú Đô (huyện Phú Lương): Là một trong những vùng chè có diện tích lớn (trên 2.000ha), chiếm 12% diện tích chè toàn tỉnh, năng suất gần 100 tạ/ha (cao nhất toàn tỉnh). Chè được thu hái gần như quanh năm bởi nguồn phù sa và vùng nguồn

nước sông Cầu phục vụ suốt 4 mùa. Vào các ngày chợ phiên, khách hàng chè trong và ngoài tỉnh về thăm và mua bán đông như trẩy hội...

Câu 5: Cho biết về những dân tộc có trên 1.000 người ở Thái Nguyên?

Tỉnh Thái Nguyên có dân số trên 1,2 triệu người, với 46 dân tộc trên tổng số 54 dân tộc sinh sống tại Việt Nam. Trong đó, có 9 dân tộc có dân số trên 1.000 người là: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán Chay, Mông, Hoa và Mường theo số liệu điều tra dân số nhà ở năm 2009, cụ thể như sau:

Người Kinh: Có số dân 821.083 người, chiếm tỷ lệ 73,1% số dân trong tỉnh. Người Kinh vốn cư trú ở vùng thấp, quen với nghề trồng lúa nước, hoạt động nông nghiệp kết hợp chặt chẽ với các nghề thủ công truyền thống. Người Kinh không chỉ giàu tập quán, kinh nghiệm sản xuất mà còn có khả năng tiếp thu nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật và áp dụng chúng một cách linh hoạt vào hoàn cảnh cụ thể của mình. Tổ chức xã hội và hình thái quần cư của người Kinh rất chặt chẽ từ thành thị đến nông thôn; làng xã cổ truyền tiêu biểu cho thiết chế làng xã Việt Nam. Ngày nay làng xã đã có nhiều thay đổi, song vẫn giữ được những nét đặc thù của làng xã Việt Nam.

Người Tày: Tại Thái Nguyên, người Tày có số dân 123.197 người, chiếm tỷ lệ 11%, xếp thứ 2 sau người Kinh; tập trung ở các huyện Định Hoá, Phú Lương, Võ Nhai, Đại Từ. Người Tày có một nền nông nghiệp khá

phát triển, như: trồng lúa, trồng ngô, khoai, sắn và các loại cây thực phẩm khác... Cũng như người Kinh, kỹ thuật canh tác, nông cụ của người Tày tương đối cao và hoàn chỉnh. Bên cạnh nghề trồng trọt và chăn nuôi, người Tày còn có truyền thống về một số nghề tiểu thủ công nghiệp. Họ tiếp thu nhanh nền văn hoá của người Kinh và đạt trình độ kinh tế, văn hoá, đời sống cao trong số các tộc người.

Người Nùng: Trong quá trình phát triển tộc người, người Nùng ở Việt Nam nói chung và Thái Nguyên nói riêng có nhiều nhóm Nùng đến sớm đã bị Tày hoá, còn những nhóm Nùng hiện nay được biết đến thì tới Việt Nam chỉ khoảng vài trăm năm nay. Người Nùng có số dân 63.816 người, chiếm tỷ lệ 5,7%; tập trung sinh sống ở địa bàn các huyện Võ Nhai, Đồng Hỷ, Đại Từ. Người Nùng có nhiều chi tộc (Nùng Phàn Sinh, Nùng Cháo, Nùng Inh...); thường cư trú thành từng dải ven đường ở các thung lũng. Họ có khả năng làm ruộng giỏi và có vốn văn hoá dân gian phong phú.

Người Sán Dìu: Có số dân 44.134 người, chiếm tỷ lệ 3,9%; tập trung đông nhất ở huyện Đồng Hỷ rồi đến Phú Lương, Đại Từ, Phú Bình, thành phố Thái Nguyên. Người Sán Dìu có truyền thống làm ruộng nước và giàu kinh nghiệm về trồng trọt. Trước đây quan hệ hôn nhân của người Sán Dìu chỉ đóng khung trong nội bộ dân tộc mình. Ngày nay, do tình hình đoàn kết bình đẳng và sự hoà hợp giữa các dân tộc tăng lên cho nên quan hệ đó đã được mở rộng.

Người Sán Chay: Người Sán Chay ở Thái Nguyên gồm hai nhóm địa phương: Cao Lan và Sán Chí, được phân biệt qua tiếng nói; có số dân 32.483 người, chiếm tỷ lệ 2,9%. Theo tổng điều tra dân số, Thái Nguyên có số người Sán Chay đứng hàng thứ hai trong cả nước, chỉ sau tỉnh Tuyên Quang và đứng hàng thứ năm trong các dân tộc của tỉnh Thái Nguyên. Người Sán Chay tập trung đông ở các huyện Phú Lương, Định Hoá, Đại Từ.

Người Dao: Có số dân 25.360 người, chiếm tỷ lệ khoảng 2,3%; người Dao ở Thái Nguyên có 4 nhóm chính là: Dao Đỏ, Dao Tiền, Dao Lô Gang, Dao Quần Chẹt; tập trung chủ yếu ở các huyện Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ, Võ Nhai... Văn hoá Dao có nhiều nét độc đáo, nhất là hát lượn, trong những ngày tết nguyên đán, lễ hội, các đám cưới... Người Dao có nhiều kinh nghiệm về sản xuất nông nghiệp ở vùng rừng núi.

Người Mông: Có mặt ở Thái Nguyên tương đối muộn so với các dân tộc khác với số dân 7.230 người, chiếm tỷ lệ 0,6%. Người Mông phần đông di cư từ Hà Giang và Cao Bằng tới Thái Nguyên; tập trung chủ yếu ở các huyện Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương. Trong đời sống sản xuất của người Mông, trồng trọt, chăn nuôi có vai trò quan trọng; đồng thời, nghề thủ công cũng khá phát triển. Người Mông có nhiều nghi lễ, tập tục liên quan đến sản xuất, sinh hoạt và tâm linh gắn với các dân tộc khác.

Người Hoa: Người Hoa có nguồn gốc từ các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc) di cư vào Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XIX. Có số dân 2.064 người, chiếm tỷ lệ

0,18%; tập trung đông nhất ở các huyện Định Hoá, Đồng Hỷ, Đại Từ và Phú Bình. Hoạt động kinh tế của người Hoa ở Thái Nguyên khá đa dạng. Phần lớn trong số họ ở nông thôn, sinh sống bằng nghề nông, lâm, thủ công nghiệp. Một số gia đình lập nghiệp trong các thị trấn, thị tứ mở cửa hàng buôn bán tạp phẩm, thuốc Bắc và dịch vụ cơ khí nhỏ. Thủ công gia đình của người Hoa rất đa dạng nhưng nổi bật là nghề rèn, đúc và đan lát. Do yếu tố giao thoa văn hóa nên người Hoa cũng có nhiều nghi lễ, tập tục liên quan đến sản xuất, sinh hoạt và tâm linh gắn với các dân tộc khác.

Người Mường: Có số dân 1.687 người, chiếm tỷ lệ 0,15%. Người Mường có nguồn gốc gần với người Kinh; chủ yếu định canh định cư ở miền núi. Người Mường có truyền thống làm ruộng và cây lúa nước là cây lương thực chủ yếu. Họ có một kho tàng văn nghệ dân gian phong phú với nhiều thể loại như: thơ dài, bài mo, truyện cổ, dân ca, ví dặm, tục ngữ...

Câu 6: Những căn cứ chứng minh Thái Nguyên là quê hương của người nguyên thủy?

Tỉnh Thái Nguyên là một trong những vùng đất văn vật lâu đời của Việt Nam.

Vào giai đoạn hậu kỳ đá cũ, trên địa bàn rộng lớn miền Bắc Việt Nam đã xuất hiện những bộ lạc cư trú trên các địa hình khác nhau từ miền núi đến đồng bằng, sinh sống với phương thức săn bắt, hái lượm. Nơi cư trú của các bộ lạc khi đó thường ở trong những hang động vùng núi đá vôi. Thái Nguyên là một tỉnh miền núi trung du với địa

hình nhiều núi đá đã trở thành một nơi cư trú khá thuận lợi cho những bộ lạc thời kỳ hậu đá cũ. Vì điều kiện kỹ thuật còn rất thấp kém nên con người khi đó dựa vào những hang động, những mái đá để cư trú.

Đến nay, chúng ta còn lưu giữ được rất nhiều chứng cứ vật chất để xác định đã có sự sống của loài người cách chúng ta chừng 20.000 đến 30.000 năm. Khu di tích Thần Sa thuộc xã Thần Sa, huyện Võ Nhai với các di chỉ Phiêng Tung (Miệng Hồ) và mái đá Ngườm, Thẩm Chong, Nà Ngần đã chứng minh sự tồn tại của một nền văn hoá cổ ở Việt Nam nói riêng và ở cả vùng Đông Nam Á nói chung - Văn hoá Thần Sa. Ngoài ra, tại Thái Nguyên các nhà khảo cổ học còn phát hiện được nhiều di chỉ khảo cổ thuộc các nền văn hoá Sơn Vi, Hoà Bình, Bắc Sơn có niên đại cách đây khoảng từ 12.000 đến 25.000 năm. Điều đó chứng tỏ Thái Nguyên không chỉ là quê hương của người nguyên thủy mà còn là quê hương của nền văn hoá đa sắc tộc rất đáng tự hào.

Những hiện vật khảo cổ cho thấy các bộ tộc người nguyên thủy sinh sống bằng nghề hái lượm và săn bắt. Có những bộ tộc nguồn gốc ở đây và cũng có những bộ tộc di cư từ nơi khác tới kiếm sống rồi sinh cơ lập nghiệp.

Như vậy, với những căn cứ khoa học trên có thể khẳng định ngay từ buổi bình minh của lịch sử, người nguyên thủy đã định cư trên mảnh đất Thái Nguyên.

Câu 7: Giới thiệu về Chùa Hương Ấp (Tiên Phong - Phổ Yên), nơi thờ Lý Bí?

Theo các nhà sử học, Hoàng đế nước Vạn Xuân tên là Lý Bí, còn gọi là Lý Bôn, sinh ngày 12-9 năm Quý Mùi (17-10-503), quê ấp Thái Bình, châu Giã Năng, xứ Kinh Bắc, nay là xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Lên 5 tuổi thì bố mất, lên 7 tuổi mẹ cũng qua đời; ông sang ở với người chú, sau được người chú trao cho vị Pháp tổ Thiền sư tại ngôi chùa trong hương ấp (chùa Hương Ấp), trở thành chú tiểu trong chùa. Năm 13 tuổi, Lý Bí theo Thiền sư về tu tại chùa Linh Bảo thuộc làng Giang Xá (nay thuộc xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội).

Vốn thông minh, sáng dạ, lại được sự kèm cặp của Thiền sư, sau khoảng 10 năm miệt mài học hành, tu luyện, lầu thông kinh sử, văn võ toàn tài, Lý Bí thi đỗ và làm quan dưới thời nhà Lương cai trị nước ta. Chứng kiến cảnh quan quân nhà Lương bạo tàn, ông bất bình, từ quan về chiêu mộ hiền tài, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa lật đổ ách thống trị của chúng. Mùa xuân năm 540, Lý Bí chỉ để lại một số tướng lĩnh, quân sĩ giữ căn cứ địa chủ yếu vùng Giã Năng, Chu Diên, Tân Xương, Gia Ninh... còn lực lượng chính theo ông về lập đại bản doanh ở Lưu Xá (gồm 3 làng: Lưu Xá, Giang Xá, Lũng Kênh).

Ngày 10-4-542, Lý Bí dấy binh phát cờ khởi nghĩa. Mặc dù quan quân nhà Lương dồn sức phản kích nhưng vẫn bị nghĩa quân đánh bại. Lý Bí nắm quyền kiểm soát đất nước suốt từ vùng đồng bằng Bắc Bộ đến Nghệ - Tĩnh. Lợi dụng lúc quân ta đang tập trung đánh đuổi giặc Lương, tháng 5-543, vua Chăm-pa sai quân sang đánh

chiếm quận Nhật Nam (Châu Đức - Nghệ Tĩnh). Lý Bí cử tướng Phạm Tu, đem quân đánh dẹp quân Chăm-pa, thu lại cả miền đất Cửu Đức và Lâm Ấp. Ngày 12 tháng Giêng năm Giáp Tý (2-544), Lý Bí làm lễ lên ngôi Hoàng đế (là người Việt Nam đầu tiên xưng đế), gọi là Lý Nam Đế, lấy niên hiệu là Thiên Đức, đặt Quốc hiệu là Vạn Xuân. Ông mất ngày 25-5-548, lúc 45 tuổi.

Câu 8: Thân thế và sự nghiệp của danh nhân Dương Tự Minh?

Dương Tự Minh là người Tày, quê ở Quan Triều, phủ Phú Lương (nay là phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên). Cho đến ngày nay, chưa rõ năm sinh, năm mất của ông.

Là người đức độ, có tài thao lược, Dương Tự Minh được vua Lý phong làm Thủ lĩnh phủ Phú Lương và được Vua hai lần gả công chúa (lần thứ nhất, năm 1127, nhà Lý gả công chúa Diên Bình; lần thứ 2, năm 1144, gả công chúa Thiều Dung). Những năm cuối đời Dương Tự Minh về sống tại khu vực núi Đuối, xã Động Đạt, huyện Phú Lương. Sau khi mất, Dương Tự Minh được nhiều triều đại phong kiến Việt Nam phong là “Thượng đẳng thần”.

Đền Đuối thuộc xã Động Đạt, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên trở thành nơi thờ tự chính của ông. Từ xa xưa, ngày mồng 6 tháng Giêng hằng năm là ngày tổ chức lễ hội đền Đuối để tưởng nhớ Dương Tự Minh. Vào dịp ấy, nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và các địa phương trong cả nước nô nức về trải hội Đền Đuối.

Trong dân gian còn lưu truyền câu: “Thượng Đu, Đuối hạ đẳng Tam Giang” (trên từ Đu, Đuối dưới tới Tam Giang) hay “Thượng Đu, Đuối hạ Lục Đầu” (trên từ Đu, Đuối dưới tới Lục Đầu) là chỉ những vùng đất dọc theo Sông Cầu từ Bắc Kạn qua Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh - nơi nhân dân thờ phụng ông làm Thành hoàng. Ở tỉnh Cao Bằng cũng có nhiều ngôi đền thờ Dương Tự Minh.

Ở Thái Nguyên lưu truyền nhiều truyền thuyết dân gian ca ngợi trí thông minh, tài năng, công đức của Dương Tự Minh, như: sự tích Chiếc áo tàng hình, sự tích Bàn cờ tiên, sự tích Giếng Dội, sự tích Ao Chuông Lăn, sự tích Thánh Đuối trừ tà...

Ngày nay, tên ông được đặt cho một đường phố lớn (dài khoảng 4 km từ ngã ba Mỏ Bạch qua Quan Triều đến Tân Long) và một trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.

Câu 9: Những đóng góp của nhân dân Thái Nguyên trong phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV?

Sang thế kỷ XV, khi nhà Minh xâm lược nước ta, nhân dân Thái Nguyên lại tập hợp dưới cờ của các nghĩa quân đứng lên chống giặc. Các nghĩa quân hoạt động ráo riết dưới nhiều hình thức; bên cạnh những cuộc bạo động lẻ tẻ, đã xuất hiện một số cuộc khởi nghĩa lớn, phạm vi hoạt động rộng.

Mở đầu các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Thái Nguyên là cuộc khởi nghĩa của Trần Nguyên Khoáng, Nguyễn Đa Bí nổ ra năm 1408. Tiếp theo là hàng loạt cuộc nổi dậy của Chu Sư Nhan, Bùi Quý Thăng,

Nguyễn Khắc Chấn, Nguyễn Trà, Ông Lão... Tiêu biểu nhất là nghĩa quân Ông Lão, đã chiến đấu và xây dựng được căn cứ ở Đồng Hỷ. Tháng 6-1410, quân Ma Bá Hồ tấn công huyện Đồng Hỷ, nghĩa quân của Ông Lão bị thất bại. Tuy nhiên, từ năm 1410 đến tháng 3-1412, Ông Lão vẫn tiếp tục củng cố lực lượng và chiến đấu ở Lạng Giang, Cổ Lũng (Hữu Lũng - Lạng Sơn).

Phong trào chống giặc Minh xâm lược của nhân dân cả nước ngày càng bùng lên mạnh mẽ; điển hình là phong trào “Áo Đỏ” (hay còn gọi là nghĩa binh Hồng Y) hình thành từ năm 1410. Từ Thái Nguyên, phong trào lan rộng ra khắp vùng Việt Bắc, Tây Bắc, vào đến tận miền núi rừng Thanh - Nghệ. Đây là cuộc đấu tranh có quy mô rộng lớn, tiêu biểu cho tinh thần dũng cảm, bền bỉ của nhân dân các dân tộc miền núi, buộc giặc Minh phải rất khó khăn, vất vả trong nhiều năm mà vẫn không duy trì được bộ máy thống trị ở vùng miền núi nước ta.

Trong khi những cuộc khởi nghĩa của các quý tộc họ Trần, các phong trào yêu nước ở Thái Nguyên và một số tỉnh lân cận tạm lắng xuống thì ở miền Tây Thanh Hoá lại bùng lên cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do hào trưởng Lê Lợi lãnh đạo. Ngày 7-2-1418, tại Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hoá, Lê Lợi cùng toàn thể nghĩa quân dựng cờ khởi nghĩa. Ngọn cờ Lam Sơn thu hút nhiều hào kiệt quy tụ, trong đó có Lưu Nhân Chú (con trai Lưu Trung - một gia đình nhiều đời làm quan nhỏ ở vùng An Thuận - Đại Từ - Thái Nguyên, nay là xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái

Nguyên. Ông cùng với cha và em rể - Phạm Cuồng là những người có mặt rất sớm trong cuộc khởi nghĩa).

Lưu Nhân Chú giữ chức Phó chỉ huy vệ kỵ binh trong đội quân thiết đột. Suốt từ năm 1418 đến năm 1423, nghĩa quân hoạt động bền bỉ, chịu đựng gian khổ ở miền rừng núi Thanh Hoá và Hoà Bình. Năm 1424, Lưu Nhân Chú trực tiếp tham gia chỉ huy hai trận đánh ở Khả Lưu và Bồ Ái giành thắng lợi lớn, phá được vòng vây, diệt nhiều địch và thu nhiều vũ khí. Năm 1426, Lưu Nhân Chú cùng các tướng Bùi Bị, Lê Trương, Lê Ninh chỉ huy 2.000 nghĩa quân và một thót voi chiến chặn đường rút chạy của giặc Minh ở Tràng An, Thiên Trường, Kiến Xương để giải phóng vùng hạ lưu sông Nhị. Tháng 10-1427, ông lại cùng Lê Sát, Lê Ninh, Lê Thụ, Đinh Liệt đem một vạn quân cùng với voi lên mai phục ở ải Chi Lăng (Lạng Sơn), tiêu diệt toàn bộ toán quân kỵ binh do Liễu Thăng cầm đầu... Một số trận tiếp theo do ông chỉ huy cũng đều giành thắng lợi xuất sắc. Ngày 3-1-1428, đội binh cuối cùng của quân Minh đã rút khỏi nước ta, đất nước được hoàn toàn giải phóng.

Trong thắng lợi chung của phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV, nhân dân Thái Nguyên mà đại diện tiêu biểu là ba nhân vật lịch sử Lưu Trung, Lưu Nhân Chú và Phạm Cuồng đã đóng góp công lao rất to lớn. Cả ba người đều được xếp vào hàng công thần khai quốc và được ban Quốc tính. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), Lưu Nhân Chú được phong là Suy trung tán trị hiệp mưu dương võ công thần, Nhập nội kiểm hiệu tư không, Bình

chương quân quốc trọng sự; Lưu Trung giữ chức Đồng Tổng quản đạo Quy Hoá và Phạm Cuồng giữ chức Đồng Tổng quản trông coi các việc quân trấn Tuyên Quang, vệ Quy Hoá.

Câu 10: Thân thế và sự nghiệp của danh nhân Lưu Nhân Chú?

Lưu Nhân Chú (? - 1434), là một vị tướng tài trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Sách Lịch triều hiến chương loại chí ghi là Lưu Nhân Thụ (hoặc Trụ), tên hiệu là Ông Sỹ, là con trai trưởng danh tướng Lưu Trung, quê ở xã Thuận Thượng, nay là xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Cho đến ngày nay, chưa rõ năm sinh của ông.

Năm 1409, Lưu Nhân Chú cùng cha và em rể tìm về Lam Sơn tụ nghĩa cùng Lê Lợi chống lại giặc Minh. Là một trong 18 người tâm phúc của Lê Lợi, sau khi tham dự hội thề Lũng Nhai, Lưu Nhân Chú cùng cha và anh rể trở lại Đại Từ, Thái Nguyên tập hợp lực lượng chờ thời cơ khởi nghĩa.

Trong suốt 10 năm kháng chiến chống quân xâm lược (1418 - 1427), dưới sự chỉ huy của Bình Định vương Lê Lợi, cùng với các tướng khác, Lưu Nhân Chú có mặt ở hầu hết các mặt trận, tham gia chỉ huy nhiều trận đánh, chiến dịch quan trọng, trở thành vị tướng tài ba xuất chúng của nghĩa quân Lam Sơn, được Lê Lợi giao nhiều chức vụ quan trọng.

Mùa xuân năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), trong dịp ban phong chức tước cho các công thần khai quốc,

Lưu Nhân Chú được Lê Lợi ban Quốc tính (họ Vua - họ Lê) và phong nhiều chức tước, cao nhất là chức Tể tướng - đứng đầu hàng quan võ của triều đình.

Năm 1434, Lưu Nhân Chú bị hãm hại. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), ghi nhớ công trạng của một đại công thần khai quốc, vua Lê Thánh Tông truy phong cho ông chức Thái phó, tước Vinh Quốc công.

Tên tuổi, sự nghiệp của danh nhân lịch sử đất Thái Nguyên Lưu Nhân Chú được ghi chép cẩn trọng trong sách Lam Sơn thực lục của Nguyễn Trãi, Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên. Lê Quý Đôn, người viết bộ Đại Việt thông sử cũng trân trọng đưa ông vào phần Chư thần liệt truyện của bộ sách nổi tiếng này. Đặc biệt, nhà sử học Phan Huy Chú đã xếp Lưu Nhân Chú vào hàng “Tướng có tài và giỏi” trong phần Nhân vật chí của bộ sách quý Lịch triều hiến chương loại chí.

Lưu Nhân Chú - Danh nhân lịch sử dân tộc mãi mãi là niềm tự hào của đất Thái Nguyên.

Câu 11: Tóm tắt về tổ chức hành chính và xếp đặt quan lại ở Thái Nguyên trong thời Nguyễn (giai đoạn 1802 - 1884)?

Năm 1802, vương triều Nguyễn được thiết lập và cơ bản thống nhất đất nước từ Nam đến Bắc. Bộ máy hành chính địa phương đầu triều Nguyễn gần như giữ nguyên theo cách thức tổ chức cũ của các chúa Nguyễn (miền Nam) và của triều Lê - Trịnh (miền Bắc).

Thái Nguyên là 1 trong 11 trấn thuộc Bắc Thành. Trấn Thái Nguyên gồm 2 phủ là Phú Bình, Thông Hóa; 9 huyện

là Tư Nông, Bình Tuyên, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Phú Lương, Đại Từ, Văn Lãng, Võ Nhai, Cẩm Hóa; 2 châu là Định Hóa, Bạch Thông. Đứng đầu trấn có chức Trấn thủ và các chức Hiệp trấn, Tham hiệp, Cai bạ, đội ngũ Thư lại giúp việc. Về cơ bản tổ chức bộ máy chính quyền ở cấp trấn vẫn giữ nguyên như cũ.

Thời Minh Mệnh, tổ chức hệ thống hành chính các cấp cũng như xếp đặt quan chức ở Thái Nguyên có một số thay đổi đáng kể. Năm 1821, Minh Mệnh cho đổi châu Định Hóa thành Định Châu. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), đình thần hội bàn chia đặt các tỉnh thay cho các trấn ở Bắc Thành. Tỉnh Thái Nguyên thống trị 2 phủ là Thông Hoá, Phú Bình; 9 huyện là Cẩm Hoá, Tư Nông, Bình Tuyên, Phú Lương, Võ Nhai, Đại Từ, Phổ Yên, Văn Lãng, Đồng Hỷ; 2 châu là Bạch Thông và Định Châu. Tổng đốc Ninh - Thái (Bắc Ninh và Thái Nguyên) lĩnh công việc tuần phủ. Bộ chính Thái Nguyên quan hàm biên là: Thái Nguyên đẳng xứ địa phương Thừa tuyên Bố chính sứ ty Bố chính sứ, thự lý Tuần phủ ấn vụ. Hai ty Bố chính, Ấn sát, mỗi ty đặt 1 thông phán, 1 kinh lịch.

Năm 1837, Minh Mệnh cho đặt các chức Tri phủ ở 3 phủ Tông Hoá, Thông Hoá và Phú Bình. Đến thời điểm này, về cơ bản bộ máy tổ chức chính quyền ở Thái Nguyên đã được kiện toàn tương đối hoàn chỉnh từ tỉnh xuống đến phủ huyện, châu.

Năm 1868, nhà Nguyễn cho đặt chức Tri huyện huyện Võ Nhai. Đồng thời, Tự Đức cũng cho phiên chế lại đội ngũ nhân viên ở Phiên ty, Niết ty và các phủ huyện. Ở Ty

Phiên: 1 thông phán, 2 bát phẩm, 3 cửu phẩm, 15 vị nhập lưu; Ty Niết: 1 kinh lịch, bát, cửu phẩm đều 2 người, 10 vị nhập lưu, 1 tự thừa lễ sinh hiệu, 10 lễ sinh; Ty Lương y: 1 y sinh, 4 y thuộc. Ở phủ, huyện thuộc hạt: Phủ Thông Hoá (nơi nhiều việc): 1 lại mục, 5 thông lại; châu Bạch Thông (nơi nhiều việc): 1 lại mục, 4 thông lại; hai phủ Phú Bình, Tông Hoá (nhiều việc vừa): mỗi phủ 1 lại mục, 4 thông lại; 4 huyện Bình Xuyên, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Đại Từ (nơi ít việc): mỗi huyện 1 lại mục, 3 thông lại.

Nhìn chung, từ cuối thời Tự Đức cho đến khi thực dân Pháp đánh chiếm xong Bắc Kỳ, hệ thống hành chính và việc xếp đặt quan lại ở Thái Nguyên ít bị xáo trộn.

Câu 12: Khái quát quá trình thực dân Pháp chiếm Thái Nguyên và cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Thái Nguyên cuối thế kỷ XIX?

Tháng 9-1858, thực dân Pháp cho quân đánh chiếm bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Sau khi đánh chiếm xong các tỉnh Nam Kỳ, Trung Kỳ và đồng bằng Bắc Kỳ, tháng 3 và tháng 4-1884, quân Pháp 2 lần đánh chiếm nhưng đều phải rút khỏi thành Thái Nguyên. Ngày 10-5-1884, từ Bắc Ninh quân Pháp tổ chức một cánh quân lớn đánh chiếm Thái Nguyên lần thứ 3; rồi từng bước mở rộng phạm vi chiếm đóng ra toàn tỉnh. Trong những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XIX, giặc Pháp đã hoàn thành việc đánh chiếm tỉnh Thái Nguyên.

Không cam chịu sống cuộc đời nô lệ, nhân dân Thái Nguyên liên tục hưởng ứng các cuộc khởi nghĩa do

Phùng Bá Chỉ, Mã Sinh Long (tức Mã Mang), Hoàng Hoa Thám, Cai Bát lãnh đạo đứng lên đánh Pháp.

Những tháng đầu năm 1896, dưới sự chỉ huy của Đề Dinh, chỉ tính riêng trên địa bàn huyện Đại Từ, nhân dân đã ủng hộ, giúp đỡ, tham gia cùng nghĩa quân Yên Thế đánh 16 trận, tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên địch, khiến cho quân Pháp đóng ở đồn Lục Ba, Cát Nê hoang mang, nơm nớp lo sợ bị tấn công. Trên địa bàn Phổ Yên, Phú Bình cũng diễn ra nhiều trận đánh ác liệt giữa nghĩa quân Yên Thế và giặc Pháp.

Ở các huyện phía Bắc, ngày 10-1-1897, nghĩa quân Mã Mang phục kích một đoàn vận tải của địch từ thị xã Thái Nguyên ngược Sông Cầu lên Chợ Mới, đánh thiệt hại nặng đơn vị hộ tống, thu toàn bộ vũ khí và hàng hoá của Pháp. Trong những tháng đầu năm 1897, nghĩa quân Mã Mang đã phát triển lên tới trên 300 người, liên tiếp đánh địch ở Phú Lương, nam chợ Giang Tiên... trừng trị thích đáng tên sĩ quan Pháp Giám binh Thái Nguyên, tên Tri huyện Phú Lương và hàng chục lính địch.

Phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân Thái Nguyên đã tác động mạnh mẽ đến tinh thần yêu nước của binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp đóng ở Thái Nguyên. Cuối năm 1892, binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp đóng ở đồn Hùng Sơn (Đại Từ) dưới sự chỉ huy của Cai Bát đã nổi dậy làm binh biến, chiếm đồn, thu vũ khí của địch. Cuộc khởi nghĩa của binh lính đồn Hùng Sơn (Đại Từ) được nhân dân Thái Nguyên hưởng ứng rất nhanh. Từ một số ít binh lính nổi dậy cuối năm 1892, đến

tháng 3-1894, lực lượng đã phát triển lên tới 350 người. Dựa vào sườn núi Tam Đảo điệp trùng, hiểm trở thuộc địa giới các tỉnh Vĩnh Yên, Thái Nguyên, Tuyên Quang, nghĩa quân Cai Bát đã liên tiếp đánh Pháp từ năm 1892 đến năm 1896.

Cuộc chiến tranh du kích của các nhóm nghĩa quân Thái Nguyên kéo dài cho tới những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX (1899, 1900) mới tạm dừng, đã làm thiệt hại về quân số, cũng như mất đi sự ổn định của chính quyền thực dân Pháp.

Câu 13: Sự phân chia hành chính, bộ máy cai trị, chính sách cai trị của thực dân Pháp sau khi chiếm được Thái Nguyên?

Sau khi dập tắt các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta, thực dân Pháp ráo riết xây dựng bộ máy đàn áp, cai trị. Chúng chia tỉnh Thái Nguyên thành 7 huyện (Tư Nông, Phổ Yên, Đông Hỷ, Võ Nhai, Đại Từ, Văn Lãng, Phú Lương) và Châu Định Hoá với 51 tổng, 199 làng. Ngoài tỉnh lỵ Thái Nguyên và 7 huyện lỵ, 1 châu lỵ, thực dân Pháp còn đặt thêm ở Thái Nguyên 3 trung tâm hành chính là Chợ Chu (Định Hoá), Phương Độ (Phú Bình) và Hùng Sơn (Đại Từ).

Bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở Thái Nguyên được thiết lập theo tinh thần của Hiệp ước 1884. Theo đó, bộ máy cai trị ở Thái Nguyên gồm có một viên Công sứ người Pháp thuộc ngạch quan cai trị hạng ba làm chủ tỉnh; một viên Phó Công sứ thuộc ngạch quan cai trị hạng tư; hai tham tá; ba thanh tra lính khổ xanh. Trong đó, có

một đại diện Công sứ tại Hùng Sơn; tám trưởng trại lính khổ xanh; hai nhân viên thuế đòan và độc quyền; một nhân viên ngành công chính; một nhân viên bưu điện; một viên chức ngạch quan cai trị hạng năm đại diện Công sứ tại Chợ Chu; một Tham tá bậc nhất đại diện Công sứ tại Phương Độ. Giúp việc cho bộ máy hành chính cai trị của Pháp là quan lại người Việt từ tỉnh xuống các châu, huyện, gồm một án sát mang hàm Tuần phủ phụ trách chung toàn tỉnh; một thượng tá phụ tá cho án sát; hai Tri phủ (Phú Bình và Đại Từ); bốn Tri huyện (Phú Lương, Phổ Yên, Võ Nhai, Đồng Hỷ) và Tri châu (Định Hoá). Tại trung tâm hành chính Phương Độ (Phú Bình), có một quan lại mang hàm Tri phủ cùng với đại diện của công sứ Pháp phụ trách chung; một giáo thụ; một thông ngôn (phiên dịch); một lại mục; một nhân viên bưu điện Chợ Chu; một nhân viên bưu điện Chợ Mới. Ở các tổng, có các Chánh tổng, Phó tổng cai quản; ở các làng (thôn) có Lý trưởng, Phó Lý trưởng và Hội đồng kỳ hào, kỳ mục điều hành công việc. Hầu hết các viên quan nắm quyền cai trị từ cấp làng (thôn) trở lên ở Thái Nguyên đều thuộc giai cấp địa chủ, phong kiến, cấu kết và làm tay sai cho thực dân Pháp.

Song song với việc thiết lập và kiện toàn bộ máy cai trị thực dân, phong kiến ở cấp tỉnh, huyện, thông qua các cuộc “Cải lương hương chính” vào những năm 1921, 1927, 1941, thực dân Pháp đã dần dần thiết lập và tổ chức được bộ máy cai trị hành chính cấp xã ở Bắc Kỳ nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng. Chính sách “Cải

lương hương chính” được thực hiện làm 3 đợt với một số nét chính sau:

Thứ nhất, viên Công sứ người Pháp đứng đầu tỉnh Thái Nguyên nắm quyền giám sát và kiểm soát tối cao về nhân sự “bộ phận quyết nghị cấp xã”.

Thứ hai, chính quyền thực dân giám sát và kiểm soát mọi hoạt động nội bộ của xã, thông qua việc quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh thành viên trong Ban Quản trị xã.

Thứ ba, thông qua “Cải lương hương chính”, chính quyền quản lý chặt chẽ vai trò của lý trưởng hoặc xã trưởng trong cơ cấu tổ chức xã thôn. Dưới thời phong kiến, lớp người này chỉ có nhiệm vụ chấp hành những quy định của Hội đồng Kỳ mục, không có quyền bàn và quyết nghị việc làng; nhưng sau cuộc “Cải lương hương chính”, họ có quyền bàn và quyết nghị việc làng.

Thứ tư, chính quyền thực dân công khai đưa giai cấp địa chủ, phong kiến đã được “tân học hoá” lên cương vị thống trị độc tôn ở vùng nông thôn để dần thay thế cho tầng lớp nho sĩ, địa chủ trước kia, lấy đó là chỗ dựa cho chính quyền thực dân.

Bên cạnh bộ máy cai trị, do vị trí chiến lược đặc biệt của Thái Nguyên và để đối phó với các cuộc đấu tranh của nhân dân trong tỉnh, thực dân Pháp đã thiết lập bộ máy đàn áp với một lực lượng quân sự lớn được bố trí ở 37 đồn binh rải khắp tỉnh. Dưới ách thống trị tàn bạo của chính quyền thực dân, phong kiến, đời sống của các

tầng lớp nhân dân và các dân tộc tỉnh ta vô cùng cực khổ, điêu đứng.

Câu 14: Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Thái Nguyên trên lĩnh vực nông nghiệp?

Là một tỉnh có nhiều rừng núi, mặc dù nông nghiệp là hoạt động kinh tế chủ yếu từ lâu đời, nhưng nông nghiệp của dân cư Thái Nguyên không phát triển. Từ cuối những năm 20 và trong những năm 30 thế kỷ XX, thực dân Pháp thực hiện chính sách “Tiểu đồn điền” tại Thái Nguyên.

Năm 1925, để giải quyết vấn đề di dân và xúc tiến việc khai thác vùng trung du Bắc Kỳ, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương đã thực hiện chính sách cung cấp những khoảnh đất nhỏ (khoảng 15ha) vùng trung du cho những người di dân, được gọi là chính sách “Tiểu đồn điền”.

Đầu những năm 30 thế kỷ XX, chính quyền thực dân tại Thái Nguyên khuyến khích cấp đất cho những người dân không có hoặc thiếu ruộng ở các vùng đồng bằng Bắc Kỳ lên Thái Nguyên làm ăn, sinh sống. Kết quả là rất nhiều dân ở Thái Bình, Nam Định... đã lên xin cấp đất khẩn hoang; hình thành nên các làng khẩn hoang (vào những năm 1931 đến năm 1939 đã có 17 làng được hình thành).

Ngoài số “Tiểu đồn điền” nói trên, một số lượng diện tích canh tác đáng kể thuộc các đồn điền cỡ lớn được chính quyền cấp phát cho người Âu và người Việt giàu có. Các đồn điền cỡ lớn ở Thái Nguyên chủ yếu là trồng lúa, một số ít trồng chè, cà phê và chăn nuôi. Hình thức

khai thác chủ yếu là phát canh thu tô và tá canh, hay còn gọi là cấy rẽ. Bên cạnh đó, loại đồn điền cỡ lớn, tầng lớp địa chủ, phú nông ở Thái Nguyên chiếm một diện tích đất đai đáng kể. Cũng do vậy, việc thiếu đất canh tác của những người bần nông, cố nông là tình trạng phổ biến. Theo một thống kê của Yvơ Hăngri (Yve Henry), đầu những năm 30 thế kỷ XX, số chủ ruộng có từ dưới 1ha đến 5ha ở 7 đơn vị hành chính cấp huyện, châu của Thái Nguyên là 7.530 người, chiếm 75,5% tổng số chủ ruộng.

Các nông sản chủ yếu của Thái Nguyên gồm lúa, cà phê, chè, các loại đậu đỗ, cây hạt có dầu, khoai lang, sắn, ngô. Các đồn điền lớn của người châu Âu cũng chủ yếu là trồng lúa. Năm 1930, ngành trồng lúa ở Thái Nguyên cho sản lượng xấp xỉ 50.000 tấn.

Câu 15: Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Thái Nguyên trên lĩnh vực công nghiệp khai khoáng, giao thông, thương mại?

Trong thời kỳ thực dân, ở Thái Nguyên công nghiệp hầu như không được phát triển, nếu không nói tới ngành khai thác khoáng sản. Vì vậy, nói tới công nghiệp Thái Nguyên dưới thời Pháp thống trị tức là chỉ nói tới ngành công nghiệp khai khoáng, trong đó ngành khai thác than chiếm vị trí trọng yếu.

Việc khai thác than ở Thái Nguyên tập trung tại khu vực Phấn Mễ (huyện Phú Lương). Đầu năm 1906, Sở Địa chất Đông Dương tiến hành thăm dò và phát hiện ra than Phấn Mễ là loại than quý hiếm dùng cho công nghiệp luyện kim và đường sắt. Ngay sau đó, một số

quan chức người Pháp và người Việt đã đến đây chiếm đất để khai thác than. Chỉ trong vòng hai năm (từ 1908 đến 1910), 7 mỏ than đã được xây dựng tại Phấn Mễ, chiếm 12.914ha đất. Từ năm 1910, tư bản tài chính Pháp đã mua lại các mỏ này và lập ra Công ty Than Phấn Mễ hay Công ty Mỏ Bắc Kỳ. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tư bản Pháp tiến hành khai thác thuộc địa với quy mô và tốc độ lớn hơn. Có thể nói, giai đoạn 1919 - 1930 là giai đoạn phát triển cực thịnh của ngành khai thác than Thái Nguyên.

Trong những năm 30 thế kỷ XX, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, ngành than Đông Dương lâm vào tình trạng suy thoái và đình trệ. Do đó, hoạt động khai thác than ở Thái Nguyên cũng bị ảnh hưởng nhất định; sản lượng than giảm sút đáng kể. Từ năm 1940 đến sau Cách mạng Tháng Tám, quân Nhật vào Việt Nam, hoạt động của ngành than không được tiếp tục đầu tư mà chỉ tăng cường khai thác.

Ngày 26-8-1945, Nhật rút khỏi tỉnh Thái Nguyên, kết thúc 39 năm thống trị và vơ vét tài nguyên của tư bản ngoại bang (Pháp và Nhật) trên các khu mỏ. Trong 39 năm (1906 - 1945) thâm tóm ngành khai thác than Thái Nguyên, thực dân Pháp đã lấy đi hơn một triệu tấn than mỡ quý hiếm. Điều này, một lần nữa đã chứng tỏ chính sách vơ vét tài nguyên của tư bản Pháp ở Việt Nam nói chung và ở Thái Nguyên nói riêng trong gần một thế kỷ thống trị.

Về thương mại: Sự phát triển yếu ớt của công nghiệp và chậm chạp của ngành giao thông, cầu đường khiến hoạt động thương mại Thái Nguyên thời thuộc Pháp không có điều kiện phát triển. Thái Nguyên xuất cho các tỉnh vùng trung châu một số sản phẩm nông nghiệp gồm thóc, cà phê, chè, một số hoa quả và trâu bò; các sản phẩm lâm nghiệp gồm củ nâu, cây thuốc, gỗ, tre, các loại nấm; các sản phẩm của ngành công nghiệp khai khoáng gồm sắt, kẽm, than mỡ. Đồng thời, nhập từ các tỉnh khác các sản phẩm công nghiệp như vải vóc, xăng dầu, thực phẩm.

Tới đầu những năm 30 của thế kỷ XX, toàn tỉnh có 19 chợ tương đối lớn. Quan trọng và lớn nhất là chợ Thái Nguyên với 13 dãy quán hàng, 5 ngày họp một phiên, thu hút hàng nghìn người tới mua sắm; tiếp đến là chợ Chu (Định Hóa), chợ Hùng Sơn (Đại Từ), chợ Kha Sơn Hạ (Phú Bình).

Về giao thông: Trong thời thuộc Pháp, tình hình giao thông vận tải Thái Nguyên kém phát triển so với tình hình chung của cả xứ Bắc Kỳ, mặc dù có cả 3 hệ thống giao thông: đường bộ, đường sắt và đường sông.

Đường bộ: đường thuộc địa số 3 chạy dọc theo chiều dài của tỉnh từ cầu Đa Phúc tới Chợ Mới với độ dài 77km. Đây là con đường tốt nhất trên địa bàn Thái Nguyên và hầu hết được trải nhựa. Ngoài ra, Thái Nguyên có 11 con đường tỉnh lộ với tổng chiều dài 364km nối các địa phương trong tỉnh. Hầu hết các con đường này hoặc đang làm dở từng đoạn hoặc bị xuống cấp nghiêm trọng,

gây nhiều khó khăn cho giao thông bằng xe cơ giới. Hệ thống đường nhỏ nối làng này với làng khác ở Thái Nguyên thường là rất xấu, khó cho cả việc đi bộ.

Đường sắt: trong những năm 20 của thế kỷ XX, để vận chuyển than khai thác được từ các mỏ ở Phấn Mễ, Công ty Than và Mỏ kim loại Đông Dương đã cho xây dựng một con đường sắt dài 30km nối các hầm Phấn Mễ, Minh Lý, Làng Cấm và Thái Nguyên.

Đường sông: sông Cầu và sông Công là hai con sông lớn nhất trên địa bàn Thái Nguyên, được sử dụng trong việc vận chuyển hàng hoá và hành khách.

Câu 16: Chính sách cai trị của thực dân Pháp về văn hóa, giáo dục, y tế ở Thái Nguyên?

Ngoài nỗi khổ về vật chất, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên còn bị thực dân Pháp đẩy đọa về đời sống văn hóa, tinh thần và thể chất. Cụ thể:

Về văn hóa: Để đầu độc nhân dân về văn hoá, thực dân Pháp khuyến khích duy trì những phong tục, tập quán lạc hậu, lỗi thời, mê tín dị đoan, tuyên truyền phổ biến lối ăn chơi trụy lạc, trác táng. Chúng bắt nhân dân ta phải uống “rượu ty” của chúng đưa về; làng bản nào không tiêu thụ hết số rượu vẫn phải trả tiền và bị coi là phiến loạn. Chúng dùng thuốc phiện để đầu độc nhân dân ta và làm suy yếu giống nòi. Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, thuốc phiện được bán công khai, nhiều tiệm hút, tiệm rượu, sòng bạc mở ra để thu hút, lôi kéo thanh niên vào con đường nghiện ngập, ăn chơi sa đọa, mòn mỏi về thể xác và tinh thần, lãng quên con đường đấu tranh cách mạng.

Năm 1910, nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã phải tiêu thụ 43.626 lít rượu cồn, 710 kg thuốc phiện, mang lại nguồn lãi lớn cho bọn thực dân, phong kiến.

Về giáo dục: Trong thời kỳ thuộc Pháp, như mọi tỉnh khác trên toàn cõi Đông Dương, mục tiêu của ngành giáo dục Thái Nguyên là tạo ra một đội ngũ những người công nhân, công chức, viên chức cấp thấp trong bộ máy quản lý và sản xuất. Thậm chí, để dễ bề cai trị thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân”, kìm hãm nhân dân ta trong vòng ngu dốt, lạc hậu; một thời gian dài kể từ ngày đánh chiếm Thái Nguyên, thực dân Pháp đã không mở trường học. Những năm 30 thế kỷ XX, khi nền giáo dục Đông Dương được coi là phát triển tới đỉnh cao thì trong toàn tỉnh chỉ có 2 trường tiểu học kiêm bị dành cho nam học sinh tại tỉnh lỵ và Chợ Chu, 1 trường kiêm bị dành cho nữ học sinh ở tỉnh lỵ, 16 trường sơ học ở các địa phương. Năm 1932, Thái Nguyên chỉ có 1.435 học sinh đi học, chiếm chưa đầy 1% dân số toàn tỉnh.

Về y tế: Công tác y tế, chăm lo bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân không được chính quyền thực dân chú ý. Trong toàn tỉnh, chúng thành lập 1 Ban Y tế do viên Công sứ (chủ tỉnh) làm Chủ tịch và 6 ủy viên gồm: 1 thầy thuốc người Pháp, 1 nhân viên công chính người Pháp, 1 thầu khoán ngành vận tải người Pháp, 3 người Việt là án sát, Tri huyện Đồng Hỷ và Trưởng phố. Vào đầu những năm 30 thế kỷ XX, cả tỉnh chỉ có 2 bệnh viện (một bệnh viện ở thị xã Thái Nguyên có 60 giường bệnh và một ở Chợ Chu có 30 giường bệnh). Ngoài ra, có 4 trạm xá ở Đình Cả,

châu lỵ Võ Nhai, Quảng Nạp (Định Hoá) và Phú Bình; những trạm xá này chỉ có chức năng khám bệnh. Vậy là, với dân số 90.000 người vào lúc đó, cứ 1.000 người dân mới có một giường bệnh.

Trong khi ra sức tìm hãm giáo dục, không phát triển y tế và tăng cường đầu độc nhân dân ta bằng rượu cồn, thuốc phiện, thực dân Pháp lại ra sức đầu tư xây dựng nhà tù. Từ năm 1903, tại trung tâm thị xã Thái Nguyên, chúng xây dựng một nhà tù lớn do viên Công sứ (chủ tỉnh) trực tiếp phụ trách. Năm 1922, chúng xây dựng thêm nhà tù Chợ Chu (Định Hoá), Căng Bá Vân (Đồng Hỷ)... Kinh phí xây dựng và tu bổ nhà tù (chưa kể các khoản chi cho việc giam giữ và khủng bố tù nhân) gấp hơn 10 lần kinh phí chi cho giáo dục (năm 1931 chi cho giáo dục là 2.335 đồng, chi cho xây dựng và tu bổ nhà tù là 23.553 đồng).

Câu 17: Đặc điểm tình hình chính trị - xã hội tỉnh Thái Nguyên dưới thời thực dân Pháp thống trị?

Trong thời kỳ thuộc Pháp, xã hội Việt Nam nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng có những chuyển biến sâu sắc. Dưới tác động của việc du nhập phương thức sản xuất mới tư bản chủ nghĩa tồn tại song song với phương thức sản xuất phong kiến lỗi thời, lạc hậu cùng những biến đổi trong nền kinh tế - xã hội, một số tầng lớp xã hội mới cũng từng bước xuất hiện ở Thái Nguyên. Mỗi giai cấp, tầng lớp xã hội đều có thái độ của riêng mình đối với thời cuộc.

Giai cấp địa chủ: Địa chủ Thái Nguyên chủ yếu là địa chủ vừa và lớn, sở hữu từ 209ha đến 8.370ha đất đai. Địa chủ ở Thái Nguyên vẫn sử dụng phương thức bóc lột cũ “phát canh thu tô” để bóc lột nông dân. Mức tô tùy thuộc vào chất lượng ruộng đất và tính cách cá nhân của từng địa chủ. Phần lớn địa chủ Thái Nguyên, trước hết là những đại địa chủ thường quay lưng với phong trào cách mạng; còn một số ít địa chủ giữ được lòng yêu nước, tích cực ủng hộ cách mạng.

Giai cấp nông dân: Nông dân là lực lượng chiếm tuyệt đại đa số cư dân Thái Nguyên, nhưng không thuần nhất. Họ phân hoá thành bốn tầng lớp khác nhau: phú nông, trung nông, bần nông và cố nông. Dưới ách thống trị của thực dân và phong kiến, nông dân Thái Nguyên bị dồn vào bước đường cùng. Đó chính là nguyên nhân khiến nông dân tích cực tham gia vào các phong trào yêu nước.

Giai cấp công nhân: Đội ngũ công nhân Thái Nguyên được hình thành cùng với quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Thái Nguyên. Ở mỏ than Phấn Mễ, năm 1924 số công nhân lên tới 2.000 người. Phần lớn trong đó là những người làm thuê công nhật, chưa tạo thành một đội ngũ công nhân thật sự ổn định, theo nghĩa hiện đại. Mặc dù vậy, người công nhân làm thuê công nhật Thái Nguyên ít nhiều vẫn mang tính chất của một giai cấp mới tiến bộ, là một bộ phận của giai cấp công nhân Việt Nam. Bên cạnh công nhân công nghiệp, còn có đội ngũ công nhân nông nghiệp (tá điền) làm thuê trong các đồn điền ở Thái Nguyên. Đời sống của công nhân hết

sức khổ cực. Họ phải lao động từ 10 giờ đến 12 giờ mỗi ngày, không có chế độ, dụng cụ bảo hộ lao động và nhận đồng lương rẻ mạt. Vì vậy, công nhân Thái Nguyên đã sớm đứng lên đấu tranh để đòi các quyền lợi kinh tế, cuộc sống của bản thân.

Giai cấp tư sản: Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), đội ngũ tư sản Thái Nguyên bắt đầu được hình thành. Tư sản Thái Nguyên chủ yếu xuất thân từ nghề thầu khoán, đại lý cho Pháp... và tập trung ở trung tâm, kinh doanh trong lĩnh vực thương nghiệp. Họ thường mua các hàng hoá của tư bản nước ngoài bán lại cho nhân dân kiếm lời. Một số kinh doanh trong lĩnh vực thầu khoán, vận tải và có cả những tư sản kiêm địa chủ.

Tầng lớp tiểu tư sản: Từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, theo đà đô thị hoá ở Thái Nguyên, đội ngũ tiểu tư sản cũng phát triển nhanh chóng. Họ bao gồm các tầng lớp thị dân, thợ thủ công, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, trí thức, sống tập trung ở tỉnh lỵ, huyện lỵ. Về thái độ chính trị, trừ một số có quan hệ mật thiết với chính quyền thực dân, phần lớn đội ngũ tiểu tư sản Thái Nguyên có lòng yêu nước, căm thù bọn đế quốc và tay sai, giàu tinh thần đấu tranh cách mạng.

Câu 18: Phong trào đấu tranh của nhân dân Thái Nguyên chống áp bức của thực dân phong kiến những năm đầu thế kỷ XX?

Bị áp bức bóc lột thậm tệ, nên ngay từ những năm đầu của thế kỷ XX, nhân dân Thái Nguyên đã nổi dậy đấu tranh.

Ngày 1-4-1912, nhân dân Định Hoá phối hợp với nghĩa quân Hoàng Hoa Thám tiến đánh quân Pháp ở Quảng Nạp. Ngày 13-9-1912, phục kích tấn công địch bất ngờ trên đường Quảng Nạp - Chợ Chu. Tháng 11-1913, trên 300 công nhân mỏ Hích đấu tranh chống cúp lương, chống đánh đập và sa thải thợ. Tiếp đó là cuộc đấu tranh chống phạt vạ vô lý của công nhân than Phấn Mễ. Trong các cuộc đấu tranh này, nhiều tên tay sai đắc lực của bọn chủ mỏ đã bị công nhân trừng trị đích đáng. Tháng 8-1916, một đoàn tù nhân bị áp giải từ Thái Nguyên lên Chợ Chu đến Phố Ngừ thì được nhân dân ủng hộ nổi dậy giết chết tên lãnh binh, thu vũ khí của lính và chạy thoát vào rừng. Cùng với việc tiếp tục các cuộc tấn công vũ trang nhỏ lẻ, nhân dân Thái Nguyên còn đấu tranh dưới những hình thức khác. Người dân các địa phương đã tổ chức nhiều cuộc đấu tranh chống việc bắt phu, nộp thuế...

Đỉnh cao phong trào đấu tranh của nhân dân Thái Nguyên vào những năm đầu thế kỷ XX là cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên, do Đội Cận đứng đầu, nổ ra tháng 8-1917. Tại Thái Nguyên, Đội Cận được tiếp xúc với Lương Ngọc Quyến, được tuyên truyền giác ngộ và cùng nhau tổ chức khởi nghĩa. Khởi nghĩa Thái Nguyên bắt đầu từ đêm 30-8-1917 tại trại lính khổ xanh ở tỉnh lỵ Thái Nguyên.

Mặc dù thất bại, khởi nghĩa Thái Nguyên đã góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống lại ách áp bức, bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp ở nước ta. Khởi nghĩa Thái Nguyên một lần nữa thể hiện tinh thần yêu nước, bất

khuất của nhân dân Thái Nguyên; đồng thời là một đòn nặng đánh vào âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt” của thực dân Pháp và là cuộc vùng dậy mãnh liệt của những người nông dân mặc áo lính, lấy súng giặc, giết giặc, tạo ra một truyền thống cho những binh sĩ yêu nước Việt Nam. Đây là “cuộc khởi nghĩa lớn nhất, chiến đấu dẻo dai nhất trong thời kỳ đại chiến lần thứ nhất ở nước ta”. Cuộc chiến đấu của các nghĩa quân Thái Nguyên chống lại kẻ địch mạnh hơn nhiều lần, mà vẫn kéo dài được 6 tháng, chính là nhờ sự che chở, giúp đỡ của nhân dân.

Sau cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, lo sợ trước sự bùng nổ bất cứ lúc nào của phong trào yêu nước, chính quyền thực dân đã tăng cường bộ máy đàn áp, bắt bớ. Tuy nhiên, sức mạnh của quân thù không khuất phục được tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Cuộc đấu tranh của nhân dân Thái Nguyên vẫn tiếp tục. Tháng 8-1922, 93 tù nhân bị giam giữ tại nhà tù Chợ Chu, được sự trợ giúp của một số lính đã nổi dậy phá trại bỏ trốn. Cũng trong thời gian này, đội ngũ công nhân non trẻ của Thái Nguyên chuyển mình. Năm 1923, trước việc chủ mỏ tự động hạ lương, 3.000 công nhân mỏ Làng Hích đã tổ chức bãi công làm cho bọn chủ lúng túng, hoảng sợ.

Câu 19: Tóm tắt cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917?

Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 do Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo, chống lại chính quyền Bảo hộ của Pháp để giành độc lập cho người Việt.

Đêm 30, rạng sáng 31-8-1917, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ. Theo đúng kế hoạch, đêm 30-8, nghĩa quân hạ thủ tên giám binh Nôen và Phó quản Lạp. Ngay sau đó, Đội Cấn ra lệnh tập hợp toàn bộ binh lính khổ xanh, tuyên bố khởi nghĩa.

Sau khi nghe ban bố mệnh lệnh, nghĩa quân chia thành các mũi đi làm nhiệm vụ. Mũi tấn công nhà lao do Đội nhất Dương Văn Giá (Đội Giá) chỉ huy, phá cửa ngục, giết Giám ngục Lôê, giải phóng tù nhân, đưa Lương Ngọc Quyến về trại Khố xanh. Một tốp 5 binh sĩ do Cai Mánh chỉ huy tấn công phá hủy máy móc của nhà Dây thép (nơi điều khiển thông tin liên lạc). Ngay trong đêm 30-8, tại trại Khố xanh, binh sĩ và các chính trị phạm mới được giải phóng (khoảng trên 350 người) được phát quần trang, vũ khí.

Rạng sáng 31-8-1917, nghĩa quân tiếp tục đánh chiếm Sở Lục lộ, Sở Điền bạ, Tòa án, Nhà Đoan, kho vũ khí. Chiều 31-8, Đội Năm chỉ huy 50 nghĩa binh đánh chiếm kho bạc. Nghĩa quân đã hoàn toàn làm chủ tỉnh lỵ (trừ trại lính Tây), thu 92 súng mứt cơ tông, 75 súng trường, 197 súng các bin, 1 súng lục, 16 thanh kiếm, 92.175 viên đạn các loại và 72.501 đồng tiền Đông Dương. Những vũ khí và tiền bạc nghĩa quân thu được có ý nghĩa to lớn trong việc phòng thủ và chống trả quân địch trong thời gian sau.

Như vậy, chỉ trong một ngày đêm, binh sĩ Thái Nguyên dưới sự lãnh đạo của Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến đã đồng tâm nổi dậy làm chủ được tỉnh lỵ. Ngay

sáng 31-8, nghĩa quân Thái Nguyên đã tuyên bố thành lập Quang phục quân do Trịnh Văn Cấn làm Đại Đô đốc, Lương Ngọc Quyến làm Quân sư và phong hàm sĩ quan cho một số người. Đồng thời, đặt Quốc hiệu là Đại Hùng, định Quốc kỳ nền vàng 5 ngôi sao đỏ, định Quân kỳ là cờ 5 sao với hàng chữ “Nam binh phục quốc”. Ngày 31-8, Quang phục quân Đại Đô đốc Trịnh Văn Cấn ra lời kêu gọi và được đông đảo nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên tham gia hưởng ứng cuộc khởi nghĩa. Lực lượng nghĩa quân được chia làm 8 đội, xây dựng 8 phòng tuyến chuẩn bị chống địch phản kích. Lương Ngọc Quyến làm chỉ huy trưởng 5 phòng tuyến ở ngoại vi tỉnh lỵ, Đội Cấn làm chỉ huy trưởng 3 phòng tuyến trong tỉnh lỵ, lo giữ thành trì và là lực lượng cơ động chi viện cho các phòng tuyến ở ngoại vi. Nghĩa quân ào ạt xông vào các trục đường đi vào thị xã, chuẩn bị đánh giặc, cổ thủ tỉnh lỵ Thái Nguyên lâu dài.

Tin Thái Nguyên khởi nghĩa như sấm sét đánh vào chế độ cai trị của thực dân Pháp. Ngay trong đêm 30-8-1917, Thống sứ Bắc Kỳ yêu cầu Tư lệnh tối cao quân đội Pháp ở Đông Dương cứu viện, đồng thời tập trung lực lượng quân sự hiện có ở các tỉnh xung quanh Thái Nguyên nhằm dập tắt cuộc khởi nghĩa. Bộ binh, pháo binh, cơ giới của quân đội Pháp và lính thuộc địa từ Hà Nội, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Yên Bái gồm hàng ngàn tên, đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của tướng Misa - Tổng Tư lệnh quân Pháp ở Đông Dương và Logalen - Thống sứ Bắc Kỳ, đêm 31-8 và ngày 1-9-1917 đã tập kết tại Gia Sàng. Lực lượng

chốt chặn tại đây do Cai Mánh chỉ huy chiến đấu cảm tử, chặn đứng các đợt phản kích của địch. Đêm 3-9-1917, nghĩa quân tập kích mãnh liệt vào trung tâm chỉ huy địch đặt tại đồn điền Gia Sàng, giết chết Giám binh Macrtini và nhiều lính địch. Toàn bộ nghĩa binh trên phòng tuyến Gia Sàng đã anh dũng chiến đấu, hy sinh đến người cuối cùng trên trận địa. Sáng 4-9-1917, địch tổng công kích vào tỉnh lỵ, Lương Ngọc Quyến trúng đạn hy sinh. Đến trưa 5-9-1917, mặt trận bị vỡ, quân Pháp hoàn toàn chiếm được tỉnh lỵ Thái Nguyên. Nghĩa quân buộc phải vừa rút lui, vừa chiến đấu trên địa bàn các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Sơn Tây, Bắc Giang và cuối cùng lại quay về Thái Nguyên. Trận chiến đấu quyết liệt tại núi Pháo (Đại Từ) ngày 10-1-1918 đã kết thúc bi hùng cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo kéo dài trong 4 tháng 11 ngày.

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên tuy cuối cùng thất bại, nhưng ảnh hưởng của nó vẫn còn vang vọng mãi, cổ vũ nhân dân các dân tộc Thái Nguyên tiếp tục vững bước trên con đường đấu tranh chống xâm lược, hun đúc truyền thống bất khuất, kiên cường của dân tộc. Truyền thống ấy đã được phát huy và nhân lên gấp bội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

Câu 20: Thân thế, sự nghiệp, vai trò của Đội Cấn (tức Trịnh Văn Cấn) trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917?

Đội Cấn (1881 - 1918), là một trong 2 người đứng đầu Bộ Chỉ huy khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Tên khai

sinh của ông là Trịnh Văn Đạt, quê làng Yên Nhiên, tên tục gọi là làng Nhàn, tổng Thượng Nhung, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên, nay là xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Khi còn nhỏ, Trịnh Văn Đạt học chữ Nho vài năm ở làng, chứng kiến cảnh đàn áp, cướp bóc của bọn thực dân, phong kiến, cảnh bần cùng của nông dân trong vùng, Trịnh Văn Đạt nhen nhúm ý định tìm đường giết giặc cứu nước.

Ông phải làm lính khố xanh từ thời còn rất trẻ, thay cho anh trai với cái tên Trịnh Văn Cấn; sau thăng dần lên chức Đội nhất lính khố xanh trong quân đội Pháp đóng ở Thái Nguyên, vì thế ông được gọi là Đội Cấn. Năm 1910, Trịnh Văn Cấn bị điều lên đóng quân ở đồn Chợ Chu, thuộc châu Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây, đã mấy lần Đội Cấn dự định chiếm đồn rồi kéo về đánh chiếm tỉnh lỵ Thái Nguyên, nhưng không thực hiện được.

Chuyển về đóng ở Trại lính Khố xanh Thái Nguyên, Đội Cấn tập hợp xung quanh mình những cai, đội có lòng yêu nước, căm thù giặc Pháp và một số binh lính Khố xanh trong trại để mưu đồ khởi nghĩa. Đặc biệt, được tiếp xúc với những nhân vật nổi tiếng của Việt Nam Quang Phục hội là Lương Ngọc Quyến, Hai Hoà nên Đội Cấn và những người gần gũi với ông vô cùng cảm phục. Đội Cấn đã được Lương Ngọc Quyến giác ngộ, kết nạp vào Việt Nam Quang Phục hội. Năm 1917, Đội Cấn và các đồng chí của ông ráo riết tập hợp lực lượng, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa. Trưa Chủ nhật, ngày 28-8-1917, Đội Cấn

nhóm họp Bộ Chỉ huy khởi nghĩa và quyết định khởi nghĩa vào 23 giờ, ngày 30-8-1917.

Đêm 30, rạng sáng 31-8-1917, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ. Trong một ngày đêm, binh sĩ Thái Nguyên dưới sự lãnh đạo của Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến đã đồng tâm nổi dậy làm chủ được tỉnh lỵ. Ông cùng Lương Ngọc Quyến tuyên bố thành lập Quang Phục quân (quân đội), đặt Quốc hiệu là Đại Hùng, giương cao ngọn cờ “Nam binh phục quốc”, kêu gọi các tầng lớp nhân dân đồng lòng đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập. Được đông đảo nhân dân, công nhân các hầm mỏ, tù nhân trong nhà tù Thái Nguyên hưởng ứng, quân khởi nghĩa đã chiến đấu kiên cường làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên trong 5 ngày. Sau khi phải rút khỏi tỉnh lỵ, quân khởi nghĩa tiếp tục vừa hành quân vừa chiến đấu đánh trả những đợt truy lùng khốc liệt của kẻ thù. Sau trận quyết chiến với quân Pháp tại khu vực Núi Pháo (Đại Từ), thế cùng lực kiệt, quyết không để rơi vào tay giặc, ngày 5-1-1918, Đội Cấn đã tự sát, để lại tiếng thơm muôn thuở trong lòng nhân dân và trên các trang sử sách của dân tộc Việt Nam ta.

Câu 21: Thân thế, sự nghiệp, vai trò của Lương Ngọc Quyến trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917?

Lương Ngọc Quyến (1885 - 1917), là một trong 2 người đứng đầu Bộ Chỉ huy khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Tên chữ là Lương Lập Nham, thường gọi là Ba Quyến, quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây

(nay thuộc Hà Nội); là con trai Chí sĩ Lương Văn Can - một trong những lãnh tụ của phong trào Đông Kinh nghĩa thực.

Sớm tiếp thu truyền thống yêu nước của ông cha, Lương Ngọc Quyến luôn là người có chí khí, quyết tâm giúp dân, giúp nước. Ông được Phan Bội Châu gửi học ở Trường Chấn Vũ, tốt nghiệp loại ưu vào cuối năm 1908. Thời gian này ông tham gia vào Cống hiến hội. Sau đó ông bị trục xuất, phải bỏ sang Trung Quốc theo học các trường quân sự, rồi nhận chức thiếu tá trong quân đội Trung Hoa. Tháng 3-1912, ông được bầu làm Ủy viên quân sự Bộ Chấp hành Việt Nam Quang Phục hội.

Năm 1914, Lương Ngọc Quyến về nước gây cơ sở cách mạng tại Nam Kỳ, rồi sang Thái Lan, Hồng Kông. Lương Ngọc Quyến bị mật thám Anh bắt trao cho thực dân Pháp, đưa về Việt Nam giam tại các nhà lao ở Hà Nội, Phú Thọ, Thái Nguyên. Tại đây, ông đã cùng Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên.

Đêm 30, rạng 31-8-1917, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ. Sau khi giết một số sĩ quan Pháp và tay sai, nghĩa quân phá nhà tù, giải thoát tù nhân, đưa Lương Ngọc Quyến ra, tham gia Hội đồng Quân sự, lãnh đạo khởi nghĩa với tư cách Quân sự. Mặc dù chân bị liệt do giặc Pháp tra tấn dã man, ông vẫn cùng Đội Cấn bàn soạn chiến lược, định đoạt binh cơ.

Theo đề nghị của Lương Ngọc Quyến, nghĩa quân lấy cờ 5 sao của Việt Nam Quang Phục hội làm hiệu cờ cách mạng, Quân kỳ là cờ 5 sao với hàng chữ "Nam binh phục

quốc", đặt Quốc hiệu là Đại Hùng. Ông còn sửa chữa, trau chuốt Bản Tuyên ngôn thứ nhất hiểu dụ cho dân chúng rõ về mục đích của cuộc khởi nghĩa; soạn thảo Bản Tuyên ngôn thứ hai, hiệu triệu đồng bào cả nước hãy thừa cơ quân Pháp đang nguy khốn ở châu Âu mà vùng dậy đánh đổ chế độ đô hộ, lấy lại tự do cho Tổ quốc.

Trong trận đánh không cân sức ngày 4-9-1917, Lương Ngọc Quyến đã anh dũng hy sinh tại chiến địa Trại lính khổ xanh do bị một mảnh đại bác bắn vào đầu. Ông được nghĩa quân đưa lên an táng tại xã Tức Tranh, huyện Phú Lương. Năm 2001, di cốt của Lương Ngọc Quyến được hậu duệ họ Lương chuyển về nghĩa trang gia đình ở làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Ca ngợi tấm gương xả thân vì nước của vị quân sư cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, Phan Bội Châu - lãnh tụ Việt Nam Quang Phục hội viết: "Thân không đầy bảy thước mà hùng mạnh bằng muôn người, tuổi không quá tứ tuần mà tinh thần suốt muôn thuở, người như thế lại không khó lắm ru! Lương Lập Nham gần như thế đấy!".

Câu 22: Thời phong kiến (nhà Lê, nhà Mạc, Lê Trung Hưng), đất Thái Nguyên có 9 vị đỗ đại khoa Tiến sĩ. Đó là những ai?

Trình Hiến (? - ?), là một người học hành đỗ đạt (đỗ Minh kinh bác học năm 1429), là một quan văn, một nhà ngoại giao. Ông từng được triều đình cử làm Phó sứ trong đoàn sứ thần Đại Việt sang tiến cống nhà Minh khi đang giữ chức Thiêm tri viện sự - chức vụ đứng vị trí thứ

2 của Nội mật viện, cơ quan chuyên giữ việc sổ sách, văn chỉ của nhà vua. Ngoài ra, Trình Hiến còn là một người có tài văn chương. Trong sách Toàn Việt thi lục, ông còn lưu lại được 2 tác phẩm: bài thơ “Dạ bạc Hoa Lư hữu cảm” và bài văn “Ngự cư tự thuật hoài”. Cho đến ngày nay, chưa rõ năm sinh, năm mất của ông.

Nguyễn Cấu (1442 - 1522), tức Nguyễn Đình Cấu, quê ở làng Thanh Thù, tổng Tiểu Lễ (có sách chép là Khuông Lễ), huyện Thiên Phúc, phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc, nay là thôn Thanh Thù, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Ông đỗ Đệ tam giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Quý Mùi (1463) niên hiệu Quang Thuận năm thứ 4 đời Lê Thánh Tông, làm quan tới chức Thị vệ (Thị vệ xứ).

Đỗ Cận (1434 - ?), tên khai sinh là Đỗ Viễn, tự là Hữu Khác, hiệu là Phổ Sơn, sinh năm Giáp Dần niên hiệu Thiệu Bình năm thứ nhất (1434) đời vua Lê Thái Tông, quê ở xã Thống Thượng (có sách chép là Sung Thượng), huyện Phổ Yên, nay là thôn Thống Thượng, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, đỗ Đệ tam giáp Tiến sĩ xuất thân năm 1478. Ngưỡng mộ và biết ơn Tiến sĩ Đỗ Cận, sau khi ông mất dân làng Thống Thượng đã dựng ngôi đền ngay vùng chân núi Phổ Sơn để phụng thờ ông. Từ xa xưa, Đỗ Cận cũng đã được thờ ở đền Lục Giáp thuộc xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Phạm Nhĩ (1450 - ?), sinh năm Canh Ngọ 1450, tức năm Thái Hoà thứ 8, dưới triều vua Lê Nhân Tông. Ông quê ở Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ, nay là phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đỗ Đệ

nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) năm 1493. Chức vụ lớn nhất mà nhà Lê giao phó cho Phạm Nhĩ là Phủ doãn phủ Phụng Thiên - Chức quan đứng đầu kinh thành Thăng Long về mặt hành chính.

Đàm Sâm (? - ?), Đàm Sâm quê ở làng Sa Kệ, huyện Văn Lãng, xứ Thái Nguyên (nay thuộc xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ), đỗ Đệ tam giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Tân Mùi, niên hiệu Hồng Thuận năm thứ 3 (1511) đời vua Lê Tương Dực, làm quan tới chức Thượng thư, chức quan đứng đầu một trong sáu bộ của triều đình phong kiến, nhưng chưa xác định được là bộ nào.

Trịnh Bá (? - ?), người vùng Cam Giá thuộc huyện Phú Lương, Thái Nguyên nay là phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Tháng 3 năm Giáp Tuất - Hồng Thuận thứ 6 đời vua Lê Tương Dực (1514), Trịnh Bá tham dự kỳ thi Hội và đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) tại khoa thi này. Trịnh Bá được nhà Lê ban phong chức Binh bộ Hữu thị lang, là chức đứng thứ 3 của Bộ Binh, chỉ đứng sau chức Binh bộ Thượng thư và Binh bộ Tả thị lang, tương đương chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng ngày nay.

Đàm Chí (? - ?), người làng Sa Kệ, tổng Túc Duyên, huyện Động Hỷ, xứ Thái Nguyên (nay thuộc xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên). Khoa Tân Mùi, niên hiệu Đại Chính năm thứ 6 (1535), đời Mạc Đăng Doanh, ông thi đậu Đệ tam giáp Tiến sĩ xuất thân. Sau khi đỗ Tiến sĩ, ông được bổ làm quan Tri huyện, trong đó có lần ông được cử lên huyện Phú Lương (nay thuộc địa bàn huyện

Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn), rồi được thăng chức và làm tới chức Thừa chính sứ, tước Văn Trai bá (Bá tước), một trong những tước hiệu cao thời bấy giờ (công, khanh, bá, tử, nam).

Dương Ưc (? - ?), quê ở xã Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ, nay thuộc xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa thi năm Tân Sửu 1541. Sinh thời, ông làm quan với nhà Mạc. Chức vụ lớn nhất mà Dương Ưc được thụ phong là Thừa chính sứ. Chức vụ này, ở thời Lê - Mạc, là chức Trưởng quan đứng đầu một xứ.

Đông Doãn Giai (1701 - ?), sinh năm 1701 tại xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, nay là thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Đông Doãn Giai được làm Giám sinh, học ở Quốc Tử Giám tại kinh thành Thăng Long. Ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) năm 1736. Vị Hoàng giáp - Hàn lâm hiệu thảo - Đốc đồng - Đông Doãn Giai được nhân dân lập nghề thờ dưới gốc đa cổ thụ ở xóm Bàn Cờ, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên quê ông.

Câu 23: Kể tên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên?

Đại học Thái Nguyên được thành lập theo Nghị định số 31/CP, ngày 4-4-1994 của Chính phủ trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại một số trường đại học và trường dạy nghề trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đóng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Đại học Thái Nguyên là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

lớn thuộc hệ thống giáo dục đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đại học Thái Nguyên có nhiệm vụ đào tạo cán bộ các ngành khoa học và công nghệ với các trình độ đại học, sau đại học và các cấp học thấp hơn thuộc các lĩnh vực khoa học, công nghiệp, nông lâm nghiệp, kinh tế, giáo dục, y tế... Ngoài ra, còn tổ chức nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ gắn với giảng dạy, đào tạo và phục vụ sản xuất, đời sống. Hiện nay, Đại học Thái Nguyên gồm có 8 trường đại học, cao đẳng thành viên, gồm:

- Trường Đại học Sư phạm
- Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp
- Trường Đại học Nông Lâm
- Trường Đại học Y Dược
- Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
- Trường Đại học Khoa học
- Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền

thông

- Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên còn có một số trường đại học, cao đẳng sau:

- Trường Đại học Việt Bắc
- Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải (Phân hiệu Thái Nguyên)
- Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên
- Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt - Đức
- Trường Cao đẳng Cơ khí - Luyện kim

- Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Thái Nguyên
- Trường Cao đẳng Cơ điện - Luyện kim
- Trường Cao đẳng nghề Việt Bắc
- Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên
- Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch
- Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế công nghiệp
- Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Việt Bắc
- Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên...

Câu 24: Tỉnh Thái Nguyên có bao nhiêu di tích lịch sử (bao gồm: lịch sử; lịch sử - văn hóa; lịch sử - kiến trúc nghệ thuật; lịch sử - danh lam thắng cảnh) được xếp hạng cấp quốc gia? Kể tên các di tích đó?

Tính đến hết năm 2016, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên 1 di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt với 13 điểm di tích thành phần và 30 di tích lịch sử cấp quốc gia.

- Di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt: Khu di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Trung ương, gồm 13 di tích thành phần: Nhà tù Chợ Chu (thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa); Địa điểm thành lập Việt Nam Giải phóng quân (xã Định Biên, huyện Định Hóa); Địa điểm Bác ở và làm việc tại đồi Khau Tý năm 1947 (xã Diềm Mặc, huyện Định Hóa); Địa điểm Bác ở và làm việc tại đồi Tỉn Keo (1948 - 1954), xã Phú Đình, huyện Định Hóa; Cụm di tích Bác ở Khuôn Tát: Cây đa, Đoạn suối Khuôn Tát - nơi Bác tắm, giặt và câu cá, Nhà sàn và hầm Bác ở đồi Nà Đình (xã Phú Đình, huyện Định Hóa); Địa điểm Tổng Bí thư Trường Chinh và Văn phòng Trung ương Đảng làm việc tại Phụng

Hiển (1947 - 1949), xã Diềm Mặc, huyện Định Hóa; Địa điểm Cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam (1949 - 1954) tại xã Bảo Linh, huyện Định Hóa; Thắng cảnh thác Khuôn Tát (xã Phú Đình, huyện Định Hóa); Địa điểm thành lập Hội Nhà báo Việt Nam (xã Diềm Mặc, huyện Định Hóa); Địa điểm thành lập Ủy ban Hòa bình Việt Nam (xã Diềm Mặc, huyện Định Hóa); Địa điểm thành lập Ủy ban Kiểm tra Trung ương (xã Diềm Mặc, huyện Định Hóa); Địa điểm Báo Quân đội nhân dân ra số đầu (20-10-1950) xã Định Biên, huyện Định Hóa; Địa điểm đồi Pụ Đồn, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì lễ phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp (1948) (xã Phú Đình, huyện Định Hóa).

- Di tích lịch sử cấp quốc gia:

1. Địa điểm tổ chức Đại hội lần thứ nhất của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên cứu quốc và Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (năm 1950), xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ.

2. Địa điểm, trụ sở làm việc của Văn phòng Trung ương Đảng (1947 - 1948), xã Bình Thành, huyện Định Hóa.

3. Địa điểm nơi thành lập Tổng cục cung cấp (tiền thân của Tổng cục Hậu cần, Quân đội nhân dân Việt Nam) ngày 11-7-1950, xã Thanh Định, huyện Định Hóa.

4. Nơi ở và làm việc của Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam (1949 - 1954), xã Bảo Linh, huyện Định Hóa.

5. Đền Mục và chùa Hương Ấp, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên.

6. Nơi thành lập Đại đoàn 308 (Đại đoàn quân Tiên Phong), thị trấn Du, huyện Phú Lương.

7. Địa điểm nơi đóng quân của cơ quan Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam tại đồi Thẩm Tăng (1950 - 1954), xã Định Biên, huyện Định Hóa.

8. Đền thờ Đỗ Cận, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên.

9. Địa điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm nhân dân xã Hùng Sơn (năm 1954 và năm 1958), xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ.

10. Địa điểm trường Nguyễn Ái Quốc (1949), xã Bình Thành, huyện Định Hóa.

11. Các địa điểm liên quan đến hoạt động của Việt Nam Giải phóng quân ngày 19 đến 20-8-1945 (Chùa Đán, Đình Hàng Phố và Khu Chủ sự nhà đền cũ), phường Thịnh Đán, Phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

12. Địa điểm các Thanh niên xung phong Đại đội 915 hy sinh tại khu vực ga Lưu Xá (tháng 12-1972), phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên.

13. Địa điểm nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1954), đồi Thành Trúc, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ.

14. Đình Đông, xã Tân Đức, huyện Phú Bình.

15. Địa điểm Xưởng quân giới, nơi chế tạo thành công súng Bazoka (1947), thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương.

16. Địa điểm tổ chức Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất (1952), xã Hợp Thành, huyện Phú Lương.

17. Chùa Ha, xã Nhã Lộ, huyện Phú Bình.

18. Chùa Úc Kỳ, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình.

19. Địa điểm lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Khu công nghiệp Gang thép Thái Nguyên, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên.

20. Địa điểm thành lập cơ quan chỉ huy Chiến khu Nguyễn Huệ, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ.

21. Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, xã La Bằng, huyện Đại Từ.

22. Một số địa điểm của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 (Dinh Công sứ, Trại lính khố xanh, Nhà lao, Phòng tuyến Gia Sàng, Đền thờ Đội Cấn), thuộc các phường: Trưng Vương, Phan Đình Phùng, Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

23. Địa điểm công bố ngày Thương binh - Liệt sĩ toàn quốc (ngày 27-7-1947), xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ.

24. Cụm di tích Kha Sơn (Chùa Mai Sơn, rừng Rác, nhà ông Cao Nhật, địa điểm rừng Mẩn, đình Kha Sơn Hạ, chùa làng Ca, đình Kha Sơn Thượng), huyện Phú Bình.

25. Địa điểm thành lập đội Cứu quốc quân II ngày 15-9-1941 (rừng Khuôn Mảnh), xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai.

26. Căng Bá Vân, xã Bình Sơn, thành phố Sông Công.

27. Đền Đuổm, xã Động Đạt, huyện Phú Lương.

28. Đền Lục Giáp (Miếu Vật), xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên.

29. Những địa điểm di tích lịch sử tại xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên:

- Nhà bà Hoàng Thị Úc (Bà Tỳ) cơ sở in báo Cờ Giải Phóng.

- Nhà ông Ngô Hải Long.

- Nhà bà Lưu Thị Phận.

- Bãi Soi Quýt.

30. Khu di tích Núi Văn - Núi Võ, xã Ký Phú, huyện Đại Từ.

Câu 25: Liên hoan Trà quốc tế lần thứ nhất được tổ chức tại Thái Nguyên vào thời gian nào? Ý nghĩa của sự kiện văn hóa này?

Diễn ra từ ngày 12-11-2011 đến ngày 15-11-2011, Liên hoan Trà Quốc tế lần thứ nhất - Thái Nguyên, Việt Nam 2011 có gần 20 hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, thương mại, thu hút hàng chục vạn lượt du khách đến với Thái Nguyên dự và tham gia các hoạt động: hội thảo quốc tế về cây chè; Lễ hội Văn hóa Trà; triển lãm giới thiệu đất nước con người Việt Nam, Thái Nguyên; Chợ quê ẩm thực và sản vật văn hóa dân tộc; Carnival Trà quốc tế; Hội chợ Triển lãm Thương mại và Du lịch quốc tế; cuộc thi “Người đẹp xứ Trà”; đêm hội thưởng trà... Lễ Khai mạc và Bế mạc Liên hoan được Đài Truyền hình Việt Nam và đài truyền hình của nhiều tỉnh truyền hình trực tiếp đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn bè trong nước và quốc tế.

Tại Liên hoan Trà quốc tế lần thứ nhất, Thái Nguyên đã vinh dự ghi được 3 kỷ lục: Bộ ấm trà lớn nhất; số bàn trà nhiều nhất và khách thưởng thức trà đông nhất Việt Nam. Thành công của Liên hoan là cơ hội để người trồng

chè và sản phẩm trà Việt Nam hội nhập quốc tế, đồng thời là cơ hội để tiếp tục khẳng định và thu hút các nhà đầu tư đến với Thái Nguyên.

Đây là sự kiện chính trị, văn hóa, kinh tế lớn mang tầm quốc gia, quốc tế lần đầu tiên được tổ chức tại Thái Nguyên đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người dân, và du khách, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu trà Việt và tôn vinh người trồng, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu chè trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

V- TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Bắc Thái lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Thái, Nhà máy in Quân đội, 1990.
- 2- Biên niên Lịch sử Đảng bộ huyện Định Hóa (1438 - 2010), Huyện ủy - HĐND huyện Định Hóa, Nhà in báo Thái Nguyên, 2013.
- 3- Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Công ty TNHH MTV In Tiến Bộ, 2016.
- 4 - Đại đội TNXP 915 - Khúc tráng ca bất tử, Tỉnh ủy Thái Nguyên, 2018.
- 5- Lịch sử Thanh niên xung phong tỉnh Thái Nguyên (1950 - 1975), Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh Thái Nguyên, Nxb. Thanh niên, 2006.
- 6- Nguyễn Xuân Minh (Chủ biên): Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập II (1965 - 2000), Tỉnh ủy Thái Nguyên, Công ty in Thái Nguyên, 2005.
- 7- Nguyễn Xuân Minh (Chủ biên): Từ điển Thái Nguyên, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên, Nxb. Văn học, 2016.
- 8- Phạm Tất Quỳnh (Chủ biên): Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập I (1936 - 1965), Tỉnh ủy Thái Nguyên, Xí nghiệp in Bắc Thái, 2003.
- 9- Phạm Tất Quỳnh (Chủ biên): Bác Hồ với Thái Nguyên - Thái Nguyên với Bác Hồ, Tỉnh ủy Thái Nguyên, Nxb. Thời đại, 2014.
- 10- Trần Đức Cường (Tổng chủ biên): Địa chí Thái Nguyên, Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh Thái Nguyên, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2009.
- 11- Từ ATK Thái Nguyên đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Sở Văn hóa thông tin Thái Nguyên, Công ty in Thái Nguyên, 2004.
- 12- Kỷ yếu hội thảo khoa học “Đại đội 915 anh hùng - Chiến công và sự hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc”.
- 13- Đề cương tuyên truyền của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên về Học tập và thấm nhuần lời dạy của Bác đối với cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc tỉnh Thái Nguyên khi Người về thăm tỉnh lần cuối 1-1-1964, đăng trên *baothainguyen.org.vn* ngày 10-12-2013.
- 14- Các tài liệu, văn bản của tỉnh Bắc Thái, Thái Nguyên qua các thời kỳ.

MỤC LỤC

- Câu 1: Sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 và những ảnh hưởng của sự kiện đó đối với phong trào cách mạng ở Thái Nguyên?
- Câu 2: Phong trào cách mạng Thái Nguyên những năm đầu sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930 - 1935)?
- Câu 3: Quá trình vận động thành lập các tổ chức Đảng Cộng sản đầu tiên ở Thái Nguyên diễn ra như thế nào?
- Câu 4: Cuộc đấu tranh của nhân dân Võ Nhai, Định Hóa chống bắt phu, làm đường năm 1938?
- Câu 5: Tóm tắt sự ra đời các tổ chức quần chúng trên địa bàn tỉnh trong phong trào đấu tranh đòi dân sinh - dân chủ (1936 - 1939)?
- Câu 6: Đoàn Thanh niên Dân chủ của tỉnh được thành lập trong hoàn cảnh nào?
- Câu 7: Bối cảnh và thời gian nổ ra cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn? Đóng góp của nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn?
- Câu 8: Thành tích của Đội Du kích Bắc Sơn (sau đó phát triển thành Cứu quốc quân) trong việc bảo vệ, dẫn đường cho Đoàn cán bộ Trung ương Đảng, Xứ ủy Bắc Kỳ và Trung Kỳ dự Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (tháng 5-1941)?
- Câu 9: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 ra đời ảnh hưởng như thế nào đến phong trào cách mạng của tỉnh Thái Nguyên?
- Câu 10: Tóm tắt 8 tháng (8-1941 đến 3-1942) hoạt động du kích của Cứu quốc quân ở Võ Nhai? Ý nghĩa của sự kiện này?
- Câu 11: Sự ra đời của của Trung đội Cứu quốc quân II?
- Câu 12: Mặt trận Việt Minh cấp tổng đầu tiên của tỉnh được thành lập trong hoàn cảnh như thế nào?

Câu 13: An toàn khu II (ATK II) Trung ương ra đời như thế nào và gồm những địa bàn nào? Vai trò của ATK II Trung ương đối với phong trào cách mạng?

Câu 14: Trước khi Đảng bộ tỉnh ra đời (9-1945), phong trào cách mạng ở Thái Nguyên đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cơ quan nào?

Câu 15: Tóm tắt hoạt động của Chi bộ Căng Bá Vân?

Câu 16: Sự kiện vượt ngục của các đồng chí đảng viên trong Căng Bá Vân ngày 22-8-1944?

Câu 17: Tóm tắt hoạt động của Chi bộ Nhà tù Chợ Chu?

Câu 18: Sự kiện vượt ngục của các đồng chí đảng viên trong Nhà tù Chợ Chu tháng 10-1944?

Câu 19: Cuộc đấu tranh của nhân dân và Cứu Quốc quân Võ Nhại tháng 11-1944?

Câu 20: Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra đời trong hoàn cảnh nào và đã tác động như thế nào đối với phong trào cách mạng ở Thái Nguyên?

Câu 21: Xã đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên giành được chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám (1945)?

Câu 22: Huyện (châu) đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên giành được chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám (1945)?

Câu 23: Thời gian, địa điểm diễn ra Lễ hợp nhất các đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu Quốc quân và các tổ chức vũ trang cách mạng cả nước thành Việt Nam Giải phóng quân?

Câu 24: Khu Giải phóng được thành lập vào thời gian nào? Gồm những địa phương nào?

Câu 25: Ảnh hưởng của Khu Giải phóng đến phong trào cách mạng tỉnh Thái Nguyên?

Câu 26: Khái quát quá trình khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 ở tỉnh Thái Nguyên?

Câu 27: Ý nghĩa của thắng lợi cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám (1945) ở Thái Nguyên?

Câu 28: Tình hình và nhiệm vụ của tỉnh Thái Nguyên sau ngày Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công?

Câu 29: Bối cảnh và ý nghĩa lịch sử sự ra đời Ban Chấp hành (lâm thời) Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (tháng 9-1945)?

Câu 30: Chủ trương, biện pháp lãnh đạo của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên trong việc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng?

Câu 31: Nhân dân Thái Nguyên tham gia bầu cử Quốc hội khóa I và Hội đồng nhân dân hai cấp vào thời gian nào? Đại biểu Quốc hội khóa I của tỉnh Thái Nguyên gồm những ai?

Câu 32: Ban Chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân được thành lập vào thời gian nào? Vai trò đối với phong trào cách mạng của tỉnh Thái Nguyên?

Câu 33: Công tác phát triển đảng viên của tỉnh Thái Nguyên từ tháng 1-1946 đến tháng 3-1948?

Câu 34: Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Thái Nguyên vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến ở và làm việc từ thời gian nào?

Câu 35: Cuộc gặp của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Pôn Muýt (Paul Mus) - đặc phái viên của Cao ủy Bôlae (Bollaert) diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?

Câu 36: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” ở đâu? Vào thời gian nào? Ý nghĩa của tác phẩm?

Câu 37: Thái Nguyên thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến như thế nào?

Câu 38: Trình bày khái quát chủ trương chuẩn bị kháng chiến của Đảng bộ tỉnh?

Câu 39: Hội Liên Việt tỉnh Thái Nguyên thành lập vào thời gian nào? Ý nghĩa?

Câu 40: Tại sao Thái Nguyên được Trung ương chọn là một trong những địa phương để xây dựng ATK thời kỳ kháng chiến chống Pháp?

Câu 41: Trong năm đầu toàn quốc kháng chiến, Thái Nguyên đã thực hiện chủ trương tản cư và di cư như thế nào?

Câu 42: Sự kiện nào ở Thái Nguyên đã ghi nhận sự ra đời của Ngày Thương binh Liệt sĩ 27-7?

Câu 43: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ nhất được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 44: Đóng góp của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên trong chiến dịch Việt Bắc - Thu đông năm 1947?

Câu 45: Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy Thái Nguyên được thành lập vào thời gian nào?

Câu 46: Lễ thụ phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp được tổ chức ở đâu và vào thời gian nào?

Câu 47: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ II được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 48: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ III được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 49: Quân và dân Thái Nguyên đã đánh bại cuộc hành quân Phôcơ (Hải cẩu) của thực dân Pháp như thế nào?

Câu 50: Chủ trương của Tỉnh ủy về việc thực hiện chính sách thuế nông nghiệp do Chính phủ ban hành?

Câu 51: Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện với Hội nghị Dân Chính Đảng bàn về thực hiện chính sách Thuế Nông nghiệp do hai huyện ủy Định Hóa và Phú Lương tổ chức?

Câu 52: Kết quả thực hiện chính sách giảm tô ở Thái Nguyên?

Câu 53: Kết quả và ý nghĩa của cải cách ruộng đất đợt 1 ở Thái Nguyên?

Câu 54: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 55: Công tác sửa chữa, bảo vệ cầu, đường, giữ vững mạch máu giao thông ở Thái Nguyên từ năm 1951 đến 7-1954?

Câu 56: Đảng bộ tỉnh lãnh đạo công tác xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ở Thái Nguyên từ năm 1951 đến năm 1954?

Câu 57: Đóng góp của Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên trong Chiến dịch Điện Biên Phủ?

Câu 58: ATK Định Hóa - Thái Nguyên (Di tích quốc gia đặc biệt) có vị trí, vai trò như thế nào trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp?

Câu 59: Cuộc đấu tranh chống lại âm mưu tuyên truyền, mê hoặc, thúc ép giáo dân Thái Nguyên di cư vào Nam của bọn phản động lợi dụng đạo Thiên chúa sau Hiệp định Giơnevơ 1954 diễn ra như thế nào?

Câu 60: Cho biết nội dung "*Phong trào thi đua phát triển sản xuất và thực hành tiết kiệm, cứu đói*" do Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên phát động vào cuối năm 1954?

Câu 61: Kết quả, ý nghĩa đợt 2 cải cách ruộng đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên?

Câu 62: Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo công tác xây dựng thí điểm các hợp tác xã nông nghiệp trong hai năm 1955 - 1956 như thế nào?

Câu 63: Cho biết mục đích thành lập, thời gian tồn tại và địa bàn của Khu Tự trị Việt Bắc?

Câu 64: Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 - 1957) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã đạt được những thành tựu gì?

Câu 65: Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960) đạt được những thành tựu và có những hạn chế gì?

Câu 66: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ V được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 67: Vì sao nhiệm kỳ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khóa IV lại kéo dài trong thời gian từ tháng 4-1951 đến tháng 2-1959?

Câu 68: Từ tháng 12-1954 đến tháng 1-1964, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên được vinh dự đón Bác Hồ về thăm mấy lần và vào thời gian nào?

Câu 69: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 70: Chiến dịch đại vận động sản xuất Đông - Xuân 1960 - 1961 do Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên phát động vào thời gian nào? Cho biết mục tiêu, kết quả của Chiến dịch?

Câu 71: Khu công nghiệp luyện kim lớn nhất miền Bắc được xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 1959 - 1963 như thế nào? Nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã có đóng góp gì vào việc xây dựng Khu công nghiệp luyện kim đó?

Câu 72: Những kết quả chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp, thương nghiệp của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)?

Câu 73: Những kết quả chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)?

Câu 74: Những kết quả chủ yếu trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

Câu 75: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VII được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 76: Cho biết kết quả và những hạn chế trong công tác xây dựng đảng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 1961 - 1965?

Câu 77: Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và việc triển khai Chỉ thị số 18/CT-TN, ngày 30-7-1964 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc nhận rõ tình hình mới, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống mọi âm mưu của địch khiêu khích và phá hoại miền Bắc?

Câu 78: Hội nghị Tỉnh ủy Thái Nguyên và Tỉnh ủy Bắc Kạn bàn về việc hợp nhất hai tỉnh thành tỉnh Bắc Thái diễn ra vào thời gian nào, ở đâu và đã quyết định những vấn đề gì?

Câu 79: Kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Thái khóa I diễn ra vào thời gian nào? Cho biết nội dung của Kỳ họp?

Câu 80: Trận đầu chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ để bảo vệ cầu Gia Bảy ngày 17-10-1965 của quân dân tỉnh Bắc Thái diễn ra như thế nào?

Câu 81: Hoàn cảnh lịch sử, nội dung Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái (mở rộng) diễn ra từ ngày 6 đến ngày 8-11-1965?

Câu 82: Ai là người 8 lần được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng "Huy hiệu Bác Hồ"?

Câu 83: Chiến công đặc biệt bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 trên bầu trời miền Bắc ngày 29-4-1966 của Trung đoàn phòng không 210?

Câu 84: Trung đội dân quân nào của tỉnh Thái Nguyên đã lập được thành tích bắn rơi máy bay phản lực của Mỹ bằng súng bộ binh?

Câu 85: Nội dung cơ bản và quá trình triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TU ngày 12-3-1967 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái về nhiệm vụ bảo vệ trật tự, trị an thời chiến?

Câu 86: Năm 1967, Thường trực Tỉnh ủy Bắc Thái đã lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng Công an tỉnh thực hiện phá án, đập tan tổ chức phản động “Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam” như thế nào?

Câu 87: Trong những năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968), công tác đảm bảo giao thông thời chiến đã được Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh thực hiện như thế nào?

Câu 88: Kết quả lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong công tác tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên tham gia, xây dựng, phát triển kinh tế miền núi và vận động đồng bào vùng cao chuyển từ du canh, du cư sang định canh, định cư, giai đoạn 1962 - 1968?

Câu 89: Nội dung Thông tri 278-TT/BT ngày 15-10-1969 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái?

Câu 90: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ nhất diễn ra vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 91: Nghị quyết số 01-NQ/BT ngày 1-9-1970 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái xác định công tác “Kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh” như thế nào?

Câu 92: Tấm gương hy sinh của các đội viên Đại đội 915 thuộc Đội Thanh niên xung phong 91 tỉnh Bắc Thái ngày 24-12-1972?

Câu 93: Kết quả thực hiện Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 6-3-1970 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 192-CT/TW ngày 26-10-1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng?

Câu 94: Kết quả tuyển quân trên địa bàn tỉnh Bắc Thái trong giai đoạn 1965 - 1975?

Câu 95: Những đóng góp nổi bật của Thái Nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)?

Câu 96: Cho biết nội dung Chỉ thị số 18 ngày 8-3-1976 của Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Thái về đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, tăng cường quản lý chặt chẽ việc cung cấp và sử dụng lương thực, thực phẩm Nhà nước?

Câu 97: Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Thái đã đóng góp xây dựng công trình thủy lợi Hồ Núi Cốc như thế nào? Ý nghĩa của Công trình đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh?

Câu 98: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ II được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 99: Đảng bộ tỉnh Bắc Thái đã triển khai thực hiện Nghị quyết ngày 7-1-1978 của Bộ Chính trị về việc xuất bản sách Hồ Chí Minh Toàn tập mới và Thông tri ngày 3-8-1978 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc sưu tầm các tác phẩm của Hồ Chủ tịch còn phân tán ở các nơi, do các cơ quan, cá nhân cất giữ như thế nào?

Câu 100: Trong thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980), tỉnh Bắc Thái đã đạt được những thành tựu và có những khó khăn yếu kém gì?

Câu 101: Kết quả phong trào thi đua xây dựng “Ao cá Bác Hồ” trong các đơn vị nuôi cá quốc doanh, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Thái năm 1979?

Câu 102: Cho biết những đóng góp của quân dân tỉnh Bắc Thái trong cuộc chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ phía Bắc của Tổ quốc năm 1979?

Câu 103: *Cuộc vận động ủng hộ Cao Bằng* khắc phục hậu quả chiến tranh đã được Tỉnh ủy phát động và chỉ đạo triển khai thực hiện như thế nào?

Câu 104: Kết quả đạt được của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 72-CT/TW, ngày 8-5-1979 của Ban Bí thư?

Câu 105: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ III được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 106: Kết quả thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IV “về việc phát thể đảng viên” trong giai đoạn 1979 - 1982?

Câu 107: Kết quả nổi bật của tỉnh Bắc Thái trong việc thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam?

Câu 108: Kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Thái, giai đoạn 1981 - 1985?

Câu 109: Tỉnh ủy Bắc Thái đã lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh giai đoạn 1983 - 1985 như thế nào?

Câu 110: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ IV được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 111: Tỉnh ủy Bắc Thái đã tiến hành công tác chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V như thế nào?

Câu 112: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 113: Hội nghị bàn về một số chủ trương, biện pháp thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI từ ngày 15 đến 17-7-1987 của Tỉnh ủy Bắc Thái đã quyết định những vấn đề gì?

Câu 114: Cho biết nội dung Kế hoạch số 74/KH-BT, ngày 23-10-1987 của Tỉnh ủy Bắc Thái triển khai thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Trong giai đoạn 1987 - 1989, cuộc vận động đã đạt được kết quả gì?

Câu 115: Kết quả 2 năm (1988 - 1989) Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lãnh đạo thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 5-4-1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp?

Câu 116: Tỉnh ủy Bắc Thái đã lãnh đạo thực hiện “Ba chương trình kinh tế” trong những năm 1987 - 1990 như thế nào?

Câu 117: Nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội trong năm 1990 được đề ra tại Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (tháng 2-1990)?

Câu 118: Kết quả thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 21-2-1990 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái “Về việc mở đợt sinh hoạt chính trị nâng cao năng lực lãnh đạo và rèn luyện phẩm chất đảng viên”?

Câu 119: Nội dung Chỉ thị số 31/CT-TU, ngày 27-7-1990 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái?

Câu 120: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 121: Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (khóa VI) họp từ ngày 10 đến ngày 13-8-1992 đã quyết định những vấn đề gì?

Câu 122: Tỉnh ủy Bắc Thái đã lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về cuộc vận động “Đổi mới và chỉnh đốn Đảng” như thế nào?

Câu 123: Cho biết nội dung Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (khóa VI) họp từ ngày 28 đến ngày 30-3-1994?

Câu 124: Nội dung Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10 (từ ngày 15 đến ngày 16-12-1994)?

Câu 125: Trong năm 1995, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cải cách một bước nền hành chính nhà nước như thế nào?

Câu 126: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VII được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 127: Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái họp ngày 20-11-1996 đã quyết định vấn đề gì?

Câu 128: Cho biết nội dung Quyết định số 131-QĐNS/TW ngày 22-12-1996 của Bộ Chính trị?

Câu 129: Từ khi tái lập (năm 1997) đến nay, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã trải qua mấy kỳ đại hội? Thời gian diễn ra các kỳ đại hội đó?

Câu 130: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 131: Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của tỉnh Thái Nguyên đến năm 2000 do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV đề ra?

Câu 132: Các nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1997 - 2000 được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV thông qua?

Câu 133: Những thành tựu kinh tế xã hội chủ yếu trong năm đầu tiên tái lập tỉnh Thái Nguyên?

Câu 134: Chủ trương, biện pháp, kết quả, bài học kinh nghiệm của công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh giai đoạn 1996 - 2001?

Câu 135: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 136: Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu của tỉnh Thái Nguyên đến năm 2005 được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI quyết định?

Câu 137: Định hướng, chủ trương và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh CNH, HĐH tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2001 - 2005?

Câu 138: Mục tiêu chiến lược tỉnh Thái Nguyên cần đạt được vào năm 2010 được xác định tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI?

Câu 139: Những kinh nghiệm chung về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới?

Câu 140: Để đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng bộ máy Nhà nước trong sạch vững mạnh, Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã xác định những yêu cầu gì cần tập trung thực hiện?

Câu 141: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI đã xác định những nội dung nào cần tập trung để thực hiện nhiệm vụ then chốt: xây dựng chính đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng?

Câu 142: Nội dung Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 31-12-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên?

Câu 143: Những nội dung cơ bản của việc xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức theo Chỉ thị số 42-CT/TU, ngày 1-6-2005 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên?

Câu 144: Kết quả việc thực hiện Chỉ thị 44-CT/TW, ngày 12-10-2004 của Ban Bí thư Trung ương về “Kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 năm ngày sinh của Người” của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên?

Câu 145: Nội dung lãnh đạo và kết quả công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh giai đoạn 2001 - 2005 của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên?

Câu 146: Kết quả chủ yếu của công tác tổ chức và cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII), Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII)?

Câu 147: Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện ba Nghị quyết của Trung ương về công tác tổ chức và cán bộ (Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) về “Một số nhiệm vụ đổi mới và chính đốn Đảng”; Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) về “Chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”; Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) về “Một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách Nhà nước”) trên địa bàn tỉnh?

Câu 148: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 149: Kết quả nổi bật sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2001 - 2005?

Câu 150: Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 được thông qua tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2005 - 2010?

Câu 151: Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2006 - 2010?

Câu 152: Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2005 - 2010?

Câu 153: Kết quả nổi bật của công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, nhiệm kỳ 2005 - 2010?

Câu 154: Kể tên các chương trình, đề án của tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2006 - 2010?

Câu 155: Kể tên các dự án trọng điểm của tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2006 - 2010?

Câu 156: Kết quả Năm du lịch quốc gia 2007 với chủ đề "Về Thủ đô gió ngàn - Chiến khu Việt Bắc"?

Câu 157: Mục tiêu và một số giải pháp chủ yếu xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh giai đoạn 2006 - 2010?

Câu 158: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 159: Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2010 - 2015?

Câu 160: Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2011 - 2015?

Câu 161: Mục tiêu tổng quát và một số chỉ tiêu cụ thể về công tác cán bộ trong Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 22-11-2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh?

Câu 162: Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến 2020?

Câu 163: Đề án số 11-ĐA/TU, ngày 24-9-2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề cập nội dung gì?

Câu 164: Kết quả sau 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh?

Câu 165: Kết quả nổi bật sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015?

Câu 166: Kết quả nổi bật sau 5 năm thực hiện Đề án số 07-ĐA/TU ngày 17-8-2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII) về "*Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên giai đoạn 2011 - 2015*"?

Câu 167: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX được tổ chức vào thời gian nào? Cho biết nội dung chính của Đại hội?

Câu 168: Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2015 - 2020 được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX thông qua?

Câu 169: Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020?

Câu 170: Nội dung chính Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 8-8-2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng thị xã Phổ Yên trở thành đô thị loại III vào năm 2020?

Câu 171: Nội dung Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 15-1-2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về việc đầu tư xây dựng Khu du lịch Hồ Núi Cốc?

Câu 172: Nội dung Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 2-8-2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về định hướng xây dựng và phát triển thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020?

Câu 173: Kết quả phát triển kinh tế xã hội năm 2016 và so với 20 năm trước, khi tái lập tỉnh Thái Nguyên (1997)?

Câu 174: Tỉnh Thái Nguyên có bao nhiêu đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động và bao nhiêu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động được Nhà nước phong tặng, truy tặng?

Câu 175: Kể tên các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy từ khi thành lập Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đến nay?

PHỤ LỤC

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI, LỊCH SỬ, VĂN HÓA, CON NGƯỜI THÁI NGUYÊN

Câu 1: Tên gọi “Thái Nguyên” ra đời và những biến đổi về địa giới hành chính tỉnh Thái Nguyên qua các thời kỳ lịch sử như thế nào?

Câu 2: Khái quát vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của tỉnh Thái Nguyên?

Câu 3: Những lễ hội văn hóa đặc sắc của tỉnh Thái Nguyên?

Câu 4: Thương hiệu “Chè Thái Nguyên” và những vùng chè nổi tiếng của Thái Nguyên?

Câu 5: Cho biết về những dân tộc có trên 1.000 người ở Thái Nguyên?

Câu 6: Những căn cứ chứng minh Thái Nguyên là quê hương của người nguyên thủy?

Câu 7: Giới thiệu về Chùa Hương Ấp (Tiên Phong - Phố Yên) nơi thờ Lý Bí?

Câu 8: Thân thế và sự nghiệp của danh nhân Dương Tự Minh?

Câu 9: Những đóng góp của nhân dân Thái Nguyên trong phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV?

Câu 10: Thân thế và sự nghiệp của danh nhân Lưu Nhân Chú?

Câu 11: Tóm tắt về tổ chức hành chính và xếp đặt quan lại ở Thái Nguyên trong thời Nguyễn (giai đoạn 1802 - 1884)?

Câu 12: Khái quát quá trình thực dân Pháp chiếm Thái Nguyên và cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Thái Nguyên cuối thế kỷ XIX?

Câu 13: Sự phân chia hành chính, bộ máy cai trị, chính sách cai trị của thực dân Pháp sau khi chiếm được Thái Nguyên?

Câu 14: Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Thái Nguyên trên lĩnh vực nông nghiệp?

Câu 15: Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Thái Nguyên trên lĩnh vực công nghiệp khai khoáng, giao thông, thương mại?

Câu 16: Chính sách cai trị của thực dân Pháp về văn hóa, giáo dục, y tế ở Thái Nguyên?

Câu 17: Đặc điểm tình hình chính trị - xã hội tỉnh Thái Nguyên dưới thời thực dân Pháp thống trị?

Câu 18: Phong trào đấu tranh của nhân dân Thái Nguyên chống áp bức của thực dân phong kiến những năm đầu thế kỷ XX?

Câu 19: Tóm tắt cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917?

Câu 20: Thân thế, sự nghiệp, vai trò của Đội Cấn (tức Trịnh Văn Cấn) trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917?

Câu 21: Thân thế, sự nghiệp, vai trò của Lương Ngọc Quyến trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917?

Câu 22: Thời phong kiến (nhà Lê, nhà Mạc, Lê Trung Hưng), đất Thái Nguyên có 9 vị đỗ đại khoa Tiến sĩ. Đó là những ai?

Câu 23: Kể tên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên?

Câu 24: Tỉnh Thái Nguyên có bao nhiêu di tích lịch sử (bao gồm: lịch sử; lịch sử - văn hóa; lịch sử - kiến trúc nghệ thuật; lịch sử - danh lam thắng cảnh) được xếp hạng cấp quốc gia? Kể tên các di tích đó?

Câu 25: Liên hoan Trà quốc tế lần thứ nhất được tổ chức tại Thái Nguyên vào thời gian nào? Ý nghĩa của sự kiện văn hóa này?

II. CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN, BẮC THÁI (1945 - 2016)

III. CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN ANH HÙNG

IV. MỘT SỐ HÌNH ẢNH TỈNH THÁI NGUYÊN, BẮC THÁI QUA CÁC THỜI KỲ

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

CHỊU TRÁCH NHIỆM BIÊN SOẠN VÀ XUẤT BẢN

LÊ VĂN TUẤN,

Ủy viên Ban Thường vụ,

Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Ban Biên soạn

HÀ MINH LỢI,

Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,

Phó Trưởng ban Biên soạn

NGUYỄN THỊ THỦY,

Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,

Phó Trưởng ban Biên soạn

Các thành viên Ban Biên soạn

NGUYỄN QUỐC THÁI

HOÀNG THỊ THANH NHUNG

NHÂM QUỐC HƯNG

HOÀNG THỊ HỒNG HÀ

NGUYỄN MINH HẢI

Biên tập: TRẦN VĂN THẾP

NGUYỄN QUỐC THÁI

Trình bày: NGUYỄN MINH HẢI

In 3.000 cuốn, tại Công ty TNHH MTV In Dung Đức, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên. Giấy phép xuất bản số 1607/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Thái Nguyên cấp ngày 11 tháng 12 năm 2018. In xong và nộp lưu chiểu quý 1/2019.